

TRẦN-VĂN HIẾN-MINH

LOẠI SÁCH TRIẾT-HỌC

# TÂM LÝ HỌC

ĐỆ NHẤT A,C,D.



TỦ SÁCH RA KHƠI  
1966



**TÂM-LÝ-HỌC**  
**DỆ NHẤT A.C.D.**  
**IN LẦN THỨ SÁU**

*Mến gửi  
các học sinh và cựu học sinh  
dệ Nhất A.C.D.  
trường Chu-văn-An.  
Trí-Đức — Trung-Vương  
Nguyễn-bá-Tòng — Bùi-Chu — Hưng-Đạo*

# CÙNG MỘT TÁC-GIÀ

## ĐÃ XUẤT-BẢN :

### SÁCH TRIẾT-HỌC

- TÂM-LÝ-HỌC (*Đệ I A,C,D*) (in lần thứ sáu)
- TÂM-LÝ HỌC (*Đệ I-A*)
- TRIẾT-HỌC TỔNG-QUÁT
- LA CONCEPTION CONFUCÉENNE DE L'HOMME  
(2<sup>e</sup> édit.)
- LUẬN-LÝ HỌC (chung với Trần-đức-Huynh)
- ĐẠO ĐỨC HỌC (chung với Trần-đức-Huynh)
- LUẬN-TRIẾT, TÂM-LÝ HỌC (chung với Nguyễn-  
Hưng)
- LUẬN-TRIẾT, LUẬN-LÝ HỌC (chung với Trần-  
đức-Huynh)
- LUẬN-TRIẾT, ĐẠO-ĐỨC HỌC (chung với Trần-  
đức-Huynh)  
Tam-giáo Đại-cương hay là
- TRIẾT-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG (chung với Vũ-  
đinh-Trác) (in lần thứ 2).
- CÂU HỎI GIÁO-KHOA (Tâm-lý, Siêu-hình)
- CÂU HỎI GIÁO-KHOA (Luận-lý, Đạo-đức)
- LUẬN-TRIẾT, 44 ĐỀ MỚI TÂM-LÝ-HỌC
- LUẬN-TRIẾT, 29 ĐỀ MỚI LUẬN-LÝ VÀ  
ĐẠO-ĐỨC.
- DANH-TỪ VÀ TỪ-ĐIỀN TRIẾT-HỌC (sắp in xong)

TRẦN-VĂN-HIỀN-MINH  
Tiến-sĩ Triết-học, Giáo-sư Triết,  
Trường Trung-học Chu-văn-An,  
Trung-Vương, Nguyễn-bá-Tòng, Hưng-Đạo,  
Nguyễn Giảng-sư Trường Đại-học Văn-khoa  
SAIGON

# TÂM-LÝ HỌC

*ĐỆ NHẤT A.C.D.*

in lần thứ sáu  
Có sửa chữa và thêm nhiều

TỦ SÁCH RA KHƠI  
SAIGON 1966

## CHƯƠNG-TRÌNH

# TÂM-LÝ-HỌC

BAN A,C,D.

(Trích Nghị định số 1268-GD/KD ngày 12 tháng 8 năm 1958)

Một dòng này nhằm mục đích trình bày một  
đại-quan về những vấn-dề Tâm-lý-học, thuộc  
chương trình lớp đệ Nhất A,C,D. trung-học  
Việt-Nam.

Những vấn-dề không có trong chương-trình  
ban A, được in chữ đở.

Tâm-lý-học.

Đối-tượng Tâm-lý-học.

Tính-cách các hiện-tượng tâm-lý.

Những tương-quan giữa hiện-tượng tâm-lý và sinh-lý.

Quan-đièm nội-dung và quan-đièm ngoại-quan.

Cảm giác và ảnh-tượng — Tri-giác.

Liên-tưởng. — Ký-ức. — Tri-tưởng-tượng. — Chú-ý.

Trừu-tượng và khái-quát

Công-dụng của ký-hiệu. — Ngôn-ngữ và tư-tưởng.

Phán-đoán và suy-luận.

Cảm-giác và hoạt-động. — Khuynh hướng và cù-động.

Khoái-lạc và đau khổ tinh-thần và vật-chất. — Cảm-xúc.

Đam-mê.

Bản-năng — Tập-quán. — Ý chí, Tính-tính.

Ý-thức. — Vô-ý-thức. — Nhận-cách. — Nhận-vị.

Lý-trí, tự-do.

*PHẦN THỨ NHẤT*

---

## **ĐỐI-TƯỢNG TÂM-LÝ-HỌC**

- 1. Triết-học và Tâm-lý-học.**
- 2. Vật-chất và tinh-thần.**
- 3. Tinh-thần nhập-thể.**
- 4. Tâm-sinh vật-học.**
- 5. Tinh-thần nhập-thể**
- 6. Tinh-thần và xã-hội.**



# Tura

## IN LẦN THỨ SÁU

Kinh-nghiệm là thầy dậy giúp đắc lực trong nhiều phạm-vi. Ở đây, nó đã giúp chúng tôi rất nhiều. Kinh nghiệm bản thân đã vậy, còn phải kè kinh-nghiệm của hàng ngàn học-sinh đã dùng cuốn sách nhỏ bé này trong những lần xuất-bản trước. Kinh-nghiệm song-phương này đã mách bảo chúng tôi nhiều. Thứ nhất, cần phải rõ ràng hơn. Tối-tâm, là điều tôi kỵ khi phải viết cho người khác đọc hay khi phải giảng cho người khác nghe. Về điểm này, chúng tôi đã cố gắng thêm. Thứ đến, nên tránh những tông hợp quá bao quát đối với bậc Trung học, vì thế, chúng tôi đã phân chia văn đề ra nhiều văn đề nhỏ, cả trong cách trình bày trong lần xuất-bản này, nhất là nơi mấy chương đầu. Tuy nhiên vẫn phải giữ cái nhìn tông hợp, không thể thiếu trong môn Triết-học. Do đó, chúng tôi giữ nguyên cách chia phần của cuốn sách, đem về một mối những văn đề thuộc loại. Đặc biệt là trong lần xuất bản này chúng tôi trả phần Tâm-lý học siêu-hình về cho cuốn Triết-học tông-quát. In lần thứ sáu này, còn có thể hoàn hảo thêm hơn nữa. Nhưng với một số sửa đổi trên, chúng tôi hy vọng không quá làm thất vọng những độc-giả bốn phương thân-miễn. Mong các vị độc-giả đó và nhất là các anh chị em thí-sinh Tú tài II đón nhận lần xuất bản này với sự thiện cảm như các lần trước.

Viết tại trường Trung-Vương

Đầu niên khóa 65-66

TRẦN-VĂN HIẾN-MINH



## CHƯƠNG

# TRIẾT-HỌC VÀ TÂM-LÝ-HỌC

- o *Đâu là đối-tượng riêng của Triết-học?*
- o *Chia thành phần Triết-học.*
- o *Tâm-lý-học sánh với các môn học khác.*
- o *Định-nghĩa Tâm-lý-học.*
- o *Phân-loại Tâm-lý-học.*



## A.— ĐÂU LÀ ĐỐI-TƯỢNG RIÊNG CỦA TRIẾT-HỌC.

I.— **Đối tượng Triết-** Nhìn vào chương trình Trung học Việt-học khác với **đối-tượng khoa-học.** Nhìn vào chương trình Trung học Việt-nam, ta thấy học sinh tuần tự phải hấp thụ những kiến thức khá phức tạp, nhưng có thè quy về hai loại kiến thức : kiến thức Khoa-học và kiến thức Triết-học.

Từ đệ Thất đến đệ Nhất, kiến thức khoa học xoay quanh ba môn chính (trừ môn Toán, có thè coi như là trung gian và trộn lẫn với các khoa học một phần nào). Môn *Vật-lý*, học về những hiện tượng thiên nhiên, thuộc ngoại giới, như quang học, điện học, từ học, cơ học v.v... Môn *Hóa-học*, học về cơ cấu tinh vi nhất của vật chất, học về những vật thè đơn (*corps simples*) hay là về những vật có thè phân tích ra được những đơn chất, như dưỡng khí, thán khí v.v... Môn *Vạn-vật* cũng học về ngoại giới, nhưng dưới khía cạnh thô đại hơn (*macrophysique*) và học về ba giới (*règnes*) : khoáng vật giới, thực vật giới, động vật giới. Trong giới sau cùng này, ta thấy có con người, nhưng mới là thè xác người, nhờ đó, ta thuộc giới động vật như các thú vật thuộc loài linh trưởng (*primates*). Như thế, khoa học mới học về *một nửa* con người. Còn *một phần nữa*, quan trọng hơn nhiều : *phần tinh thần*, chắc chắn không thè là đối

tượng của khoa học được. Vậy, nó chỉ còn có thể là đối tượng riêng của môn Triết-học.

*Về tinh-thần con người, các học sinh Trung học (và ngay cả Tiều học) đã hấp thụ được ít nhiều kiến thức, trong những lớp công-dân giáo-dục. Thế nhưng, đó mới chỉ là những kiến thức có tính cách thực tiễn (hình nhí họ), chứ chưa vươn tới những vấn đề sâu xa của Triết-học chính cống. Triết-học chính cống này dành riêng cho các lớp đệ Nhất, là lớp chuyền tiếp vào Đại học. Đến đây ta không thể lẩn tránh đối tượng Triết-học với đối tượng của khoa học thực nghiệm được nữa.*

**II.—Những chiều hướng hiện sinh của tinh-thần con người.** Học về tinh thần, Triết-học vẫn không phải là môn học «trên mây trên gió», chính nhờ những chiều hướng hiện sinh của nó. Tinh thần cụ thể con người là *tinh-thần nhập-thể*, nên không thể nào bị cắt đứt khỏi thế giới sinh lý và vật lý được. Nó còn là một *nhân-vị*, luôn mang theo tính cách *cộng đồng*, nên Triết-học còn có tính cách *nhập-thể (engagé)*. Nhưng dầu nhập thể (*incarné*) và nhập thế (*être-dans-le-monde*) đến đâu đi nữa, tinh thần vẫn còn giữ đời sống tự lập, và vươn mình tới *siêu việt giới, tới lý-tưởng giới*, ở đó chiều hướng hiện sinh của tinh thần mới thực tim được tầm mức xứng hợp cần thiết. Nó mục nghị lực hiện sinh nó ở đó, để tự phong phú hóa mình, để cho thể xác và vũ trụ liên kết chặt chẽ với nó, có một ý nghĩa triết-học.

### **B.—CHIA THÀNH PHẦN TRIẾT-HỌC.**

Đối tượng Triết-học là tinh thần con người, không thể phân chia. Những sự kiện hay hiện tượng tinh thần không tiếp cận bên nhau như những sự kiện vật lý có thể tách lìa với nhau. Chúng tương tự thâm nhập vào nhau. Vậy, chia thành phần nói đây, phải hiểu là chia *quan-diểm* (point de vue), chứ không có truyền chia đối tượng duy nhất và toàn khối. Vậy theo quan điểm, có thể có những thành phần Triết-học như sau :

**I.- Tâm-lý học : mô tả toàn - thể, bộ máy tinh - thần** Nhìn tinh thần toàn diện ; đem phân tích rời tông hợp các then máy tinh thần, các lò so tâm linh, các nếp gấp tâm hồn, kè cả những nếp sâu thẳm nhất (tiềm thức chẳng hạn) ; tìm mối tương quan giữa hai hay nhiều then máy (như : vô tri, bất bộ, liên tưởng cùng cõi đam mê...) ; chúng có thể nào được diễn tả, được mô tả như vậy..., đó là công tác của môn *Tâm lý học*.

Nhìn kỹ, ta thấy môn này có tính-cách giải-thích sự kiện tinh thần (vừa bằng nguyên lý nhân quả, vừa và nhất là bằng nguyên lý cứu cánh). Phương pháp dùng là phương pháp *quan-sát* (nội quan hay ngoại quan, với những ưu nhược điểm tương đương). Nếu xét theo khía cạnh này, Tâm-lý học khá giống các khoa học thực nghiệm khác (mặc dầu đối-tượng của hai bên khác nhau một trời một vực, do đó cách giải thích cũng khác nhau). Có thể nói rằng, Tâm lý học là cửa mở để vào Triết học. Nó đem lại cho Triết học những « vật liệu » nhìn vào đó tinh thần tự khám phá ra mình, với những chiều hướng hiện sinh hết sức phực tạp. Vì thế, đôi khi, có người lẫn Triết học với Tâm lý học.

**II.- Luận - lý - học :** Môn này không học về toàn thể sự kiện tinh thần, mà chỉ học khía cạnh *tư-tưởng* của nó. Quan sát kỹ lối chuyên động của tư tưởng rồi dựa vào đó, đặt ra một số quy tắc để tư tưởng cho đúng : đúng với thực tại và đúng với nguyên lý căn bản của lý trí nữa. Môn này *giả-thiết* có sự tương ứng giữa thực tại và lý trí. Thế nên, Luận lý học dạy ta biết *trực-giác* thế nào, *suy-luận* làm sao, biết *phân-tách* tông-hợp, tư tưởng phải được điều động cách nào, nghĩa là phải theo *phương-pháp* nào, để tiếp thu đối tượng riêng của mỗi môn học.

Xem như trên, phạm vi đối tượng Luận lý học hẹp hơn phạm vi đối tượng Tâm lý học, vì chỉ học về tư tưởng, đề tìm *chân lý*. Ngoài ra, Luận lý học có tính cách quy phạm, là môn học quy tắc (*science normative*), đem ra những luật mèo phải theo. Do đó, Luận lý học là môn học về giá trị, nhưng là *giá trị của tư-tưởng*.

**III.— Đạo - đức - học  
đánh giá - trị  
hành vi tinh thần**

Bỏ phạm vi tư tưởng, ta bước sang phạm vi hành động, hành động bên trong (quyết định) chủ ý...) và hành động bên ngoài (dùng xác thi hành những quyết định, những chủ ý...).

Nhằm đánh giá trị những hành vi ấy ; đưa ra những quy tắc hướng dẫn hành vi để nó có giá trị của một hành vi nhân vị ; đặt bậc thang giá trị phải theo, phải nhằm..! đó là công tác của Đạo đức học.

Đạo đức học cũng là một môn học quy phạm hay quy tắc (như Luận lý học), cũng bàn về giá trị, nhưng là những giá trị thực tiễn, chen lẫn vào hành vi hiện sinh ở đây và lúc này (*hic et nunc*). Nó nhằm trực tiếp cái thiện, đem lại cho con người những bất buộc, những trách nhiệm, nhưng đồng thời để trước mắt tinh thần một hạnh phúc hấp dẫn và phải đạt cho được.

**IV.— Siêu-hình-học :** Với môn siêu hình học, ta mới thấy rõ **tội ác** của tinh thần được hết các chiều hướng hiện sinh của tinh thần con người.

Nó bàng bạc tiềm ẩn trong các khía cạnh của triết học. Khởi điểm từ khía cạnh nào cũng có thể tiến tới siêu hình học. Vì thế, còn gọi là Triết học tông quát.

Cái nhìn siêu hình trong tâm lý học, sẽ là tìm cho ra bản tính sâu xa của tinh thần, đào sâu những khả năng hẫu như vô tận của nó, tìm cho ra đâu là nguồn gốc, đâu là cùu cánh hay là định mệnh của tinh thần.— Cái nhìn siêu hình trong luận lý học, sẽ là tìm cho ra chân lý tuyệt đối ẩn náu trong mọi tư tưởng của con người. Mỗi chuyên động của tư tưởng là mỗi bước tiến tới chân lý, lý tưởng. Cái nhìn siêu hình trong đạo đức học, là tìm cho ra đâu là cùu cánh cuối cùng của hành vi con người, để hướng dẫn hành vi về đó. Cùu cánh cuối cùng phải là giá trị tuyệt đối, phải là thiện lý trường, là hồn của mọi cái thiện báu phẩn, là tiêu chuẩn cuối cùng phải căn cứ vào đó mà đánh giá trị hành vi, mà phân biệt thiện ác, hay thiện hơn kém.

Nếu nhìn theo một quan điểm khác : quan điểm chiều hướng hiện sinh, siêu hình học hiện ra như một môn học về môi trường

*quan giữa tinh thần con người và những thực tại chung quanh.* Hướng xuống dưới, tinh thần gặp vũ-trụ vật chất, phải tìm hiểu cơ cấu của nó, phải tìm cho nó một ý nghĩa. Nhìn gần hơn, sát ngay bên nó, tinh thần gặp thè xác, phải tìm hiểu vai trò của thè xác, phải tìm hiểu xác phôi hiệp với mình như thế nào, phải xác định giới hạn ảnh hưởng của nó vào mình: Xác có thể hoàn toàn lấn át nỗi tinh thần không, hay tinh thần tiêu diệt xác trong tự do hiện sinh ? Nhìn sang bên cạnh, tinh thần gặp tha nhân, gặp tinh thần khác, phải tìm ra tình thông cảm nhân vị trong cộng đồng tình yêu. Sau hết nhìn lên trên, Tinh thần gặp Thượng Đế, phải tìm cho ra đâu là mối liên lạc giữa mình và Thượng Đế, giữa tinh thần và Tuyệt đối ; cuộc gặp gỡ với Tuyệt đối có hùy diệt hay trái lại tăng cường, đảm bảo tự do của hiện sinh ; trong cuộc thăng tiến vĩ đại này, tinh thần sẽ bị tan biến trong lò lửa tuyệt đối, hay vẫn còn giữ được nhân cách, giữ được cá tính của mình, trong một cuộc hôn nhân siêu hình với Thượng Đế, nhờ một cộng đồng tình yêu, giống cộng đồng tình yêu với tha nhân, nhưng thân mật và đầm thắm hơn nhiều.

Nói đúng ra, chính những mối tương quan này là đối tượng của Siêu hình học. Tinh thần quả là một « ra-đa » kỳ diệu bắt liên lạc với mọi thực tại kè cả thực tại siêu việt, đề thu tất cả vật ở dưới về mình và thăng tiến tất cả — kè cả chính mình — về với thực tại vô biên vậy.

### C.— TÂM-LÝ-HỌC, VỚI CÁC PHẦN TRIẾT-HỌC.

Trên đây, là cái nhìn theo quan điểm về cũng một đối tượng của Triết-học, là tinh thần con người. Đề rõ hơn, ta bàn về *mối tương quan giữa Tâm-lý-học và các thành phần khác của Triết-học*, tức là đem ra ánh sáng những điểm đồng đi, những hỗ tương ảnh hưởng giữa tâm lý học và các thành phần ấy.

I — **Tâm - lý - học và Luận - lý - học** Cả hai giống nhau nơi nhiều điểm. Trước hết cả hai đều là khoa học theo nghĩa rộng, nghĩa là cả hai đều là hệ thống những kiến thức phô quát hơn kém, đã được xây dựng một cách có phương pháp. Thứ đến, cả hai đều học về tinh thần con người; đều là khoa-

học nhân văn, học về đối tượng trong đó ý thức và tự do can thiệp. Thứ ba, cả hai đều dùng phương pháp phản tinh, nghĩa là muốn hiểu biết về tinh thần, thời chính tinh thần phải nhìn vào tinh thần, tinh thần phải tự khám phá chính mình, còn cái nhìn ra ngoài, hay cái nhìn của người khác, chỉ là phụ, mặc dầu không kém phần quan hệ và mặc dầu đôi khi không có không được.

Nhưng cả hai môn cũng *khác nhau*. Trước hết, về đối tượng. Luận lý học, học về tư tưởng mà thôi, còn Tâm lý học, học về toàn thể tinh thần gồm vừa tư tưởng, vừa hoạt động, vừa tình cảm... Thứ đến, về phương pháp, Luận lý học dùng kiều quy phạm, nghĩa là phân tích bộ máy tư tưởng để án định giá trị tư tưởng đúng hay sai, thiết lập nên những quy luật tư tưởng phải theo đề tối Chân lý. Tâm lý học, trái lại, dùng phương pháp mô tả, nghĩa là quan sát tâm hồn, có thể nào tả ra như vậy, chứ không án định giá trị của các sự kiện tinh thần hay những hiện tượng xảy ra trong tâm hồn.

Sau hết, cả hai *đánh-hỗn-đng lắn nhau*, nghĩa là giúp đỡ nhau. Tâm lý học giúp tài liệu cho Luận lý học, trình bày tư tưởng thành hình như thế nào, nó tiếp xúc với mỗi loại đối tượng làm sao hầu Luận lý học có thể án định những quy luật đề tư tưởng đúng. Còn Luận lý học xếp đặt cho có trật tự những tài liệu do Tâm lý học đem lại. Tư tưởng, theo khía cạnh tâm lý, nhiều khi phức tạp, nhiều lúc lộn xộn, cần phải có luận lý học để được tinh luyện và được phù hợp với chân lý hơn.

**II.—Tâm-lý-học và Đạo-đức-học.** Những điểm giống nhau ở đây, cũng là chính những điểm giống nhau giữa Tâm lý học và Luận lý học. Những điểm khác nhau, cũng là những điểm khác nhau giữa Tâm lý học và Luận lý học, trừ trường hợp này : Đạo đức học, học về giá trị hành vi (tốt hay xấu) chứ không học về tư tưởng (đúng hay sai); còn Tâm-lý-học, học về toàn thể tinh thần.

Hai môn *ánh-hỗn-đng lắn nhau*. Trước hết, tâm lý học giúp đạo đức học phán đoán giá trị, thí dụ : muốn phán đoán về trách nhiệm của một hành vi, cần phải xem những động lực nào đã đun đầy hành vi đó. Phần tâm lý học siêu hình còn đem ra ánh sáng, bắn tinh

con người, những yếu tố nào cấu thành nên nó, hầu giúp cho Đạo đức học đem ra quy luật : phải theo hay phải chống bản tính v.v... Ngược lại, Đạo đức học giúp Tâm lý học bằng cách đánh giá trị những khuynh hướng, những bản năng nơi con người, bằng cách xếp đặt chúng theo một bậc thang giá trị, hầu giữ được thế cân bằng giữa các khuynh hướng với nhau hay giữa yếu tố này và yếu tố khác (như giữa xác và hồn).

### **III.— Tâm - lý học và Siêu-hình-học.**

Hai môn này giống nhau ở chỗ cả hai đều nhằm

Tâm lý học, học về tinh thần đã dành rồi. Siêu hình học cũng học về nó như là nguồn mọi nhận thức chính tông, nguồn của mọi hoạt động, của mọi giá trị (mặc dầu, không phải là nguồn độc nhất và tuyệt đối). Nói khác đi, Siêu hình học, học về hiện sinh chính tông (*existence authentique*), một hiện sinh tự do, ý thức, phản tinh. Đó là tinh thần vậy. Cả hai còn phải dùng phương pháp thấu hiểu (*compréhension*) hay là thông cảm.

Nhưng hai môn có những điểm khác nhau. Đối tượng của tâm lý học là tinh thần hay là tâm hồn, nhưng đối tượng đó mới có bề mặt hơn là bề sâu, mới nhầm nhận xét tổng hợp, và toàn diện sự kiện hơn là cắt nghĩa sự kiện một cách sâu xa. Công việc sau này, được dành cho siêu hình học. Về phương pháp, Tâm lý học dùng trực giác tâm lý (tức là kinh nghiệm nội giới), còn Siêu hình học dùng cả suy luận, để khám phá ra đối tượng siêu hiện tượng mà kinh nghiệm hay là trực giác không thể biết được.

Cuối cùng, hai môn liên quan mật thiết và giúp nhau rất nhiều. Tâm lý học là khởi điểm của Siêu hình học (cũng như của bất cứ thành phần nào của triết học). « Hãy trở vào ta, rồi nói triết học», đó là câu của Saint Augustin mời gọi những triết gia và những ai muốn hiểu cuộc đời. Nếu vậy thời Siêu hình học phải là đích điểm của Tâm lý học, cũng như của Đạo đức học và Luận lý học. Thực ra, phần nào của Triết học cũng phải dẫn tới Siêu hình học. Đạo đức học dẫn tới Lý tưởng (hay sự thiện) tuyệt đối. Luận lý học dẫn tới Chân lý tuyệt đối. Tâm lý học dẫn tới một Chủ-thể tuyệt đối. Tuyệt đối thè là đối tượng của Siêu hình học.

**D.— ĐỊNH-NGHĨA TÂM-LÝ-HỌC**

Ta trình bày một vài nhận xét chung, rồi trưng và cất nghĩa một câu định nghĩa Tâm lý học.

**I.— Vài nhận - xét** Bên Tây danh từ *psychologie* ra đời thế kỷ 16, nhưng mãi thế kỷ thứ 18, mới bắt đầu thông dụng. Với cuốn tâm lý học viết bằng La-văn của Wolf nhan đề là : *Psychologia empirica* và *Psychologia rationalis* (1). Từ đó các nhà học giả bắt đầu tranh luận, phải cho tâm lý học tinh cách khoa học thực nghiệm hay siêu hình. Phong trào tâm lý học tự lập (*Psychologie indépendante*) ra đời với Littré và các đồng chí thực nghiệm khác. Họ muốn tách tâm lý học ra khỏi triết học, coi nó hoàn toàn là một khoa học thực nghiệm, giống như sinh vật học và sinh lý học. Phương pháp là thí-nghiệm. Ngược lại, một nhóm khác lại bắt tâm lý học phải là siêu hình học : « Môn học về tinh thần không phải là Tâm lý học, chính là Siêu hình học » (2). Do cuộc phản ứng đó, khoa tâm lý học tự lập dần dần phải lui bước và nhường chỗ cho khoa tâm lý học vừa thực nghiệm vừa siêu hình.

Danh từ Việt Nam *Tâm lý học* là dịch ở chữ Hán : 心理学, học về « lý lẽ và bản thể của lòng người » (Đào-duy-Anh. *Hán Việt Tự Điển*). Nên nhớ chữ *tâm* là trái tim. Nhưng trong danh từ Trung Quốc, trái tim chỉ linh hồn. Theo nguyên ngữ, hầu tất cả các danh từ hay động từ, trạng từ chỉ về linh hồn được viết kép với chữ *tâm*. Thí dụ : 意 : tư tưởng. 依 : nghĩ : 想 : tưởng ; 念 niệm : 恋 : trung : 恋 : phản (tức mình...) : 反 : nô : 恃 : tình v.v... Đã có người đề nghị dùng tiếng *Tâm hồn học*. Nhưng xét không cần chữ *hồn* vì *tâm* là hồn rồi.

**II.— Định - nghĩa** 1) Định nghĩa theo đối tượng, hay phương  
Tâm-lý-học. pháp.

Có thể vẫn tắt theo *đối tượng* định nghĩa Tâm-lý-học, là « khoa học (hay môn học) về những sự kiện tâm linh ». Nếu muốn nhấn mạnh

(1) In tại Frankfurt 1732-1734

(2) La vraie science de l'esprit, n'est pas la psychologie, mais la métaphysique. Lachelier : Psychologie et métaphysique trong Revue philosophique, 1885-516

*phương pháp* Tâm-lý-học, có thể định nghĩa, là: « khoa-học (hay môn học) quan-sát và cắt nghĩa những sự-kiện tâm-linh, bằng những lý do gần xa của chúng; để tới chỗ thiết lập những định luật phò quát hơn kém.

### 2) *Tính cách khoa-học và Tâm-lý-học.*

Khoa-học, ở đây, hiểu theo nghĩa rộng, tức là một *tổng hợp* của nhiều kiến thức có *hệ thống*, sám được một cách có *phương pháp* có giá trị *khách quan* và *phổ biến* hơn kém. Là một khoa học, chứ không phải là một nghệ thuật, Tâm-lý-học có tính cách *lý thuyết* đầu tiên, trước khi được áp dụng vào nhiều lãnh vực thực tế khác nhau. Ngoài ra, Tâm-lý-học có thể gọi là một khoa học *thực-nghiệm*, tức khoa-học theo nghĩa hẹp được, nhờ phần nghiên cứu các sự kiện ngoại giới liên can mật thiết với sự kiện tâm linh. Do đó, có những môn Tâm-vật-lý-học, Tâm-sinh-lý-học, v.v...

### 3) *Sự kiện tâm-linh.*

Sự kiện là những gì sẵn có đấy. Đôi khi còn gọi là *những dữ kiện*, tức là những gì được cho sẵn đấy. Người ta cũng gọi là *hiện tượng*, là những gì xuất hiện, có thể quan sát được hoặc bằng ý-thức hoặc bằng giác-quan.

Sự kiện, ở đây, không được hiểu theo trạng thái *tĩnh*, mà phải được hiểu như là những *chức phận* tâm lý, linh-động và uyên-chuyên, làm thành dòng ý-thức. Chúng thường được phân làm ba loại (để dễ phân tích): loại trí-thức, loại hoạt động và loại tình-cảm. Phân ra, để dễ nghiên cứu: nhưng trong thực-tế, chúng tương tự vào nhau, ảnh-hưởng lẫn nhau.

## B.— PHÂN LOẠI TÂM-LÝ-HỌC.

Trước hết, phân loại toàn-thể tâm-lý-học, rồi sẽ phân loại riêng tâm-lý-học thực-nghiệm.

I.— **Phân loại tổng** Về phương-diện *tổng-quát*, có thể có 3 thứ tâm-lý-học: Tâm-lý-học thường-nghiệm, thực-nghiệm và siêu-hình. Mỗi thứ đều có đối-tượng, phương-pháp và giá-trị khác nhau.

*Tâm-lý-học thường-nghiệm.* Cũng như bất cứ một nhận xét thường-nghiệm nào, tâm lý-học thường-nghiệm đề ý tới những hiện tượng thông thường, chỉ có bề mặt chưa có bề sâu. Phương pháp của nó là sự tiếp xúc hàng ngày giữa người với người, trong bất cứ nghề nghiệp nào. Tâm lý thường-nghiệm thường được diễn tả trong những cuốn tiểu thuyết gọi là *tâm-lý tiêu-thuyết*. Tâm-lý-học này không theo hệ thống nhất định. Tùy ở khiếu mỗi người, tùy ở trực giác hơn là ở một kiến thức rõ rệt và ý thức. Giá-trị nó rất mỏng manh.

*Tâm-lý-học thực nghiệm.* Phần tâm lý này được liệt vào số những khoa-học thực-nghiệm. Mục đích của nó là tìm cho ra manh mối các hiện tượng tâm hồn con người, khám phá ra những định luật thường xuyên chi phối chúng. Phương pháp dùng là phương pháp thí nghiệm. Như ta sẽ thấy phương pháp này hoặc đem những hiện tượng có sẵn ra phân tích, hoặc nếu cần, tạo ra hiện-tượng mới để quan-sát. Do đó, khoa-học này rất có thể được hệ thống hóa một cách dễ dàng và đem giảng dạy một cách có hiệu quả cho người khác. Nhiều môn về nhân sinh, có thể lấy khoa này (*phần Tâm-lý-học*) làm nền tảng như Xã-hội-học (tâm-lý-học quần chúng), hướng nghiệp học, giáo dục học, bệnh lý-học, sư-pham...

Nên nhớ ở đây, hệ số chủ quan ít hơn ở trong phần tâm lý thường-nghiệm, không căn cứ vào cái khiếu cá nhân cho bằng vào những phương pháp thí nghiệm khoa-học nhất định.

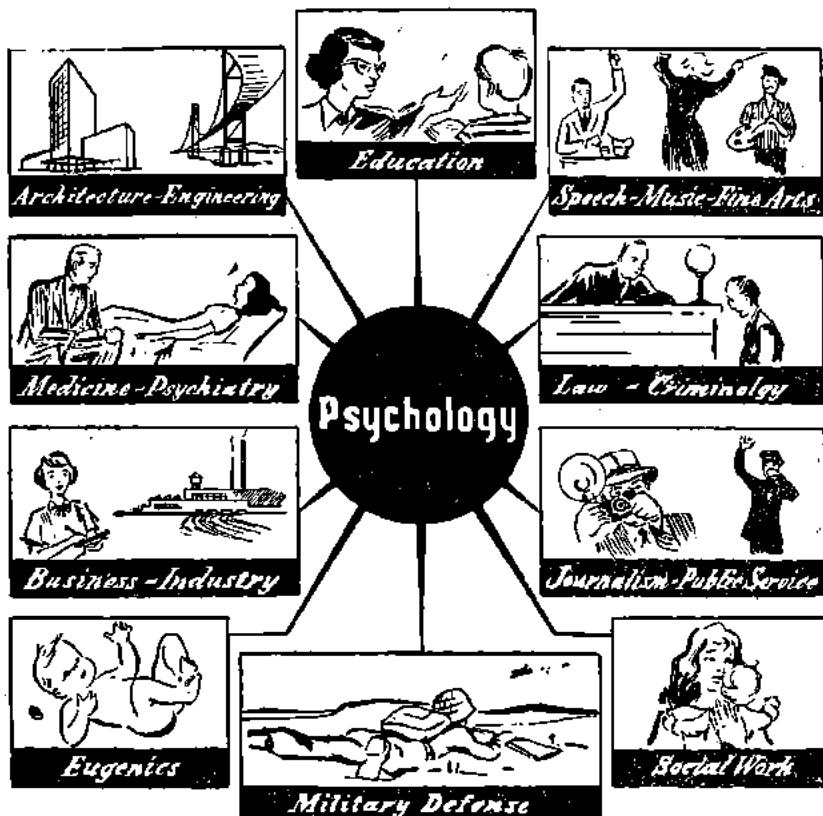
*Tâm-lý-học thuần-lý hay siêu-hình.* Tiến lên bước nữa, là phần siêu hình của tâm-lý-học, muốn khám phá ra nguyên động lực của toàn thể sinh hoạt tâm lý. Những thành tích của hai phần trên được đem ra phân tích tỉ-mỉ, đồng thời, chiếu giọi ánh sáng lý trí vào, đề vượt hẳn ra ngoài phạm vi hiện tượng, đi tới một chỗ tĩnh của tâm hồn, tức là chính linh hồn thiêng liêng, tự do và bất tử, những mối giây liên lạc phức tạp và đa phương giữa nó và những gì không phải là chính nó.

Phương pháp khoa này triệt để lợi dụng những nguyên tắc tối sơ của lý trí. Cũng căn cứ vào Luận-lý-học, vào những câu tam đoạn luân nên phần siêu hình này, cũng có phần nào tính cách

khách quan và khoa học, theo nghĩa rộng. Về phương diện đích thực và chắc chắn, tâm-lý-học siêu-hình dựa vào lý trí con người, thường là bất di-dịch trong những nguyên tắc căn bản.

**II.— Phân loại Tâm-lý-học thực nghiệm.** Vì tính cách quan trọng hiện giờ của phần tâm-lý-học thực nghiệm, nên phải phân chia cách đặc-biệt ở đây, nhiều cách chia. Đây ta đề nghị :

*Theo quan điểm lý-thuyết.* Theo quan điểm lý thuyết, chia ra : tâm lý học thực nghiệm tông quát, học chung về tâm lý của con



Hình 1. Các ngành Tâm-lý-học áp-dụng. Về theo J.P. Guilford. General Psychology, second Edition, p.13

người với những phần riêng, theo ba tài năng hay ba loại hiện tượng tâm lý. Ngoài ra, là tâm lý học sai biệt (*psychologie différentielle*), học riêng từng người, từng nhóm người một.

Giữa các hiện tượng tâm lý với nhau cũng trong một cá nhân, có tâm lý học bao hàm (*psychologie compréhensive*) tâm lý-học tương quan (*psychologie des corrélations*). Tâm lý học nhân quả (*psychologie causale*). Sau hết, xét theo mối tương quan giữa tâm lý và sinh lý hay vật lý, có : tâm sinh lý học (*psycho-physiologie*), hay tâm vật lý-học (*psycho-physique*), v.v...

*Theo quan điểm thực tiễn hay áp-dụng.* Theo quan điểm này, cũng có nhiều thứ tâm lý : đây là mấy thứ hay gặp nhất : tâm lý hướng nghiệp (*psychologie professionnelle*), tâm lý sư phạm (*psycho-pédagogique*), tâm lý trị bệnh (*psychothérapie*). Tất cả có thể gói ghém trong danh từ : tâm lý kỹ thuật học (*psychotechnique*).

---

## CHƯƠNG 2

### VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN

- o *Khả-giác và bất khả-giác,*
- o *Hữu-chất và vô-chất*
- o *Vô-ngã và hữu-ngã.*
- o *Gián-doạn và liên-tục, tồn-tục.*
- o *Nhân-quả và mục-dịch*
- o *Tất-định và bất-định hay linh-dộng.*



#### VẬT CHẤT LÀ CÁI GÌ THUỘC NGOẠI GIỚI.

Ngoại giới, theo nguyên tự, là thế giới ở ngoài ta. Còn nội-giới là thế giới ở trong. Tuy nhiên, để chỉ rõ cả xác ta cũng thuộc ngoại giới, ta có thể dùng thêm chữ *nội tâm*, và như thế nội giới luôn luôn chỉ giới tâm hồn, hay là tâm giới (đối lập với vật giới).

I.— **Khả-giác và bất khả-giác.** Đặc tính đầu tiên của ngoại-giới là *khả-giác*, nghĩa là giác-quan có thể nhận thức được.

Do đó ngoại-giới là thế giới hữu hình, hữu tượng, hữu-sắc, hữu-thanh, hữu-xú... Tất cả là đối tượng của vật-lý học, gồm cả thế giới vô cùng lớn (vũ trụ bao la, các thiên thể, các tinh vân...), lẫn thế giới vô cùng nhỏ (vi trùng, siêu vi trùng, nguyên tử...)

Ngược lại, nội-giới hay tâm-giới có đặc tính *bất khả giác*, nghĩa là không thể dùng giác quan mà biết được; vì thế, tâm-giới là thế giới vô hình, vô-tượng, vô-sắc, vô-thanh, vô-xú... Tất cả là đối tượng của Tâm-lý-học nói riêng và của Triết học nói chung, đến nỗi, nói theo kiều Đông-phương, Triết-học bao giờ cũng là Tâm học.

(1) Nội giới còn gọi là thế giới nội tại (monde immanent), gồm những hiện-tượng ở ngay trong tâm hồn. Thi dụ: đau khổ của tôi ở trong tôi, chứ không thể ở ngoài tôi hay ở nơi người khác được; chỉ tôi mới tự cảm thấy đau khổ, chứ không ai ở ngoài đau khổ thay tôi được, mặc dầu chính họ có thể cùng đau khổ với tôi.

**II.— HỮU-chất và vô-chất.** Thế-giới ở ngoài là thế-giới hữu chất, là vật chất, có *không-gian* và *thời-gian* vật lý, gồm các thành phần tiếp cận bên nhau, có thể phân chia ra các thành phần đồng chất, hay có thể phân tích thực sự (phân tích khoa-học...).

Nội giới, trái lại, là thế giới vô chất, không là vật chất, không có vật chất hay không hoàn toàn lệ thuộc vật chất. Vì thế có những nhận xét sau này :

*1) Không thể định rõ được.*

Một cảm giác lạnh chẳng hạn, có nghĩa là toàn thể con người tôi cảm thấy lạnh, mặc dầu tôi có thể định rõ được nơi nào đã làm tôi cảm thấy lạnh, (như bàn tay cầm cục nước đá). Người ta thường nói ta tư tưởng trong óc, có ý-tưởng trong đầu. Kiểu nói đó chỉ có nghĩa là cân não (bộ óc) là điều kiện cần thiết cho con người tư tưởng, như hiện giờ. Nó không có nghĩa là tư tưởng nào đó được định rõ; cũng không có nghĩa là óc tư tưởng; và sau cùng, nó không có nghĩa là con người trong một hoàn cảnh nào khác, sẽ không có thể tư tưởng được một khi xác không còn. (Hồn con người sau khi chết, có thể còn tư tưởng được...).

*2) Không thể đo lường được.*

Những kiểu nói : vui mừng lớn lao, trí khôn sâu rộng, tấm lòng quảng đại... là những kiểu nói loại suy. Thực ra người ta chỉ đo lường được những vật có trương độ, vươn mình trong không gian. Các dụng cụ phòng thí nghiệm có thể đưa được những hiệu quả bên ngoài của sự kiện tâm linh. Những hiệu quả này lại được

---

(1) Xem Trần-văn Hiển-Minh và Vú-đinh-Trác. *Triết-học Đông-phương*.  
Ra khỏi Saigoo 1962, trang 23-30.

phát sinh nơi xác, nên do được. Phương pháp trắc nghiệm tâm-linh (*Psychométrie*) chỉ áp dụng được cho những sự kiện vật lý hay sinh lý liên can mật thiết với tâm hồn. Máy lực kế (*dynamomètre*) có thể cho ta biết một khoái lạc giản bắp thịt tôi bao nhiêu, chứ không thể đo chính sự khoái lạc đó được.

### 3) Các yếu tố tương-tại-vào-nhau.

Nói cách tiêu cực, và bằng cách so sánh với sự-kiện vật-lý, tương-tại-tính của sự-kiện tâm-linh có nghĩa là cuộc sinh hoạt tâm-lý không gồm những thành phần tiếp cận bên nhau : hay là những thành phần tuy thấu nhập vào nhau (như H và O làm thành nước) nhưng lại có thể tách-biệt khỏi nhau, bằng diện giải chẳng hạn.

Nói tích cực, tương-tại-tính của sự-kiện tâm-linh, có nghĩa là : chúng thấu nhập vào nhau một cách thân-mật, đến nỗi không thể có sự-kiện này mà thiếu sự-kiện kia. Người ta có thói quen phân tích (bằng tư-tưởng) cuộc sinh hoạt tâm-lý làm ba : cuộc sinh-hoạt tri-thức, cuộc sinh-hoạt hoạt-động, cuộc sinh-hoạt tình-cảm. Trong thực-tế, hễ có một ý-tưởng (tri-thức) là ý-tưởng đó mang một hệ số động-lực để trở thành khuynh-hướng (hoạt-động) rồi khuynh-hướng đó được thỏa-mãn hay không mà có khoái-lạc hay đau khổ (tình-cảm). v.v... Vì thế, việc phân chia các phần khoa Triết-học nói chung và khoa tâm-lý-học nói riêng, chỉ là phân chia theo quan-diểm, theo khía cạnh.

**III.— Vô-ngã và hữu-** Vì xuất-hiện trong nội-giới, tức là trong ý-thức con người, những sự-kiện tâm-linh còn có tính cách hữu-ngã, nghĩa là chúng không phải là vô danh, trái lại, chúng do một bản ngã (một chủ-thể) chúng thuộc về một bản-ngã và được chính bản-ngã trực-tiếp biết tới.

1) *Do một bản ngã.* Tia sáng mặt trời do chính mặt trời phát xuất ra. Sự-kiện tâm-linh cũng thế, chúng do một nguyên nhân nội-tại, tức là một bản ngã. Nói đau khổ, tức là phải hiểu ngầm ai đau khổ, và cứ như thế đối với bất cứ sự-kiện tâm-linh nào : ai cảm giác ? ai tri giác ? ai nhớ ? ai phán đoán ? ai suy luận ? ai tưởng tượng ? v.v...

2) *Thuộc về một bản-ngã*. Do trung-tâm bản-ngã mà phát xuất, sự kiện tâm-linh còn quy về cũng một bản-ngã ấy. Sự-kiện vật-lý, tự nó, không có chủ. Nó không tức khắc phải thuộc về một chủ. Nó có thể có sẵn đây trước khi có chủ. Nếu nó có chủ đi nữa, thời sở hữu chủ đó chỉ có tính cách pháp-luật, hời-họt bên ngoài mà không dính líu gì tới bản-thể của sự vật. Đáng khác, sở hữu chủ đó có thể mất đi được, hay có thể thay thế. Cái nhà chẳng hạn, có thể mất chủ hay thay thế chủ, bằng mua bán hay bằng nhượng dữ. Sự kiện tâm linh trái lại, luôn luôn có chủ, luôn luôn có ai chịu trách nhiệm, nghĩa là chúng bị quy trách cho một ai trong phạm vi đạo-đức (không kẽ những trường hợp tâm bệnh).

### 3) *Được trực-tiếp biết do chính bản-ngã.*

Trong đời sống hàng ngày giữa bạn hữu, ta thường nghe nói họ hiều nhau, biết tâm-tinh nhau, tri kỷ, tri âm, họ chia vui sẻ buồn với nhau. Nhưng nên nhớ tất cả các kiến thức nói trên chỉ có tính cách gián tiếp. Tôi không thể biết được sự đau khổ của người bạn, nếu không qua những nguyên nhân hay hiệu quả của cái buồn đó. Tôi trực tiếp thấy cái chết của người cha của bạn, tôi trực tiếp thấy hai hàng lệ lâ châ tuôn rơi. Do đó tôi có thể tự hình dung cái đau khổ của bạn. Nhưng vẫn không thể trực tiếp biết cái đau khổ đó. Đáng khác, dựa vào hiệu quả hay nguyên nhân nhiều khi tôi bị nhầm trong phạm vi tâm lý, cũng một nguyên nhân nhiều khi phát sinh hiệu quả khác nhau trong cùng một trường hợp.

Đó là quan niệm cổ-diên về vấn đề này. Ngày nay có phong-trào tâm-lý thiêng về hiện tượng sinh-lý, lại cắt nghĩa khác. Họ cho rằng những cử chỉ phát lộ tâm-tinh bên trong không phải chỉ là những dấu hiệu, chính chúng là những tâm-tinh rồi. Merleau Ponty viết : « Tôi không nhận thức cơn thịnh nộ hay sự đe dọa như là một sự kiện tâm-linh ẩn đằng sau cử chỉ, tôi nhìn rõ sự thịnh nộ trong chính cử chỉ. Cử chỉ không làm cho tôi biết sự thịnh nộ, nó là chính sự thịnh nộ rồi ». (1) Quan niệm này cũng có phần đúng đối với một số cảm xúc. Tuy nhiên ta phải công nhận, nếu ta cảm thấy cái đau

---

(1) Phénoménologie de la perception. Paris 1945, 215.

khô người khác, hay những trạng thái tâm tình của họ tại vì do những kinh nghiệm trước của ta, ta đồng cảm với họ nhờ so sánh những hậu quả sinh-lý nơi họ và nơi ta. Thực ra, mỗi người có mỗi cách để đồng cảm với người khác. Chính Merleau Ponty cũng nhận thấy, khi ông viết : « Cái tang của người khác cũng như cơn thịnh nộ của họ, không bao giờ có cùng một ý nghĩa đối với họ cũng như đối với tôi » (o. c. p. 409).

**IV.— Gián - đoạn và Sự kiện vật-lý có thể có lượng liên tục.** Tuy **liên - tục hay** nhiên, vì là vật-chất, nên nó có thể bị phân **tồn - tục.** chia ra từng mảnh từng quãng, làm cho nó bị gián đoạn mất tính cách liên tục. Sự kiện tâm linh thời trái lại.

1) *Phải hiểu liên-tục tinh hay tồn-tục tinh như thế nào.*

Liên-tục tinh hay tồn-tục tinh nơi tâm giới, có nghĩa là : cuộc sinh hoạt tâm-linh một khi bắt đầu rồi, không bao giờ ngừng lại nữa. *Ở thế giới bên này*, thời có thể dùng ý-thức tâm-lý để công nhận điều đó. Tôi tự ý-thức tôi luôn luôn là tôi lúc nhỏ, lúc lớn lúc già, bắt cứ ở đâu, bắt cứ với tâm trạng nào. Còn *ở thế giới bên kia*, vẫn đề tồn-tục tinh không thể giải-quyết bằng kinh-nghiệm được mà phải giải-quyết một phần nào bằng suy-luận, hay bằng một giáo điều. Đây là vấn đề nhiều khẽ về hồn bắt từ nơi con người mà người bình dân vẫn tin tưởng : « Thác là thể phách, còn là tinh anh (tức tâm-hồn) » (Nguyễn Du).

2) *Đồng ý-thức.*

Đồng tâm-linh không bao giờ bị gián đoạn. Cả lúc bệnh, cả lúc ngủ, tâm hồn không phải hoàn toàn vô vi, không phải tuyệt đối trơ như khúc gỗ. Các hình ảnh, các nghị lực vẫn tiếp tục cài mờ. Chiêm bao là hình thức rõ rệt của hành động tâm-hồn trong lúc ngủ. Đáng khặc, đâu ta quên hay nhớ tới những trạng thái tâm hồn xuất hiện lúc ngủ, lúc thức dậy, ý thức ta vẫn bắt lại ngay cái cầu nối liền với những hiện tượng trước. Đời sống buổi sáng lại được tiếp tục với những hoài niệm và dự định của ngày hôm trước.

W. James viết : « Sám nò bắt ưng có phải phân đôi ý-thức

của ta không? Quả không. Vì chính ở trong cảm giác tiếng sấm đã có cái cảm-giác sự im lặng trước kia lèn vào để tiếp tục. Trong tiếng sấm, cái mà ta nghe thấy, không phải chỉ là tiếng sấm thuần túy nó còn là tiếng nào động sự yên lặng lúc trước và đối lập với nó. Thủ giả sử có một tiếng sấm khách quan ở ngoài, ta sẽ nhận thức nó một cách khác nhau như nó bê gây sự im lặng hay nó chỉ là sự tiếp tục của một tiếng sấm khác. Khách quan mà nói, ta tưởng rằng tiếng sấm làm mất im lặng. Nhưng nói theo chủ quan, ý thức về tiếng sấm bao hàm cả ý thức về im lặng lẫn ý-thức về sự mất im lặng» (1). H Bergson còn là một cách cụ thể hơn: «Đồng ý-thức là một câu duy nhất có phảy nhiều, nhưng không có một chấm ngắt nào cả». (2)

### 3) *Dòng thời-i-gian tâm-lý,*

Cần phải phân biệt hai thứ thời gian: thời-gian vật lý và thời gian tâm-lý. Thời gian vật-lý có những phần, một khi qua đi, là thành hư vô. Còn thời-gian tâm-lý «tiếp tục cái không còn, ở trong cái còn» (3). Thời gian thứ nhất mới đúng là thời gian theo nghĩa thông thường. Còn thời gian sau chỉ là một kỳ gian, một tồn-tục (*durée*), không phải là thời gian theo nghĩa hẹp. Cái dị-biệt ở giữa hai thứ thời gian đó, được bật nồi do những phân tích mà các nhà tâm-lý-học đem ra như sau.

Trước hết hai chữ *hiện tại* tùy ở mỗi thứ thời gian mà khác nghĩa. Hiện tại trong thời gian vật-lý chỉ là một lúc, một đường chỉ phân giới hạn giữa cái quá khứ không còn nữa và cái tương lai chưa tới. Hiện tại chỉ tồn-tục có một lúc hay đúng hơn là không tồn-tục tí nào cả, vì nó qua đi ngay. Trái lại, hiện tại của thời gian tâm-lý là một sự tiếp tục: tiếp tục cái đã qua, và vươn mình tới cái sẽ có. Vừa là nhận thức quá khứ vừa là quyết định cho tương lai sắp tới.

*Quá khứ* của thời-gian vật-lý, không còn nữa. Chỉ còn những

(1) *Principles of Psychology.*

(2) *L'énergie spirituelle.*

(3) « Une continuation de ce qui n'est plus dans ce qui est ».

hiệu quả của những biến cố xảy ra trong thời gian quá khứ đó. Đêm khói lửa 19-12-1946 không còn nữa, dù còn lại những dấu vết vật chất của cuộc tàn sát ghê tởm. Trái lại, quá khứ tâm lý vẫn còn. Nó còn trong ký ức của những người đã chứng kiến sự đã xảy ra, đồng thời nó còn ở trong tưởng tượng, nhờ đó nó bị thêm hay bớt đi. Người ta có thể sống lại những giây phút hồi hộp thoát chết trong sự nguy hiểm, cũng như có thể cảm悲哀 hoàn đồng trong nhiều giây phút thú vị. Một cách vô ý thức, ta bị ảnh hưởng của quá khứ, quá khứ của riêng ta, của dân tộc và quá khứ của thời đại hay khu vực ta sống. Nhờ ở sự tồn tại của quá khứ tâm lý, mà ta có thể thường thức được những tác phẩm tuyệt vời của nghệ thuật trong lãnh vực hội họa, điêu khắc, âm nhạc hay chớp bóng.

Vật chất không suy nghĩ, cũng không thể tưởng tượng ra *tương lai* được. Trái lại, một tương lai do ta tưởng tượng ra, dù chưa có trong thực tại, đã có thể chi phối đời sống hiện tại của ta rồi. Nhiều khi ta nghĩ tới ngày mai hơn là hiện tại và quá khứ, và việc hình dung ra một tương lai sán lạn, hay một lý tưởng huy hoàng, ảnh hưởng tới các ý thức về bản ngã thực sự hiện tại và không đề ta ở ngã ba đường bất định nữa.

**V.— Nhân quả giữ nguyên và mục đích** Cũng cứ theo phương pháp đối chiếu, so sách nguyên nhân phát hiện ra những sự kiện vật lý và nguyên nhân ảnh hưởng tới sự kiện tâm linh, ta thấy hai đoạn này: sự kiện tâm linh không thể chỉ cắt nghĩa bằng nguyên nhân tác thành, còn phải cắt nghĩa bằng nguyên nhân mục đích.

Người ta có thể nhớ nguyên nhân tác thành để cắt nghĩa những sự chuyền động của vật chất. Trái lại, nếu muốn cắt nghĩa những sự chuyền động tâm linh, còn cần phải nhớ nguyên nhân mục đích. Không thể chỉ tìm những nguyên nhân có vẻ mày mòc nơi một tình cảm, phải tìm tới những mục đích, hay những lý do của nó. Trong một buổi chơi, học sinh lao nhao cử động, thở hồn hồn. Có người đến hỏi: Các anh là gì thế? Nếu các anh thưa: vì bắp thịt chúng tôi, chân tay chúng tôi bị điều khiển do một trung tâm chuyền động. Nghe trả lời như thế, người hỏi chắc

hiều rằng các anh nói đưa, chứ sự muôn cử động của các anh về phương diện tâm lý, còn phải cắt nghĩa bằng câu trả lời : vận động như thế để khỏe.

Tóm lại, những sự kiện vật lý được cắt nghĩa xem nó xảy ra như thế nào. Hiện tượng tâm lý, còn phải xét xem chúng xảy ra để làm gì nữa.

**VI. TẮT-ĐỊNH-TÍNH VÀ LỰA CHỌN VÀ THÍCH NGHĨ.** Trong giới vật chất **Bất-định-tính hay** hay vật lý có luật tắt định. Trong cùng một **linh-động tính.** trường hợp, một vật phải phản ứng lại luôn luôn thế. Nguyên nhân nào hiệu quả ấy : lửa châm vào, rơm phải cháy. Trái lại, trong giới tâm linh, định mệnh thuyết không có tính cách tuyệt đối. Cũng một nguyên nhân, mà nhiều khi sinh hiệu quả trái nhau hẳn. Thực ra, ý thức tâm linh có một sự chọn khá rộng rãi. Có một sự đảo thải trong đời sống tâm lý, có lúc yếu tố này được nổi bật, trong lúc yếu tố khác phải chui vào bóng tối. Khi tôi nghĩ tới tình yêu của người bạn, tất cả những nỗi cay chua của đời bót phần ác-nghiệt. Người ta còn đem ra một thí dụ : máy ảnh chụp các cảnh, chụp tất cả những gì chạm tới màn hình phim, và luôn thế, trừ khi phim hỏng hay không đủ điều kiện ánh sáng. Trái lại tôi thường thấy một cảnh trời thu : lúc thì đề ý tới lá thu rơi, lúc lại thích nhìn vòm trời xanh biếc, lúc lại chăm chăm nhìn lũ chim bay, lúc lại say mê những khúc lượn tài tình của bướm đua với cỏ... Cũng từng ấy cảnh được chụp vào kính luôn luôn trùng điệp. Trái lại, được chụp vào ý-thức tâm lý, mỗi cảnh thay đổi nhau chiếm chỗ danh-dụ trong tâm hồn.

**Phản ứng tâm-lý mỗi lúc mỗi khác.** Trái với những vật hữu chất, luôn luôn phải phản ứng một chiều trong cùng trường-hợp hay điều-kiện lý-hóa, trạng thái tâm-hồn mỗi lúc phản-ứng mỗi khác, mỗi lúc lại đổi điệu. Ta có thể cảm giác cũng một đổi-tượng, nhưng chính cái cảm giác kia mỗi lúc một khác. William James đặt và thưa mấy câu hỏi có vẻ ngược lại : « Nhận một phim đèn lúc nào cũng mạnh như nhau, phải chăng ta luôn nghe cùng một giọng ? Cùng một ngọn cỏ, phải chăng luôn luôn làm cho ta có cùng một cảm-giác

xanh ? Cũng một trời, sao lại không làm cho ta có cùng một cảm-giác xanh da trời ? Cũng một nước hoa Cologne, sao lại không phát sinh cùng một mùi, dấu ta ngửi nó nghìn lần ? Nhưng cái mà xuất hiện hai lần, là cùng một đối-tượng. Cũng cùng một giọng ta nghe đi nghe lại, cũng cùng màu xanh ta xem nhiều lần, cũng cùng mùi thơm ta ngửi nhiều lúc, cũng cùng một thứ đau khổ mà ta cảm thấy. Đó là những thực tại, cụ-thể hay trùu tượng, vật-chất hay tinh-thần, xem ra đến trước ý thức ta luôn, tia vào sự đồng nhất của đối-tượng, ta vô-tình tưởng rằng chúng được hình-dung trong ta một cách chủ-quan như nhau. ». Nói khác đi, tưởng như thế là hão-huyền, đối-tượng khách quan không thay đổi, nhưng chủ-quan nhận-thức đối-tượng luôn luôn không đứng yên một chỗ.

Bá nhân bá tinh. Bất-định-tính của sự kiện tâm-linh còn được đem ra ánh sáng, bằng câu nói thông thường : bá nhân bá tinh. Mỗi người có sở-thích riêng. Mỗi người phản ứng mỗi khác trước cùng một việc hay biến cố. Cái chết của người cha làm cho người em buồn, nhưng rất có thể gây một niềm vui nơi người anh, vì sắp được hưởng gia-tài của cha đè lại. Cũng một danh từ Saigon, lại có thể gọi nên những liên-tưởng khác nhau, tùy tâm trạng mỗi người, hay tùy lợi ích đang chi-phối mỗi người. v.v...

---

## TINH-THẦN NHẬP-THẾ : TÂM-VẬT-LÝ-HỌC

- o *Dị biệt giữa sự kiện vật lý và tâm lý.*
- o *Ảnh hưởng hỗ tương giữa vật lý và tâm lý.*



Tâm-hồn con người, tuy có tinh-thần-tính, nhưng không sống riêng rẽ trong một thế giới tinh-thần thuần-túy. Trước hết nó là chỗ gặp gỡ giữa tinh-thần và vật-chất vô-cơ. Người ta gọi nó là một *tinh-thần nhập thế* (*être dans le monde*), hiện hữu và hoạt động ngay giữa thế giới hữu hình. Học về tinh-thần nhập thế là việc của môn *Tâm-vật-lý-học* (*La Psycho-physique*).

I.— **Dị-bié特 giўa sự-** Giới vô cơ (không có sự sống) là giới vật-kiện vật-lý và lý theo nghĩa hẹp. Trong chương trước, **tâm-lý.** những dị biệt giữa giới này và tinh thần con người đã được đem ra ánh sáng. Ở đây, ta hệ thống hóa những ý-tưởng trên theo một số tiêu chuẩn mới.

Xét theo môi-trường, sự kiện vật-lý diên-biển trong môi-trường vật-chất, ngoại-giới, một thế-giới hữu-hình, có trung độ, có thể dùng giác-quan quan-sát được. Sự kiện vật-lý là đối-tượng của khoa-học thực-nghiệm. Trái lại, môi-trường diên-biển của sự kiện tâm-linh lại là nội-giới, vô hình, không thể định chỗ, không thể đo lường được ; là đối tượng của triết-học hay ít nhất, là ngưỡng cửa đưa vào triết-học, đưa vào siêu hình học.

Xét theo nguyên-lý chi-phối sự diên biến của hai loại sự kiện, thời sự kiện vật lý bị chi phối nguyên-lý nhân quả, có tính cách tất định hầu như bất-di-dịch. Nguyên-lý này cắt nghĩa tại sao một

sự kiện phải xảy ra thế này mà không thể kia, nhờ đó, nhà khoa-học có thể tiên đoán được. Trái lại, sự kiện tâm-lý lại còn được giải thích bằng nguyên-lý cùu cánh hay mục-đích nữa. Sự-kiện tâm-lý còn phải được giải thích bằng trả lời câu hỏi : đề làm gì ? nhằm mục-đích nào ?... Do đó, sự kiện tâm-lý trở nên bất định, như đã nói ở trên.

Xét theo cách *cấu tạo* thời sự-kiện vật-lý được cấu-tạo do sự tiếp cận của nhiều thành phần có thể tách biệt với nhau, đến nỗi có thành phần này mà không cần phải có thành phần kia. Dĩ nhiên các sự kiện vật-lý ảnh hưởng lẫn nhau, gắn bó vào nhau làm thành một khối. Tuy nhiên, các khối này có thể phân tán ra được. Ngược lại những sự-kiện tâm-linh tương-tại vào nhau, thấu nhập vào nhau, làm thành một dòng ý thức vừa liên tục vừa uyên chuyền. Chúng gắn bó vào nhau mật-thiết, đến nỗi không thể nào tách-biệt nhau được và nếu có sự-kiện này là phải có sự-kiện kia.

**II.—Ảnh-hưởng hố-tương giữa vật-lý và tâm-lý.** Khác nhau, nhưng hai loại sự-kiện không mâu-thuẫn nhau, không khử-trừ nhau. Chúng lại còn ảnh hưởng lẫn nhau, với cường độ không đều nhau.

Sự-kiện vật-lý ảnh-hưởng tới sự-kiện tâm-lý, bằng tạo nên một môi-trường trong đó tâm hồn hoạt-động. Sự-kiện vật-lý, đòi khi là điều kiện cần thiết cho sự xuất-hiện và diễn-biến của sự-kiện tâm-linh. Khu-vực địa dư, khí-hậu, tiện-nghi vật chất... ảnh hưởng tới đời sống tinh thần của ta rất nhiều.

Ngược lại, sự-kiện tâm-lý ảnh-hưởng tới sự-kiện vật-lý. Chính nhờ một trí khôn hiều biết mà một sự-kiện vật-lý trở thành có ý nghĩa ; nhờ ý chí và năng-khiếu tinh-thần con người mà vũ-trụ vật-chất được biến đổi, được thích nghi vào việc phụng-sự con người v.v...

## CHƯƠNG 4

### TÂM-SINH VẬT-HỌC

- o *Điểm đồng giữa tâm lý và sinh-vật*
- o *Điểm dị giữa tâm lý và sinh-vật*
- o *Ảnh-hướng hổ tương tâm-sinh-vật.*



Cuộc diễn biến tâm-lý là cuộc sinh-hoạt Tinh-thần hay tâm-linh cũng là một sinh vật, mặc dầu ở trên một bậc thang cao hơn.

I.—**Điểm đồng giữa** *Hai sự kiện giống nhau.* Cả hai đều thuộc loại **tâm-lý và sinh-vật** sự-kiện sinh-hoạt, có những *hiện tượng sinh-hoạt* giống nhau, như đồng hóa, sinh-sản. Cả hai đều bị chi phối do những *định-luật sinh-hoạt* (*lois vitales*), như luật thích nghi, đào thải, luật lợi-ích, nhu-cầu. Cả hai còn giống nhau ở tính cách *toàn-khối* (*totalité*), hay tính cách duy nhất, đối lập với tính cách phân tán và phiền đa của sự-kiện vật-lý.

II.—**Điểm - dị giữa** *Hai sự-kiện khác nhau,* theo nhiều tiêu chuẩn.— **Tâm-lý và sinh-vật** Xét theo tính cách *ý-thức*, thời sự-kiện sinh-vật (gồm phản-xạ, khuynh-hướng, bản năng, v.v.) hoàn toàn thuộc khu vực vô ý-thức hay là tiềm-thức. Trái lại, không phải tất cả sự-kiện tâm-lý là vô ý-thức hay là tiềm-thức, mà chỉ có một số nào đấy. -- Xét theo sự *thích-nghi*, sự-kiện sinh-vật có một phạm-vi thích nghi nhỏ hẹp và còn bị luật tất-định chi-phối rất nhiều. Ngược lại, nhờ có tự do con người can thiệp sự-kiện tâm-linh có một phạm-vi lựa chọn và thích nghi rất rộng, mặc dầu còn phải chịu đựng một số định-mệnh, cho

hợp với thân phận con người bắt tất không tìm đủ lý do tóm tại ngay nơi chính mình.— Xét theo việc *lệ* thuộc vào *vật-chất*, sự-kiện sinh-vật còn lệ thuộc rất nhiều, nó lệ thuộc vào vật-chất vừa đẽ có, vừa đẽ hoạt-động. Trái lại, sự-kiện tâm-lý chỉ lệ thuộc vào vật-chất như là một điều kiện cần-thiết đẽ rồi hoạt động theo đường lối và thân phận của một tinh-thần, như tư-tưởng, quyết-định v.v.

**III.—Ảnh-hưởng hổ.** Nếu hiện-tượng tâm-lý cũng là một hiện-tượng tâm-lý tượng sinh-hoạt, như vừa nói ở trên, thời-và sinh-vật, phải công nhận ngay rằng sự-kiện sinh-vật phải làm *nền-tảng* sâu cho sự-kiện tâm-lý.

Thực ra, những nhu-cầu, những khuynh-hướng (những hiện-tượng sinh-vật) là những gốc rễ của đời sống tình-cảm, từ những đam mê, cảm-xúc rất mạnh tới những tình-cảm tể-nhị, dịu dàng. Chúng là *khởi điểm* cho những hoạt-động phức-tạp dẫn tới cuộc sáng-tạo trong phạm vi nghệ-thuật. Theo giả-thuyết của một số triết-gia, sự-kiện sinh-vật còn là *động-lực* cho chính đời sống tâm-linh ý-thức. Những suy-niệm cao-cả, những trùu-tượng rất tòng quát, đều bắt nguồn từ những nhu cầu có tính cách sinh-vật.

Ngược lại, nơi con người sự-kiện tâm-linh đã sẵn trộn lẫn với sự-kiện sinh-vật, nên sự-kiện trước ảnh-hưởng rất nhiều vào sự-kiện sau. Trước hết sự-kiện tâm-lý đem lại cho sự-kiện sinh-vật một định-hướng cụ-thể. Nhu-cầu ăn chẳng hạn, phải được chuyền-hướng do những cơ-cấu tâm-lý thương-dâng và phức-tạp hơn: ăn đẽ mà sống, chứ không phải sống đẽ mà ăn! Thứ đến sự-kiện tâm-linh — nhất là sự-kiện thương-dâng — *tinh-vi hóa* sự-kiện sinh-vật. Nhưng nhu-cầu nơi con người bớt tính cưỡng-bách phủ-phàng, đẽ những hoạt-động do đà sống phát ra trở nên tể-nhị hơn. Có cái kiều ăn như heo và có cái kiều ăn như người văn-minh!

## CHƯƠNG 5

### TINH-THẦN NHẬP-THỂ : TÂM-SINH-LÝ-HỌC

- o *Dị-biệt giữa Tâm-lý và Sinh-lý,*
- o *Tâm-lý ảnh hưởng tới Sinh-lý.*
- o *Sinh-lý ảnh hưởng tới Tâm-lý.*
- o *Cắt nghĩa mối tương-quan tâm-sinh-lý.*



Sinh-vật-học là môn-học về sự sống liên quan tới khu-vực, với hoàn cảnh trong đó một sinh-vật xuất hiện hay phát triển. Môn-sinh-lý-học, lại chuyên khảo cứu những chức-phận sinh-hoạt (les fonctions vitales), như cơ-quan và cách hoạt động của bộ tuần hoàn, bộ tiêu-hóá, v.v... Sau khi đã nêu lên những điểm đồng dì và nói qua về những ảnh-hưởng hổ-tương của hai loại sự-kiện tâm-lý và sinh-vật, ta nên dừng lại lâu ở mối tương quan giữa sự-kiện tâm-lý và sự-kiện sinh-lý, hai loại sự-kiện tương-đối dễ quan-sát nơi con người. Tuy nhiên, vì sinh-lý-học cũng thuộc loại môn học khảo-cứu về sự sống, nên — trong phạm vi sinh hoạt tinh — những điểm giống nhau giữa tâm-lý và sinh-lý, cũng chính là những điểm giống nhau giữa tâm-lý và sinh vật. Nên, ở đây, ta chỉ nói tới những điểm dì và những ảnh hưởng giữa hai loại sự-kiện tâm lý và sinh-lý mà thôi.

#### A.— ĐỊ-BIỆT GIỮA TÂM-LÝ VÀ SINH-LÝ.

Có thể căn cứ vào mấy tiêu-chuẩn sau đây để trình bày những dị-điểm này.

**I.— Khác nhau nơi  
nguồn-gốc.**

Nguồn gốc nói đây, phải hiểu là nguồn gốc trực tiếp. Nguồn gốc xa của hai loại sự kiện vẫn là một, tức là chủ thể độc-nhất của cuộc sinh-hoạt là con người. Nhưng nguồn gốc gần lại khác. Sự kiện sinh-lý trực-tiếp do thè-xác hay trực-tiếp lệ thuộc vào thè-xác. Những cơ-năng hô-hấp, tuân-hoàn, tiêu-hóa, bài-tiết, v.v... là những cơ-năng thuộc sinh-lý-học. Trái lại, nguồn-gốc sự-kiện tâm-linh phải tìm nơi chính linh-hồn. Chính linh-hồn là chủ nhân ông, là nguyên động lực, phát-xuất ra ảnh tượng, tình-cảm v.v.. Muốn hiểu điều này cho đúng, cần phải nhận xét thêm rằng, nơi con người hồn phải nhờ tới xác để hoạt-dộng. Nhưng đó chỉ là một điều kiện khán thiết theo sát nhu-cầu của một tinh thần nhập-thè. Chứ xác không phải là nguyên-nhân phát xuất ra hiện-tượng tâm-linh. Chính vì lẩn lộn quan-niệm nguyên nhân với quan niệm điều-kiện mà phải duy-vật (nhất là Cộng sản Mác-xít) chủ-trương óc bài tiết ra tư-tưởng làm thành tất cả một cơ cấu mà gọi là thượng-tầng cơ-sở.

**II.— Khác nhau nơi  
nhận-thức**

Muốn nhận-thức những sự-kiện sinh-lý chỉ cần có ngũ-quan lành-mạnh. Ai cũng có thè quan sát những sự chuyền động sinh-lý như tuân-hoàn, tiêu hóa nơi mình hay nơi người khác. Nhiều khi chính tôi lại không nhận thức rõ rệt chúng cho bằng người ở ngoài (như bác sĩ chẳng hạn). Trái lại sự kiện tâm-linh, không thè dùng ngũ quan mà nhận thức được. Phải dùng tới chính ý-thức mới khám phá ra được. Người ta có thè thấy rõ vết thương của tôi, nhưng người ta không thè cảm thấy sự đau đớn do vết thương đó gây ra. Chính ý-thức tâm-lý mới cảm-thông đau khổ. Ta sẽ có dịp nói dài tới vụ án sỏi nồi trong giới tâm lý gia hiện đại chung quanh phương-pháp tâm-lý-học. Có người, như Thorndike, Jennigs, Loeb; Watson (Mỹ) Bechterevev (Nga), Janet và Pieron (Pháp) đã muốn xây tâm-lý-học trên nền tảng ngoại-quan, căn cứ vào những sự nhận-thức của giác quan hay ngũ-quan. Họ không ngờ rằng, cái mà họ dùng ngũ quan để nhận thức, không phải chính là sự kiện tâm-linh mà chỉ là những ký-hiệu phơi ra trên sân khấu sinh-lý. Vì thế, một nhóm cũng khá đông như Claparède (Thụy sĩ), Bergson, Lachelier

(Pháp) và Pillsbury (Mỹ), phản ứng lại rất mạnh, và chủ trương tâm-lý-học phải dựa vào nội-quan, tức là vào sự nhận thức bằng ý-thức. Thực ra sự-kiện tâm-lý phải được nhận thức bằng ý-thức. Sự nhận thức những ký hiệu sinh lý có thể giúp sự quan sát thêm vững chắc, nhưng vẫn không phải là trực tiếp nhận thức sự kiện tâm lý.

**III — Khác nhau nơi Ngoại giới-i-tinh và nội giới-i-tinh (*extériorité môt-trường*. et *intérieurité*).** — Sự-kiện sinh-lý, cũng như sự-kiện vật-lý, thuộc ngoại-giới. Ngoại-giới là nói toàn thể các vật ngũ-quan xem thấy hay có thể xem thấy. Vũ-trụ bao la bát-ngát, những sự chuyên-vận thiên-nhiên, những vật - dụng dùng để làm việc, những âm - thanh màu - sắc v. v... đều thuộc về ngoại-giới. Những vật vô cùng lớn cũng như vô cùng nhỏ bao quanh tôi, đều thuộc ngoại-giới cả. Sự kiện sinh lý cũng có tính cách ngoại-giới.

Những cơ-năng của xác sờ sờ trước mắt, không có gì là bí-ẩn cả, ai ai cũng quan-sát được. Dĩ-nhiên chính sự sống, người ta không thể xem thấy được bằng trực-giác. Nhưng điều ta muốn nói ở đây là những hiện-tượng của sự sống, hay là những sự-kiện hay hiện-tượng này, dầu tinh-vi tới đâu, đều thuộc ngoại-giới cả.

Trái lại, sự kiện tâm linh thuộc nội giới, tức là nội tại trong ý-thức của tôi. Kiểu nói *nội tại trong* có thể làm ta hiểu lầm cho rằng sự-kiện tâm-lý ở trong ý-thức, như khăn tay ở trong túi. Nói thực ra, cất nghĩa thế nào là nội giới tinh, không phải là dẽ. Ta chỉ biết rằng trong lúc các sự-kiện vật-lý ở ngoài, giác quan nhận ra, ai ai cũng có thể nhìn thấy, thời sự-kiện tâm linh riêng thuộc về tôi, chỉ tôi xem thấy, dầu khi tôi đóng hết cửa ngũ-quan lại. Một đặc tính của sự-kiện tâm-lý nữa, là nội tại trong nhau. Trong giới hữu-hình, không thể tìm ra một hiện-tượng nào giống như thế cả. Hiện-tượng tâm linh thấu nhập vào nhau cách rất thân-mật, không thể tách biệt và nhiều khi rất khó phân biệt.

**Hữu-chất-tính và vô-chất-tính (*matérialité et immatérialité*).** — Vì thuộc ngoại giới, các sự kiện sinh.lý (cũng như sự-kiện vật-lý) có tính cách hữu-chất. Tính cách này được hiểu theo hai nghĩa.

Tính cách hữu-chất, trước hết, áp-dụng cho những gì hiện ra trước mắt với tương độ (étendue) trong không-gian, có thè định-cư và đo-lường được. Hữu chất tính còn là tính-chất của những cái gì, tự chúng vô hình, vô tượng, nhưng bị lệ thuộc hoàn-toàn vào những vật nói trên. Vào số này có những nguyên sinh lực (principes vitaux) của những sinh vật hạ đẳng : thực-vật và động-vật (hay thú-vật). Hoàn toàn lệ-thuộc, vì chúng không thè có một hữu-thè (être) hay một hoạt-động (action vitale) biệt-lập được.

Sự-kiện tâm-linh không có tính-cách hữu chất. Trước hết chúng không thè định chỗ được. Nhiều khi ta có cảm-tưởng như là cảm-giác ở bàn tay, tay tôi cảm thấy lạnh, hay thấy lạnh ở bàn tay tôi. Thực ra, có thè định chỗ những sự thay đổi sinh-lý-học, là những điều-kiện cho cảm-giác xuất-hiện. Còn chính cảm-giác, không thè được đặt vào chỗ nào. Kinh-nghiệm cho ta biết, người cụt chân cụt tay vẫn còn cảm thấy đau ở nơi chi-thè mà họ không còn nữa. Tại sao thế ? Các nhà tâm-lý-học thừa rằng : tại nền giáo-dục và tập quán, theo đó ta quen cảm thấy đau, mỗi khi có sự đụng-chạm sinh-lý ở một nơi nào nhất định trong xác. Muốn hiểu kỹ hơn phải thêm rằng, tâm hồn muốn hoạt động trong đời sống hiện tại, cần phải nhờ tới xác, nghĩa là có lệ thuộc vào vật-chất, như sẽ thấy sau. Nhưng sự lệ thuộc đó không có tính-cách toàn-diện. Hồn cẩn tới xác để bắt đầu. Vật-lý và sinh lý đóng vai trò kích-thích và điều-kiện. Ngoài ra hữu thè và hoạt-động của hồn có một phạm-vi biệt-lập, mặc dầu có tính-cách lệ-thuộc trong một phạm-vi khác.

### B.— TÂM-LÝ ẢNH-HƯỞNG TỚI SINH-LÝ.

**I.— Cuộc sinh-hoạt** Ta tư-tưởng được như hiện giờ là nhờ cái tri-thức. Đời sống tinh thần không phải được phát triển ngoài rìa những cơ-quan của xác. Trái lại, giữa tư-tưởng của ta và những cơ-quan này có một dây liên lạc mật thiết. Một ý-tưởng có thè làm chấn động nơi xác. Thỉnh thoảng ta chẳng thấy chóng mặt là gì ? Chính vì ta nhận-thức trong tưởng-tượng rằng ta có thè ngã được. Người ta đã thí-nghiệm lúc há miệng, khó có thè tư-tưởng được âm ... Nó sẽ thành chữ a. Khi

chú ý nghe một bài nhạc hay, thường mắt không chớp, miệng há hốc một cách vô ý thức.

Hoạt-động tinh-thần giảm bớt rất nhiều cỗ gắng của cơ thể. Người ta biết điều đó là do nhà tâm lý học người Đức Lehmann. Ông bảo một người kéo một vật, sức bắp thịt được ghi vào trong máy gọi là ergographe. Đồng thời ông bảo họ làm một cái tinh. Lúc làm tinh, bắp thịt co bóp lại. Làm tinh xong bắp thịt lại nở ra.

Làm việc tinh-thần nhiều quá, rất hại sức khỏe, làm tê-liệt dần cơ thể. Khoa học cũng minh chứng điều nhận xét thông thường này theo thí nghiệm của Nayrac. Một học trò 19 tuổi, rất dễ bị kích-động. Sáng cứ 5 giờ thức; chiều chín giờ đi ngủ. Anh rất chăm đang dọn thi vào một ban trường Đại-học. Ông thí nghiệm vào lúc cuối năm học, trong 8 ngày liền, sáng và chiều đem đến kết quả như sau :

NGÀY	SỐ HỒNG HUYẾT CẦU	
	Sáng	Chiều
1	6.019.000	5.186.000
2	5.947.000	4.926.000
3	6.005.000	4.825.008
4	5.985.000	4.900.000
5	6.025.000	4.710.000
6	5.875.000	5.000.000
7	5.925.000	4.875.000
8	5.412.000	4.622.000

Xem thế, thì cứ chiều là bớt số hồng huyết cầu. Ông Dumas cho rằng bớt như thế, là do những cử động của xác luôn luôn đi theo sự cố gắng tinh thần. Nói khác đi, hai sự kiện sinh lý và tâm linh lệ thuộc vào nhau một cách rõ rệt.

**II.—Cuộc sống-hoạt-động.** Trong cuộc sống hàng ngày có nhiều cử chỉ và hoạt động, không bị lý trí chi phối. Chúng không có tính-cách ý-thức nào cả. Tuy nhiên, có

rất nhiều hành động do ý thức và ý chí giật dây : vì tôi muốn, nên tôi nói, tôi đi, tôi viết, tôi chơi. Ấy là chưa kể những nét ngoài mặt, thường phát lộ một đức tính nào àn náu bên trong tâm hồn. Một nhà tư tưởng có một diện mạo khác với một người thôn quê chỉ biết việc đồng áng. Những nghệ sĩ thường rất dễ được người ta nhận ra, nhờ những cử chỉ bộc ngoài.

**III.— Cuộc sinh-hoạt** Trong phạm vi này, tâm lý ảnh hưởng rất **tình-cảm**. Nhiều đến sinh lý. Một cảm xúc mạnh có thể làm tê liệt hẳn những cơ năng sinh lý.

Đã có người so sánh những cảm xúc mạnh đó với vết thương nặng trên đầu. Có người vui quá mà khóc, có người buồn quá mà khóc.

Những tình cảm chi phối việc tiêu hóa. Bực quá, mất ăn mất ngủ. Người vui tráy lại ăn no ngủ nhiều. Lúc giận máu chảy mau ; lúc sợ máu chảy chậm.

### C.— SINH-LÝ ÁNH-HƯỞNG TỚI TÂM-LÝ.

Ánh hưởng ngược chiều này được nhận xét một cách rõ hơn trong phương-diện tâm-lý học. Đã từ lâu, nhất là từ khi có phong trào ly khai do Descartes khởi xướng, người ta quên chân lý căn bản này. Thực ra, xác chi phối một cách không thể chối cãi được đời sống tâm-lý. Ít nhất phải nhận rằng, xác là điều kiện tối cần cho việc thực hiện đời sống linh hồn, như hiện có.

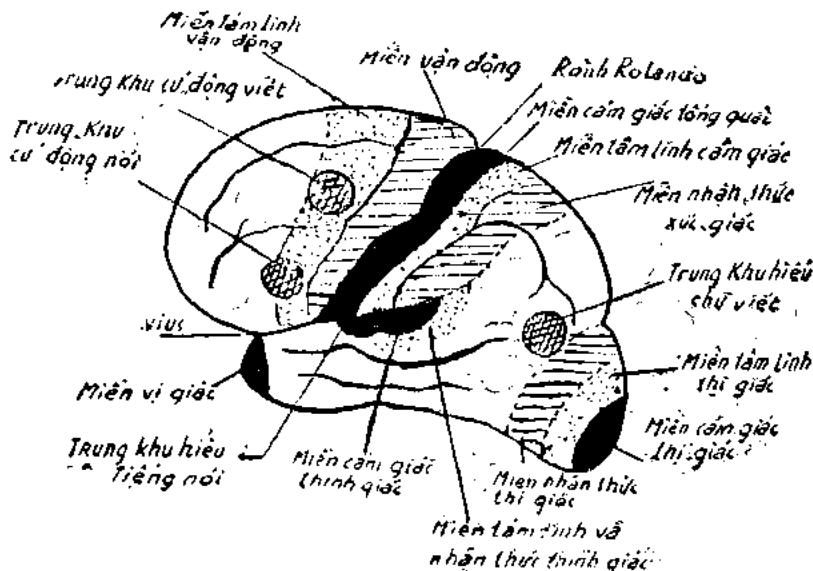
**I.— Tình-hình chung** Ta viết sau đây những nhận xét then chốt của xác đối với hồn. Xác, phương tiện hành động của hồn ; xác, phương tiện biểu lộ của hồn ; xác, phương tiện cảm thông của hồn.

Xác : *phương tiện hành động của hồn*. Thực ra hồn nhờ xác để hành động bộc ngoài hay bộc trong. Đã rõ, muốn sống phải ăn uống phải tranh đấu với khu vực ngoại giới, phải thích nghi với hoàn cảnh thiên-nhiên, phải phản ứng theo với nhịp vũ trụ. Muốn thực hiện một nền văn minh, phải có tư tưởng đã đành, còn phải có gân cốt của bắp thịt. Vì thế mà xác có một năng lực tuyệt vời để thích nghi. Nguyên một cái tay đã mềm dẻo biết mấy ! Nó có thể làm cho vật biến hóa thiên hình vạn tượng. Cả những hành động riêng biệt nhất của hồn, như hành động tư tưởng, cũng cần phải có

xác. Xác được cấu tạo nên cho hồn, là đề phối hợp với hồn trong việc tư-tưởng. Trong hiện tình đời sống con người, không thể nào có tư-tưởng, nếu không có một cuộc chuẩn bị huấn luyện và giáo dục nơi xác. Một tri-thức tinh-thần cần phải có cảm-giác minh-bạch. Lại nữa, chính nhờ những hành động của xác mà trẻ con với tuổi thêm — có thể có ý thức về mình. Cuộc chuẩn bị đó bắt nỗi nhất nơi óc, như ta sẽ nói sau.

Tư-tưởng phải cần tất cả xác để xuất hiện. Đây là lời có vẻ nghịch thuyết của Alexis-Carrel: « Tư-tưởng là con đẻ của tuyển nội tiết cũng như của vỏ não: la pensée est la fille des glandes à sécrétion interne aussi bien que de l'écorce cérébrale » (1)

Sau hết, phải có một sự tham dự trực tiếp của xác tư-tưởng mới thành hình. Không phải chỉ trí-năng tư-tưởng, tất cả người phải tư-tưởng. Xác không phải là một dụng cụ xa lạ ở ngoài, mà là một bạn trâm năm, một đoàn viên tiếp tế cho trí năng những điều kiện căn bản để người suy-nghĩ được. Cả những ý thức về vũ trụ cũng như về chính mình mà hồn có, cũng nhờ xác cả.



HÌNH 2 : Các định vị não. (Phỏng theo Vũ-văn-Tuyên, Vạn-vật-học đệ Nhất Khoa-học-thực-nghiệm, tập 1. 1960)

(1) L'homme, cet inconnu.

**Xác :** phuơng tiện biều lộ của hồn. Đời sống nội tâm được biều lộ ra ngoài là nhở xác. Tâm hồn trở nên cái gì có thể cảm giác được là nhở những dấu hiệu thuộc thể xác. Dấu hiệu nơi nét mặt và nơi cơ quan. Hỉ, nộ, ai, cự, ái, ố, dục : thất tình của hồn phơi ra nơi xác.

Dấu hiệu đặc biệt nhất, là ngôn ngữ. Lời nói, chính là tinh thần nhập thể. Nó được dùng để tả những tư tưởng trừu tượng thuần túy, phô biến. Một trật nó có thể dùng để phiên dịch sát nghĩa tất cả con người. Tùy theo giọng trầm bồng, âm thanh nhịp nhàng mà một lời có thể bộc lộ hết thâm tâm của một người. Và ở đây là chỗ phải nhắc tới những nhà nghệ sĩ, bắt cứ ở ngành họa hay ngành nhạc.

**Xác :** phuơng tiện cảm-thông. Khả năng tối thượng của xác là làm chỗ cảm thông giữa vũ trụ và hồn, giữa hồn với hồn và giữa hồn với Thượng đế.

Ta sẽ thấy, trong cuộc tiến hóa, xác đã lượm nhặt được tất cả những gì là hoàn hảo nơi những vật khác để gói ghém lại thành một tiêu vũ trụ : khoáng chất có, linh chất có. Nhờ xác, một đảng vũ trụ được chuyển thành nên một vật gì không phải chỉ thuần vật chất và được biến hóa ra cái gì vượt giới lượng chất và giới trung độ. Một đảng hồn mà được hưởng tất cả cái đẹp của vũ trụ cũng là nhở xác.

Là những hữu thể bát ngàn, các tâm hồn chỉ có thể phát triển bằng sự thông phản thiện hảo cho nhau. Sự thông cảm đó không thể thực hiện cách trực tiếp ở thế giới bên này được. Nên chỉ còn phải nhờ xác để một linh hồn có thể hiện diện trước một linh hồn khác. Hơn nữa, hai tâm hồn có thể đụng chạm nhau, bằng những cử chỉ và điệu bộ của xác. Hãy tưởng tượng nụ cười của người mẹ với đứa con. Hãy nghĩ tới cái nhìn sau hết của người sắp lia trán. Đó là biều lộ cả một nhở thương, luyến tiếc như mũi tên bắn vào tận tâm hồn những ai họ phải bỏ lại trên dương thế.

Khả năng tâm lý học của xác còn tiến xa tới chỗ tột bức : xác là biểu hiệu của hồn tự hiến tặng cho Thượng-đế. Một cái bái quỳ chắp tay, nét mặt trầm tĩnh v.v... trong những cử chỉ đó, hồn phổi

hợp với Thượng đế thông cảm với Ngài. Ngài như hiện diện trước mặt linh hồn. Cầu kinh công cộng, đọc trong một phiên họp tế tự, là một bài thơ của hồn nhờ xác đọc trước tòa Thượng đế ; ca nhạc cử chỉ... tất cả được tạo ra để biểu lộ tâm tình, để làm giây hệ lụy nối chặt hồn với Thượng-Đế. Do đó, xác chẳng những bồ túc cho hồn trong lúc hồn tiếp xúc với ngoại giới, lại còn là nơi gấp gáp giữa hồn và Thượng-đế.

**II.— Một vài hệ-thống** Bàn về tình hình chung của xác đối với hồn riêng của xác ảnh. xong chúng ta đi vào chi tiết của một vài hướng tới hồn. hệ thống của xác ngày nay được các nhà tâm lý học đem ra ánh sáng, có ảnh-hưởng rất lớn đối với tâm hồn. Đó là hệ-thống óc, hệ-thống kích-thích tố (1) và hệ-thống giao cảm (2).

### 1.— Hệ-thống óc và thần-kinh.

Cuộc tiến-triển óc. Trung tâm điểm của đời sống tinh thần con người là cái óc với cái tủy xương sống, nơi tập-trung của bộ thần-kinh-hệ. Muốn hiểu tính cách quan trọng của cái óc con người, cần phải ngược lại: dòng tiến-hóa (3), từ khi loài có xương sống xuất hiện. Thực ra, trong suốt cuộc tiến hóa, không có cơ-quan nào được chú trọng tới cho bằng bộ óc. Nơi các vật dưới, chỉ có một nút to ở đầu tủy xương sống. Thê rồi càng tiến hóa, bộ đầu và bộ óc càng thêm phức tạp. Tới con người, óc phát triển hẳn lên, thay thế cho những cơ năng hạ tầng, đồng thời làm trụ sở cho tư tưởng phát hiện. Với bộ óc người, ta thấy một dị biệt rất lớn. Nơi khỉ vì còn phải có những hoạt động thú vật nhiều hơn, nên phía mặt, nhất là hàm răng, còn dài. Do đó chúng có vẻ nguy hiểm và dữ tợn. Trái lại, nơi người, phía mặt nhỏ dần, làm nồi bật cái óc, trụ sở của tư tưởng. Nhất là về phía trán, cuộc phát triển đi tới chỗ lập nên lên một khí giới đáng sợ, đối với vật dưới, khí giới đó là tư-tưởng.

(1) Hormone. Các ông LÉ-VAN-CAN và NGUYỄN-HỮU-QUAN trong Danh-từ thgc-vật dịch là tính-tráp.

(2) Système sympathique.

(3) Được coi như là một giả-thuyết khoa-học.



Hình 3 : Về phạm vi thè xác, thuyết tiến hóa có thể đứng vững được không?

Cuộc tiến-triền đó một khi tới con người, là kết cục bằng một sự cô lập hóa tư tưởng ra khỏi sự kiện do ngũ-quan. Dĩ nhiên, óc vẫn là điều kiện cần. Tuy nhiên tư tưởng không lệ thuộc hẳn vào một chỗ nào, nó siêu việt hẳn cái bàn đạp hữu cơ. Những chức phận tri thức nơi vật, đều hướng về chỗ làm thỏa mãn những nhu cầu hiện tại thuộc bản năng. Trái lại, nơi con người còn có một hướng mới: chức phận tri thức có đây, là để con người biết quan sát, suy xét. Nó không còn là một phương tiện, nó thành mục đích. Do đó hiện tượng não bộ hóa cũng tiến và càng gần bần cầu, hoạt động tâm lý của con người càng trở thành tự lập. Trong cuốn *Con người tiến-hóa*, ông A.Vandel viết: « Óc thêm phức tạp, đối với chúng ta, là nhằm mục đích: óc được tột bực tờ chức nơi các vật có xương sống thượng đẳng, cho phép chúng thoát ra ngoài sự chi phối của tự động tính và của bản năng, và vì thế chúng có những phản ứng khác nhau, mềm dẻo, để thích nghi với biến cố bên ngoài. Nếu cuộc tiến hóa tuân tự là một cuộc tiến hóa cân não, chính vì cuộc tiến hóa này có mục đích giải phóng sinh vật cho khỏi tính máy móc, nhờ sự phát triển của trí tuệ cá nhân, tức là tư-tưởng ».

Còn về tờ chức của óc, các nhà giải phẫu học chia bộ óc ra làm ba tầng: óc dưới, óc giữa và óc trên. Óc dưới gồm có đầu tuy, chỗ ăn rộng ra, thường gọi là hành (*bulbe*). Trên nữa, có một chỗ phình (*protubérance*), tận cùng bằng cuống óc (*pédoncules cérébraux*). Rồi đến tiêu não (*cervelet*) nắp đằng sau chỗ phình, về phía gáy.

(1) A. VANDEL, *L'homme et la révolution*, Paris, 1949; p. 148.

Công tác của phần óc này là lo việc chuyển động, tự động và phản xạ hay xung động. Hành chỉ huy bộ hô hấp, những chuyển động của tim, bộ tiết nước bọt và bộ nuốt. Tiều não đảm bảo thế quân binh và phổi trí các cuộc chuyển động. Óc giữa gồm những đồng thần kinh ở ngay bên dưới bán cầu. Rồi đến những gian não thè. Đây là trung tâm của đời sống tình cảm. Một trong những công tác của thù có vắn, là phổi trí những cử động tự động thuộc phạm vi cảm xúc. Chính ở đây, mà đau khổ hay khoái lạc được định đoạt. Óc trên, gồm có bán cầu, mới là phần chính của óc, bao phủ tất cả một lớp cuộn não. Nó có một khối lượng to, trung bình cân nặng 1.200 gr, và thường không vượt quá 1.400 gr. Phần óc này điều-khiển tất cả các trung-tâm hạ tầng, nhất là trung tâm tình cảm tự-động. Nó lại còn là trung tâm của hành động nhân linh (*acte humain*), tức là hành-vi ý-chí và tư tưởng. Dĩ nhiên, như ta đã nói trước, người ta không thể định chỗ được tư-tưởng hẳn ở đâu. Tuy nhiên, với những thí nghiệm ta nói sau đây, người ta biết chắc những điều kiện phát-xuất sự kiện tâm linh ở chỗ nào.

Nên nói qua về cuộc thí nghiệm óc. Từ xưa người ta vẫn thường rằng màng trán là trung tâm của tư-tưởng. Ngày nay người ta dùng thuật mổ xé, cắt hắc trán đi (*lobectomy*) để thí-nghiệm. Việc tư-tưởng vẫn còn có thể thực hiện được, nhưng giảm đi khá nhiều, nhất là công tác tòng hợp. Đây là kết quả cuộc thí nghiệm của Bác sĩ Mỹ Brickner : «Những bệnh chứng của nạn nhân như sau : cái khuynh hướng tòng hợp và liên kết những yếu tố của một tình trạng, bị hại nặng ; nạn nhân trở thành dâng trì, bỏ việc này sang việc khác, không chọn hắc một việc nào, cũng không cố gắng để thực hiện việc đó. Các khả năng khác cũng kém đi, trí phán đoán tầm thường, kém khả năng thích nghi. Cái điều đáng chú ý nhất, là nạn nhân không thể thàm lượng được một tình hình nghiêm trọng thế nào, kẽ cả tình hình riêng của mình. Bickman qui tất những chứng bệnh đó về một chứng, là thiểu óc tòng-hợp ». (1) Xem như thế, thời có giây liên lạc mật thiết giữa tư-tưởng và phần óc trên.

(1) Psychologie physiologique, Paris, 1949, tom 2, p. 757.

Các nhà tâm lý học còn trình bày nhiều trường hợp hủy não (*décérébralisation*). Trước hết nơi thú vật. Càng tiến lên bậc thang thú vật, càng thấy những hiệu quả tai hại của việc hủy não, tức là lấy hẳn bán cầu đi, nơi đó bị hủy não, hiệu quả kè không có gì là tai hại. Tới đến chim, hiệu quả rõ rệt : nó cử động như một vật tự động không hon ; tuy rằng còn một chút tinh quái. Con chó bị hủy não của ông Goltz sống được 18 tháng và của ông Roshman (1929) sống được 36 tháng. Cả hai chó còn giữ nguyên vẹn những cơ năng sinh lý, cũng hays còn giờ một cẳng lên lúc tiêu tiện. Hays còn biết phản ứng lại những kích thích đau đớn. Nhưng không còn nhận thức gì, cũng không cảm giác gì nữa.

Những thí nghiệm trên đây khó đem áp dụng vào con người được. Tuy nhiên có nhiều trường hợp trẻ sinh ra đã không có óc rồi. Chúng không có bán cầu, không có thè văn. Những cơ-quan cảm giác không bị kích-thích nữa. Chỉ còn một số rất ít phản xạ (*réflexes*), vì thế chúng không thè sống lâu, chỉ một hai ngày thôi. Các Bác-sĩ Đức, ông Edinger và ông Fischer, đã có thè quan sát được một trẻ không não sống sót được 4 năm. Nhận xét ra thời thấy linh khí (*Psychisme*) của trẻ đó kém linh khí của chó bị hủy não. Tại vì nơi chó, đời sống linh khí tập trung cả ở phần óc dưới hay giữa. Rút phần óc trên đi, những cử động xem ra lại phong phú hơn. Trái lại nơi người, phần óc trên điều khiển đời sống tâm-linh đồng thời kiêm cả chức phận hạ tầng, nên một khi không óc, là trở thành một vật tự động, như cái máy và chuyền động trùng điệp như thằng phông. Nơi người lớn, chỉ có thè thí nghiệm một cách gián tiếp thôi. Thực ra việc não bộ hóa tuân tự tiến ngay từ lúc mới sinh, phát triển trong những tuần đầu, và nơi người lớn có học, việc đó còn tiếp tục. Tất cả những việc học hỏi : tập cầm đũa, tập nói tiếng mẹ đẻ hay một ngoại ngữ khác, học luân lý để tư tưởng đúng... đều lấn áp những phản xạ tự động. Vì thế nơi người trí thức, tờ chức óc có phần phức tạp hơn và đối với kích thích ở ngoài rất dễ cảm hơn là óc người mù chữ. Nhìn vào trẻ ở lớp mẫu giáo đủ biết : chúng cựa cậy luôn, động đật luôn mà không học ngay. Lý do là phần óc dưới chúng chưa lệ thuộc vào phần óc trên đủ. Một khi đã có sự lệ thuộc đó rồi, việc chơi và việc học dễ dàng bằng nhau. Về phương diện tình cảm cũng thế.

Thè dịch (*humeur*) của đứa trẻ còn mang sữa hoàn toàn do những nhu cầu hữu cơ. Nhờ việc giáo dục, chúng sẽ làm chủ được những trung tâm của phần óc dưới, biết trì hoãn những nhu cầu kia và thẳng lướt được sự quyền rũ của khoái lạc cảm giác, bằng nghỉ tới những giá trị thương dâng.

Nhiều thí-nghiệm khác cho biết đời sống trí tuệ cân xứng với trọng lượng và phàm-chất của óc. Trọng-lượng nói đây là trọng-lượng tương đối với trọng lượng của toàn thể xác. Trung bình nơi người ta là 1/49. Bác sĩ Dubois, người khám phá ra óc người thạch hóa Hầu nhân (*Pithécanthrope*) tại Java (năm 1894), tìm ra công thức sau này :

$K = \frac{E}{P}$  với lũy-thừa 0,56 trọng-lượng của xác = P.

$$K = \frac{E}{P \cdot 0,56}$$

Giá-trị của K là : hệ số của não-bộ hay trí-tuệ cân-đối :

nơi người . . . . .	2,8
nơi khỉ hình-nhân . . . . .	0,7
khỉ thường . . . . .	0,4 hay 0,5
chim sẻ . . . . .	0,13
chuột nhắt . . . . .	0,7

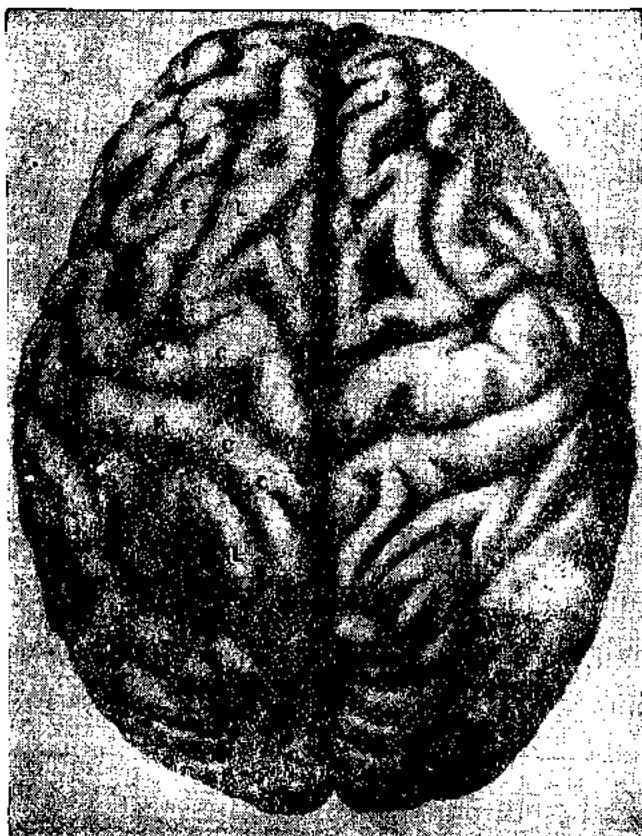
Ngoài ra còn phải đề ý tới phàm-chất óc trên nữa. Trung bình óc người nặng từ 1.200 tới 1.400 gr. Óc của Anatole France chỉ có 1.017 gr. Nhưng những giáo-sư trường thuốc ở Tours đều nhận rằng khúc cuộn óc của ông khác thường, chỗ phình lên rất phức tạp, chỗ lõm xuống lại sâu, những nếp gấp nhiều hơn và lượn khúc quanh rộng hơn, cả đèn những mảnh trán cũng phức-tạp khác thường (1).

Sau hết, cái cân của Mosso (Ý) cho ta thấy khi làm tính hay khi học, máu chạy lên đầu. Theo ông Hansberger những luồng điện trong óc cũng lên xuống, mỗi khi ta phải suy nghĩ giải-quyết một vấn-dề nào. (2).

(1) Xem trong ANNALES MEDICO-PSYCHOLOGIQUES, p. 78-88.  
(2) F. POULQUIÉ. o. c. 67-68.

2.— Hệ-thống kích-thích-tố (*système hormonal*).

Kích-thích-tố, dịch tiếng Pháp *hormones*. Tiếng này do tiếng Hi-lạp, nghĩa là kích-thích. Kích-thích-tố là những chất tiết ra do tuyến-nội-tiết. Pha vào máu, những chất này giúp rất nhiều vào việc phát triển cơ-quan, đồng thời, đóng vai trò điều-hòa và chỉ-phối các hoạt-dộng sinh-lý và tâm-lý, giống vai trò của bộ óc.



Hình 4: Não-bộ, nhìn từ trên xuống, với những cuộn não quanh co, phân ra làm hai bên cầu.

FL — miền vỏ trán.

ACC — cuộn não trung-lâm, miền trên

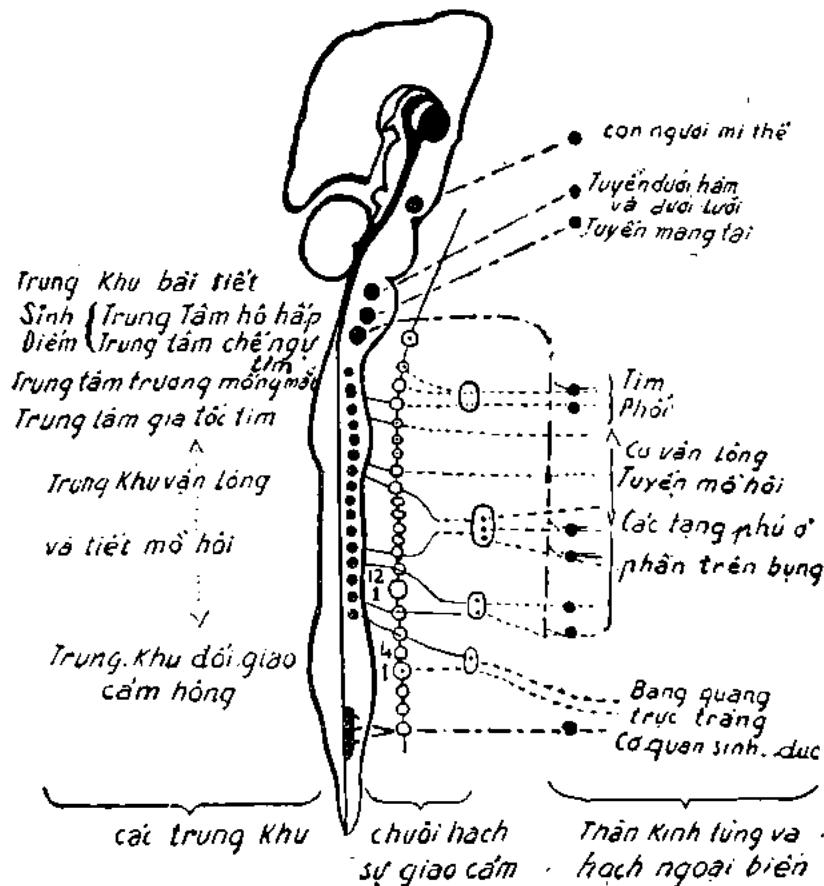
RF — khe Roland

PCC — cuộn não trung-lâm miền dưới

PL — miền vỏ gần thái-dương

OC — miền vỏ gáy sau đầu

Hệ-thống này bắt đầu ở não-thủy trong bộ đầu. Não-thủy là trung-tâm điều-khiển toàn thè các tuyến-nội-tiết. Thiếu nó là thường sinh chứng, người pháp gọi là *enfantilisme*: có thè dịch là nhi-chứng nghĩa là người trưởng-thành mà còn giữ những tinh trẻ



HÌNH 5: Giải dò hệ dinh-dưỡng :

... . . . . hệ trực giao cảm

—. —. — hệ dõi giao cảm

T. t — tung tim ; T. m. tung mặt trời ;

T. tr tung tràng hệ ; T. h. — tung hệ vi.  
(phỏng theo Vũ văn Tuyên)

con, trong phạm-vi sinh-lý cũng như tâm lý. Can hệ nhất là tuyến giáp trạng (*glande thyroïde*). Thiếu nó, con người sinh ra chậm-chạp, lười biếng tinh-thần. Có nó nhiều, lại sinh ra chứng cảm-xúc quá độ, gây nên trạng thái rồ-rạc trong tư tưởng và nơi hành vi. Tuyến thận làm cho tim đập mạnh. Có cả những kích-thích tố thuộc tính (*hormones sexuelles*) ảnh hưởng rất nhiều tới thái độ con người trong phạm vi ái-tình.

### 3) Hệ thống giao cảm (*système sympathique*).

Thuộc hệ thống này, là toàn thể những yếu tố thần-kinh chỉ huy những chuyền động cuộc sống sinh thực như ti vị, tim, gan, ruột,. . Hệ thống này gồm nhiều thứ hạch khác nhau (*ganglions*). Có thứ hạch gọi là trực-giao-cảm (*orthosympathique*) ở hai bên xương sống và tiếp xúc với tủy. Nó đóng vai trò kích thích. Khi nào kích-thích quá, thời sinh ra cảm xúc tinh. Có thứ hạch gọi là tiết giao cảm, ở sát gần những hạch trên, để điều hòa. Nếu có nó nhiều quá, con người sinh ra yên tĩnh ít nói.

Nói tóm lại hệ thống giao cảm cộng tác với hệ thống kích-thích để bảo đảm đời sống duy nhất của cơ thể. Hai hệ-thống ảnh hưởng vào nhau, để rồi ảnh hưởng đến tận đời sống tâm-lý.

## D.— CẮT NGHĨA MỐI TƯƠNG QUAN TÂM SINH LÝ

Những sự kiện vừa thường nghiệm vừa khoa-học dẫn ở trên, chứng tỏ tâm lý ảnh hưởng tới sinh lý và nhất là ngược lại, sinh-ly cũng ảnh hưởng tới tâm lý. Đến lúc phải cắt nghĩa hay là tìm lý do những sự kiện đó thế nào ? Theo quan niệm cổ điên, thì xác và tinh thần là hai vật dị-chất, nhưng ảnh hưởng lẫn nhau. Hai cuộc sinh hoạt xác và hồn — là hai dòng nước chảy khác chiều, nhưng rất nhiều khi gặp nhau. Quan niệm này có phần đơn sơ dễ hiểu. Tuy nhiên, đúng về phương diện tâm lý, có nhiều vấn đề không thể giải quyết được như : nếu xác và hồn dị chất, thời làm sao có được những ảnh hưởng hỗ-tương ? Trước câu hỏi đó, những nhà tâm lý hiện đại đem ra nhiều giả thuyết, có vẻ đơn giản, nhưng vẫn chưa thỏa mãn được tri khôn. Ta trình bày và phê bình hai giả thuyết chính là thuyết tâm-sinh-lý song hành và thuyết phụ-tương.

**I.— Thuyết tâm-sinh lý song-hành.**

Thuyết này có nhiều hình-thức. Hình thức hữu thần do Leibnitz chủ trương, và hình thức vô thần do nhiều học giả cận đại công nhận.

*Hình thức của Leibnitz.* Theo tiên sinh Xác và Hồn là hai vật dị chất; hai bên không ảnh hưởng vào nhau gì cả. Nhưng hễ trong hồn có hiện tượng nào, thời trong xác cũng có hiện tượng tương ứng. Tại sao vậy? Vì có một hòa điệu (hòa-điệu-thuyết) đã được Thượng-Đế đặt trước, giống như những cử động đồng loạt trên sân vận-động, do một cán bộ điều khiển. Leibnitz phải nại tới chính Thượng-Đế để cầm cẩn này mục cho cuộc sinh hoạt thê xác và tâm lý giống nhau chạy đều.

**II.— Thuyết tâm-sinh lý đồng-hóa.** Ngày nay nhiều học giả vẫn còn nhận ý tưởng song song của Leibnitz tiên sinh. Nhưng họ không nhận quyền can thiệp của Thượng-Đế. Họ tìm câu cắt nghĩa gần hơn, bằng đồng hóa tâm-lý với sinh-lý.

Giữa sự kiện cắn não và tâm-lý có một sự tương đương tuyệt đối, vì hai hiện tượng chỉ là một hiện tượng có hai mặt: mặt trái và mặt phải. Một mặt là đối tượng của ngũ-quan; một mặt là đối tượng của ý-thức. Hoffdings cho thí dụ: cũng một tư tưởng được diễn hai thứ tiếng. Như thế, tâm-linh và óc não là hai danh từ dị âm đồng nghĩa. Nhưng cái điểm cốt yếu của thuyết này là, ở giữa hai hiện tượng hay sự kiện không có một mối giây nhân quả nào.

**III.— Thuyết phụ-** Theo thuyết này, ý-thức tâm-linh chỉ là hiện tượng phụ, được thêm vào hiện tượng sinh-lý. Khi nào tâm linh được thêm vào, nhào trộn với hiện tượng sinh-lý thời lúc đó có tên là tâm-lý, thành một tri thức, một định đoạt hay một cảm tình. Chứ ý-thức tâm linh không thay đổi chuỗi dài của các nguyên nhân chỉ có tính cách vật chất. Nó chỉ là cái đèn pha soi lối cho anh lái xe biết rõ nguy mà tránh, chứ chính nó không tránh những nguy đó cho anh lái xe cũng như không ảnh hưởng gì tới động cơ. Cũng vậy, cảm giác bỗng tay chỉ bảo tôi biết rằng tôi đặt tay trên lửa, nhưng việc rút tay ra là do

ánh hưởng thần kinh, chứ không phải vì tôi cảm thấy đau. Theo đó thời ý thức trong đời sống tâm lý chỉ là cái ruột thừa. Đè cũng thế, mà cắt đi cũng không hại gì hay đòi gì cả (1). Huxley (Anh) cho rằng ý thức không ảnh hưởng gì tới cơ thể, cũng như tiếng còi rúc mỗi khi đầu máy xe lửa chạy, không ảnh hưởng gì tới những then máy (2); ý-thức chỉ là một chứng nhân, có mặt hay không, cơ thể cứ hành động. Madsley còn thêm : « ý thức chỉ là xa-xỉ phàm »(3).

#### IV.— Phê-bình.

Phải nghĩ thế nào về những thuyết vừa được trình bày trên đây ?

*Đối với thuyết tâm-sinh-lý song-hành.*— Bergson đã phê bình trong cuốn *Nghị-lực thiêng-liêng* (*Énergie spirituelle*) một cách rất đầy đủ, bằng hai ý-tưởng chính này. Cái luật song hành giữa hai loại hiện-tượng tâm-lý và sinh-lý, nhiều lúc chỉ là một luật đặc phuơng. Mỗi khi có một sự kiện sinh lý, thời đối lại thường có một sự kiện tâm lý. Thực ra, tư-tưởng cần phải nhờ tới cân não để được thực hiện. Nhưng đôi khi, sinh hoạt của tâm hồn lại là một sinh hoạt tự-lập. Ấy là chưa kể đến những sự kiện sinh lý thường không thấy có hiện tượng tâm lý tương đương nào cả, như toát mồ hôi, mọc móng tay.

Thứ đến cái luật tâm sinh lý song hành là luật tương đối. Ta có thể dùng kính hiền-vi, để dự cuộc khiêu vũ của những mìn nguyên tử trong óc, của những tế-bào đun đầy nhau, của những đường gân chạy ngang chạy dọc. Nhưng do đó, chúng ta chỉ biết được một chút đời sống của tâm hồn. Bergson viết : Nhìn như thế, chẳng khác một đám khán giả ngồi xa xem kịch. Những cử chỉ, những cái múa máy, những cái đi đi lại lại, họ xem thấy, nhưng không hiểu gì mấy, vì không nghe được những lời của vai tường (4). Ông còn thêm : Có một mối giây liên đới giữa tâm hồn và óc, điều đó không ai chối cãi. Như giữa cái đanh và áo treo ở đanh cũng có mối giây liên đới, đến nỗi nhò đanh đi là áo rơi. Nhưng ai dám bảo

(1) Cùa Taine, De l'intelligence, 329 ; cùa Hoffding, Psychologie p. 82.

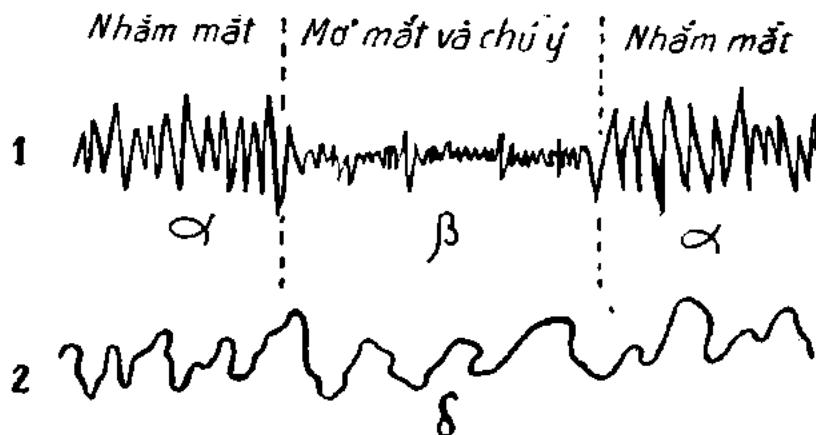
(2) Thuyết này của Madsley (1835-1918) của Huyley (1825-1895), của Ribot (1839-1916) và Pieron : L'évolution de la Mémoire Paris p. 35.

(3) Xem trong W. James. Principles of Psychology, I, 139.

(4) Énergie spirituelle, 45.

vì thế mà hình thức đành phải rập mẫu hình thức áo? Cũng vậy, sự kiện tâm-lý bị « treo » vào một cái « đanh » trong óc, nhưng không bao hai loại sự-kiện phải tuyệt đối song song (1).

*Phê bình thuyết Tâm-sinh-lý đồng hóa và thuyết phụ-tượng.*— Một vài nhận xét của thuyết này có thè thật và đúng: có nhiều hiện tượng hay sự kiện tâm lý có tính cách vô ý-thức hay tiềm thức, trong đó ý-thức xem ra không đóng vai trò nào cả, nghĩa là ý-thức chỉ là một bàng-quang lanh-dạm. Tuy nhiên thuyết đó vẫn chưa giải-quyet được sự tương-quan ở giữa sự-kiện sinh-lý có ý thức kèm theo. Trong trường hợp này, cho rằng phụ đi nữa, cũng phải cắt nghĩa sự hữu diện của nó. Ấy là chưa kể đến điểm này là: điều mà thuyết phụ-tượng chủ-trương, ai có thể kiềm soát được? Gai đâm đau tay ai dám chắc rằng vì đau tay nên tôi giựt tay ra, hay là vì tay tôi có gân cử động, nên tôi giựt nó ra? Điều đáng trách thuyết phụ-tượng nữa là, tại làm sao có ít nhiều hiện tượng sinh lý có thêm ý-thức thôi? Sau hết thuyết phụ-tượng phản khoa học: một là có hiện tượng, hai là không có hiện-tượng. Một cái bẩn hiện-tượng



Hình 6 : Điện não ở Người.

1.— phản ứng định-chi

2.— Lúc ngủ

(phỏng theo Vũ-văn Tuyên)

(1) Matière et Mémoire V.VI.

là điều phi-lý, mơ hồ. Các nhà phân tâm học còn đem ra nhiều sự kiện phản lại thuyết phụ-tương. Người ta có thể chữa bệnh bằng tâm lý với khoa liệu-pháp tinh-thần (*psychothérapie*). Rồi trong nhiều trường hợp sự-kiện sinh lý lại là phụ-tương, còn sự-kiện tâm lý lại đóng vai trò chính : xấu hổ đỏ mặt, cái đỏ mặt không hệ cho bằng cái biết mình đỏ mặt.

**V. Thuyết chất-mô** Phù nhện yếu tố ý-thức tâm linh trong đời sống con người, thuyết tâm sinh lý đồng-hoa dưới hình-thức cận-đại và thuyết phụ-tương cả hai đều rơi vào hổ-duy-vật, cho cả hai loại hiện-tượng chỉ là hai trạng-thái (như âm dương) của một thực tại duy nhất, tức là vật chất. Trong trường hợp này, vẫn-dễ tương quan đã được đặt ra ở trên, dĩ nhiên phải biến mất. Nhưng đồng thời gây ra biết bao nhiêu sự khó hiểu. Dẫu thế nào cũng phải công nhận có tư-tưởng, không thể bướng mà bảo vật chất tư-tưởng được mà bảo vật chất tư-tưởng được, vì tư-tưởng hay bất cứ một sự-kiện hay hiện-tượng tâm linh nào có những đặc-tính không thể tương-hợp với vật-chất, như ta đã phân tích ở trên.

Muốn cắt nghĩa những ảnh-hưởng hồn-tương trên, cần phải trở về quan-niệm chất-mô (*hylémorphisme*) cổ-diễn : con người là một vật duy-nhất gồm hai phần chính cấu thành nên : xác và hồn. Chúng ta không thể chỉ là hồn hay xác, chúng ta là hồn và xác. Mỗi bên có những hành động riêng của mình, nhưng vì cùng chung đựng nhau trong một hữu-thể độc-nhất, nên thường ảnh-hưởng vào nhau. Quan-niệm này xây trên một chân-lý siêu-hình-học, được phái-kinh-viện diễn-bằng hai danh từ chuyên-môn : xác là chất-thể (*matière*) của hồn và hồn là mô-thể (*forme*) của xác. Chất-thể và mô-thể là hai thực tại-bất-toàn, nhưng là hai nguyên-tố cấu-thành nên con người, đúng với câu định-nghĩa người là con-thú có lý-tinh (*l'homme est un animal raisonnable*). Theo quan-niệm này, duy-tâm cũng không đúng mà duy-vật cũng sai. Đối với con người, phải có cả tâm và vật nhưng mỗi bên ở trong địa-vị và phạm-vi của mình, mỗi bên phải đóng-vai-trò cho đúng trong toàn-thể con người : vai-trò vừa tự-lập vừa hồn-tương.

## CHƯƠNG 6

### TINH-THẦN VÀ XÃ-HỘI: TÂM-XÃ-HỘI-HỌC

- o *Mối tương-quan Tâm-xã-hội.*
- o *Cắt nghĩa mối tương-quan Tâm-xã-hội.*



#### A.— MỐI TƯƠNG-QUAN TÂM-XÃ-HỘI

I.— **Nghĩa rộng, hẹp** Xã-hội nói tới ở đây, có thể hiểu theo **của danh-từ xã**. Nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Theo nghĩa hẹp, xã-hội chỉ một đoàn-thể nhỏ hay lớn gồm ít nhất từ hai người trở lên, sống chung với nhau, với cùng một số tư-tưởng, hoài-bão, tình cảm, theo đuổi cùng một mục-dịch chung. Theo nghĩa này, gia đình cũng là một xã-hội rồi. Nếu hiểu theo một nghĩa hẹp thông dụng hơn, xã-hội thường chỉ những đoàn-thể lớn hơn gia-dinh, và đôi khi còn chỉ những đoàn-thể lớn hơn cả những đoàn thể trung-gian như nghiệp-doàn các giới công, thương...

Theo nghĩa rộng, danh-từ xã-hội có thể gói-ghém cả những biến-cố lịch-sử (cuộc gặp-gỡ Đông, Tây vào thế kỷ 16, chẳng hạn; hay thu hẹp hơn, cuộc phân tranh Nguyễn, Trịnh...), những pháp-chế điều-khiển sự diễn-biến lịch-sử của một dân-tộc hay của toàn-thể nhân-loại (luật gia-dinh V.N., hiến-pháp của một nước, hiến-chương Liên hiệp quốc, v.v...).

Xem như trên, thời nguyên một sự sống chung cũng có thể làm thành xã-hội-tính của một vật. Tuy-nhiên, đó mới chỉ là một trong nhiều yếu-tố cấu-tạo nên xã-hội-tính. Ở đây, ta theo cả hai nghĩa hẹp và rộng để trình bày mối tương-quan tâm-xã-hội.

**II.—Những điểm dị**

**đồng-giữa-sự-kiện-tâm-lý-và-sự-kiện-xã-hội.**

*1) Hai loại sự-kiện giống nhau.*  
 Nếu hiểu danh-từ xã-hội như vừa trình bày, thời hai loại sự-kiện tâm-lý và xã-hội đều gặp nhau ở *nhân-loại-tính* nghĩa là chúng đều thuộc về bản-tính con người. Mỗi người là một cá-nhân, nhưng đồng thời, cá nhân đó mang sẵn trong mình hình-hình-ảnh người khác, đến nỗi biết mình thời cũng biết người một phần nào (tri-kỳ-tính, tri-nhân-chi-tính). Về *nguồn gốc*, hai loại sự-kiện cũng đều do *tinh-thần* con người. Dẫu một số hiện-tượng tâm linh do những nền tảng sinh-vật mà có, tuy nhiên, vẫn còn một số khác do chính phần cao nhất nơi con người: phần tinh-thần. Sự-kiện xã-hội — những biến-cố lịch-sử, cũng như những pháp-chẽ — là sản phẩm của trí khôn con người, dầu sau này chính sản-phẩm đó lại chi-phối lại trí khôn, như ta sẽ thấy sau.

*2) Hai loại sự-kiện khác nhau.*

Xét *chủ-thể* phát-xuất, thời sự-kiện tâm-linh do một chủ-thể cá-nhân, độc-ngã, khó có thể trực-tiếp thông-trí. Còn sự-kiện xã-hội lại có một chủ-thể tập-thể, đa-ngã và trực-tiếp dễ-dàng thông-trí. Xét về *tính-chất* sự-kiện tâm-linh rõ-ràng minh-bạch hơn (dầu hay thay đổi), còn sự-kiện xã-hội bằng-bạc nhiều hơn. Nó có tính cách tán-mãnh, dầu không phải vì đó mà ảnh-hưởng của nó kém mảnh-liệt. Một dư luận, một tập-tục xã-hội, chẳng hạn.

**III.—Ảnh-hưởng**

**hỗ-tương.**

*1) Xã-hội ảnh-hưởng tới Tâm-lý.*

*Theo quan-diểm thường-nghịch.* Đời sống hằng ngày cho ta thấy rõ khu-vực xã-hội ảnh-hưởng rất nhiều tới sinh-hoạt tri-thức, ý-chí và tình-cảm của ta.

Trong phạm-vi *tri-thức*, nhiều ý-tưởng thoạt đầu xem ra có tính-cách bản-thân, thế mà phân-tich kỹ, lại là những ý-tưởng do xã-hội mà ta hấp-thụ được: ý-tưởng tôn-giáo phát hiện ở Á-Châu, như Phật-giáo, Khổng-giáo; ý-tưởng chính-trị: trước khi người Tây-phương sang Viễn-Đông, hầu hết các dân-tộc ở đây có nhiều tư-tưởng quân-chủ chuyên-chẽ. Trong việc phát triển tri-thức hay kiến-thức, khung-khổ xã-hội rất cần: người quê-phát-triển chậm hơn người ở tinh. Trong những đô-thị lớn, đông người, phong

tiện sẵn, tiếp xúc với người ngoài luôn, kiến-thức do đẩy phát triển mạnh, khoa học cũng tiến hơn. Các nhà thương Sài-gòn có nhiều khám phá hơn các nhà thương tinh nhò.

Trong phạm vi *hoạt động* cũng thế. Hành vi cử chỉ của một cá nhân thường là sản phẩm của khu vực vây quanh cá nhân đó. Những phản xạ của người trí thức quen sống với người trí thức, khác với những phản xạ của người lao-động sống trong khu vực thợ thuyền. Việc chọn nghề cũng thường bị xếp đặt trước do đoàn thể, do xã hội. Thời đại này, người ta thích nghề này hơn ; thời đại khác người ta lại thích nghề khác. Có nhiều nghề được tiếp tục trong cùng một gia đình qua nhiều thế hệ :

*Con vua thì lại làm vua,  
Con bác sãi chùa thì quét lá đà.*

Cũng trong phạm vi *hoạt động*, xã hội là đối tượng của rất nhiều hành vi con người. Không có gia đình, không có nghề nghiệp, không có quốc-gia, không có nhân loại, nhiều khi ta tự hỏi ta làm việc cho ai ?

Xét đến *tình cảm*, có những tình cảm khêu-gợi do sự có mặt người khác, như đua-tranh, ghen-tuông, khoe-khoang, thiện-thuồng. Nhiều lúc xã hội bắt buộc ta phải yêu cái mà có lẽ lúc đầu ta đã ghét : về lối trang-phục chẳng hạn.

Sau hết, chính xã hội giáo dục cho ta tất cả những hoạt động tâm-lý trên : giáo dục gia đình, giáo dục học đường. Rồi dè phát-triển những tài năng của ta, nhà nước lập ra thề-lệ thi-cử, trùng-phạt, dè kich-thích cõ-võ những cõ gắng và những quyết định của ta.

Tóm lại, nêu đem phân tích cuộc sinh hoạt tâm-lý, ta thấy nó bị xã-hội ảnh-hưởng rất lớn, đúng như câu ca dao Việt-

*Ở đầu thời tròn,  
Ở ống thời dài,  
Gần mực thì đen,  
Gần đèn thì rạng.*

*Theo quan điểm khoa học.* Người ta có thể đo lường được ảnh hưởng xã hội vào đời sống nội tâm bằng học hỏi những tâm lý khác nhau, một bên là của người văn minh quen sống trong xã hội, và một bên là dân sơ khai chưa có tổ chức. Hơn nữa tâm lý trẻ con cũng đem lại nhiều sự kiện minh chứng những nhận xét thường nghiệm ta trung ở trên. Đó là dùng tâm lý học đối chiếu, đi sâu vào đối-tượng của tâm lý-học.

*Những đặc biệt sâu xa giữa tâm-lý người sơ khai và tâm-lý người văn-minh.* Người văn-minh được xã hội giáo dục, nên có được những ý-tưởng trừu-tượng và tồng quát, điều mà dân sơ khai khó lòng có được. Họ hầu như chỉ có ý-tưởng cụ thể và đặc thù. Cứ nhìn vào cuốn tự diễn của họ và khảo cứu ngôn ngữ họ thời rõ. Họ thiếu rất nhiều danh từ trừu-tượng, họ thường gọi vật bằng một tiếng chỉ diễn tả một đặc tính vật đó : chì, họ gọi là nặng. Người ta bảo dân Tasmanie không có danh từ trừu-tượng để chỉ những phẩm chất của các vật như mềm, rắn, nóng, lạnh. Rắn cứng họ bảo đá, cao họ bảo cẳng dài, tròn họ bảo mặt trăng. Lúc nói họ còn làm hiệu chân tay, để người nghe họ xem thấy và hiểu (1). Họ thiếu những danh từ chỉ loại gồm nhiều cá thể. Mỗi thứ chó có một tên riêng, chứ không có danh từ chó chung. Nghĩa là không có danh từ chỉ chung và chỉ loại.

Dân văn minh được xã hội giáo dục, có những nguyên tắc luận lý khắt khe, như các nguyên tắc tối sơ của lý-trí. Dân sơ khai nhiều khi luận lý một cách mâu-thuẫn. Những mối dây nhân quả, họ cứ áp dụng bừa bãi để thành những trường hợp dự đoán. Họ đi săn, không được gì, họ đồ tội cho vợ ở nhà không kiêng cái nọ cái kia. Cái gì cũng có thể là nguyên nhân cho bắt cứ cái gì (2).

*Những đặc biệt tâm-lý trẻ con và người lớn.* Phạm vi này đã được khám phá và phân tích rất tỉ mỉ. Ngoài những nhận xét thường-nghiệm, ta còn thấy tư-tưởng của trẻ thiếu tính cách hướng tha, vì chưa tiếp xúc với xã hội nhiều, hay vì chưa đủ kinh nghiệm trong đời sống đoàn thể. Đời của trẻ là một đời bản-ngã hướng-tâm, vì cái gì cũng qui về bản-ngã của chúng. Mãi đến 7 hay 8 tuổi

(1) Xem Levy Bruhl (1857-1937) *Les fonctions mentales dans les sociétés inférieures* P. 191.

(2) Loc. cit. P. 444.

chúng mới có một cuộc tranh luận giống kiều người lớn. Giáo sư Piaget đã thí nghiệm : cho đến 10 tuổi, 75 % trẻ không biết anh hay chị em nó có mấy anh em chị em, trong lúc nó biết nó có mấy anh chị em. Năm tuổi, trẻ chỉ có thể biết tay phải hay tay trái của mình, nhưng không biết tay nào là tay phải tay trái của người đứng đối diện với nó. Ông còn cho ta biết, trẻ thiếu cả nguyên lý nhân quả, và nguyên lý mâu-thuẫn. Có đứa bảo tàu nồi vì nhẹ, có đứa bảo vì nặng. Có đứa nhận mình là người Genève, nhưng không phải là người Thụy-sĩ (1).

Tất cả những cái nghịch thuyết trên đây là do trẻ con chưa dụng chạm gì với tư-tưởng người khác. Thực ra lúc dụng chạm tới, chúng mới hoài nghi, và đồng thời tìm cách minh chứng. Do đó, có thể kết luận, đời sống tâm lý của người lớn đã bị xã hội ảnh hưởng rất nhiều.

### 2) *Tâm lý cá-nhân ảnh-hưởng tới xã-hội.*

Ta thấy xã-hội ảnh-hưởng tới tâm-lý. Ngược lại tâm lý cũng ảnh-hưởng tới xã hội. Nhận xét này cũng hiển nhiên, tuy rằng không được người ta đề ý là mấy.

*Lịch-sử cách mệnh*, cho ta biết tên tuổi của nhiều người siêu quần bạt chúng đã thay đổi cục-diện của cả một miền, và nhiều khi cả thế giới. Họ có chịu ảnh-hưởng trước kia của xã hội thật đấy, nhưng điều chắc, là họ đã đóng chấm riêng của họ vào một thời đại. Bên trời Âu, phải có những con người như Mussolini, như Hitler hay là Staline mới gây ra một thế giới lung lạc và rối rít như ta thấy ngày nay. Một người có thể kết tinh tất cả thèm muốn, tất cả lý tưởng, tất cả hy vọng của một dân tộc. Cực diện ngày nay khác với ngày xưa, cũng do ảnh-hưởng của những người ta gọi là cách mệnh.

Đã nhiều lần người ta cãi nhau về việc trị nước, cần có chế độ tốt hay cần có những người cai-trị tốt. Phong-trào dân chủ hiện đại xem ra muốn nghiêm về chế độ. Tuy nhiên ai cũng phải công nhận ít nhất là lúc đầu, con người, từng cá nhân, đã tạo ra chế độ. Nền dân chủ của Mỹ hiện tại bắt nguồn từ thân thể và sự nghiệp của Washington (1732-1799) và những đồng-chí của ông. Nền cộng-

---

(1) Piaget. *Le jugement et le raisonnement*, 159, 214.

hòa Pháp cũng được xây cất trên xương máu của những tay cách-mạng 1789. Văn chịu, thời thế tạo anh hùng. Nhưng thường là anh hùng tạo thời thế. Nguyên tắc này đã được các nhà lãnh tụ Nho-giáo triết đè áp dụng. Muốn bình thiên hạ, không phải cần những chế độ khôn khéo, những luật công bằng, còn cần phải có những người lãnh tụ biết tu thân trước đã. Trong nghề trị nước, muốn cải tổ xã-hội, từ thiên-tử tới thứ dân, phải lấy nhân đạo làm gốc. Không từ đã cho người quân tử một sức linh nghiệm chẳng những thu được thiên tâm, lại có thể văn minh hóa những dân mọi rợ chung quanh. Theo quan niệm của Nho-giáo, cả vũ trụ vật chất cũng chịu ảnh hưởng của người quân-tử (1).

Nếu tâm lý con người cá nhân không ảnh hưởng tới xã-hội đoàn thè, thời sao người ta phải chọn kỹ-lưỡng những tướng lãnh cầm quân ? Thực ra nếu không có Alexandre Đại-dế (466-323), những đạo quân hùng mạnh Hy-lạp không thè tiến tới sông Gange bên Ấn-độ. Thiếu Trần-hưng-Đạo, làm gì có những chiến thắng Bạch-Đằng ? Thiếu nhà anh hùng áo vải đất Lam-son, Việt nam có lẽ đã không tồn tại đến ngày nay.

Sau hết trong *phạm vi luân lý*, ta đã chẳng thấy bao nhiêu anh hùng, sống giữa một thời truy lạc vẫn một lòng trung nghĩa. Giữa những cảnh điêu tàn của xã-hội, giữa những luồng gió đang lung lay gia đình đến tận gốc, bao nhiêu cặp son trênh nhất định không đè bị lôi theo dòng nước. Nếu có những tâm hồn yếu đuối như cô Kiều của Nguyễn Du, như Ngọc Lan trong phim *Kiếp-Hoa*, đã bị thời đại lung lạc, đã bị biến cố giày xéo, thời trái lại bao nhiêu thiếu nữ cũng thở một bầu không khí đó, lại không bị lây xã hội. *Truyện Hôn Bướm Mơ Tiên* có thè là họa hiếm nhưng không phải không có trong thời đại tôn thờ thú vui và khoái lạc. Vậy thì, nếu gần mực thì đen, thời cũng có phản ứng ngược lại : « Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ».

## B.— CẤT NGHĨA MỐI TƯƠNG QUAN TÂM XÃ HỘI.

Những nhận xét trên cho ta biết ảnh-hưởng hò-tương giữa tâm lý cá nhân và xã hội. Nhưng tại sao mà có ảnh-hưởng như thế.

---

(1) Xem Trần-văn-Hiển-Minh, *La conception confucéenne de l'homme*.

Ta sẽ trình bày và phê-bình hai câu trả lời cực đoan, đó là : Tâm-lý-thuyết và xã-hội-thuyết.

**I.— Tâm - lý - thuyết** Theo tâm-lý-thuyết, thời các hiện-tượng (*Psychologisme*) tâm-lý, kè cả tâm-lý quần-chung, đều là do tâm-lý cá-nhân đẽ bắt chước nhau. Tâm-lý quần-chung chỉ là một khoa liên tâm-lý (*interpsychologie*), có công tác học những phản ứng của tâm hồn này vào tâm-hồn khác.

Chính xã-hội không có ảnh-hưởng nào đối với cá-nhân cả. Hay có đi nữa, cái đó là do sự bắt chước của con người.

**II.— Xã - hội - thuyết** Theo xã hội thuyết, cuộc sinh-hoạt tâm-lý (*Sociologisme*). hoàn toàn do xã-hội chi phối. Thuyết này khởi xướng do Emile Durkheim (1858-1917) lãnh-tụ trường xã-hội học của Pháp.

Trước hết, ông này chủ-trương xã-hội là một *pháp nhân riêng* biệt đối với những cá nhân cấu thành xã-hội. Quan-niệm cõi-diền cho rằng : xã-hội gồm nhiều cá-nhân. Durkheim tiên-sinh dạy trái hẳn rằng xã-hội có đời sống riêng, có ý-tưởng riêng, có ngôn ngữ riêng có cảm-tình riêng, có ý-chí riêng. Vì thế, những gì chính công thuộc về con người, những gì là giá trị thiêng-liêng và siêu-việt, đều do xã-hội sản-xuất cả : ngôn-nghữ, lý-trí, tôn-giáo, khoa-học, là những sự kiện xã hội và con người có được những sự-kiện đó nhiều hay ít tùy ở chỗ tham-dự vào đời sống công-cộng nhiều hay ít. Bản tính con người không phải là con vật có lý trí theo quan-niệm cõi-diền. Con người trước hết phải được định-nghĩa là một xã-hội-hữu. Chính cái xã-hội-tinh nơi con người biệt hẳn người ra khỏi con vật, chứ không phải lý-tinh. Lý-tinh chỉ là hậu-quả của xã-hội-tinh. Tất cả tần kịch của con người là cuộc tranh đấu giữa hai xu-hướng cá-nhân và xã-hội. Con người xã-hội phải lấn-át con người cá-nhân, đẽ thực-hiện nhân-tinh một cách hoàn toàn. Trên con đường thiện hảo, con người phải luôn nhìn vào xã-hội, lấy đó làm tiêu-chuẩn. Vấn-dề quan-hệ của đời sống cá-nhân, không phải là tu thân khắc kýt, không phải là khử dục tập đức, mà là cố sao cho được cái ý nghĩa hợp-quần, cái tâm-tinh xã-hội.

Nên nhớ Durkheim tiên-sinh không phủ-nhận những sự-kiện tâm-linh cá-nhân, nhưng ông cho những sự-kiện này là sự-kiện hạ

tảng, lẻ thuộc vào cơ thể do những biến đổi nơi cơ thể mà có, như đói khát, đau chân tay. Còn những sự-kiện thường-đang con người đều do xã-hội mà có (1).

### III.— Phê - bình

*Phê bình tâm-lý thuyết.* Tâm-lý thuyết, có thể nhận được, miên là thuyết đó không tham vọng lấn át tất cả triết-học hay muốn làm nền tảng cho nó (2). Thực ra, bảo rằng tâm-lý quần-chúng hay xã-hội đều bắt nguồn nơi tâm-lý cá-nhân, đó chỉ là một chân-lý ai cũng nhận. Nhưng nếu bảo tất cả những sự-kiện trong xã-hội phản-ảnh tâm-lý cá-nhân, đến nỗi tâm-lý cá-nhân không chịu ảnh hưởng nào của xã - hội, thì rất xa thực tế. Không ai có thể chối mình đã vô tình tư tưởng như những người chung quanh, muốn như chúng bạn, mà cái phần của bản thân góp vào tư tưởng và ý muốn lại rất ít, nhiều khi còn phải nghịch hẳn lại. Nhiều bà mẹ mang con phi-giê với uốn tóc, đã làm cho nhiều đứa phát khùng trả lời lại: «xưa kia ai cấm duyên bà, bây giờ bà già bà cấm duyên tôi». Thế rồi được ít lâu bà cũng đâm mình trôi theo cái «mốt của thời đại». Nhiều khi mình hữu ý bắt chước, nhưng có lúc mình có muốn cũng không thể nào phản ứng ngược lại được. Điều can hệ ở đây là phải xem kỹ nhưng điều nhượng bộ của mình có chính đáng không. Tất cả nền giáo-đục ý chí ở chỗ đó. Có lúc phải phản ứng chống lại cả xã-hội. Phải làm chủ tình thế và đây là chân lý sâu xa của thuyết tâm-lý. Chính điểm này đặt thuyết đó đối lập với thuyết xã-hội mà đến lúc ta phải phê bình.

*Phê-bình xã-hội thuyết.* — Xã-hội thuyết có lý, nếu bảo: có nhiều sự kiện tâm lý bị xã-hội ảnh hưởng. Nhưng không đúng, lúc bảo rằng toàn thể sinh hoạt tâm lý, đều phát nguyên bởi xã-hội. Trái lại, có nhiều hiện tượng tâm lý, một mình xã-hội không thể cất nghĩa được, như tại sao chỉ có con người mới nhờ xã

(1) Xem Hubert và Beumat, *Manuel de psychologie appliquée à l'éducation*. Paris 1906. p. 78: A la société l'homme doit tout ce qui constitue son humanité supérieure et d'être qui se souvient, un être qui réfléchit, un être qui juge et raisonne, un être capable de dépasser le réel pour s'élever vers les multiples formes de l'idéal. Si l'on supprimait la vie sociale, rien ne distinguerait l'homme de la braise la plus épaisse.

(2) Xem André Lalande. *Vocabulaire technique et artistique de la philosophie*. Paris, 1951, chủ *Psychologisme*.

hội-tính, hay nói khác, sao xã-hội chỉ có thề nhân-đạo-hóa con người thôi. Nhiều thứ vật có đời sống tập thể nhưng chúng không tiến-bộ, vì chúng thiếu khả-năng để sản xuất và để « tiêu-hóa » cái mà chúng nhận được trong đời sống chung. Thực ra xã-hội không sáng tạo nên con người, nó không làm cho con người có lý-trí. Xã hội chỉ là một khu-vực cần thiết để lý-trí con người được thực hiện, được phát triển. Trước khi có xã-hội, con người đã đầy đủ khả-năng, để thi thoả đời sống của mình. Chỉ cần có xã hội như là một điều-kiện để khả năng sẵn có, được thực hiện hoặc nhiều hoặc ít. Xã-hội là điều kiện để phát triển, chứ không phải nguyên-nhân sáng tạo lý-trí con người.

Sau hết, xét tới cùng, xã-hội không thề là một pháp nhân riêng biệt tách khỏi những cá nhân làm thành nên nó. Và dưới luồng tư-tưởng vô ngô-vị, vô bản-ngã, vẫn tiềm-tàng náu-ẩn một tư-tưởng hưu-ngã của một ai nào đó, dấu từ lâu trước lưu lại. Chính con người cá nhân lấy tư-tưởng, lấy đời sống tâm-linh của mình, tác thành nên tâm-lý quần-chúng ; rồi tâm-lý này lại trở lại ảnh-hường vào tâm-lý cá-nhân. Nhưng, thế nào đi nữa, tâm-lý cá-nhân vẫn phải là tiếng nói cuối cùng để cắt nghĩa những hiện-tượng xã hội.

Rốt cuộc lại, anh-hùng vẫn tạo thời thế hơn là thời thế tạo anh-hùng. Còn về những nhận-xét chung-quanh tâm-lý dân sơ khai và tâm-lý trẻ, có thề đúng trong nhiều trường hợp. Nhưng hai loại tâm-lý đó còn phức-tạp hơn nhiều. Trước hết, không nên đào hổ quá sâu giữa tâm-lý hay tư-tưởng của người mọi rợ và người văn-minh. Một đàng, danh từ cụ-thể và riêng biệt nơi dân mọi rợ nhiều thì có nhiều đáy, nhưng không thề nói, họ chỉ có danh-từ như thế. Đàng khác, một danh-từ cụ-thể có thề phát gởi hay phát biều một tư-tưởng trừu-tượng được. Còn gì trừu-tượng bằng ý-tưởng *an*, thế mà dân Tàu diễn bằng một chữ rất cụ-thể : *một đàn bà ở trong nhà*. Còn việc người sơ khai không có một ý-tưởng đúng về những dây liên-lạc nhân-quả giữa các hiện-tượng, cái đó vì văn-minh khoa-học chưa soi tới họ. Nhưng dấu với những quan-niệm dì-doan, họ vẫn tư-tưởng trên một nền tảng luận lý dựa vào

nguyên-lý, túc-lý : mỗi hiện tượng phải có lý-do tồn-tại. Đến như tâm-lý trẻ, nếu sánh với tâm lý người lớn thời có nhiều chỗ khác nhau. Tuy nhiên hiện-tượng « cái lão hoàn đồng » không phải là hiếm. Người lớn cho dầu là nặng trĩu những ảnh-hưởng xã-hội trên vai, vẫn có cù-chì hành vi giống trẻ. Những câu mâu thuẫn nơi chúng, rất có thể chỉ là mâu thuẫn nơi danh từ. P. Foulquier bảo : nếu hỏi một sói con (thuộc phong-trào Hướng-Đạo) : « Cậu có phải là sói không ? » Cậu sẽ thưa là : phải. Nếu hỏi thêm : Vậy thì đuôi cậu đâu ? Ta sẽ không bỡ ngỡ khi nghe cậu cười và trả lời lại : thế thì tôi không phải là sói. Trả lời như thế, có gì là mâu thuẫn đâu ? Ông Burt có dùng một trắc-nghiệm này để thử trẻ 8, 9 tuổi : « Nếu con vật này có tai dài, nó là con la hay con lừa ? Nếu có đuôi to, lúc đó nó là con ngựa hay con la ? Vậy nó vừa có tai dài, vừa có đuôi to nó sẽ là con gì ? Câu đố này cả người lớn cũng không thể giải chung ván được ».

### **ĐỀ THI**

1. Ảnh hưởng của xã-hội trong đời sống tâm-lý.

(Khóa I, 1953)

2. Xã-hội đã giúp phần nào trong việc đào tạo nhân-cách như thế nào ?

(Khóa I, 1953)

3. Lévy Bruhl nói : « Trong sinh-hoạt tâm-lý con người, tất cả những gì không phải là một phản-ứng của cơ-thể đối với những kích-thích nó tiếp nhận, thì đều do xã-hội gây ra cả ». Hãy phê bình lời ấy.

(Khóa I, 1953)

4. Lý-trí là con của xã-hội. Giải thích và phê bình lời ấy.

(Khóa I, 1954)

5. Hãy giải thích và phê bình câu tục ngữ : « Thời thế tạo anh-hùng ».

(Khóa II, 1953)

6. Sự-kiện tâm-lý khác với sự-kiện sinh-lý như thế nào ?

(Khóa I, 1954)

7. Căn cứ vào đối tượng, hãy tìm điểm dị đồng giữa hai môn tâm-lý và sinh-lý.  
*(Khóa I, 1957)*
8. Một nhà triết-học nói : Vật bỏ xã-hội đi, con người chỉ là một con vật ». Phải nghĩ thế nào về lời ấy ?  
*(Khóa II, 1957)*
9. Sự-kiện sinh-vật và sự-kiện tâm-lý.
10. Sự-kiện vật-lý và sự-kiện tâm-lý.

### CÂU HỎI GIÁO KHOA

1. Nội-giới là gì ?
  2. Tâm-lý-học giống với Đạo-đức-học ở chỗ nào ?
  3. Luận-lý-học giống với Tâm-lý-học ở chỗ nào ?
  4. Sự-kiện tâm-linh có những đặc tính chính nào ?
  5. Tại sao sự kiện tâm linh không thể đo lường được ?
  6. Có cách nào thí nghiệm được sự kiện tâm linh không ?
  7. Sao lại có thể so sánh tâm hồn với một dòng nước ?
  8. Căn cứ vào đâu để bảo sự kiện tâm linh bất định uyên-chuyên ?
  9. Thời gian tâm lý khác thời gian vật lý ở chỗ nào ?
  10. Ta có thể biết được tâm hồn người khác không ?
-

## *PHẦN THỨ HAI*

---

### **PHƯƠNG-PHÁP TÂM-LÝ-HỌC**

- 7. Nội-quan : Tâm-lý-học ngôi thứ nhất.**
- 8. Ngoại-quan : Tâm-lý-học ngôi thứ hai.**
- 9. Ngoại-quan : Tâm-lý-học ngôi thứ ba.**
- 10. Định luật và Thuyết lý tâm-lý-học.**

## CHƯƠNG 7

### NỘI QUAN : NHÌN VÀO MÌNH, HAY LÀ TÂM-LÝ-HỌC NGÔI THỨ NHẤT

- o *Nhược điểm của nội quan.*
- o *Ưu điểm của nội quan.*



Phương-pháp nội quan (méthode introspective) còn có tên là phương-pháp chủ-quan (méthode subjective). Tiếng *chủ quan* ở đây không có nghĩa xấu như thường hiều, đề chỉ cái gì bịa đặt, vô căn cứ, thiếu tính cách khoa học. Theo nghĩa triết học nói chung và nghĩa tâm lý nói riêng, nó chỉ một động tác của chủ thể tâm-lý, nhờ đó mình biết chính mình.

#### A.— NHƯỢC ĐIỂM CỦA NỘI QUAN.

Nhược điểm này có nhiều. Một dạng phương pháp nội quan gặp những trở lực hau như không thể thắng lướt. Một dạng, cho rằng nó có giá trị đi nữa, vẫn không đủ để xây dựng một khoa học xác thực theo mẫu những khoa học thực nghiệm khác.

#### I.— **Những trở lực I)** *Trở lực do đối tượng.*

**hay những nỗi** Trước hết, có những trở lực gây nên do đối **khó khăn của** tượng. Như ta đã biết, đối tượng tâm lý **phương - Pháp** học là sự kiện tâm linh. Sự kiện này lại có **nội quan.** nhiều đặc tính khác hẳn với những sự kiện các khoa thực nghiệm khác. Đối tượng tâm lý học là một *đối tượng uyên chuyên*. Ta đã thấy các nhà tâm lý học so-sánh ý thức với dòng nước, với luồng sóng, luôn luôn thay đổi.

Sự kiện tâm linh vừa tồn tục, lại vừa biến động. Đã vậy, muốn quan sát hiện tượng nào, điều cần là nó phải ổn định, phải đứng nguyên một chỗ.

Đối tượng tâm lý học là một *đối tượng phúc tạp*. (Nói về những ảnh hưởng ngoại giới vào đời sống nội tâm, ta đã nhấn mạnh tính cách phúc tạp đó). Trong một sự kiện tâm linh, ta thấy tất cả các tài năng, lại còn thấy cả những yếu tố quá khứ, tương lai những yếu tố thuộc khu vực xã hội ta đang sống. Đã vậy sự chú ý của chúng ta lại rất hẹp hòi thường chỉ hướng về một điểm nào mà thôi, còn bao nhiêu tạm giác ra ngoài. Dĩ nhiên ta có thể tuân tự quan sát từng điểm một, xong rồi tổng hợp lại. Nhưng chỉ khôn một nỗi là sự tổng hợp đó chỉ là một sản phẩm của trí khôn sáng tạo chứ không là cái gì có trong thực tế.

Sau hết, đối tượng tâm lý *vô chất*, không thuộc loại những sự kiện có thể đo lường được, thành thử rất khó kiểm soát. Giả sử có muốn đối chiếu các sự kiện tâm linh với nhau, xem sự kiện nào có cường độ hơn, cũng không được, vì chỉ có một sự kiện hiện tại là thật thôi, còn các hiện tượng đã qua tuy rằng còn tồn tục một phần nào, nhưng nó đã giảm nhiều tính cách mà chúng có trước kia. Do đó, sự đối chiếu chỉ đem đến một kết quả mỏng manh thôi.

## 2) *Trở lực do chủ thể*.

Chủ thể ở đây là chính người quan sát mình. Có nhiều trở lực làm cho sự tự quan sát đó không dễ thành tựu hoàn toàn. Nhờ ngũ quan, con người có rất nhiều cửa sổ mở ra đón tiếp những vật ngoại giới. Vì thế, có những cảm giác, cảm xúc, làm cho lòng trí phân chia. Cuộc chiêm niệm bên trong trở nên khó khăn. Ấy là chưa nói đến những nhu cầu thể xác, những sự tranh đua đè sống, rất có thể luôn bắt con người *hướng ngoại*.

Nhiều học giả cho rằng nội quan là cái gì *phản tự nhiên* (1). Bergson tả tinh cách đó như sau: «Hướng ngoại, sự cố gắng để học hỏi, là điều tự nhiên, người ta làm một cách dễ dàng, người ta

(1) «La réflexion est pour ainsi dire, contre nature» Cousin, *Cours d'histoire de la philosophie*, introd. 152.

áp dụng những luật mèo. Hướng nội, sự chú ý phải căng thẳng và càng ngày càng thấy khó khăn: người ta có cảm tưởng đang lên giốc (cái giốc của bản tính tự nhiên). Đó chẳng phải là cái gì làm ta ngạc nhiên sao? Chúng ta nội tại trong chúng ta và ngôi vị chúng ta là cái chính ra chúng ta phải biết hơn cả. Nhưng không thể, đối với ngôi vị đó, tâm hồn ta lại như người ngoại bang. Trong lúc nó quen với vật chất là nó có cảm tưởng ở nhà mình. Nhưng có lẽ vì cần phải tự không biết mình như thế, mới có ích cho một hữu thề (một vật). Phải hướng ngoại để hành động, cái đó thích hợp với nhu cầu đời sống. Hoạt động của ta ảnh hưởng vào vật chất và ta biết nó càng sâu xa, thời ảnh hưởng càng công hiệu. Dĩ nhiên, để hành động được việc, điều có ích lợi là nên nghĩ tới việc phải làm, và hình dung trước cái có lẽ sẽ có thề làm: bản tính tự nhiên muốn ra làm điều đó. Và đó cũng là một trong những điểm phân biệt người ta khỏi giống thú, là giống gián toàn thân vào cảm giác hiện tại. Nhưng bản tính tự nhiên lại chỉ đòi hỏi chúng ta một cái nhìn kiêu hình học vào trong chúng ta thôi: lúc đó ta thấy tâm hồn, nhưng là tâm hồn đang chuẩn bị để chě ngự vật chất, tìm cách thích nghi với nó, tìm cho mình một cái gì có vẻ không gian, có vẻ hình học. Vì thế, một kiến thức về tâm hồn thuần túy, có thề đưa ta xa đích đó (1).

Bị chất vật chất tóm, con người lại còn có cảm tưởng như đứng ở ngoài xem vào mình, chứ không đứng về phía trong, tại vì họ sống trong xã-hội. Họ quan tâm đến cái đáng vẻ hơn là cái thực tại của họ. Họ đề ý đến kiêu đóng tuồng hơn là đến chánh bản vị của họ sống chung với người khác, ta chỉ giữ thề diện. Thế rồi vô tình, ta giữ thề diện đối với cả ta. Quen đóng kịch trước mặt người chung quanh, chúng ta trở thành anh đóng trò trước chính mình. Từng luồng tư tưởng, từng đồng ước vọng, xô đẩy nhau chiếm đoạt lấy tâm hồn ta, mà ta không rõ chúng ở đâu tới. Chúng là những hình múa rối do những ngón tay vô hình nào giật dây không rõ. Trong trường hợp như thế, ta biết ta sao được?

Sau hết, trong ta, ta thấy có cái khuynh hướng là thích chú ý đến những cái gì có vẻ của mượn hơn là cái gì của ta. (2) Trước

(1) *La pensée et le mouvant*, Paris, 1934, 50-51

(2) R. Aron, *Introduction à la Philosophie de l'histoire*, Paris 1938, 58.

tâm hồn ta, thường có một bức bình phong chắn. Thường ta chỉ nhìn hình ảnh tâm hồn chiếu vào đó, chứ không nhìn chính mình. Dĩ nhiên, trừ thứ nội quan chỉ có bề mặt, còn có thứ nội quan sâu xa. Nhưng, hỏi rằng thứ nội quan sâu xa đó có tránh được cái vẻ kiêu cách lòe loẹt không ?

### 3) Trở-lực do sự đồng-nhất giữa đối-tượng và chủ-thể.

Nội quan, nghĩa là tự mình quan sát những hiện tượng do bản ngã mà phát hiện. Nói cách khác, đối tượng và chủ thể là một hay là đồng nhất. Sự đồng nhất này đã gây nên một trở lực khó lòng vượt qua mà Auguste Comte gọi là *nhi trùng bản-ngã*. Ông so sánh với con mắt. Mắt không thể tự mình nhìn mình được. Một người không thể vừa đóng vai tuồng, vừa làm khán giả, không thể tưởng tượng một tâm hồn chia đôi, một nửa luận lý, nửa khác xem nửa kia luận lý (1).

Cho rằng nội quan có thể đi nữa, nó cũng không đem lại kết quả khoa học nào. Thực ra, ai tự quan sát khó lòng tránh khỏi sự *thiên-tư*, trong việc chọn những sự kiện tâm linh. Đã có người nói : mỗi người chọn quá khứ của mình, tùy theo ý tưởng mà hiện giờ họ nghĩ về mình (2). Đáng khác, nhìn vào mình, cuộc sinh hoạt tâm lý của mình mất vẻ tự nhiên như là người lạ vào làm mất vẻ thân mật giữa người trong gia đình. Sau hết, tự xét mình ta thấy, như là có hai bản ngã : một bản ngã khôi tó, một bản ngã bị cáo. Bản ngã nào là bản ngã thật của ta ? Tóm lại, nội quan chỉ là cớ cho những ảo tưởng xuất hiện ; do tưởng về quá khứ, về hiện tại, về tương lai.

**II.—Tinh cách bất-túc** Trừ những trở lực rất lớn vừa kể trên, của nội-quan phương pháp nội quan, dầu có thể có đi nữa, cũng không đủ để xây dựng một khoa tâm lý học với những định luật có giá trị khách quan, có thể áp dụng cho mọi người.,

(1) *La pensée et le mouvant*. Paris 1934, 50-51.

(2) L. Lavelle. *Le mal et la souffrance*. Paris 1960, 205.

1) *Nội quan thiếu tính cách phô biến.*

Thực ra phương pháp ta đãng bàn chỉ có giá trị cho mỗi cá nhân. Nhà tâm lý học dùng phương pháp này chỉ có thể biết một mình mình. Dĩ nhiên, không nên phủ nhận sự kiện này, là nhiều nhà tâm lý sâu sắc có thể đi tới chỗ tìm thấy tâm-lý nhân loại trong chính mình nghĩa là áp dụng câu nói: « suy bụng ta, ra bụng người » và do đó có một mèo chung trong khi xử thế: « Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân ». Tuy nhiên, người ta cũng không thể chối một sự kiện khác, là nếu ai đi tới được cho khám phá như thế, họ cũng phải chịu rất nhiều ảnh hưởng ở ngoài do sự tìm tòi trong các sách vở. Hơn nữa, theo con đường thường tình, ta bắt đầu quan sát người trước khi quan sát chính mình. — Nhờ phương pháp nội quan, ta chỉ thấu triệt được những hiện tượng tâm lý *hiện tại*. Ta khó lòng lùi lại thời gian, để có một câu phán đoán đủ đúng. — Sau hết, muốn nhìn vào nội giới cần phải dùng ý thức. Nhưng ý thức chỉ có thể chú ý tới những hiện tượng *phor ra trên sân khấu ý thức thôi*. Còn nhiều sự kiện rất quan trọng trong đời sống tâm lý lại là những sự kiện tiềm thức, như những sự kiện tự động. Ngày nay khoa phân tâm học của Freud đem ra ánh sáng rất nhiều sự kiện như trong tâm lý bệnh học, tâm lý trẻ con, tâm lý dân sơ khai. Những tâm lý này rất có ích để ta có thể hiểu tận nguồn đời sống tâm lý của con người. Phải có những khoa này giúp vào, ta mới có thể theo dõi quá trình tiến triển tâm lý của một người lớn hay một người văn minh đã chịu ảnh hưởng rất nhiều do xã hội.

2) *Nội quan không biết điều kiện của nhiều sự kiện tâm linh.*

Những điều kiện ta đã phân tích ở trên, thuộc phạm vi vật-lý, sinh-vật, sinh-lý và xã-hội. Những điều kiện này ra ngoài lãnh vực của nội-quan. Nội-quan không có sò trường đê quan sát chúng. Người ta đã khảo cứu, tại sao người già không đỏ mặt lúc xấu hổ. Ngoài những nguyên nhân tâm lý, còn có thể có điều kiện sinh-lý mà người ta không chú ý đến, là vì họ có chứng cứng-động-mạch (artériosclérose).

## B.— UU ĐIỂM CỦA NỘI QUAN.

Nhược điểm của phương-pháp nội-quan có rất nhiều, nhưng không thể làm ta quên những ưu-diểm của nó. Đầu thế nào, nội-quan vẫn có thể có, hơn nữa, nó rất cần để xây dựng khoa Tâm-lý-học.

I.— **Nội quan có thể có được.** Ta thử đem vài nhược-diểm ra phân-tích xem có thật là những trò-lực không thể thắng lướt được không ?

1) *Có thể thắng lướt trò-lực do đối-tượng.*

Đối-tượng do nội-quan quan-sát uyên-chuyên, thời đúng đắn. Nhưng điều đó phải chứng minh rằng, sự quan-sát đối-tượng như thế không được đầy đủ xác thực thôi. Nội-quan khám phá rất nhiều sự-kiện tâm linh, điều đó không ai chối cãi được, nhất là sự kiện cảm tình. Vì đối-tượng không được ổn định nên cần phải kiềm-soát kỹ hơn các sự kiện khách quan, nhưng không phải vì đó mà bảo không thể kiềm soát được phần nào.

Còn về tính cách phức-tạp của đối-tượng không phải là riêng cho đối-tượng tâm-lý-học. Đối-tượng xã-hội-học còn phức tạp gấp mấy kia. Đối-tượng sinh-lý-học chẳng phức-tạp là gì ?

Về phương-diện xác thực, các khoa học khác cũng gặp những trò-lực như nội-quan. Đó là khoa học, phải đi tới chỗ phò-biển, mà đã là phò-biển phải có tính cách trừu-tượng. Nếu trừu-tượng, thời không được xác thực bằng cụ thể. Do quan sát người ta lập ra những định luật, theo con đường quy nạp (induction). Nhưng về bất cứ một vật nào, người ta có thể quan sát toàn diện được chúng chưa ? Vũ trụ còn bao nhiêu vật bí mật đã được khám phá ? Trên đỉnh núi, cũng như dưới đáy biển, còn nhiều vật đã được ai quan sát đâu ? Thế mà đã định ra những công-lệ phò-quát.

2) *Có thể thắng lướt những trò-lực do chủ-thể.*

Nội-quan do một chủ quan tự-nhiên hướng-ngoại nhiều hơn hướng-nội. Điều đó chỉ chứng minh rằng, muốn cho phương-pháp nội-quan thành tựu, cần phải có một nền giáo dục đặc biệt, chứ không bảo nội-quan không thể thực hiện được. Những người

khảo cứu tâm-lý-học thường là những người thích trầm tư mặc tưởng cả.

Những người phủ-nhận *khả-năng nhị trùng* (*dédoulement*) của ý-thức, họ sẵn có thiên kiến duy-vật. Vật chất không thể nhị-trùng-hóa được, gì già làm chỉ có phần này tiếp cận hay xếp lên trên phần kia, chứ không có sự tương-tại giữa hai phần. Trái lại, nếu ý-thức là cái gì thiêng liêng, việc nhị-trùng-hóa không có gì mâu-thuẫn cả, vì vượt ra ngoài không gian và thời gian, nên mỗi sự-kiện tâm linh nội-trong ý-thức, tương-tại-trong nhau, và chính ý-thức cũng nội-tại-trong chúng.

Về thiên-vị và ảo-trông, di-nhiên, khó tránh, nhưng phải cố luyện tập để trở nên thành-thực với chính mình.

### 3) *Nội quan thiểu phò-biến ư?*

Phải nhận rằng một mình phương-pháp nội-quan không đủ để xây dựng một khoa tâm-lý-học hoàn-toàn khách quan. Tuy nhiên, nó vẫn là khởi điểm cần. Đè bồ túc, phương-pháp ngoại quan sẽ tiếp tay bằng khảo-cứu về những sự-kiện liên can tới sự-kiện tâm-linh, như sự-kiện vật-lý, sinh-lý, v.v...

**II.— Nội quan rất Muốn hay không, nội quan rất cần cho tâm lý học.** Ribot còn viết « nội quan là phương pháp căn bản của tâm lý học, là điều kiện của các phương pháp khác » (1). Nếu so sánh với cách nhận thức bằng giác quan, ta thấy nội quan nắm phần ưu tiên, vì nhiều lý do.

### 1) *Nội quan nhận thức trực tiếp.*

Chi có nội quan mới trực tiếp quan sát và nhận thức được đối tượng đặc biệt của khoa tâm lý, là sự-kiện tâm-linh. Nội quan phải dùng đến ý-thức. Người ta có thể bỏ từng thế kỷ ra để đo, để cân óc, nhưng không bao giờ biết thế nào là đau khổ, khoái-lạc nếu không nếm trước. Không bệnh, không hiểu được tâm-lý người bệnh. Ribot so sánh thế này: những nhà giải-phẫu-học giống như người lái xe ngoài đường: họ biết phố, biết nhà, nhưng không biết gì xảy ra trong nhà đó.

(1) *De la méthode dans les sciences.* Alcan I 230-231.

2) *Nội quan là kiều nhận thức chắc chắn hơn.*

Biết bằng ý thức đối với con người, là biết chắc hơn biết bằng ngũ quan. Ngũ quan rất dễ làm dịp cho ta phán đoán sai. Gây cảm xuống nước ta cho là gãy gãy. Do đó nội quan hoàn hảo hơn trí giác. Nội quan trực tiếp với đối tượng của mình hơn là ngũ quan của nhà vật lý học, đối với đối tượng của khoa học họ. Tại vì, đối tượng của nội quan là của riêng thuộc chủ thể, là một đối tượng hữu ngã. Trái lại, đối tượng vật lý không phải của riêng nhà bác học. Nó vô danh như ta đã nói lúc bàn về đặc tính sự kiện tâm linh.

3) *Nội-quan biết sâu xa hơn.*

Biết rằng nội quan, còn là cái biết sâu xa hơn quan sát bằng ngũ quan. Ngũ quan, thì đem lại cho ta những mớ sự kiện không liên lạc với nhau, mà chỉ nối tiếp nhau. Chúng ta không thấy mối dây nhân quả. Biết như thế giồng cái biết của thú vật. Trái lại nội quan khám phá ra mối tương quan đó và khám phá ra ngay nơi ý thức. Vì thế, ta hiểu sâu xa về những sự kiện được quan sát.

4) *Nội quan cẩn đẽ hiều sự-kiện tâm-linh người khác và đẽ nhân cách hóa ngoại giới.*

Không có nội quan, ta không thè hiều thế nào là một sự kiện tâm linh. Dĩ nhiên quan sát người khác và tự quan sát mình là hai việc đi đôi. Nhưng quan sát người khác chỉ có công hiệu khi nào đem đối chiếu với những cái ta quan sát nơi ta.

Nội quan mới thật là phương pháp khám ra những ý-niệm tối sơ của cuộc sinh hoạt tâm lý như ý tưởng, ảnh tượng, ước-vọng, khoái lạc, đau khổ, nếu có những dấu hiệu biếu lộ tâm tình người khác, chính là nhờ sự quan sát trong ta, nên ta biết dấu hiệu đó chỉ cái gì. Những tâm lý tả trong tiêu thuyết thường được phác theo lối này cả. Tả được tâm lý phức tạp của cô Kiều, chính là Nguyễn-Du đã quan sát tâm lý mình trước. Những khúc đoạn trường của khách má hồng họ Vương, phải chăng là phản ảnh của những đau thương của chính cụ Tiên-Điền ? Ta gán cái vẻ buồn cho « lá thu rơi » chính là ta đem phơi tâm tình ủ rủ trên cái lá

rụng. « Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ». Biết cảnh vật chung quanh buồn, biết người bên cạnh buồn, là vì ta biết ta buồn trước đã...

Do đó, chìa khóa để mở trí thức đối với người khác, nó ở trong tay ta. Chính ta, mới thực là biết ; biết người khác ta chỉ phỏng đoán. Muốn học biết về tâm hồn, cái nguồn phải là ta. Những cái gì ngoài ta, chỉ là phụ giúp vào thôi. Với nội quan ta có được tài liệu chính công nhất, mới mè nhất ; các sự kiện biết được do cách khác, chỉ bồ túc thêm vào, vì thế nào đi nữa — như ta vừa nói — nội quan vẫn không đủ. P. Foulquié đã đi tới một câu nghịch thuyết (paradoxe) này : việc quan sát tâm lý càng chủ quan bao nhiêu, càng khách quan bấy nhiêu (1).

Tóm lại nội quan có thể có được, hơn nữa phương pháp đó rất cần trong khoa tâm lý học, vì là phương pháp đặc biệt trong việc khảo sát tâm hồn con người. Tuy nhiên muốn đi tới chỗ xác thực — nếu không hơn — ít nữa là gần bằng các khoa học thực-nghiệm khác, còn cần phải theo phương pháp ngoại quan nghĩa là phải đem mắt quan sát ra ngoài phạm vi ý-thức, ra ngoài lãnh vực nội giới, nhìn vào người khác hay nhìn vào vật.

(1) L'observation psychologique est d'autant plus objective qu'elle est plus subjective p. c. 93. Xem *Luận-Triết-Học, Phân-Tâm-Lý* của T.v.H.M.

## CHƯƠNG 8

### NGOẠI QUAN : NHÌN VÀO NGƯỜI KHÁC : TÂM-LÝ-HỌC NGÔI THỨ HAI.

- o *Dựa vào chứng người khác.*
- o *Tâm-lý-học đối-chiếu*



Phương-pháp này thực hiện câu : gãm người lại nghĩ đến ta (ngược lại câu : suy bụng ta ra bụng người). Nhược điểm của phương pháp này không phải là không có : người khác cũng như tôi có thể thiếu thành thực, có thể lầm lẫn, có thể bị những ảo-tưởng lôi cuốn. Những nhược điểm này có thể tăng, khi người khác lại thuộc về văn minh và khu vực không giống văn minh khu vực của mình. Ngoài ra cách áp dụng phương pháp không được đồng đều, đối với mỗi người mình muốn quan sát. Tuy nhiên, không thiếu những ưu điểm có thể giúp nhà tâm lý-học : nhìn người khác, ta thường ít thiên tư hơn, do đó có tinh thần phê bình rất cần cho khoa học. Lại nữa, ta còn có thể thi nghiệm nơi nhiều chủ đề, trong nhiều trường hợp khác nhau, chứ không bị hạn chế, như khi mình quan sát chính mình.

Đây là một số áp dụng phương pháp : dựa vào chứng người khác, vào những trắc nghiệm.

#### A. – DỰA VÀO CHỨNG NGƯỜI KHÁC.

I. – **Hỏi viết.** Phương pháp quen dùng là gửi cho người khác một hay nhiều bản hỏi, trong đó ghi những câu hỏi mình bạch, xin họ trả lời hoặc bằng miệng, hoặc trên giấy tờ. Có thể hỏi người mình quen. Có thể hỏi người lạ (in bản

hỏi trên báo, tạp chí). Trong trường hợp sau, người hỏi nhiều khi không biết trình độ trí thức hay những điều kiện cá nhân hay xã hội của người bị hỏi. Galton hỏi về tâm lý trẻ sinh đôi. Poincaré hỏi về việc làm của nhà toán học, để khám phá vai trò quan hệ của tiềm thức và vô ý thức. Henri de Man đặt bản hỏi để định một vài công lệ về lao động :

« Cảm tưởng các ông thế nào về : những dụng cụ, bạn đồng nghiệp, cai kèp, việc làm các ông trong xưởng ». Ông được 78 câu trả lời : trong số đó có 12 trong nhà máy lọc kim, 10 làm nhà in, và 2 làm trong mỏ. Hầu hết thuộc loại nhân công cả :

thợ không chuyên môn :	9
thợ bán chuyên môn :	18
thợ chuyên môn	<u>51</u>
cộng :	78

Trong số này, những ai thích việc làm, và làm việc một cách vui vẻ ?

	không vui	trung lập	vui
Thợ không chuyên môn :	6	2	1
Thợ bán chuyên môn :	4	6	8
Thợ chuyên môn :	<u>5</u>	<u>11</u>	<u>35</u>
	15	19	44

Theo số trên đây, người ta có thể hiểu tâm lý người thợ một phần nào. Thợ chuyên môn thích làm việc, và làm việc có hứng thú hơn các thợ không chuyên môn (1).

**II.— Hỏi miệng.** Việc hỏi thưa bằng miệng, lợi cũng có, hại cũng có. Lợi vì người hỏi trực tiếp với người bị hỏi, sẽ dễ quan sát những phản ứng của họ : sợ, do dự, bỡ ngỡ... Hại, vì người bị hỏi sẽ không hẳn nhiên dễ trả lời. Vì thế trong khi hỏi, người hỏi phải rất thận trọng, không nên bắt ép người bị hỏi quá. Claparède đánh giá trị bốn câu hỏi mà quan tòa có thể đặt ra để điều tra mẫu tóc đỏ của phạm nhân vừa bỏ

(1) Xem E. Duthoit : *La joie au travail* trong *Chronique sociale de France*, 15.2.39.

đi (1). « Người mà ông vừa xem thấy đã không có tóc đỏ à ? » (rất sai). « Người đó có tóc đỏ không » (sai). « Hãy chỉ điểm người đó xem sao ? » (đúng). « Mẫu tóc của người đó thế nào » (xoàng). Nói cách khác, phải tránh ám thị trong khi hỏi.

Có thể hỏi miệng dưới một hình thức khác : hình thức thực nghiệm. Thay vì bảo người khác quan sát những tâm tình riêng của họ, thời người ta bảo họ khêu gợi hay người ta khêu gợi nơi họ một vài tâm tình đó. Thí nghiệm như thế cũng có lợi, có hại. Lợi ở chỗ người hỏi biết trước cái mình quan sát. Hỏi nhiều người khác nhau, đem đối chiếu với nhau, sẽ có thể tránh được ảo tưởng và ngộ nhận. Hại ở chỗ tâm tình khêu gợi như thế mất vẻ tự nhiên. Vì thế, không cho ta một ý tưởng khá đúng về đời sống tâm lý cụ thể. Trường Wurbourg thích dùng phương pháp này. Freud lợi dụng phương pháp này để xây khoa phân tâm học.

**III.— Phương - pháp** Nói đến phương pháp tâm - lý - học thực trắc-nghiệm nghiệm không thể bỏ qua một thứ phương pháp các học giả gọi là trắc nghiệm. Phương pháp này cũng khảo sát thành tích sủa sự kiện tâm linh. Trắc-nghiệm là một « thí nghiệm có mục đích bộc lộ những năng khiếu tâm linh hay sinh lý của một cá nhân nào đó ».

### 1) *Những trắc-nghiệm.*

Trắc-nghiệm có nhiều thứ. Đây là ít nhiều thứ chính.

*Trắc-nghiệm tổng hợp và phân tích.* Trắc-nghiệm tổng hợp (tests synthétiques) thí nghiệm nơi chủ thể, bắt họ thi hành một công việc gì phức tạp ; một bài toán hay một bài luận, một việc gì đòi hỏi cố gắng và chú ý của toàn thể con người. Trắc nghiệm phân tích (tests analytiques) có mục đích thí nghiệm từng tài năng của chủ thể, nhất là những tài năng cần cho nghề nghiệp nào đó. Thí nghiệm chú ý, thí nghiệm trí nhớ, thí nghiệm trí tháo vát, thí nghiệm sự thản nhiên trước những trở lực. Thí nghiệm này có thể áp dụng cả trong phạm vi thể xác : thử tai, thử mắt, thử gân v.v...

*Trắc nghiệm phẩm chất* (tests qualificatifs) đưa tới chỗ biết một chủ thể có những khả năng nào. Còn trắc nghiệm lượng chất cho biết họ có những khả năng đó tới mức nào.

(1) P. Foulquier o. c. 103.

*Trắc-nghiệm xu hướng và trắc-nghiệm phát triển.* Trắc-nghiệm xu hướng (tests d'aptitude) lo việc khám phá ra cấp bậc xu hướng riêng của mỗi người. Còn trắc-nghiệm phát triển (tests de développement) khám phá mối dây tương quan giữa xu hướng và tuổi người có xu hướng.

### 2) *Trở lực.*

Phương pháp trắc nghiệm hiện còn đang ở giai đoạn tìm kiếm. Thực ra nó gặp nhiều trở lực. Trước hết, khó tìm được một trắc nghiệm nào tốt. Phải thí nghiệm chính những trắc nghiệm trước đã. Việc dùng chúng cũng phiền phức và tốn kém. Nhiều khi cá nhân bị thí nghiệm không được thành thực, sợ, hay khố nói ra những điều họ cảm thấy. Chính thành tích của trắc nghiệm, mỗi người có thể quan sát và cất nghĩa mỗi khác. Riêng đối với trắc nghiệm phân tích, một điều khó lòng công nhận được là có vẻ như muốn tách biệt các trạng thái sinh hoạt tâm linh, trong lúc chúng phát triển trong một tâm hồn độc nhất và lồng vào nhau rất thân mật.

Dẫu thế nào đi nữa, phương pháp này có thể giúp ích rất nhiều, nhất là trong phạm vi hướng nghiệp.

**IV. - Dựa vào văn.** Có thể chia ra ba loại : văn phầm vô danh, **p h à m n g ười** văn phầm tiêu-thuyết và văn phầm tự truyện. khác

### 1) *Văn phầm vô danh.*

Đó là những ca-dao, ngạn ngữ của mỗi dân tộc từ ngàn xưa lưu lại. Vào số những văn phầm vô danh, còn phải kể những truyện thần tiên hoang đường, nước nào cũng có. Chúng là bức gương phản chiếu khá đúng tâm lý của một dân tộc trong một thời đại nào đó.

### 2) *Văn phầm tiêu thuyết.*

Ngày nay xuất hiện rất nhiều loại văn phầm người ta mệnh danh là tiêu thuyết tâm lý. Tất cả mọi thứ tâm lý đều được đề cập tới : tâm lý cao thượng của đôi trai gái lý tưởng Ngọc và Lan trong *Hòn bướm mơ tiên*, của Lộc và Mai trong *Nửa chừng xuân*. Người ta bảo hai cuốn sách của Khái-Hưng được rất nhiều phụ nữ trí thức Việt Nam hoan nghênh. Lý do, là trong đó, họ thấy rõ rệt

cái tâm-lý của họ. Thực ra Trần khánh Dư tiên sinh đã vẽ rất đúng những cử chỉ ngôn ngữ, tinh tình phái đẹp của hảng phong lưu nơi đô-thị. Ấy là chưa kể đến mỗi vai trong truyện là một tâm-lý. Vai bà Án chẳng hạn trong *Nửa chừng xuân* cho ta thấy rõ tâm-lý của một người mẹ trong gia đình quý-phái Việt-Nam : quyền hành độc đoán. Vai Hân-Thanh cho ta biết những thủ đoạn của bọn cường-hào nơi thôn quê. v.v... Nếu Khái-Hưng thiên về tâm-lý phúc-tap của phụ nữ tinh thành, thời Trần-Tiêu lại thích cái tâm-lý chát phác của người thôn quê, như gia đình xã Bồng trong tập *Chồng Con*.

### 3) Văn-phẩm tự truyện.

Loại văn-phẩm này, tác giả dùng để kề truyện mình. Về phương diện tâm lý khách quan, có cũng có giá trị. Tuy nhiên, cần phải phê bình kiềm-soát nghiêm nhặt trước khi đem dùng. Thực ra, nhiều khi sự thật được tả trong đó lại được xếp đặt để thỏa mãn một xu hướng nhất định của độc giả. Những điều ta kẽ về ta lại thường chỉ có mặt phải mà thiếu mặt trái hay ngược lại. Mày ai thành thực trong chỗ này ? Bên Việt, loại tự truyện còn hiếm. Bên Tây ta thấy có *Confessions* của thánh Augustin và Rousseau. Ngày nay có *Journal Intime* của Arriel, *Mémoire* của Simone de Beauvoir... Nhiều cuốn tự truyện, như của Proust, thật có giá trị về phương diện luân lý, nhưng về phương diện tâm lý, giúp nhà tâm lý học rất nhiều tài liệu, dẫu phần nhiều là những tài liệu giả-dối.

**V.— Thành-tích văn-** Thành tích này rất nhiều và thiên hình vạn hóa. **Thành-tích văn-** Thành tích này rất nhiều và thiên hình vạn tượng. Ta kẽ ba loại dễ quan sát và khảo cứu nhất : tiếng nói, khoa học và nghệ-thuật.

#### i) Tiếng nói.

Theo quan niệm thông thường, tiếng nói là sản phẩm trực tiếp nhất của sinh-hoạt tâm-lý nơi con người ; tinh thần của một dân tộc thường được phơi ra nơi tiếng nói. Chính tinh thần tạo ra ngôn-ngữ, đê rồi được ngôn-ngữ phát biểu ra ngoài, như ta sẽ có dịp nói sau. Leibnitz gọi ngôn-ngữ là « cái gương của tinh-thần con người ». Max Muller cho nó là một nền « triết-học thạch-hóa » nghĩa là đã được ghi lại như ghi vào bia đá. Tâm-lý của một dân tộc cũng có thể quan-sát một phần nào qua ngôn ngữ của họ. Người ta cho

rằng, chỉ khi nào khảo sát được tất cả ngôn ngữ trên hoàn cầu, lúc đó mới thấu triệt được tất cả những lò so của bộ máy tâm-lý, của tư-tưởng con người. Khoa ngôn-ngữ học đối chiếu đang tiến và hứa hẹn rất nhiều.

### 2) Khoa-học.

Khảo-cứu về những phương-pháp khoa-học, nhà bác-học đi vào đường lối sinh hoạt và hành động tâm linh. Phương pháp khoa học đã giúp rất nhiều trong việc khám phá ra những qui-luật chi phoi lý trí và điều khiển tư tưởng. Nhờ đó, ta biết được luật quy-nạp, luật diễn dịch làm sao. Cũng nhờ đó mà ta rõ được đường lối suy-luận dưới rất nhiều hình thức. Tất cả các khoa học có thể được dùng đến.

### 3) Nghệ-thuật.

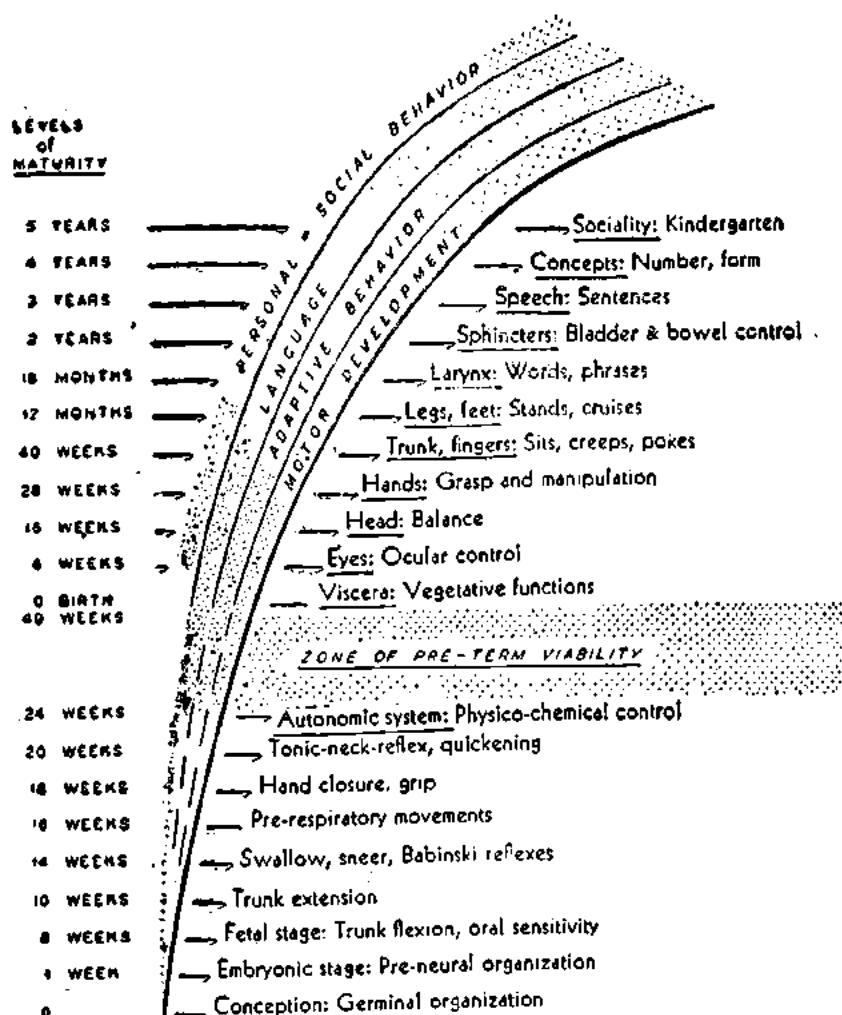
Những thành tích nghệ thuật giúp ta hiểu tâm-lý từng người hay của một đoàn rè. Cách làm kịch, cách hội họa, điều khắc... tất cả đã được khảo sát tới để hiểu cuộc tiến triển tinh thần con người. Từ những hình thù mộc mạc do những dân sơ khai nặn nén, cho tới những pho tượng cân đối của Apollon bên Tây và của Phật bên Đông, ta thấy một cách dễ dàng bước tiến của tưởng tượng sáng tạo nơi con người.

## B:— TÂM-LÝ HỌC ĐỐI CHIẾU:

Môn tâm-lý-học này nhằm mục đích so sánh những khám phá tâm lý nơi hạng người khác nhau, thuộc văn minh khác nhau, thuộc cảnh huống và trình độ tiến triển khác nhau... Vì không thể phân tán ra quá nhiều ngành, môn tâm lý học đối chiếu (hay tι giáo) thường lưu ý tới việc so sánh : trẻ con với người lớn, người sơ khai với người văn minh sống trong xã-hội, người lành với người bệnh.

I.— **Tâm-lý trẻ con** Môn học này khảo cứu cuộc tiến triển con người từ lúc sinh tới tuổi trưởng thành (hết tuổi thiếu niên).

Mục đích của nó là trình bày quá trình diễn biến của mọi trạng thái sinh hoạt tâm lý, chúng xuất hiện và này nở làm sao,



Hình 7.— Những chặng tiến-triển của trẻ con, từ lúc thụ thai tới 5 tuổi  
Vé theo A. Gesell và C.S. Amatruda, trong cuốn *Developmental Diagnosis*.

chúng ảnh hưởng gì tới nhau và tới trạng thái toàn khái của cá nhân.

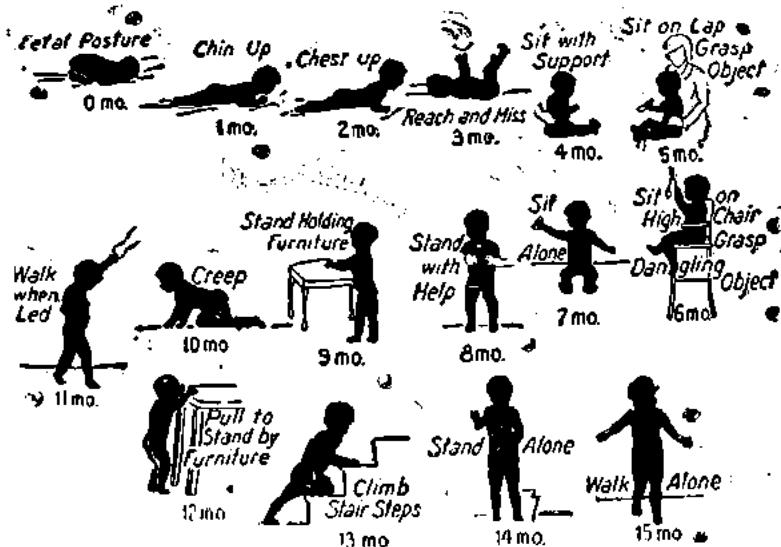
### 1) Ích lợi tâm lý học trẻ con.

Khoa học này rất có ích. Có người khảo sát trẻ con vì thích, nhất là khi họ là người sinh ra chúng. Có người đề ý đến trẻ con

đề lo việc giáo dục. Sau hết, có người học về trẻ để hiểu tâm lý chung của con người. Hai mục đích sau được chú ý đến hơn cả. Áp dụng tâm-lý-học vào khoa giáo dục là tất cả một phong trào giáo dục mới đang tràn khắp các nước văn minh.

### *Phương pháp khảo sát tâm lý trẻ con.*

Tùy mục đích và tùy giai đoạn mà áp dụng phương pháp. Trong những tháng đầu, hãy quan sát trẻ sơ sinh có những phản xạ gì, bắn năng nào. Chúng phản ứng lại làm sao trước những kích thích đụng chạm tới chúng. Trong giai đoạn này, đáng chú ý nhất là những cảm giác của chúng. Lúc chúng đến tuổi khôn, người ta sẽ chú ý đến đời sống tinh thần của chúng hơn : cách tư tưởng, cách luận lý, cách tỏ cảm tình. Trong giai đoạn này có thể dùng phương pháp thí nghiệm : đặt những câu hỏi, chẳng hạn, để chúng thưa, đem ra những bài toán hơi rắc rối nhưng dưới một hình thức rất đơn sơ v.v... Cũng trong phạm vi thí nghiệm, có thể so sánh những thành tích của hai loại trẻ khác nhau nhưng đồng sốc, cho học bài như nhau nhưng cách dạy cho nhớ lại khác nhau. So sánh ta sẽ đi tới chỗ biết rõ luật ký-írc. So sánh trẻ văn minh với trẻ mèo rợ, trẻ tinh với trẻ quê v.v...



Hình 8 : *Điều kiện tiếp xúc đồng thời lúc sinh ra cho tuổi 15 tháng. Về theo Sholley, trang cuối The first 15 years.*

### 3) Thành tích tâm-lý-học trẻ con.

Khoa tâm-lý trẻ con đã có những thành tích đáng khen. Cuộc thí nghiệm của ông Galton, nhà giáo-dục Anh, thí nghiệm hai trẻ sinh đôi nuôi riêng để quan sát. Do đó, ông đã có thể phân biệt đâu là phần di truyền, đâu là phần của khu vực, đâu là phần thiên tạo, đâu là phần nhân tạo.

H. H. Newman cũng làm một thí nghiệm giống như thế : hai trẻ sinh đôi được nuôi trong hai khu vực khác nhau. Ông đi đến một kết luận này : về phương diện sinh lý, di-truyền đóng vai khá quan trọng, còn khu vực và hoàn cảnh chỉ có một ảnh hưởng phụ thôi. Trái lại, về phương-diện tâm lý, di-truyền dần-dần nhường chỗ cho khu vực, nhất là trong đời sống tình cảm và trí-thức. Trẻ sinh đôi sống chung thường tiến triển bằng nhau về phương-diện trí-tuệ nhưng nuôi biệt nhau, trình độ trí khôn chúng khác nhau hẳn.

Claparède khảo sát trẻ, đi tới chổ kết luận cho ta hiểu cuộc tiến triển các lợi ích nơi con người. Ông chia ra hai thứ lợi ích : thuộc giác-quan và thuộc tinh thần.

Thuộc giác-quan : 1 tới 16 tháng :

Từ 1 cho tới 3 tháng : trẻ thích bú, nhìn.

Từ 3 — 5 — : thích cướp giựt.

Từ 5 — 12 — : thích sờ, bắt 'chước'.

Từ 12 — 15 — : thích nhảy nhót.

Thuộc tinh thần :

Từ 16 tháng cho tới 3 năm : thích bập bê nói, xây dựng.

Từ 3 năm tới 7 năm : thích hỏi vặt.

**II.— Tâm-lý học người** Môn học này dựa trên nhận xét sâu xa văn-minh hay man-di-sống trong xã-hội. Môn học này ; xã-hội không phải là cái gì ở ngoài những cá nhân, và xã-hội ở trong ta cũng như ta ở trong xã-hội (*la Société n'est pas du tout extérieure à ce que nous appelons les individus : Charles Blondel ; la société est en nous et sommes dans la société. M. Gurvitch.*) Đề khảo cứu người sống trong xã hội, một

phương pháp mà thôi không đủ, phải cần nhiều phương pháp quy tụ (nhất là phương pháp xã-hội-học thêng kẽ, đò hỏi dư luận, tuyên truyền....) Hơn kém, có thể phân ra ba ngành chính.

Tâm-lý-học tập thể (*psychologie collective*,) học về ảnh hưởng của những sản phẩm xã-hội vào đời sống tâm lý cá nhân (như ngôn ngữ, kỹ nghệ, nghệ thuật, phong tục, tập tục, pháp chế, kỹ-hiệu, tín ngưỡng bộc lộ ra ngoài, v.v.). Thứ đến là Tâm-lý-học xã hội (*psychologie sociale*) khảo cứu xem những cá nhân đã hấp-thụ và đồng hóa những sản phẩm nói trên như thế nào, phản ứng và chống đối lại làm sao... Sau cùng, học riêng về từng nhóm lớn nhỏ hơn kém, lúc đó có Tâm-lý-học sai biệt (*psychologie différentielle*) về từng giai cấp, từng dân tộc.

### III.— Tâm-bệnh-lý học

Một trong những áp-dụng phương-pháp tâm-lý-học ngôi thứ hai nữa, là Tâm-bệnh-lý-học, ngày nay rất thịnh hành, nhất là trong phạm vi nhà thương, khiến nhiều bác sĩ trò ném những nhà triết-học hay tâm lý học, như những ông Pinet, Janet, Blondel, Dumas, Jaspers, Freud, v.v...

Phương pháp này đặt nền tảng trên mối tương quan tâm-sinh lý (như đã bàn ở trên.) Thời gian xưa kia đã qua lâu rồi, lúc mà người ta còn tranh luận nhau về tương quan hồn xác, về thuyết nhị nguyên của Descartes trong phạm vi tâm lý. Ngay từ năm 1852, nhà tâm liệu học (psychiatre) Morel đã công nhận nhất-tính của con người vừa Hồn lẩn Xác. Chính nhì môn học này mà người ta đi sâu vào bản tính mối tương quan tâm sinh lý nói trên. *Thái độ* bên ngoài giúp cho nhà quan sát biết tâm trạng bên trong : bệnh nhân có thể bị lung lạc nhiều, bị thất vọng, bị yên hàn hay dữ tợn. *Diện mạo* cũng quan trọng trong việc khảo sát tâm bệnh.

Nét mặt thẳng hay nhăn, vui tươi hay ảm đạm, cười tự nhiên hay vô duyên. Câu truyện của bệnh nhân giúp nhà tâm lý học rất nhiều : truyện cù đầu đuôi manh mối hay nhát gừng ; không biết nói truyện nhưng lại biết trả lời ; chỉ biết nói với mình hay hoàn toàn câm nín v.v... Dựa vào tất cả những điều ở trên, để khảo sát sự chú ý, trí giác, phán đoán, suy luận, tưởng tượng, ký-ức, v.v...

Nếu xét đến nguyên nhân của tâm bệnh, thời mỗi người mỗi quan niệm. Có nhiều giả thuyết giống như giả thuyết đã trình bày trước, chung quanh vấn đề tương quan giữa vật lý, sinh lý và tâm-lý.

Những nhà duy vật chủ trương : tâm bệnh có là do ở nguyên nhân sinh-lý. Nhất là do sự đảo lộn thần kinh. Họ dựa vào những cuộc thí nghiệm hủy não nơi thú vật, dựa vào những trường hợp thiểu não nơi nhiều trẻ sơ sinh.

Nhóm khác lại chủ trương khác hẳn : tâm bệnh là do nguyên nhân tâm-lý. Vì thế, thí dụ bệnh cuồng trí (hystérie), có thể chữa bằng ám-thị. Bệnh điên, là khi những tự động tính con người thoát vòng kiểm soát của lý trí, do đó, thiếu nhiều tòng hợp và những gì làm thành đời sống tâm-lý thông thường (thuyết của Baillarger, Janet). Nhóm thứ ba tòng hợp cả hai nguyên nhân : nguyên nhân trực tiếp thuộc tâm lý (nhất là tình cảm) nguyên nhân gián tiếp thuộc cơ thể (nhất là cảm não).

Trường xã-hội Pháp lại tìm nguyên nhân tâm bệnh ở chỗ thiếu đời sống xã-hội. Người ta diễn chẳng hạn, là thiếu giao thiệp với người khác. Về ý kiến này, nên nhận xét rằng, có nhiều trường hợp tâm bệnh do thiếu liên lạc xã hội. Người nhút nhát có thể đến chổ ghét xã hội ; sợ trách nhiệm có thể đem người ta đến buồn sầu áy náy. Tuy nhiên xét đến cùng, nguyên nhân quyết liệt vẫn là : hoặc tâm lý hoặc sinh lý.

## NGOẠI QUAN: TÂM-LÝ-HỌC NGÔI THỨ BA

- o Dựa vào những phản ứng sinh-lý.
- o Nhìn vào thú vật.



### A.— DỰA VÀO NHỮNG PHẢN-ỨNG SINH-LÝ.

**I.— NỘI CHUNG VỀ KHOA HỌC** Khoa này có công tác khảo cứu những **khoa tâm sinh lý** tương quan giữa sinh-lý và tâm-lý. Những thí nghiệm về vấn đề này, nên chú ý nhất là thí nghiệm về trọng lượng của óc sánh với trí tuệ của ông *Lapicque*. Ông *Broca* tìm ra những trung tâm đòi sống tâm lý trong óc. Người ta còn khảo sát tương quan giữa những luồng điện óc và tư tưởng (*Hans Berger*), giữa bộ huyết tuần hoàn và tư tưởng (*Mosso*), giữa tuyến nội tiết và sinh hoạt tâm lý, nhất là sinh hoạt ý chí và tình cảm (*Brown-Séquard*).

Phương pháp dùng ở đây là chính phương pháp được dùng trong các khoa học thực nghiệm khác, tức là quan sát và thí nghiệm. Quan sát có phần dễ hơn. Nhưng thí nghiệm hơi khó vì không thể làm trực tiếp vào con người. Thường thường thí nghiệm vào con vật trước đã, như việc hủy não đã nói ở chương trước. Thế rồi theo con đường loại suy, áp dụng vào con người. Những trường hợp bệnh học rất có ích. Quan sát người mù vừa mới được khỏi bệnh cho ta biết rõ lúc đầu cuộc sinh hoạt tri giác. Khoa mồ-xé ngày nay tiến đã xa, cũng giúp rất nhiều trong cuộc thí nghiệm.

**I.— PHẢN-XẠ - HỌC.** Môn học này được khởi xướng do ông *Pavlov*, nhất là từ năm 1890 trở đi. Phản xạ

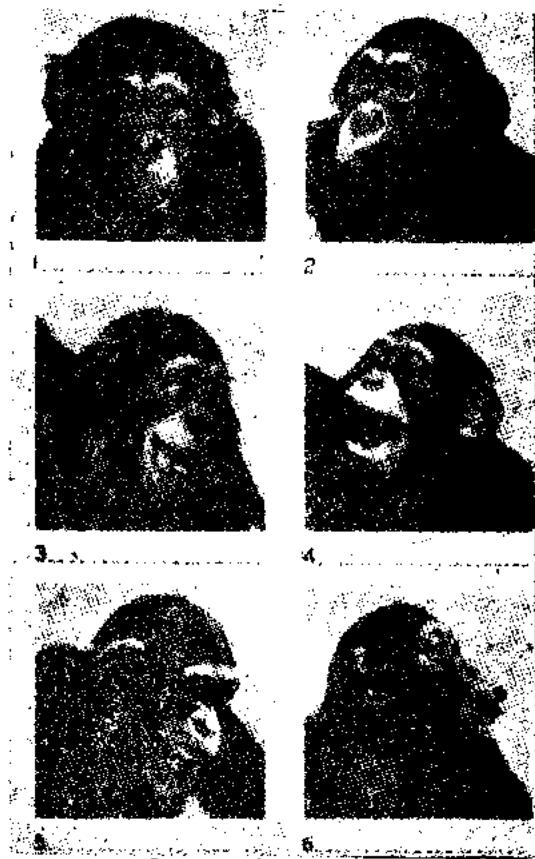
là một phản ứng trực tiếp và máy móc, không có sự suy nghĩ. Phản xạ là một hiện tượng sinh lý, thường thấy nơi sự co giãn bắp thịt hay nơi việc bài tiết. Có những phản xạ đơn giản (réflexe simple) do đơn giản tính của sự kết cấu đề gây phản ứng, như những phản ứng do nơ-ron cảm giác, nơ-ron liên kết và nơ-ron chuyển động. Nhưng thường ra, những phản xạ đều có tính cách phức tạp. (Sẽ có dịp nói riêng về phản xạ).

Nhiều học giả, như Bechtereïv, dựa vào phản xạ học (nhất là những phản xạ hữu điều kiện) để thiết lập môn Tâm-lý học khách thè (Psychologie objective). Theo ông, những tập quán, những ước muốn đều là những nhóm phản xạ này cả. Giống quan điểm trên đây, có tâm-cử-thuyết (Behaviourism) của Watson (1914) chỉ lưu ý tới kích thích và phản ứng của cơ thể do kích thích, còn tình trạng ý thức thời ở ngoài tầm khảo cứu có tính cách khoa học. Watson có công đưa ra ánh sáng những quan niệm rõ rệt về cảnh-huống (situation) một vật sống trong đó và cách thức vật đó thích nghi để hoặc nhận hay tránh cảnh huống đó.

**III. Hình-tâm-thuyết** Thuyết này (*Gestalttheorie*) do học giả người Đức ông Wertheimer (1912), được ông Guillaume nhập cảng vào Pháp, với tên gọi là *Psychologie de la forme*. Họ không thích phân tích mà chỉ khảo cứu những hiện tượng tâm-linh như toàn thè (des ensembles, Zusammenhange) có nhất-tính (unité) và mỗi một nguyên tố tùy thuộc hoàn toàn vào toàn thè. Thuyết này cũng giống tâm-cử-thuyết chỉ khác ở chỗ nó lưu ý tới toàn phần hơn là thành phần. Khởi điểm từ tri giác, thuyết này chủ trương ta không tri giác những phẩm tính thuần túy (qualités pures), trái lại, ta nhìn sự vật với toàn thè tính của nó, với toàn khối của nó (vì thế mà có tên *Behaviourism molaire* do ông Kurt Lenïn, từ Đức nhập cảng sang Mỹ). Và tri giác không là tổng số các cảm giác cộng lại như Condillac chủ trương.

### B.— NHÌN VÀO THÚ VẬT.

Tâm lý học ngôi thứ hai dựa trên đối thoại, so sánh, giữa người với người, hay trên những ký hiệu sinh lý thường xuyên kèm theo những sự kiện tâm lý của tha nhân. Tâm lý học ngôi thứ ba dựa trên những thí nghiệm vào thú vật, từ vật dưới hèn cho tới vật gần người nhất theo phạm vi cân não và thần kinh hệ.



**Hình 9 : Khi Chimpanzé cũng có cảm xúc. Nhưng những nét mặt trên đây tương ứng với những « tình cảm » nào ? Nhờ loại suy, ta có thể phỏng đoán, theo nét mặt và tình cảm tương đương nơi người.**

Như đã nói trên, khoa học này khởi xướng và thực hành bên Mỹ vào cuối thế kỷ trước. Rồi từ Mỹ, khoa đó được phổ thông hóa khắp các nước văn minh.

**I.— Có thể có một** Trước hết phải đặt câu hỏi này. Thực ra **khoa tâm-lý-học** danh từ tâm lý học, cho đến nay vẫn dành **thú vật không ?** riêng để chỉ đời sống nội giới của con người. Vậy có thể áp dụng cho thú vật được không ?

Có người gán cho thú vật một đời sống tâm linh như nơi con người. Hồn con người và hồn thú vật không khác nhau lắm, ít nữa là trong phạm vi hiện tượng (1). Đổi lặp lại, có quan niệm của một nhóm khác (2), theo đó, thú vật không thể có một đời sống tâm lý được, chúng ta chỉ có thể quan sát được những phản ứng hữu cơ (thuộc cơ thể) của chúng thôi. Nói cách khác, về thú vật chỉ có khoa sinh lý học. Một nhóm thứ ba (3), cho việc gán cho thú vật một đời sống tâm lý, chỉ là phương pháp khảo cứu. Tuy nhiên, cắt nghĩa những phản ứng của thú vật rằng những luật sinh lý mà thôi không đủ, nhưng dàngh khác phải thú thật rằng, nếu có một khoa tâm lý học thú vật, khoa đó cũng không thể hiều được, nếu không dùng cách loại suy, so sánh với tâm lý học về con người.

Phải nghĩ thế nào về ba câu trả lời trên ? Có thể bảo thú vật có một tâm lý, nhưng đó chỉ là một cách nói loại suy thôi, nhất là càng đi xuống tới những bậc dưới của thang thú vật. Những loại suy kia lại chỉ có thể so sánh được với những hiện tượng mà ý thức can thiệp rất ít, nhất là trong lúc phát hiện, như bản năng, hay những tự động tính (automatismes).

**II.— Phương-pháp.** Phương pháp được dùng ở đây, là quan sát và thí nghiệm. Quan sát động vật là việc người ta làm đã từ lâu bắt cứ nơi dân tộc nào. Nên kê riêng những nhà văn ngụ ngôn. Có những con vật được quan sát một cách rất tỉ mỉ như ong, kiến. Một nhà động vật học Thụy-sĩ tên là Auguste Forel quan sát kiến ngay từ tuổi lên năm. Lúc già 72 tuổi, ông mới bắt đầu xuất bản một bộ sách năm quyền : « *Thế giới xã hội của loài kiến* : *Le monde social des Fourmis* : (Genève 1921-1923). Đời sống tập đoàn và bản năng thú vật được các nhà học giả đề ý nhất. Nhưng về những cách cắt nghĩa nhiều người chưa đồng ý.

**Thí nghiệm.** Trước, ta đã nói về việc thí nghiệm hủy óc để tìm ra mối tương quan giữa óc và sinh hoạt tâm lý. Người ta hủy óc ếch và chó. Những vật gán người được đem ra thí nghiệm

(1) Đó là quan niệm của Mc Dougall (Mỹ) J.H. Fabre (Pháp)

(2) Loeb (Mỹ) G. Bobo (Pháp) L. Verlaine (Bỉ). Ông này viết hẳn một cuốn đẽ : *L'âme des bêtes*, Paris 1931.

(3) Claparède (Thụy-sĩ), Morgan (Mỹ).

với một sự chú ý đặc biệt. Muốn thử « tri tuệ » của vật, người ta làm một cùi nhiều ngăn, mà chỉ có một ngăn có cửa. Sau khi tìm tòi chán, tinh cù vật tìm thấy lối ra. Người ta lại thử lại, xem trí nhớ của nó đến bực nào. Về khi, Claparède đưa ra những kết luận này : « về phương diện tính chất, con Chimpanzé có tính đa huyết (sanguin), thích chơi ; Orang-outang đa sầu ; dễ chán nản ; con Gorille đam, yên, lạnh lùng ; con Chimpanzé có tính tò mò, và được vật gì là hấn đậm phá ; Gorille lạnh đạm, hay ít ra bề ngoài không có vẻ tò mò, ra như cái trò đó không hợp với địa vị của hắn. Chimpanzé thích bắt chước cử chỉ của người, con Gorille lại ghét khuynh hướng bắt chước. Về phương diện toán hay là giải quyết một vấn đề, Chimpanzé thích dùng kiều mò mẫm, thích tay máy tay ; Gorille trái lại, thích quan sát suy nghĩ. Hắn có thể tập trung « tinh thần » lâu ; hắn tiết kiệm nghị lực và xem ra chỉ chịu mất công khi nào hắn hy vọng đi tới kết quả cần xứng. Vì thế, tóm tắt cả lại, và sau khi việc thí nghiệm đã thất bại nhiều, Yerkes (người Mỹ) đặt Gorille trên hàng đầu về phương diện « tri tuệ » (1).

Cũng trên phạm vi thí nghiệm, trước giặc 1914, ông Boulan cho khỉ và trẻ con sống chung với nhau. Ông nhận thấy rằng, cho tới ba tuổi, đứa trẻ tìm cách mở hộp giống như khỉ : mò mẫm cho tới khi tinh cù nắp hộp bật ra. Nhưng từ ba tuổi trở đi, trẻ con bắt đầu làm việc có phương pháp hơn khỉ và càng thêm tuổi càng bỏ khỉ lại dàng xa, dẫu khỉ có vẻ nhanh nhẹn hơn nhiều. Bên Mỹ hai ông bà Kellog cho con 10 tháng (đứa bé Donald) sống chung với một con khỉ cái còn kém cậu hai tháng rưỡi. Kết quả tương tự.

### ĐỀ THI.

- Tâm lý có cần đến thực nghiệm không ? Khoa ấy áp dụng phương pháp thực nghiệm tự bao giờ ?

(Khóa II 1951)

- « Sông sâu còn có kè dò. Lòng người nham-hiểm ai do cho cùng » Tâm-lý-học ngày nay dùng những phương pháp gì để khám phá chổ thâm hiềm của cõi lòng ?

(Khóa II 1952)

(1) Archives de Psychologie 1927-1928, 359.

3. Descartes cho rằng tâm-hồn dễ biết hơn thân-thề. Theo ý anh có đúng không ?  
*(Khóa II 1962)*
4. Trong khoa tâm lý học quan sát và thí-nghiệm quan trọng như thế nào ?  
*(Khóa Đặc biệt 1954)*
5. Trình bày những nhược điểm của phương pháp nội quan trong tâm lý học thực nghiệm.  
*(Khóa I 1955)*
6. Biết mình và biết kẻ khác, đó có phải là hai việc không quan hệ với nhau không ?  
*(Khóa I 1955)*
7. Trong tâm-lý-học, có thể áp dụng phương pháp « suy bụng ta ra bụng người » được không ?
8. Một nhà tâm-lý-học viết : « Việc quan sát tâm-lý-học càng chủ quan bao nhiêu, càng khách quan bấy nhiêu ». Hãy giải thích và phê bình câu đó.
9. Tâm-lý-học thực nghiệm có đáng được gọi là một khoa-học thực nghiệm không ?
10. Tâm-lý-học dùng những phương-pháp nào ? Và các phương pháp ấy có giá trị đến mức nào ?
11. Giá trị của phương pháp nội quan trong Tâm lý học.
12. Người ta có thể khảo cứu các hiện tượng tâm lý mà không tính gì đến những sự kiện biết được nhờ phương-pháp nội quan hay không ?
13. Giải thích lời này của một nhà đạo đức học : Nếu muốn biết mình thì hãy quan sát kẻ khác ; nếu muốn biết kẻ khác thì hãy quan sát mình.
14. Sự khảo cứu con người kẽ là vật có trí tuệ tâm linh, có thể mặc lấp tinh cách một khoa học như sự khảo cứu các hiện tượng vật lý hoặc sinh vật học hay không ?

### CÂU HỎI GIÁO KHOA

1. Có mấy phương pháp để khảo cứu tâm-lý học ?
  2. Ưu điểm của nội quan ở chỗ nào ?
  3. Khuyết điểm của nội quan ở chỗ nào ?
  4. Định luật Weber-Fechner có giá trị gì không ?
  5. Việc thí nghiệm gặp những trở lực nào trong tâm lý học ?
  6. Phương pháp khoa học thực nghiệm có đem lại ích lợi nào cho tâm lý-học không ?
  7. Trắc nghiệm tâm lý là gì ?
  8. Việc khảo cứu khoa học có giúp ta biết rõ tâm hồn ta không ?
  9. Vì lý do nào ngôn ngữ có thể phản chiếu tâm hồn được ?
  10. Có thể có một môn tâm lý học thú vật không ?
-

## CHƯƠNG 10

### ĐỊNH-LUẬT VÀ TRIẾT-THUYẾT TRONG TÂM-LÝ-HỌC

- o *Lịeti-kè và giải-thích các định luật.*
- o *Giá-trị định luật tâm-lý.*
- o *Các triết-thuyết tâm-lý-học.*



#### A.— LIỆT-KÈ VÀ GIẢI-THÍCH CÁC LOẠI ĐỊNH LUẬT.

Định-luật là một công-thức diễn-tả vấn-tắc mối tương-quan cố định hơn hay kém giữa hai hay nhiều sự-kiện hay hiện-tượng. Bất cứ khoa-học nào cũng phải có một số tối-thiểu định-luật, hoặc định-luật căn-bản làm nền-tảng cuối cùng, hoặc định-luật diễn-xuất từ những định-luật trên. Là một môn học gồm những định-luật để cát nghĩa mối tương-quan giữa các sự kiện. Nhưng tâm-hồn — đối tượng của tâm-lý học — là một tinh-thần nhập-thề, nên có rất nhiều định-luật thuộc loại khác nhau.

I — **Định-luật sinh-vật-học.** Tâm-hồn là sinh hoạt. Hơn nữa, nó còn là nguyên sinh-lực cho nhiều sự-kiện nơi con người. Do đó, tâm hồn cũng bị các định-luật sinh vật-học chi phối như bất-cứ một sinh vật nào, hoặc những sinh-vật hoàn-toàn lệ-thuộc vào vật-chất, hoặc những sinh vật siêu-việt hẳn vật chất. Những định luật này có nhiều. Đây đan cử mấy định-luật làm thí-dụ.

## 1) Định-luật nhu-cầu.

Định luật này có thể công-thức-hóa như sau : *dè tự bảo tồn và khuếch trương, tâm hồn có rất nhiều nhu cầu đòi phải được thỏa mãn.* Hồn có nhu cầu thuộc tri thức, nhu cầu biết, quan sát, tìm hiểu, tìm mối tương quan... Có nhu cầu hoạt động, hướng ngoại để tiếp xúc với ngoại giới... Có nhu cầu tình cảm : yêu điều mình thích, ghét điều mình không thích...

## 2) Định luật lợi, thú.

Đây là công thức của định luật này : *hoạt động nào cũng do một lợi ích hấp dẫn.* Hoạt động tâm lý, đâu có xã kỳ tới đâu, cũng có cái lợi pha vào. Lợi cá nhân, lợi đoàn thể, lợi nhỏ, lợi lớn. Luật nhu cầu và luật lợi, thú — xét tới cùng — chỉ là một luật có hai cực : một cực đun đầy hoạt động (nhu-cầu), một cực hấp dẫn hoạt động (lợi ích).

## 3) Định luật thích nghi.

Sống, là thích nghi. Tâm hồn cũng phải thích nghi với hoàn cảnh bên trong bên ngoài để thiết lập một thế cân bằng luôn luôn bị đe dọa. Khả năng thích nghi của tâm hồn co dãn mềm giẻo hơn nhiều, nhò nhẹo, bất định tính. Đòi sống ý thức có một sự lựa chọn hết sức rộng rãi không tuyệt đối bị định-mệnh chỉ phổi như các sinh vật hạ đẳng.

## II.— Định-luật tâm-lý 1) Định-luật tâm-vật-lý.

## hỗn hợp.

Loại định luật này diễn tả mối tương quan giữa sự kiện tâm-linh và sự kiện vật-lý.

Chúng bắt nguồn từ những ảnh hưởng hỗ tương giữa tâm hồn và vũ trụ ngoại giới. Một vài thí dụ :

*Định-luật về kích-thích.* Luật của Weber (1795-1878), của Fechner (1801-1887), của Piéron (1881...). Công thức chung có thể là : kích-thích tăng theo cấp số nhân, cảm giác tăng theo cấp số cộng. (Xem chỗ nói về phương pháp ngoại quan).

*Định luật về đối tượng của giác quan.* Muốn phát hiện một cảm giác nào, kích thích phải theo tối thiểu hai định luật này. Kích-thích phải thuộc sở trường của mỗi giác quan : mắt chỉ trực-tiếp

nhận ra màu sắc; kích thích phải có cường độ đủ, theo định luật : khả-giác-tính (perceptibilité) của một kích thích, phải ổn định bằng hệ số cường độ của nó.

*Định luật về khí hậu, địa dư.* Vào loại định luật tâm vật lý, có những công-thức diễn tả mối tương quan giữa tâm lý và địa dư, khí hậu, nhất là trong phạm vi tinh-tinh-học. Khí hậu nóng bức tăng trực-phản-tinh (la primarité) và giảm gián-phản-tinh (la secondarité). Vì thế, người la-tinh dễ xung hơn người anglo-saxon. Người Bắc-Việt âm thầm hơn người Nam-Việt, v.v...

### 2) Định-luật tâm-sinh-lý.

Loại định luật này rất nhiều, vì lẽ rằng xác hồn mật thiết phối hiệp với nhau, làm nên con người duy nhất, như đã có dịp nói tới. Chúng dựa trên những nhận xét thực tế, trong rất nhiều phạm vi. Thí dụ :

*Nhận xét trong phạm vi tôn giáo.* Một định luật thuộc phạm vi này, đã được công-thức-hóa một cách bình dân: có thực mới vực được đảo. Công thức này không có nghĩa là đề cao vấn đề sinh sống hơn vấn đề tôn giáo. Nó không ngụ ý đảo lộn bậc thang giá-trị. Nó chỉ nêu lên một nhận xét: phải sống đã, mới giữ được đạo.

*Nhận xét trong phạm vi đạo đức.* Phú quý sinh lẽ nghĩa, bần cùng sinh đạo tặc. Đời sống sinh lý ảnh hưởng cả tới hành vi đạo đức của con người. «Bụng đói không có tai», «Đói ăn vụng, túng làm liều».

*Nhận xét trong phạm vi giáo dục và y khoa.* Tâm lý học thực nghiệm có lẽ năng được áp dụng nhất trong hai lãnh vực giáo dục và y khoa. Ở đây, những định luật tâm sinh lý có tầm quan trọng, cao nhất là nơi những nước mà thuyết tâm cử được đề cao, như bên Anh, Mỹ. *Mens sana in corpore sano*: một trí khôn minh-mẫn trong một xác tráng kiện. Xem mặt bắt hình dung: định luật này được áp dụng để hiểu tinh tình của một người qua nét mặt.

### 3). Định-luật tâm-xã-hội.

Loại định luật này xác định mối tương-quan thường xuyên: giữa sự-kiện tâm-lý và sự-kiện xã-hội. Khu vực xã-hội, hoặc nghĩa rộng (biển cõi lịch sử như chiến tranh...) hoặc nghĩa hẹp (tha-nhân giới), có thể biến đổi một tinh tình, phát triển một tâm hồn.

**III.— Định-luật tâm-lý** Loại định-luật này áp dụng cho những sự-kiện tầm-lý mà thôi, hoặc cho từng sự-kiện một, hoặc cho nhiều sự-kiện liên-quan với nhau.

1) *Áp-dụng cho từng sự-kiện tâm-lý.*

Thí-dụ : muốn nhớ, phải lặp đi lặp lại một cách hữu-ý và có phương-pháp. Trẻ con sống hiện tại, thanh-niên hướng về tương-lai, già-lão sống trong dĩ-vãng. Một ý-tưởng, càng trừu-tượng càng diễn tả ít chi-tiết của sự-vật v.v...

2) *Áp-dụng cho nhiều sự-kiện tâm-lý.*

Thí-dụ : tri-giác, trước tiên là một sự nhở-lại.— Vô tri bất mộ.— Liên-tường củng-cố đam mê đối với vật nǎng được liên-tường tới.— Với thân phần của một tinh-thần nhập-thè, ta không thể tư-tưởng mà không nhở đến ảnh-tượng, v.v...

## B.— GIÁ-TRỊ ĐỊNH LUẬT TÂM-LÝ.

Giá-trị định-luật trong một môn học, cũng như phương-pháp của môn học ấy, phải được ấn-dịnh theo đối-tượng. Vậy đối-tượng của tâm lý-học, trực-tiếp là sự-kiện tâm-linh và gián-tiếp là những sự-kiện liên-can tới sự-kiện tâm-linh, nên các định luật diễn tả mối-tương quan giữa chúng có những đặc-tính khác với những định-luật khoa-học thực-nghiệm.

**I.— Tắt-định hay  
bất-định ?** Sự-kiện tâm-linh có những đặc-tính : nội-giới, vô-chất, hữu-ngã, uyên-chuyên, v.v...

Chính vì những đặc-tính đó, mà định-luật tâm-lý không thể có tính-cách tắt-định như định-luật lý-hóa được. Lại nữa, trong tâm-lý, nguyên-nhân mục-dịch phải được đề cao. Do đó, tính cách tắt-định của nguyên-lý nhân-quả phải giảm bớt.

**II.— Định-phẩm hay  
định-lượng ?** Vật-lý-học học về những vật ngoại-giới, nên có thể đo lường được chúng. Do đó, những định luật môn học này đưa ra, đều là những định luật thuộc lượng, có thể diễn-tả bằng những công-thức toán-học. Tâm-lý-học, trái lại không thể có trực-tiếp những định-luật

thuộc lượng, mà phải dựa trên những định luật thuộc phầm. Đôi khi gián tiếp có những định luật có thể diễn tả bằng công thức toán, như định luật Weber, Fechner, E. Dubois. Tuy nhiên, tính cách lượng đó chỉ áp dụng cho những sự kiện liên quan tới sự kiện tâm linh thôi, chứ không trực tiếp áp dụng vào chính những sự kiện của ý thức.

### C.— NHỮNG TRIẾT THUYẾT TÂM-LÝ-HỌC.

Thực tại nào cũng phức tạp, thực tại vật lý cũng như thực tại tâm-lý. Xét theo một khía cạnh riêng, thực tại tâm lý có phần phức tạp hơn. Tính cách phức tạp này không cho phép ta nhìn đối tượng một cách toàn diện được. Vì thế, có những trường hợp người ta chỉ nhìn một khía cạnh, giống chuyện bốn anh mù sờ voi : các thuyết triết học độc đoán chuyên nhất ra đời; ta có thể diễn tả bằng một tên chung là *duy*. Có những trường hợp, người ta lại *nắn mạnh* một khía cạnh nào đó, nhưng không phủ nhận các khía cạnh khác : những thuyết triết học này có tính cách *chủ*. Sự phân biệt giữa hai thái độ *duy* và *chủ* rất quan trọng để hiểu quá trình triết sứ. Ở đây, chúng tôi không lưu ý tới sự phân biệt này, mà dựa vào một tiêu chuẩn khác để xếp đặt các triết thuyết chính.

#### I.— Xét theo phía chủ-thể

Chủ thể nói đây là chủ thể tâm-lý. Nơi con người, có nhiều khả năng tâm lý và mỗi khả năng có tác động khác nhau.

##### 1) Xét theo chính chủ-thể.

Có những thuyết sau này : *duy giác*, *chủ-giác* : chỉ nhận hay nắn mạnh khả năng giác quan ; *duy cảm*, *chủ-cảm* : chỉ nhận hay nắn mạnh cảm năng nơi con người ; *duy-lý*, *chủ lý* : chỉ nhận hay nắn mạnh khả năng suy luận ; *duy-trí*, *chủ-trí* : chỉ nhận có, hay nắn mạnh trí năng ; *duy ý chí* hay *chủ ý chí* : chỉ nhận có ý-chí, hay quá đề cao ý-chí v.v...

##### 2) Xét theo tác động của chủ-thể.

Tương đương với những chủ nghĩa trên, ta có : *duy cảm giác* hay *chủ cảm giác*, *duy nghiệm* hay *chủ nghiệm*, *duy trực giác* hay *chủ trực giác*, *duy luận* hay *chủ luận* v.v...

**II – Xét theo đối.**      1) *Xét theo đối-tương.*

**Tượng và ảnh-hưởng** Theo tiêu-chuẩn này, trong Tâm-lý-học ta sẽ gặp rất nhiều lần thuyết *duy sinh-lý, chủ sinh-lý*, chỉ nhận hay nhấn mạnh yếu-tố sinh lý nơi con người. Theo những thuyết này, tâm lý và sinh-lý liên lạc mật thiết với nhau chặt chẽ đến nỗi hai loại hiện-tượng đồng-hoa với nhau, tâm-lý phải nhường chỗ cho sinh-lý hay tâm-lý là phụ. Nếu ngược lại, ta có thuyết *duy tâm-lý* v.v... .

2) *Xét theo ảnh-hưởng.*

Nếu lấy ảnh-hưởng vào đời sống tâm-lý làm tiêu-chuẩn, ta có thuyết *duy xã-hội, chủ xã-hội*: đời sống tâm-lý hoàn-toàn bị xã-hội điều khiển và, hơn nữa, bắt nguồn từ xã-hội. Thuyết *duy lợi, chủ lợi*; con người hoàn-toàn bị lợi chi phối, v.v... .

**ĐỀ THI**

1. Giải thích câu : « Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục ».
2. Giải thích và phê bình định luật Weber: « Kích thích tăng theo cấp số nhân, cảm giác tăng theo cấp số cộng ».
3. Cắt nghĩa câu : « Phú quý sinh lẽ nghĩa, bần cùng sinh đạo tắc ».
4. Tại sao người ta nói : « Xa mặt cách lòng ».
5. Cắt nghĩa câu nói : « đời ăn vụng, túng làm liều ».
6. Giải thích và phê bình câu : « Gần mực thì đen gần đèn thì rạng ».

**CÂU HỎI GIÁO KHOA**

1. Tại sao phát sinh nhiều thuyết Triết-học ?
2. Tâm lý học có những định luật không ?
3. Định luật nhu cầu là gì ?

4. Định-luật lợi, thứ là gì?
  5. Định-luật thích-nghi là gì?
  6. Nêu ra một vài định-luật tâm-vật-lý.
  7. Nêu ra một vài định-luật tâm-sinh-lý.
  8. Những đặc-tính của một định-luật tâm-lý.
  9. Định-luật tâm-lý và định-luật vật-lý khác nhau ở chỗ nào?
-



## NHẬN-THỨC NGOẠI-GIỚI

### III. Cảm giác IV. Tri-giác.

Người là tinh-thần nhập-thể, sống trong một thế giới hữu hình được mệnh-danh là ngoại-giới. Do đó, trong phạm-vi nhận-thức, cuộc tiếp xúc với đối-tượng ngoại-giới là đầu tiên. Đầu tiên, xét theo cuộc triền-triền nơi mỗi cá nhân từ bé tài lớn : đời sống con trẻ hướng-ngoại trước khi hướng-nội ; đầu tiên, xét cuộc triền-triền chung của nhân-loại : những nhà tư-tưởng đầu tiên tìm hiểu vũ trụ vây quanh trước khi tìm hiểu chính-mình. Vì thế, ta nói về nhận thức ngoại-giới ngay đầu phần thứ hai này, gồm giai-đoạn chuẩn bị bằng cảm giác và chính việc nhận ra ngoại-giới là tri-giác.

## CẢM-GIÁC : CUỘC CHUẨN-BỊ NHẬN THỨC NGOẠI-GIỚI

- o Cảm giác là một hiện-tượng tâm-lý.
- o Cảm-giác là một tác-động tâm-lý.
- o Phân-loại cảm-giác,
- o Giá trị tâm-lý của cảm-giác.



Có thể theo hai quan-niệm để định nghĩa cảm-giác là gì. Theo quan niệm phân-tích, cảm-giác là một hiện-tượng tâm sinh lý xuất hiện theo một quá trình nhất định, với một số những điều kiện cần thiết. Theo quan điểm tòng-hợp, cảm-giác lại là một tác động tâm lý có tính cách toàn diện, do một chủ-thể tâm-lý. Ta lần lượt trình bày hai quan điểm đó.

### A.— CẢM GIÁC LÀ MỘT HIỆN-TƯỢNG TÂM-LÝ.

Theo quan-diểm phân-tích như vừa nói, có thể định-nghĩa : cảm giác là một hiện tượng tâm lý phát hiện do một giác quan bị kích thích... Hai điểm được lưu ý tới : những điều kiện vật lý và sinh lý chi phối cảm-giác ; một số vấn đề về mối tương quan giữa chúng và chính cảm giác.

b.— **Những yếu-tố chí** Trong lúc nói về đối tượng Tâm-lý-học, phòi cảm-giác, ta đã có dịp nói qua về những yếu-tố cần phải có để hiện tượng tâm-lý xuất-hiện. Yếu tố này trực-tiếp chi-phối việc tinh-luyện đầu tiên của tri-thức và có hai loại : yếu-tố vật-lý và yếu-tố sinh-lý.

x) *Yếu tố vật-lý: kích-thích.*

Muốn xem thấy mẫu căn phải có e-the chấn-dộng, đánh vào võng mồ (répine) mắt tôi. Muốn nghe tiếng động, những tế-bào corti ở tai phải được đụng chạm tới bằng những chấn động của khí. Giác quan yên tĩnh, sẽ không có một cảm giác nào. Điều này còn áp dụng cho cả những cảm giác bên trong, như chóng mặt, đau đớn, khoái-cảm. Những hiện tượng này phát hiện do đâu giây thần-kinh bị kích thích. Nhưng bản tính vật-lý của kích thích là gì?

Vấn đề này thuộc phạm-vi lý-hóa. Kích thích bao giờ cũng là một thể, thường là dưới hình - thức phân-tử (molécules hay nguyên-tử (atomes). Chúng kích-thích giác-quan nhiều cách tùy từng cơ-quan một: bằng tiếp khói (masse de contact) như trong xúc giác, bằng cảm khí (effluves) trong khứu-giác, bằng yếu-tố đã được pha loãng (dilution) trong vị-giác, bằng những chấn động trong thính-giác, thị-giác, hàn-nhiệt-giác... Dĩ nhiên, nhiều vật-thè không đủ sức để kích-thích. Muốn kích-thích tai chẳng hạn, cần phải có những chấn động khí mỗi giây từ 12 tới 37.000 cái. Con số sau này thường tương-đương với tiếng kêu của dơi, tai thường không nghe thấy. Mắt không thể xem thấy những tia hồng ngoại (rayons infra-rouges), hay những tia tử-ngoại (rayons ultra-violets), hay thử tia hoặc ở dưới hoặc trên độ màu quang-phô (couleurs spectrales). Hàn nhiệt giác cũng thế, độ ở trong người nóng hay lạnh nhất cũng không sánh với độ ở ngoài có thể đo lường bằng hàn thử biều được. Nhiều hiện-tượng vật-lý (như hiện-tượng điện tia X, quang-tuyến) không có giác-quan nào cảm giác được cả. Do đó, ta có thể đoán rằng, có thể có loại giác-quan hiệu lực hơn giác quan của ta.

Khoa tâm vật-lý-học có công tác khảo sát những tương quan giữa hiện-tượng vật-lý và tâm-lý-học, nhất là giữa một kích thích và một cảm-giác, hay một tình cảm. Về phương diện này, có rất nhiều kết-quả hay. Khởi điểm do Weber (1759-1838), rồi tiếp tục do Fechner (1801-1887) và Foucault tác giả cuốn *La Psychophysique* năm 1901. Do những thí nghiệm trong lãnh vực này, người ta khám phá ra ít nhiều luật, như là luật về biên giới sai biệt (seuil différentiel), biên giới tuyệt đối (seuil absolu). Biên giới sai biệt là giới hạn phân

tách giữa hai cuộc tăng kích thích. Kích thích mạnh cho ta có một cảm giác khác, trong lúc kích thích yếu hơn, lại không phân biệt được một cảm giác khác.



**Hình 10.**— Giới phát ra một thứ tiếng kêu gọi là siêu-âm (*ultra-son*) ta không nghe thấy. Nhờ máy điện, có thể phóng đại tiếng kêu đó được.

Biên giới tuyệt đối : phân giới hạn hai kích thích, một cái phát hiện cảm giác, một cái không. Thí dụ : áp giác (*sensation de pression*) số tối thiểu là  $0.0002$  cho tới  $0.005$  tùy chỗ da động vào. Muốn nghe một tiếng động, phải có từ  $12$  tới  $37.000$  chấn động khí v.v...

Luật Weber : biên-giới sai biệt là phân số không đổi của kích thích nào đấy :

$$\frac{1}{10} \quad \frac{10}{100} \quad \frac{100}{1.000} \quad \frac{1.000}{10.000}$$

Luật này được kiện chứng do quan sát thường-nghiệm : hai tay cầm hai thùng nước, cứ đồ nước dần, không phải lúc nào đồ vào là ta sẽ cảm thấy nặng thêm, nhưng phải đồ vào một số tối thiểu nước sai biệt.

Luật Fechner : kích thích tăng theo cấp số nhân, còn cảm giác tăng theo cấp số cộng, hay là : C (cảm-giác) = P (phân số) log K (kích thích).

Cảm giác tăng :

+ 1 (công sai)

1...

2...

3...

4...

2) Yếu-tố sinh-lý.

Kích-thích có công tác « đánh-thức » giác quan. Giác quan bị kích-thích mới bắt đầu chuyển. Có hai điểm phải bàn : những hoạt động sinh-lý trong bộ máy cảm-giác và việc phân loại các phần của bộ máy đó.

*Hoạt động sinh lý trong bộ máy cảm giác.* Trước hết là hoạt động của cơ quan ngoại biên. Cơ quan này là chỗ tận cùng của rất nhiều thần kinh, gắn bó vào nhau như là những dây điện trong bộ máy thu thanh. Nó lại đã được thích nghi để tiếp nhận những kích thích khác nhau và riêng biệt. Một cuộc phản công rất rõ rệt giống kiều Taylor trong các nhà máy kỹ nghệ. Do đó mỗi thành phần của cơ quan (như sẽ nói sau) còn có một công tác nữa : công tác đào thải, gạt ra ngoài những gì không thuộc sở trường của mình. Những thành phần của bộ máy cảm giác này lại ở nơi mỗi vật mỗi khác. Những chấn động e the được tiếp nhận cách khác nhau, nơi những tích trùng (infusoires), nơi loài cá, nơi chim, nơi loài bốn chân, nơi loài có vú v.v... Khoa giải-phẫu học đổi chiếu cho ta biết càng tiến cao trên bậc thang động vật, càng thấy cách đó khác nhau và phức tạp hơn hay kém, tùy sự quan hệ của cơ quan trong phạm-vi sinh-lý-học. Thí dụ, chim có mắt rất tinh, vật bốn chân lại có mũi rất tốt. Thế rồi, càng sử dụng cơ quan, càng thêm hiệu lực (vật ở hang vì không dùng mắt thành thử dễ sinh mù). Người, vì có trí khôn nên có giác quan kém, trừ tai hay là thính-giác, có lẽ vì ta phải dùng đến nó luôn, để phát biểu đời sống nội tâm bằng ngôn ngữ. Còn giữa người với người, vì việc sử-dụng mà dân man-ri có giác quan tinh hơn người văn minh, người quê hơn người tinh thành.

Kích-thích tăng :

(1 × 1/10) = 1, 1 (công bội)

biên giới tuyệt-đối = 2gr

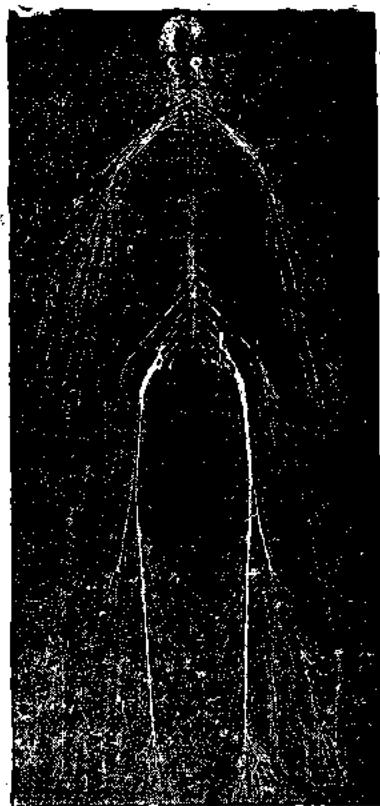
2 gr.

2 gr. × 1, 1 = 2 gr. 20

2 gr. 20 × 1, 1 = 2 gr. 42

2 gr. 42 × 1, 1 = 2 gr. 662

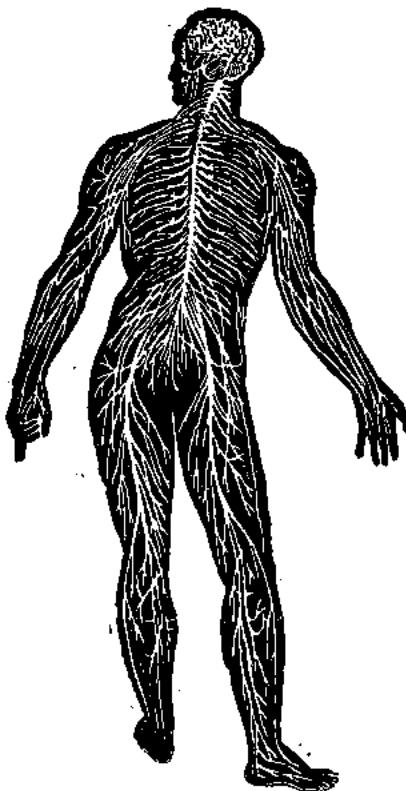
Thứ đến, là *hoạt động của giây thần kinh*. Cơ quan ngoại biên được nối liền với trung tâm bằng giây thần kinh (*nerf conducteur*). Có thể đặt câu hỏi: thần kinh này chỉ có công tác chuyền hay là



Hình 11.— Hình những chùm thần kinh, từ trung tâm ra tới các miền ngoại biên (phỏng theo Bác-sĩ F. W. Weaver).

còn có thể biến cải những gì cơ quan ngoại biên tiếp nhận? Đó là một giây chuyền có tính cách máy móc hay sinh hoạt? Dĩ nhiên điều kiện sinh lý nói đây là một chức phận sinh hoạt nên nó vừa chuyền vừa biến cải những gì do ngoại giới cung cấp. Nói khác đi, nó không phải hoàn toàn thụ động hay hoàn toàn máy móc. Chưa đủ giây thần kinh phải chuyền về các trụ sở trung ương. Trung ương này hoặc ở tủy, hoặc ở óc, đóng vai trò chỉ huy trong

giai đoạn tinh-luyện thuộc giác quan. Trước hết là vai trò liên-lạc, chúng là chỗ gấp gối của hai đường thần-kinh: đường hướng tâm (từ ở ngoại biên về, centripèdes và đường ly tâm (từ trung-tâm chuyển ra ngoại biên, centrifuges). Trung tâm này biến chế những kích-thích thành những phản-ứng thần-kinh, rồi chuyển thần-kinh vào những bắp thịt, vào những tuyến (glandes), gây nên những sự chuyển động, hay sự tiết, nhiều khi rất mạnh (như hiện tượng giùng mình chẳng hạn).



Hình 12 Những chùm thần-kinh từ trung-tâm ra tới các miền ngoại-biên, nhìn từ phía sau (Phóng theo H.N. Martin)

Từ vai trò liên-lạc, những sò trung ương quây quần cả ở trong bán cầu óc não, còn có công tác tinh-luyện để làm thành cảm-

giác. Các sở này, ngày nay, khoa-học đã có thể định rõ một cách khá xác thực, nghĩa là ở óc giữa. Nhưng những chi tiết về việc chuyền-vận của chúng, người ta chưa biết rõ thế nào.

*Phân loại các thành phần của bộ máy cảm-giác.* Đầu thế kỷ 19, Muller đã khám phá ra loại-tính của những thành phần bộ máy cảm giác. Nói cách chung, chính những thần kinh khác nhau làm cho ta cảm-giác được những phầm chất khác nhau (*qualités différentes*). Bị kích-thích bắt cứ bằng vật nào, một thần-kinh nào đó chỉ cảm-giác theo sở trường của mình. Do đó có hai nhận xét này. Nếu nhiều kích-thích khác nhau áp-dụng cũng vào một cơ quan (thí dụ : thị giác thần kinh có thể kích-thích bằng chấn-motion éther bằng đứt thần kinh đó, bằng áp điện vào, bằng ăn vào mắt...), luôn luôn có cảm giác ánh sáng và màu. Một cái đấm vào mắt làm này đom đóm mắt. Nhận xét thứ hai : đem áp-dụng cũng một kích-thích vào nhiều cơ-quan khác nhau, thì mỗi cơ-quan sẽ phản ứng cách khác theo loại của mình. Thí dụ : chuyền điện vào thần kinh thính-giác thành tiếng vang, chuyền điện vào thần kinh vị giác thành mùi vị.

Dựa vào hai nhận xét trên đây, có thể đặt câu hỏi : vậy loại tính của cảm-giác — như vừa nói — do cái gì ? Do kích-thích, do cơ-quan tiếp nhận ngoại biên, do giây thần-kinh do trung-tương hay do giác-quan ? Do từng cái một, hay do tất cả một lúc ? Tùy màu sắc triết học của mỗi người mà có những câu trả lời khác nhau. Duy vật cho là chỉ do cơ-quan ở ngoài tiếp xúc với một vật ngoại giới. Có người bảo là do trung-tương đến nỗi nỗi dây thần-kinh thị-giác vào trung-tương thính-giác, người ta sẽ nghe thấy màu sắc. Phải dung hòa cả hai mới đúng : cảm-giác là việc chung của cả giác-quan và của kích-thích. Nhưng theo nhiều thí-nghiệm có lẽ phần chủ quan thắng thế. Những sâu trùng có mắt lồi ra cũng như những vật có võng mạc đơn giản, hẳn xem màu sắc khác với màu ta thường xem, đều kích-thích ngoại giới là một. Riêng đối với con người, ta xem cũng như màu như nhau, vì dựa vào giả-thuyết bảo rằng cơ thể con người như nhau. Nhưng đó chỉ là giả thiết. Còn trực tiếp không thể biết được. Tại sự kiện tâm-linh là cái gì bất-khả-thông cách trực-tiếp. Hơn thế nữa nhiều người có

mắt lại không xem thấy màu (achrotopsie) hay là bị chứng loạn sắc (daltonisme), nhất là thường lẫn sắc đỏ với sắc xanh.

**II.— TƯƠNG QUAN GIỮA SỰ-KIỆN VẬT-SINH-LÝ VÀ CẢM-GIÁC** Trên đây, mới là cuộc mô tả hiện-tượng cảm-sự-kiện vật-sinh-lý và cảm-giác thôi. Còn cần phải đi sâu vào vấn đề có màu sắc triết-học đậm hơn : vấn đề tương-quan giữa sự-kiện vật-sinh-lý và cảm-giác.

*Bản tính của vai trò kích-thích.* Bản tính khách quan vật-lý của kích-thích thế nào đi nữa, nó chỉ là một kích-thích, nghĩa là nó kích-động những nghị lực tiềm ẩn nơi con người. Vai trò của nó không phải là vai trò của nguyên-nhân theo nghĩa hẹp. Thực ra nó nguyên-nhân, là nội nhán và quả có gì đều nhau, giống nhau. Trái lại nếu chỉ có kích-thích vật-lý, thời điều mà ta nhận thấy là tiền hậu bất nhất, nghĩa là cái tâm-lý đi sau (cảm-giác) không cùng một bản-tính với cái vật-lý đi trước (kích-thích). Vai trò của kích-thích chỉ là phát khởi những nghị lực sinh lý và tâm-lý, chứ không phải là nguyên-nhân trực-tiếp sinh ra cảm giác. Nói khác đi, cảm giác là một sinh-hoạt nghĩa là một hiện-tượng linh-động, một mình kích-thích bên ngoài không thể cắt nghĩa được, mà còn đòi phải có một nguyên sinh-lực bên trong. Vậy kích-thích chỉ là một điều-kiện.

Còn vai trò của yếu-tố sinh-lý thời sao ? Giác-quan (gồm cả cơ-quan) không phải chỉ là một điều-kiện. Chúng góp phần mật thiết hơn vào cảm giác. Không có giác-quan, tuyệt đối không có cảm giác. Một tinh thần thuần túy không thể có cảm giác được. Do đó, yếu-tố sinh-lý trong cảm-giác là một yếu-tố cấu-thành (élément constitutif), mặc dầu sánh với những tác-dụng tâm-lý thương-dâng của con người (tu-tưởng, sáng-tạo, v.v...) nó cũng chỉ là một điều kiện mà thôi.

## B.— CẢM GIÁC LÀ MỘT TÁC-DỤNG TÂM-LÝ.

Là một hiện-tượng chưa đủ, cảm-giác lại còn là một tác-dụng tâm-lý nữa. Trường Descartes, nhất là Malebranche, chủ-trương cảm giác chỉ đóng một vai trò thụ-động mà thôi : nó ghi-nhận phản ứng của thể xác. Chủ-trương như thế mới nhấn mạnh có một khía cạnh của cảm-giác. Cảm-giác còn là một chức-phận tri-thức, có một số đặc tính, đồng thời làm ta liên lạc được với vũ trụ.

I.— **Cảm giác : một chức phận tri-thức** Được kích-thích: giác-quan tiếp-xúc ngay với ngoại-giới, do đó có một cảm-giác. Cảm giác này, ngoài khả năng tiếp-nhận, lại còn đóng vai trò tinh-luyện và đồng-hoa, là hai việc then chốt của việc nhận-thức.

i) *Vai trò tinh-luyện của cảm giác.*

Kích-thích ngoại-giới muốn vào tâm-linh giới, phải qua giai-đoạn tinh-luyện bằng giác-quan. Cảm giác, tức là cuộc tinh-luyện này. Cảm giác nóng chẳng hạn, sẽ không còn là nhiệt-lực ở ngoài được đo bằng hàn-thứ-biều, mà chính là thứ nhiệt-lực tâm-linh (nếu có thể nói như vậy) được chủ-thể tinh-luyện rồi, nghĩa là được nó lọc đi những gì là vật chất thô-sơ, những gì là chi-tiết.

Nguyên-giác-quan, chỉ cảm-thấy nóng mà chưa rõ nóng đó bởi đâu nóng đó nơi vật nào... Ngoài thiên-nhiên, nóng luôn phải đi với vật gì nóng (mặt-trời nóng, khí nóng, nước nóng, sắt nóng, v.v...). Nhưng nhò-khả năng tinh-luyện, giác-quan chỉ cảm-thấy nóng và đề-việc phân-tích tòng-hợp vật-nóng cho một khả-năng khác (khả-năng tri-giác, như ta sẽ có dịp nói-tới).

ii) *Vai trò đồng-hoa của cảm giác.*

Tinh-luyện mà thôi, vẫn chưa là nhận-thức. Còn phải đồng-hoa nữa. Cảm giác đóng vai trò đồng-hoa kích-thích với chủ-thể bị-kích-thích. Nhờ cảm-giác nóng vừa-trung làm thí-dụ ở trên, chính tôi-nóng, chính anh-nóng hay nó-nóng. Từ vật-ở-ngoài-tôi, cái-nóng-nhập-tịch-ý-thức thường, bỏ tinh-cách vật-lý nó-có, để mặc-lấy tinh-cách tâm-linh.

II.— **Cảm - giác : một chức-phận liên-lạc**. Sơ-khai và phiến định đến đâu đi nữa, cảm-giác vẫn đóng vai-trò liên-lạc giữa chủ-thể và khách-thể. Cảm-giác là mối-dây đầu-tiên của một hệ-thống tương-quan giữa

những cơ-cấu tâm-sinh-lý và những đặc-tính khách-quan của ngoại-giới. Dĩ-nhiên, vai-trò thông-tin của cảm-giác có tinh-cách tương đối, vì với một hệ-thống giác-quan và cơ-quan khác, ta có thể nhìn các vật-cách-khác. Tuy-nhiên, như hiện giờ, giác-quan của ta thông-

tín cho ta biết khá nhiều sự-khiển và có sự tương ứng giữa mỗi loại giác-quan và mỗi loại kích-thích (như giữa thị-giác và luồng sáng). Sự tương ứng này không phải chỉ là một sự thích nghi mà thôi, nó còn là một trật tự được xếp đặt khôn khéo nhằm một mục đích rõ rệt. Không lẽ có tai như hiện giờ, đẽ rồi không có những âm ba tương ứng, hay ngược lại không lẽ lại có những âm ba như hiện giờ, đẽ không có tai nào tiếp nhận chúng. Vậy chỉ có âm ba tương quan với tai ta ; nhưng đồng thời, ngoài thiên nhiên, cũng phải có âm ba được tổ chức một cách đặc biệt đẽ được tiếp nhận bằng tai chứ không bằng mắt.

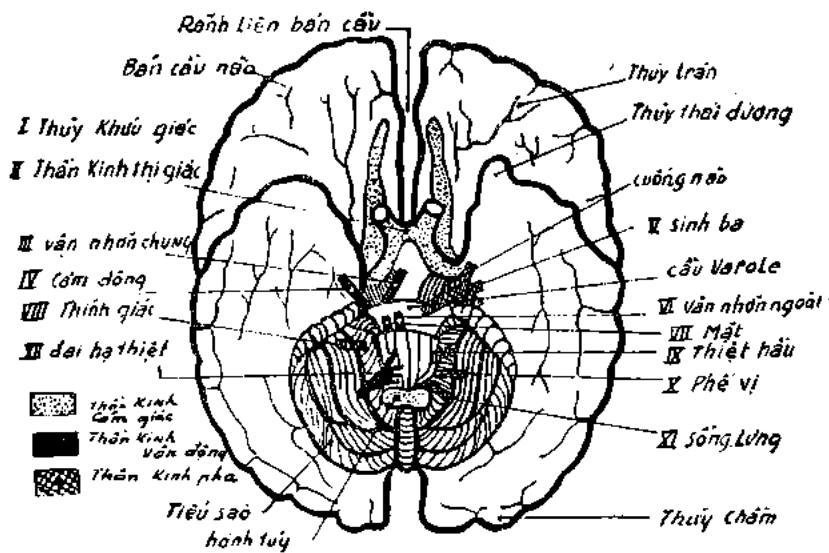
### C. PHÂN LOẠI CẢM GIÁC.

Có rất nhiều cảm-giác, vì có nhiều cơ quan (hay giác quan). Từ ngàn xưa, bên Đông cũng như bên Tây, người ta chỉ nhận ra năm giác quan gọi là ngũ quan. Theo quan điểm bên Tây, có lẽ con số năm không có ý nghĩa gì sâu xa, chứ theo quan niệm bên Đông, con số năm xem ra có ý nghĩa chỉ toàn thể các yếu tố trong phạm-vi nào đó (ngũ cốc, ngũ tạng), vì thế nó có nghĩa phiếm định. Ngày nay nhất là từ 50, 60 năm, khoa tâm sinh lý học đã khám phá ra nhiều chức phận giác quan mới, và ít nhất gấp đôi số năm. Dĩ nhiên, khoa này cũng công nhận giác quan căn bản là xúc giác, theo quan niệm Democritus (thế kỷ thứ năm trước Chúa Ky-tô). Thực ra tâm lý học đem xúc giác ra phân tích, nhận thấy rằng không có nó, nhiều giác quan khác không tồn tại được. Thị giác và thính giác có thể gọi là xúc giác gián cách, khứu giác là đụng chạm tới mùi thơm v.v... Xúc giác là căn bản, nên có ngay từ khi có động vật. Càng tiến lên càng thấy các giác quan khác xuất hiện và phát triển, đẽ thích nghi với đời sống mới.

**I.— Liệt kê các loại** Có nhiều học giả phân hai loại chính là : cảm giác.

Cảm giác ngoài gồm những cảm giác ngũ

quan : tức là vị giác, khứu giác, thính giác, thị giác và xúc giác. Ta chỉ chú ý tới những đối tượng thuộc những cảm giác này và liệt cảm giác trong vào số những cảm giác thuộc xúc giác.



Hình 13.— Mười hai đôi thần kinh số, mặt dưới não bộ.  
(phóng theo Vũ-văn-Tuyễn)

*Đối tượng của vị giác là những vị. Số vị thời nhiều. Nên nhớ thường rất khó phân biệt chúng với những cảm giác do xúc giác hay khứu-giác. Những vị có vẻ cay (piquante) có tính cách xúc giác nhiều hơn. Nếu bịt mũi mà ăn, nhiều khi mất vị ngọt hay ít ra giảm bớt nhiều. Bên Tây người ta công nhận bốn vị căn bản: ngọt, chua, đắng, mặn. Ngũ vị theo quan niệm Đông phương, còn thêm cay vào nữa. Vị giác xem ra chỉ đóng vai trò phân biệt đồ ăn để nuôι sống con người thôi.*

*Đối tượng của khứu-giác là mùi. Số mùi cũng không thể kể được. Thường người ta đặt tên cho nó theo những vật có mùi. Hầu như vật nào cũng có mùi riêng. Loài thú phân biệt mùi cách dễ dàng và tinh tường hơn chúng ta. Khứu giác cũng hướng hẳn về ngoại giới có công tác hướng dẫn loài vật, đồng thời loài vật nhận ra không gian gần hay xa của những vật có mùi. thí dụ : chó săn*

*Thính giác có những cảm giác thanh âm. Thanh âm có hai loại : tiếng động xôn xao và loại nhạc âm. Gó tiếng ồn ào hay tiếng động,*

là vì không có những ba động tuần hoàn (ondulations périodiques) như trong nhạc âm. Cả hai loại thường đi đôi với nhau. Ca nhạc là nghệ thuật tìm cách khử trừ tiếng động, để làm bật nồi những thanh âm tinh khiết. Thanh âm nào cũng có ba đặc tính chính: độ cao, cường độ, và âm sắc. Độ cao (hauteur) tùy ở số chấn động nhiều ít từ 12 tới 37.000. Âm giai (gamme) trong nhạc học gồm đủ số đó. Trong thực tế âm nhạc Tây phương chia từng quãng tám (octave) mỗi quãng có 12 nửa nốt, gọi là 12 demi tons. Âm nhạc Đông phương lại dùng âm giai 5 cung *hô, sô, xang, xê, ý* tương đương với *do, ré, fa, sol, la, dô, ré*. Chia ra như thế để tiện việc hòa âm và hòa nhạc. Cường độ (intensité) do ở chấn động mạnh hay yếu. Sau hết âm sắc (timbre), theo tâm lý học, là tùy ở vật có chấn động mạnh hay yếu. Cùng một độ cao cùng một cường độ mà tiếng người tiếng quyền, tiếng kèn có những âm sắc khác nhau. Vai trò của thính giác rất thần tình: nó tổng hợp những thanh âm phát cùng một lúc hay kế tiếp nhau (như trong những tiếng ồn ào của đám đông hay những hòa âm của phuруг nhạc). Do đó, nó là một giác quan nghệ thuật lâ thường. Hơn nữa thính giác nghệ sĩ còn biết phân biệt, để chỉ lựa chọn những thanh âm nào mình thích. Ngoài ra nó còn cho ta biết về tồn tại và về không gian.

*Thị-giác sinh ra những cảm giác giúp ta nhiều nhất trong việc nhận thức ngoại vật.* Nó là một giác quan có tính cách thực tiễn nhất tuy rằng kém phần chắc chắn hơn xúc giác. Đối tượng của nó là độ sáng (luminosité, không có màu); và màu sắc (couleurs). Thường thường mắt có thể xem thấy hơn một triệu màu, mà khoa học cố tìm hệ thống hóa cho thành sắc giai, được chia ra thành những màu chính (căn bản) và màu phụ. Thị giác còn nhận thức được cả trường độ (étendue) và cử động (mouvement).

*Xúc-giác rất phức tạp:* nó cho ta những cảm giác áp lực (pression), trọng lực (poids), sức cản (résistance), mềm, rắn, nóng, lạnh, đau, cố gắng, cử động... Vì thế nó tiếp nhận hầu tất cả những thứ kích thích, ở ngoài hay ở trong. Ngoài ra, nó có rất nhiều đường tần cùng thần kinh, như vi thể xúc giác (corpuscles du tact), vi thể Missner, vi thể Krauss, vi thể Golf, vi thể Pacini... và rất nhiều yếu tố khác có lẽ khoa giải phẫu chưa thể biết hết được. Hơn nữa,

những vi thể này có khắp chỗ trên da, trên các bộ phận ở trong xác con người. Xem như thế xúc giác là một giác quan phiếm định được gọi là toàn thân cảm giác. Tuy nhiên, người ta đã có thể định giới cho những chỗ dễ bị cảm xúc hơn hay kém. Nói rằng hơn hay kém, vì thực ra, nếu đem đặt hai kích thích nào vào da chẳng hạn, chúng phải cách nhau xa gần tùy chỗ, mới cho ta hai cảm giác. Cảm giác độ kẽ (esthésiomètre) của Weber, cho ta bảng kê sau đây :

1 m/m	ở đầu lưỡi.
2 —	đầu ngón tay.
4 —	môi.
7 — 11 —	ngón tay.
11 — 20 —	mặt.
32 —	mũ tay.
41 —	cánh tay.
54 —	gáy và ngực.
68 —	giữa lưng.

Theo bản kê trên đây, có thể thu vào ba miền xúc giác khác hẳn nhau : xúc giác lưỡi, xúc giác môi và xúc giác tay. Miền xúc giác này phát triển nhất nơi người mù. Cả đến những người sáng cũng dựa vào sở trường của xúc giác một phần lớn, trong việc nhận-thức ngoại vật.

Nên kê vào số cảm giác thuộc xúc giác những cảm giác cử động (sensations kinesthésiques), cảm giác bộ dạng (des attitudes), quân bình (d'équilibre), chuyên hướng (d'orientation) v.v...

**II.— Cấp bậc của các loại cảm giác.** Muốn định cấp bậc cho các loại cảm giác, phải phân biệt hai thời kỳ trong việc phát triển tri thức giác quan của con người : lúc còn trẻ và lúc lớn.

Lúc còn trẻ, giác quan can hệ nhất là xúc giác. Trẻ con nhờ đó mà biết được sự vật ngoại giới. Nhờ đó trẻ con biết được vật rắn hay vật mềm, nóng hay lạnh, cả đến đời sống tình cảm của trẻ cũng bị xúc giác chi phối. Không lạ, trước khi dùng trí khôn, trẻ luôn luôn tây máy và nghịch ngợm. Nó muốn sờ mó tất cả những gì nó thấy trước mắt. Nhưng cần phải nhấn mạnh rằng xúc giác rất

can hệ cho đời sống trẻ con, vì nó phải đóng vai trò huấn luyện cho các giác quan khác, nhất là thị giác.

Thế rồi càng thêm tuổi, xúc giác bớt quyền bá chủ, và nơi người lớn, thị giác mới là giác quan tiếp nhận ngoại vật nhiều nhất. Thực ra xét theo trương độ, mắt có thể nhìn bao quát rất nhiều vật cùng một lúc. Còn xúc giác có một phạm vi rất hẹp, chỉ có thể nhận thức những gì ở sát ngay bên. Quá tăm tay với là không cảm giác gì được. Thính giác cũng thế, nếu nó hơn xúc giác ở chỗ có thể nghe được những âm thanh từ xa vọng lại, thời trái lại nó kém thị giác ở chỗ đối tượng nó ít khi tồn tại lâu.

Hơn nữa, thị giác làm việc một cách dễ dàng hơn các giác quan khác. Thí-dụ : muốn đựng chạm tới vật gì, thời phải bỏ công việc tay đang làm. Trong lúc người ta vừa có thể vừa làm bằng tay chân vừa ngắm nhìn chung quanh.

Sau hết, nói tương đối, thị giác cho ta rất nhiều cảm giác : xem màu, xem phẩm chất của một vật tốt hay xấu.

Tuy nhiên, những nhận xét trên đây là nói theo quan điểm *tri thức*. Nếu đứng về phương diện *tình cảm* mà nói, thời thị-giác lại phải đứng hạng cuối cùng, và nhường quyền bá chủ cho xúc giác theo thứ tự sau đây :

Theo	{	1. Thị giác	5.	{	Theo
quan điểm		2. Thính giác	4.		quan điểm
tri thức		3. Khứu giác	3.		tình cảm
		4. Vị giác	2.		
		5. Xúc giác	1.		

Nhìn bắn kê trên đây có thể lập một định luật tâm lý về cảm giác : một cảm giác càng xúc động nhiều càng ít giá trị tri thức.

#### D. GIÁ-TRỊ CỦA CẢM GIÁC.

Về giá-trị của cảm giác, ta sẽ trình bày vài chủ trương cực đoan, rồi nghĩ thế nào cho đúng.

I. – **Một-thì giá-trị** Theo *Platon*, cảm giác là tác động của một *của cảm giác*. minh tinh thần mà thôi. Xác với những cơ quan của nó, chỉ là cơ sở của những hiện tượng hoàn toàn máy móc : thêm bớt, áp lực v.v... Vì ông chủ

trương giữa Hồn và Xác không có sự liên kết chặt chẽ, nên giá trị của cảm giác không được đề cao trong việc nhận thức sự vật. Descartes cũng chủ-trương giống như thế. Già lăm, giác quan chỉ có thể cho ta biết các vật lợi hay hại cho ta thôi (*« les sentiments ou perceptions des sens m'ont été mises en moi que pour signifier à mon esprit quelles choses sont convenables ou nuisibles au composé dont il est partie »*).

**II.— Đè cao giác - thuyết** (*sensualisme, sensationnisme*)  
**của cảm giác.** Chủ-trương rằng cảm giác là nguồn độc-nhất của mọi nhận-thức, không phải theo nghĩa rằng mọi nhận thức noi con người đều phải bắt nguồn noi giác quan, mà theo nghĩa rằng, không có kinh nghiệm giác quan thì không có nhận thức giá trị. Condillac tưởng tượng rằng, một tượng bằng đồng hay đá, nhưng được một tinh thần nhập vào mà không mang theo một khả-năng hay một ý tưởng nào. Tượng đó sẽ có tất cả mọi nhận thức, nếu các giác quan được mở ra để biết nhìn, biết nghe, biết ngửi, v.v.. Từ những cảm giác đó, sẽ nảy ra những hiện tượng tâm lý khác, như chú ý, hoài niệm, phán đoán, ước vọng, tưởng tượng.v.v... Những hiện tượng này được gọi là cảm giác biến hóa (*sensation transformée*) — Quan niệm cực đoan trên đây thực là mênh thuẫn. Cảm giác biến nhưng cái gì biến hóa nó ? Nếu tinh thần, nếu ý thức không có khả năng tiên thiên biến hóa cảm giác, thời cảm giác cũng vẫn chỉ là cảm giác chứ không bao giờ xuất hiện những hiện tượng tâm lý thường dâng được.

**III.— Phải nghĩ thế** Căn phải đánh giá trị đúng của cảm giác, nào ? bằng đem ra ánh sáng ưu, nhược điểm của nó.

### i) Giá-trị thực-sự của cảm giác.

Trong phạm-vi lý-thuyết, cảm giác là một giai đoạn *sơ khai* của nhận thức. Sơ khai, nghĩa là nó làm nền tảng cho các cuộc nhận-thức sau. Việc tinh luyện và đồng hóa trong giai đoạn giác quan phải có trước việc sinh luyện do tinh thần hay là tri-năng. Tất cả sự tiền bộ của trí thức, của khoa-học của triết-học về sau, đều chỉ là quẳng diễn cái cảm-giác đầu tiên đó. Người mù có thể rất giỏi

khoa quang học (optique) nhưng không bao giờ biết đỏ xanh thực sự như thế nào, vì họ thiếu trực giác đầu tiên. Không thể chối cảm-giác mà không đi tới chỗ chối tất cả tòa nhà kiến trúc xây dựng trên đó.

Trong phạm vi *thực tế*, cảm-giác đóng vai trò *chì dẫn (un guide de vie : Piéron)*, bảo ta biết vật gì lợi hay bất lợi cho đời sống thè xác. Người ta còn thêm : giác quan có giá trị nghệ thuật nữa. Tuy nhiên, trong phạm vi này một mình giác quan không đủ dẫn đưa ta vào thế giới hình thè (diêu khắc), màu sắc (hội họa), thanh âm (ca nhạc), mà còn phải có sự can thiệp của tinh thần sáng tạo nữa.

## 2) *Nhược điểm của cảm giác.*

Bên cạnh những ưu điểm vừa kè trên cảm giác có khá nhiều nhược điểm. Nhược điểm đầu tiên là *phiếm định tính*. Cảm giác mới là một nhận thức mông lung, chưa nhất định, chưa rõ ràng. Nó mới là rạng đông của nhận thức, lúc cảnh vật còn đang được bao phủ bằng một ánh sáng yếu ớt lú mù. Cảm giác chưa cho phép ta hiểu được vũ trụ, nó mới chuẩn bị cho chính ngọ của nhận thức về vũ trụ tức là trí giác. Vì phiếm định, nên cảm giác là *nguồn sinh do tướng và sai tướng*. Giác quan tự chúng, không sai lầm. Tuy nhiên, vì *tương-đối-tính* và *vị-trí* của chúng, chúng có thè làm díp cho ta tri giác sai như sẽ nói sau đây (1).

---

(1) Đề thi về cảm giác, xem sau chương về trí giác.

## CHƯƠNG 12

### TRI-GIÁC : Ý-THỨC VỀ NGOẠI-GIỚI

- o *Định-nghĩa tri-giác.*
- o *Đặc-tính của tri-giác.*
- o *Phân-tích, Tồng-hợp trong tri-giác.*
- o *Giải-thích sự vật.*
- o *Tri-giác và các hiện-tượng tri-thức khác.*
- o *Tri-giác và tình-cảm.*



Như ta sẽ thấy tri-giác là một tác động tâm-lý phức tạp, nhờ sự can thiệp hay ảnh hưởng của hầu hết các tác động tâm lý khác. Vì thế, trong lần xuất bản trước, chúng tôi đã hữu ý chỉ bàn đến tri-giác sau khi đã nói xong cuộc tinh luyện và cuộc bảo tồn tri-thức. Tuy nhiên, lần xuất bản này chúng tôi đề cập tới tri-giác ngay ở đây, vì dựa vào tiêu-chuẩn *đối tượng ngoại giới*. Theo tiêu chuẩn này có cái hại là những tác-động tâm-lý liên can hay ảnh hưởng tới tri giác chưa được nói trước mà đã phải bàn qua ở đây; có cái lợi, vì cảm-giác và tri-giác đều nằm trên cùng một con đường hoặc khởi từ ngoại giới, hoặc dẫn tới ngoại giới. Chính vì cái lợi này mà chúng tôi đề cập tới tri giác ngay sau cảm giác.

Tri-giác phiên dịch danh từ Pháp *perception* do hai danh từ La tinh *per* và *capere*, có nghĩa là *bắt lấy*. Nghĩa bóng là tiếp thu những vật ở ngoài vào trong ý thức và đó là ý nghĩa của danh từ Việt *tri-giác*. Hai chữ đều có nghĩa là biết, nhưng chữ *giác* thiên về cái biết bằng ngũ quan hay là giác quan.

## A.— ĐỊNH NGHĨA.

I.— **Trí-giác là gì?** Có nhiều kiều định nghĩa tri-giác, tùy như căn cứ vào đối tượng hay vào chủ thể. Nếu căn cứ vào đối tượng, thời có thể định nghĩa: tri-giác là nhận thức ngoại vật, cũng như ý thức là trực-tiếp nhận thức nội giới. Nếu dựa theo chủ thể, thời tri giác được định nghĩa: tri giác là tác động của tri tuệ, tìm hiểu những ấn tượng do ngũ quan tiếp thu và quy chúng về một đối tượng ở ngoài, (vai trò của tri tuệ sẽ được trình bày tóm sau). Hay vẫn tắt hơn: tri giác là ý-thức ngoại vật qua giác-quan. Trí khôn bị đánh thức do một kích-thích động vào giác-quan, là trực tiếp nhận ra vật kích thích đó, kèm theo ý-thức về vật đó thực có ở ngoài mình.

Trừ mấy câu định nghĩa quân bình trên đây, còn có thể trưng ít nhiều câu định nghĩa cực đoan hoặc thiên hẳn về duy nghiệm (définition empiriste), hoặc thiên hẳn về duy lý (définition rationaliste). Theo quan điểm duy nghiệm, tri giác là một hiện tượng tâm lý nhờ đó trí khôn lãnh nhận một thế giới, một cách hoàn toàn thụ động. Theo quan điểm duy lý, tri giác là một tác động nhờ đó, ý thức tự tạo cho mình một thế giới hay nhờ đó một chủ thể tự đặt trước mình một khách thể khác với mình. Quan điểm này có tính cách quá chủ động, gán cho ý thức một năng lực sáng tạo không tương hợp với trí khôn hữu hạn của con người.

II.— **Phân loại trí-giác.** Các nhà tâm lý vẫn theo tâm lý học trường Ecosse của Thomas Reid (1710-1796) phân biệt hai loại tri giác: tri giác tự nhiên (perception naturelle) hay bẩm sinh, và tri giác đặc thù (perception acquisie). Phân loại như thế rất có lợi cho khoa giáo dục, biết đâu là cái vân có, và đâu là thu nhận được do việc giáo dục. Tuy nhiên, nơi người lớn, sự phân biệt này có tính cách lý thuyết nhiều.

### i) *Tri-giác tự nhiên (perception naturelle).*

Tri giác tự nhiên, thu nhận những phẩm chất của vật có thể cảm giác được mà mỗi giác quan thu nhận do sở trường riêng của mình chứ không nhờ hoài niệm, tập quán hay liên tưởng nào. thí dụ: thị-giác thu ánh sáng, màu sắc, thính giác thu nhận

thanh âm mạnh nhẹ hay cao thấp v.v... Trong thực tế, người lớn không còn tri giác tự nhiên nữa. Không bao giờ ta chỉ thu nhận một phầm chất cô lập, vì ít nhất ra ta phải thu nhận cả cái vật có phầm chất đó, không bao giờ chỉ nhìn trắng mà đồng thời không nhìn vật trắng.

*2) Tri giác đặc thủ (perception acquisie).*

Tri giác đặc thủ là phải tập mới có, phải nhờ đến hoài niệm hay liên tưởng. Thi dụ : thi giác thấy nóng lúc nhìn sắt đỏ, thấy rắn hay mềm do vật cứng hay dê tan. Nghe tiếng động, nhưng có thể phân biệt nó là tiếng động gì : ô tô, máy bay, xe đạp, xích lô máy...

## B. – ĐẶC-TÍNH CỦA TRI-GIÁC.

Để hiểu rõ hơn tri giác là gì, ta phân tích sau đây một số đặc tính của tri giác.

**I.– Chủ-tộc-tính hay khách-thể-tính ?** Người ta thường đổi lập chủ thể tính của cảm giác với khách thể tính của tri giác. Cảm giác xuất hiện với những thay đổi tâm sinh lý, với những biến thái của bản ngã. Cảm giác, tùy thuộc chủ thể nhiều hơn, và do đó, có tính cách tương đối, chủ quan, bản thân hơn. Cũng một ngoại cảnh như nhau, nhưng có thể gây nên những cảm giác khác nhau nơi nhiều người khác nhau : « người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ». Ngược lại, tri giác cho ta nhận thức ngoại vật, biết nó có thực. Hệ số bản thân và tình cảm bớt đi rất nhiều. Vũ trụ thực có sẵn đấy đối với tất cả những ai có ngũ quan lành lặn và có phán đoán thông thường.

Tuy nhiên, xét theo một khía cạnh khác, cảm giác lại có tính cách khách quan hơn, vì sơ khai hơn, phản ứng trung thành với những dữ kiện hợp sở trường chuyên môn của mỗi giác quan. Mở mắt là có cảm giác về màu sắc liền. Vì thế người ta thường nói ngũ quan tự chúng không sai lầm. Trái lại tri giác tuy là nhằm đối tượng ngoại giới, nhưng nó vẫn là một tác động của chủ-thể tư-duy, lại bị phán đoán chi phối, rồi phán đoán lại bị ảnh hưởng của tình cảm nên rất dễ sai lầm. Xét như trên, muốn xác định chủ thể tính hay khách thể tính của tri giác phải tùy quan điểm.

**II.— Thụ - động - tính hay chủ - động - tính ?**

Thường thường, cảm-giác có tính cách thụ động hơn, nghĩa là trong cảm giác, ý-thức phải tiếp nhận nhiều hơn là tinh-luyện.

Những dữ kiện khả giác đến với ta, ta ra như bị dính vào chúng. Dĩ nhiên, cảm-giác là một phản-ứng, tuy-nhiên, phản ứng này là phản-ứng một chiều, theo sát bản tính của giác quan hay của kích thích. Ngược lại, tri-giác là một tác động tích-cực. Tri-giác thực là một phán đoán, sau khi đã động viên các tác động tâm-lý khác (nhất là chú ý, phân tích, tổng hợp v.v...). Nó là một sự xây dựng do chủ-thể, là một cuộc chinh-phục ngoại-giới chứ không phải chỉ chờ cho ngoại-giới tự hiến cho ta.

Xét đi thì thế, mà xét lại thời vẫn đề không quá đơn giản. Tri giác thực là một tác động. Nhưng nó cũng là việc tiếp thu những ấn tượng khả giác, cũng phải biết tự mở đề đón nhận, nên bị áp lực của thế giới bên ngoài. Nếu không có áp lực đó, sẽ không bao giờ có được tri-giác và ta sẽ không bao giờ hiểu được vũ-trụ. Xem như trên, trong thực tế người ta rất khó đặt giới hạn đến đâu là hết cảm giác và đến đâu là tri-giác bắt đầu. Thụ-động-tính hay chủ-động-tính nhiều hay ít, nơi tri-giác, tùy trình độ hiểu ngoại giới nhiều hay ít, tùy sự vượt phỏng lên trên tầm thú tính thấp hay cao, tùy sự tiến-triền tâm-sinh-lý của người nào đó. v.v...

**III.— Phong-phú hay nghèo-nàn ?**

Cảm-giác tuy phiếm-định, nhưng lại phong phú. Cái nhìn mông lung của lúc rạng đông, là cái nhìn đầy màu sắc, là cái nhìn tòng quát một thế giới hôn độn ngòn-ngang, chưa có bị đóng khung hay bị giới hạn.

Cảm-giác phong phú ở chỗ đó. Trái lại, tri-giác là nhin vật nhất định, đóng khung trong một không gian nào đấy, có cơ cấu (structure) đàng hoàng.

Do đó, nội dung của tri-giác kém vê phong phú. Phán-đoán và nhất là sự chú-ý xem ra thu-hẹp ý-thức-trường lại, làm cho sự nhận thức mất vê tống quát ngày thơ lúc ban đầu.

Tuy nhiên, xét theo bề sâu tri-giác lại phong phú hơn nhiều. Tri-giác là cái nhìn rút gọn, nhưng không phải vì lý do đó mà kém vê

phong phú, một sự phong phú thiêng về phầm hơn lượng. Cái nhìn tông hợp của tri-giác là cái nhìn tông-hợp rõ rệt, cái đẹp của vũ-trụ được tri-giác hiện ra với những nét minh-bạch, có trật-tự mạnh mẽ, có những nét tinh vi hơn. Thực ra, tri-giác là rút những gì tinh-vi nhất, tinh-thần nhất từ một đồng hồn-mạng cảm giác. Vũ-trụ được cảm-giác còn nguyên vẹn trong tri giác, nhưng hiện ra với hình thức thiêng liêng hơn, vì tri-giác đã cho nó một ý nghĩa.

### C.— PHÂN-TÍCH, TỒNG-HỢP.

Muốn hiểu vai-trò của trí-tuệ trong tri-giác, cần phải diễn-tả quá-trình của tri-giác như thế nào : tri-giác là một phân-tích giữa hai tông-hợp ; tri-giác là phân biệt một sự-vật nhất-dịnh trong toàn khối không-gian.

**I.— Tri-giác : một phân-tích giữa hai tông-hợp.** Người ta thường nói tri-giác là một phân-tích giữa hai tông-hợp, nghĩa là di từ tông-hợp lu mờ tới tông-hợp minh bạch, qua một cuộc phân-tích làm trung-gian.

#### 1) Giai-doạn tông-hợp lu mờ.

Thoạt đầu vừa mới mở mắt ra, cái nhìn của ta chưa rõ ràng. Cái nhìn lúc rạng đông, mới là cái nhìn tông-quát hồn-mạng. Hồi một người mù từ lúc mới sinh, nhưng vừa chừa khỏi, họ xem thấy gì. Họ thưa : « Tôi xem tất cả như một cánh đồng mênh mông sáng rực, trong đó tất cả đều ngòn ngang lộn xộn động đậy (1). Muốn nhận thức vật gì, trước là nhìn đại cương đã, nhìn bắn họa đồ một cái nhà chẳng hạn, đứa trẻ vừa mới tiếp xúc với ngoại vật cũng thế. Tất cả đối với nó, đều còn lộn xộn. Nhờ kinh-nghiệm, nó mới phân-biết cái này với cái kia.

#### 2) Giai-doạn phân-tích.

Nhìn tông-quát xong rồi mới đem ra phân-tích từng phần một. Phần to trước, phần nhỏ sau, rồi phần nọ trong phần kia. Nhìn đủ mặt, lật ngược lật xuôi, xem trong xem ngoài. Không còn khía cạnh nào mà không xem, không có cái gì mà không thử. Hết lắc đè nghe lại gõ vào bàn v.v...

(1) Je vois un champ lumineux étendu où tout me paraît trouble, confus et en mouvement. Compeyre, *L'évolution intellectuelle et morale de l'enfant* Paris 67.

3) *Giai đoạn tông hợp rõ rệt.*

Phân-tích xong, tông hợp lại. Giai đoạn tông hợp lúc này khác với giai đoạn tông hợp lúc mới bắt đầu. Các thành phần được phân biệt rõ rệt, đồng thời cũng được nhìn trong toàn thể, gắn bó với nhau chặt chẽ đến nỗi hễ nhận ra được một thành phần là nhận ra được toàn thể. Trong giai đoạn này, có thể nói tri giác là nhớ lại hay là tri-giác là liên tưởng cũng được (*apercevoir c'est se souvenir*).



Hình 14.— *Tri - giác là một dịp nhớ lại. Hình con chó, tuy không đủ nét, vẫn nhận ra được. Những nét thiếu, trí tưởng tượng bù vào, phỏng theo những kinh-nghiệm quá khứ của ta có về con chó.*

**II.— Tri-giác : phân** Muốn biết rõ ràng một vật, phải phân biệt **bíệt vật này với vật đó** với vật khác : với chính bản ngã nhận-thức, với thân-thề của chủ thể nhận thức, và sau hết với những vật chung quanh.

1) *Phân biệt với bản ngã nhận thức.*

Thoạt đầu phải nhận rằng, thế-giới không thể được thu-nhận nếu ta không thể tự nhận-thức ta như là một vật tồn-tại trong thế giới. Tất cả đều gói-ghém trong một nhận-thức toàn-diện, cả bản-ngã lẫn vô bản-ngã (phi ngã). Nhưng dần dần nhờ khả-năng trừu-tượng ta mới phân-tích bản-ngã và ngoại-giới mỗi cái ra một bên. Phải trừu-tượng và phân-tích, ta mới khám phá ra điểm nào riêng cho bản-ngã, điểm nào riêng cho ngoại-giới, và chúng bắt-khả tương hợp nhau như thế nào. Một đằng vô-chất, một đằng hữu-chất; một đằng hữu ngã, một đằng trung-lập nghĩa là có thể thuộc về tất cả mọi người.

2) *Phân biệt với thân thề.*

Người ta thường loại thân-thề vào ngoại-giới. Điều đó đúng

3) Phân biệt với vật chung quanh hay là cá thể hóa một vật.

Cho rằng trong giai đoạn tổng hợp đầu tiên, tôi nhìn toàn thể một cách lu mờ. Nhưng dần dần với kinh nghiệm và sự can thiệp của trí khôn phán đoán, tôi nhận ra những điểm cá thể hóa một vật, tức là những hoàn cảnh đặc biệt của nó, như tên nó là gì, nó làm gì, nó ở đâu và hình dáng nó như thế nào. Những hoàn cảnh đó hấp dẫn sự chú ý của tôi, khiến tôi nhận biết vật nhất định rõ rệt còn bao nhiêu vật khác chui vào bóng tối hay ra ngoài rìa. Tùy sự chú ý của tôi, mà một vật được ở trung tâm hay ra ngoại biên, được phân biệt với các vật khác.

**III.— Trí giác: nhìn** Vấn đề không-gian và thời-gian có hai **vật toàn khối** khía cạnh chính: khía cạnh siêu hình-học và khía cạnh tâm lý học. Theo khía cạnh trước, phải tìm hiểu không gian thời gian là gì; theo khía cạnh sau, người ta tri giác không gian và thời gian làm sao.

I) Không gian thời gian là gì (1)

Khoa học cũng nói tới không gian và thời gian. Ở đây chỉ nêu lên một số điểm có tính cách triết học.

*Không gian thời gian có thực hay tưởng tượng?* Theo duy-thực-thuyết, không gian và thời gian có thực và là hai đặc tính của sự vật ngoài giới, ở ngoài ý-thức. Thời xưa Newton còn đi xa hơn nữa: ông chủ trương không gian và thời gian là những khu vực thực sự và tuyệt đối, nghĩa là không những tự-lập đối với trí-khôn hay ý-thức, lại còn tự lập đối với chính những vật có thể ở trong không gian và thời gian.— Trái lại, theo quan điểm duy tâm, không gian và thời gian không có thực, mà chỉ là do trí khôn đặt ra. Chúng là những định luật thuần-lý tri-khôn dựa vào đề biếu thị các vật; chúng là những phạm trù tiên thiên của tư tưởng (Kant, Leibnitz).— Nhiều quan-diểm khác cố gắng dung-hòa hai cực đoan trên đây. Descartes vừa chủ trương không gian và thời gian là những ý tưởng rõ rệt minh bạch (idée claire et distincte), vừa quan-niệm chúng là những đặc-tính chính của vật-chất ở ngoài. Nhờ không gian và

(1) Vấn đề này cũng có trong cuốn *Triết học tông quát*.

thời gian, tri khôn có thể hiểu được thực tại của vũ trụ. Einstein xem ra cũng quan niệm như vậy : vật-chất chính là một liên-tục-thề trong không-gian và thời-gian. Một số triết học gia khác phân biệt không gian thời-gian trừu-tượng (đối tượng của Toán-học) với không-gian thời-gian cụ thể, là chính những vật có *trương độ* được tri-giác. Phân biệt như thế có thể giải quyết được những dị biệt giữa quan niệm khác nhau về không-gian và thời gian.

*Tương-quan giữa thời-gian và không-gian.* Những biện chứng gia cố gắng chủ trương không gian dẫn xuất do thời gian, hay ngược lại. Nếu nhìn không-gian như là có trước thời gian, thời lúc đó không gian sẽ là một khu vực có nhiều phần khác nhau : sau đó, ta nghĩ tới một trật tự, có thứ tự trước sau, kế tiếp nhau và đó là thời gian. Nếu ta cho thời gian có trước không gian, thời ta lại quan niệm trước các thành phần kế tiếp nhau theo thứ tự trước sau, làm nên những vị trí đồng thời dính kết với nhau thành một liên tục thề, tức là không gian. — Có người lại chủ trương không gian và thời gian dẫn xuất do chuyền động. Chuyền động làm ta quan niệm khởi điểm đích điểm, điểm trước điểm sau (thời gian), kế tiếp nhau thành một chuỗi vị trí đồng thời (không gian).— Nhưng, cụ thể mà nói, cả ba ý niệm về chuyền động, về không gian, về thời gian, đều sơ khai bằng nhau, không thể giản lược vào nhau, nhưng lại đòi hỏi lẫn nhau.

## 2) *Tri-giác không-gian và thời-gian.*

Không-gian và thời-gian được tri-giác, phải hiểu là không gian thời gian cụ thể, nghĩa là những đặc tính của ngoại vật, chứ không phải là không gian thời gian trừu tượng, đối tượng của lý - tri thuần lý.

*Không gian được tri-giác thế nào ?* Được tri giác một cách tự nhiên hay là đòi phải có sự tập tành ? *Bàm-sinh-thuyết* cho rằng tri-giác truong-degree hay không gian cụ thể là tri-giác tự nhiên (perception naturelle). Tuy nhiên, không phải tất cả các giác-quan đều nhận không-gian cụ-thể đều nhau. Thị-giác và xúc-giác-quan đứng đầu. Thị-giác lại sở trường về nhận thức diện tích, còn xúc giác về chiều sâu và chiều nồng. Ít nhất rong hai trường

hợp này việc tri-giác không-gian-cụ-thể là tự nhiên. Đắc-thủ-thuyết lại chủ trương rằng, nhận-thức không gian đòi phải được giáo-dục ngũ quan trước, gọi là giác-dục. Tri giác như thế gọi là tri-giác đắc thủ gián tiếp, thường phải qua một câu phán đoán mặc nhiên làm trung gian... *Phải nghĩ thế nào?* Phải nhận rằng nhiều lúc tri-giác không-gian là tự nhiên và bẩm sinh nhiều lúc lại do tập quán mà có. Nhưng có thể nhận rằng nhiều tri giác cho ta biết tính cách không-gian của sự vật. Đầu tiên là những tri-giác về xác ta. Chúng cho ta biết về tính cách không gian của xác như là không gian trong đó được biểu diễn những cử động về xác. Không gian mà chúng ta nhận thấy ngay nơi xác, gọi là không gian sinh lý (*espace physiologique*). Ngoài ra, cẩn cứ vào không gian nơi xác ta có thể biết những vật xa gần, bên phải bên trái. Xác là trung tâm điểm, là hệ thống quy tụ (*système de convergence*) giúp ta tìm ra không gian tính của các vật ngoài ta nhờ những giác quan : thính, xúc và nhất là thị giác. Thanh âm cũng được nhận thức trong không gian. Nhưng một mình thính-giác không đủ để định cư nó được. Phải nhờ đến cử động của đầu để biết nó hướng nào, nhờ đến thị giác để khám phá ra nguồn phát sinh ra nó ở đâu, xa hay gần. Xúc giác, nếu có cử động, cũng cho ta biết hết những chiều của không gian. Thị-giác nhìn được xa gần là do sự cử động của những bắp thịt thị giác nơi mi mắt, khiến mắt có thể mở to mở nhỏ. Phải nhận rằng, trong việc nhận ra không gian tính, thị giác có một phạm vi rộng rãi hơn.

*Tri giác chiều thứ ba.* Giác quan, nhất là thị giác và xúc giác, giúp ta nhận ra không gian ba chiều. Theo Berkeley, thời phải phân biệt không gian thị giác (*espace visuel*) và không gian xúc giác (*espace tactile*). Không gian thị giác chỉ hai chiều. Xúc giác một mình cho ta nhận ra chiều thứ ba, còn thị giác chỉ tạo ra một cái nhìn phẳng (*vision plate*). Ông dựa vào kinh nghiệm của Monlyneux : người mù từ lúc mới sinh, lúc khôi mắt, không phân biệt được hình cong của một quả cầu bằng thị giác mà chỉ phân biệt được nhờ xúc-giác mà thôi. Nên nhận xét rằng, đài Berkeley, khoa giải phẫu mắt chưa tiến như bây giờ. Ngày nay, người ta khám phá ra rằng, sự nhìn lưỡng thị giúp ta phân nỗi và ước lượng được vị trí tương đối của các vật. Nếu thực hiện trên hai điểm tương ứng của hai võng mạc, hai ảnh thật khác nhau như hình chụp

bởi hai vật kính của một ống kính lưỡng thị, thời cảm giác nòi trở nên rõ rệt. Đáng khác, tri giác là một tòng hợp, đòi nhiều giác quan cộng tác, mặc dầu thị giác xúc giác góp phần quan trọng hơn.

*Tri giác chiều thứ tư, hay là tri giác thời gian.* Không gian và thời gian tương ứng với nhau chặt chẽ đến nỗi Einstein gọi thời gian là chiều thứ tư, và mọi vật, mọi biến cố đều là liên-tục-thể bốn chiều (un continuum spatio-temporel à quatre dimensions). Dựa trên sự đồng-hoa không gian thời gian này, ta quan niệm thời gian như là không gian, như là một khu vực đồng chất, vô định được chia ra nhiều mảnh, ra nhiều khoảnh khắc. Nhưng Bergson phê bình quan niệm này, bảo rằng đó là một thời gian trừu tượng được khái niệm hóa và được không gian hóa. Ông chủ trương rằng thoát đầu ta nhìn vào hồn ta, coi nó như dòng nước chảy liên-tục cụ thể, sống động. Đây mới thực là thời gian cụ thể mà ông gọi là tồn-tục (durée). Sau đó, ta mới có ý-niệm về thời gian vật lý nhờ khả năng trừu-tượng của lý-trí phân tích dòng ý thức ra từng điểm, từng giây một. — Phải nghĩ thế nào ? Thời gian được trực tiếp nhận ra với không-gian coi như là một đặc tính của vật có truwong độ, chứ không cần trừu-tượng lôi thôi như Bergson chủ trương.

#### D.— GIẢI THÍCH SỰ VẬT.

Trên đây, ta đã vê qua quá-trình của việc tri-giác, nhưng tri tuệ còn phải đóng một vai trò nữa, quyết liệt : giải-thích sự vật bằng phán đoán.

##### I.— Mọi tri - giác là 1) Đồng dì giữa tri-giác và phán đoán.

**một phán đoán.** Không thè nói được rằng mọi phán đoán là một tri giác, vì có những phán đoán thuần-lý hay siêu-việt nhằm mối dây liên lạc giữa những sự-kiện thuần-lý hay siêu hiện tượng. Tuy nhiên phải nói rằng, mọi tri giác là một phán đoán. Cả hai động-tác đều thuộc phạm-vi tri-thức, nghĩa là giúp ta tiếp-nhận, tinh luyện và đồng-hoa một dữ-kiện nào đấy. Cả hai đều đòi hỏi phải có ý-thức can thiệp, một đàng chính tri-giác được định-nghia là có ý-thức về ngoại vật, một đàng phán đoán tức là sáng-suốt quyết đoán mối dây liên-lạc giữa hai yếu-tố hay hai sự-kiện. Nhưng không vì những điểm đồng mà quên những điểm dị giữa hai động-tác tâm-lý này.

Phán đoán có thể chỉ là tác động của trí khôn mà thôi, trong lúc tri-giác là tác-động của thế xác-tinh thàn hồn hợp. Tri-giác nhằm chính ngoại vật như là đối tượng, còn phán-đoán trực-tiếp nhằm mối giây liên-lạc giữa các sự vật.

Nếu đi sâu vào tính chất của hai động-tác, ta thấy phán-đoán có vẻ trừu-tượng hơn, còn tri-giác thời cụ-thể, hay như Bergson nói, tri-giác chuẩn bị ta hành động trên sự vật.

Thế nhưng, khác nhau mấy đi nữa, hai tác động tri-giác và phán đoán thâm nhập vào nhau đến nỗi làm thành nên một tri-giác mà thôi. Thực ra, không có phán đoán, thời những dữ kiện do giác quan, chỉ là đồng vật liệu vô-hồn, vô-nghĩa. Phán đoán là hồn của tri-giác, vừa chính-xác-hoa vừa kiềm-chứng những ẩn-tượng khả-giác.

### *2) Các loại phán-đoán trong tri-giác.*

Có nhiều loại phán đoán, tùy theo đối-tượng. Có phán-đoán về bản tính (*jugement de nature*, *d'identification*) có phán-đoán về giá trị (*jugement de valeur*). Trong tri-giác hai loại phán-đoán trên đây đều thuộc loại - đoán về thực - tại (*jugement de réalité*), về khách thể tính của sự vật (*jugement d'objectivité*).— Tri giác vật nào, tức là tôi phán đoán rằng nó thực có ở ngoài, đồng thời tôi phán đoán nó là cái gì nhất định. Vì thế, câu phán đoán then chốt trong tri giác, là câu phán đoán thực tại: tri giác là nhận nhận thực tại của sự vật.

**I.— Vấn - đề phán đoán trong tri-giác.** Ở đây nảy ra hai vấn đề. Vấn đề siêu hình: vật ta tri giác có thực hay không; vấn đề tâm-lý: nếu có thực thì ta nhận ra thực tại của nó bằng cách nào.

#### *i) Vấn đề siêu hình.*

Vấn đề này còn được đề cập tới trong *Triết học tổng quát*. Ở đây, chỉ nói vấn tắt.

Câu trả lời duy tâm: những vật được tri giác tự chúng không có thực mà chỉ là những *biểu thị* do trí khôn. « Thế giới là biểu thị của tôi: le monde est ma représentation » (Schopenhauer). Chỉ có trí khôn mới thực có, các vật ở ngoài chỉ có, khi nào tham chiếu về một trí khôn tư tưởng chúng tức là gói ghém chúng vào chính tác động

tư tưởng. Trí khôn này hoặc là trí khôn cá nhân (solisisme), hoặc là trí khôn siêu nghiệm có tính cách phô biến. Quan niệm duy tâm lẩn lộn hữu thè (hay thực hữu) với việc tri giác hữu thè đó. Thực ra, những gì được tri giác đều có thực, nhưng chưa chắc những gì có thực, luôn luôn được ta tri giác. Ý thức bộc lộ sự vật, chứ không tạo ra sự vật.

*Câu trả lời duy thực.* Theo thuyết duy thực, vật được ta tri giác có thực. Vật đó có tính cách tự lập, ở ngoài trí khôn. Vật là đối tượng của trí khôn tư tưởng, chứ không phải là sản phẩm của nó. Vũ trụ vật chất thực có; nhờ ở giác quan, ý thức tiếp xúc được với vật ngoại giới. Giới này có những đặc tính không giống với giới tư-tưởng.

Phải nghĩ thế nào? Muốn chứng minh quan niệm duy thực, cần phải giải quyết vấn đề về khả năng nhận thức nơi con người. Nhưng căn cứ vào cách nhận thức sự vật ngoại giới, cũng có thè đánh giá trị được thuyết duy thực một phần nào.

## 2) *Vấn đề tâm-lý.*

Nếu nhận là vật có thực, thời nhận ra bằng cách nào? Câu hỏi này cũng có nhiều trả lời khác nhau, có thể tóm tắt vào hai câu trả lời chính: nhận ra thực tại của ngoại giới bằng suy luận (gián tiếp) hay bằng trực giác (trực tiếp).

*Bằng suy luận.* Những người chủ trương nhận ngoại vật bằng suy luận, dựa vào nguyên lý nhân quả. *Nhân quả từ ngoài vào*: tôi có cảm giác, vậy phải có kích thích như là cẩn cù. Nhưng kích thích đó không ở trong tôi. Nên nó phải ở ngoài tôi. Descartes đã luận lý như thế khi ông tìm nguyên nhân tại sao có những ý tưởng phụ (idées adventices) tức là những cảm giác, mặc dầu ông không nhận ngoại giới có thực và chắc chắn hơn tư tưởng.— *Nhân quả từ trong ra*. Biết được có ngoại vật, còn do sự cố gắng của chủ thể. Mỗi khi tôi ý thức được tư tưởng của tôi, là đồng thời tôi cũng ý thức sự cố gắng của tôi trong chính tác động tư-tưởng. Sự cố gắng này chỉ có khi nào tôi dụng chạm phải một trở lực. Trở lực này là đối tượng ở ngoài. Maine de Biran đã luận lý như trên. Luận lý này giống biện chứng của Fichte và Hegel: bản ngã cố gắng và tự quyết mình là một bản ngã khi nào có phi ngã đối lập đằng trước. Nói

khác đi chinh sự cố gắng của chủ thể bộc lộ sự hiện diện của ngoại vật. — *Phải nghĩ thế nào?* Chủ trương như trên, không sát thực tế, vì trong thực tế không có câu lý luận như thế. Giả lầm, suy luận dùng để kiểm chứng thôi. Đáng khác kinh nghiệm của trẻ con bắt đầu từ ngoại giới đã. Nó chưa biết cái gì là chủ quan của nó. Dần dần, với nội quan, nó mới phân biệt: trước hết phân biệt thân thè (gọi là bản ngã thè xác) nó với ngoại vật, rồi phân biệt bản ngã tinh thần (moi spirituel và ngoại giới, kè cả chính xác nó nữa).

**Bằng trực giác.** Ta biết ngoại vật bằng cách trực tiếp, không cần có trung gian. Một đàng cảm giác đòi phải có giác quan, nên thế nào cũng đòi phải có thực tại ở ngoài. Do đó, cảm giác không hoàn toàn chủ quan. Ta không bắt đầu bằng chủ thè để rồi kiến thiết nên khách thè. Trái lại khách thè luôn có sẵn đây để làm điều kiện cho hiện tượng chủ quan xuất hiện. Vậy hiện tượng chủ quan xuất hiện tức khắc khách thè cũng phải có, mà không cần phải khám phá ra bằng một suy luận nào cả. *Trực giác* thuyết của Bergson nhận sự hiện diện của ngoại giới một cách dễ dàng. Theo ông, tri giác tức là đặt mình vào sự vật, gói ghém trong khuôn khổ sự vật, uốn mình theo những chiều của sự vật. Tri giác, là hướng ngoại, là hành động, là trực tiếp nhào trộn vào sự vật, ông còn đi xa hơn: tri giác là thông cảm với sự vật ở ngoài.

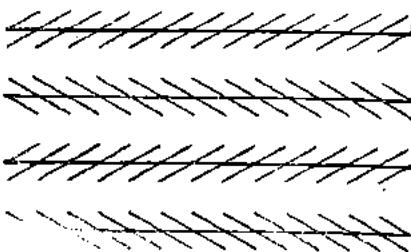
*Hiện tượng* luận lại nhấn mạnh tính cách bô túc giữa chủ thè và đối tượng. Hiện sinh, tức là sống trong thế giới, là thông đạt giữa nội giới và ngoại giới, nhờ trung gian cái xác, chỗ gặp gỡ của chủ thè và khách thè. Cả hai đều được nhận ra cùng một lúc.

Brentano (1838-1917), Husserl (1859-1938) và Merleau-Ponty định nghĩa những hiện tượng tâm lý là những hiện tượng hữu hướng (intentionnels): bản tính của chúng luôn luôn hướng về đối tượng ở ngoài. Tôi tức mình với người làm hại tôi, có họ, tôi mới tức; tôi xem chớp bóng trên màn ảnh, chờ đâu có xem trên sâu khấu ý thức. Sân khấu ý thức, tôi có thè nhận được bằng nội quan, nhưng không phải nhờ đó tôi mới biết được hình ảnh chiếu trên màn bạc.

Vậy phải kết luận: ta nhận-thức ngoại-giới một cách trực-tiếp không cần có trung gian, đúng như quan niệm thông thường về người đeo kính, họ không xem kính, họ đeo kính xem sách trực-tiếp.

### III.— Ảo-tưởng và sai tưởng trong tri- giác.

Dầu có sự tương hợp giữa chủ thể và đối tượng như trên, kinh nghiệm chứng minh nhiều khi ta tri giác sai, hoặc là không có vật chỉ lại bảo rằng có, hoặc là vật này lại bảo vật kia. Trường hợp trước gọi là ảo tưởng. Trường hợp sau, là sai tưởng. Trước khi đưa những lý do tại sao có thể sai lầm như thế, ta cần nhấn mạnh rằng, giác quan tự chúng không sai lầm như thế, ta cần nhấn mạnh rằng, giác quan tự chúng không sai lầm. Nếu có sai lầm, là do sự can thiệp của phản đoán. Tri giác sai, tức là đoán sai.



Hình 15 : Ảo-giác thi-giác: các đường song song được xem như là sẹ gập nhau.

#### i) Lý do về phía đối tượng.

Ảo tưởng và sai tưởng có thể xuất hiện do phía đối tượng tức là do vật được tri giác.

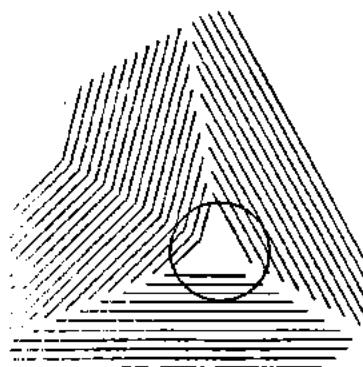
*Kích thích thiếu cường độ.* Như ta đã biết, muốn có tri giác minh bạch rõ rệt, kích thích, phải có tối thiểu cường độ. Muốn nhìn đúng một vật, dễ khỏi sai lầm, cần phải có ánh sáng tối thiểu. Muốn phân biệt rõ một thanh âm, cần phải đủ chấn động. (Xem những định luật về kích thích nói ở trên).

*Đối tượng theo luật vị trí.* Ngoại vật thường được nhận ra trong một khu vực hay vị trí nhất định, chứ không có tính cách cô lập. Chính khu vực hay vị trí này sinh ra nhiều ảo tưởng và sai

tường. Đường thẳng đứng xem ra dài hơn đường thẳng nằm, dù kích thước hai đường bằng nhau. Hai đường song song nằm trên những khúc đường chéo, sẽ được xem như là đường cong hay gãy v.v..,

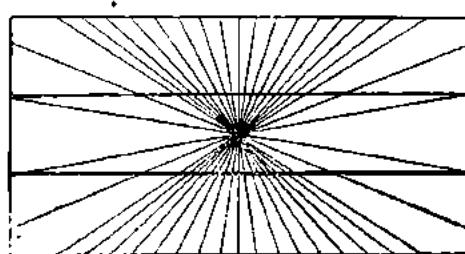
2) Lý do về phía chủ thể.

Nguồn gốc chính của ảo tưởng, sai tưởng trong trí giác, phải tìm nơi chủ thể. Đây là mấy lý do chính.



Hình 16 : Ảo giác thị giác : Hình tròn ở giữa được xem như méo.

*Tương-dối-tính* của trí giác. Trí giác là một tác-động sinh-hoạt, nên có tính cách co giãn và bị luật thích nghi chi-phối. Từ nơi sáng vào phòng tối, thoát đầu mắt không xem thấy gì cả. Dần dần,



Hình 17. – Hai đường song song, xem ra cong ở khía cạnh.

(Hình của Henring)



**Hình 18.— Maine de Biran** (*Marie-François-Pierre-Gonthier*) sinh năm 1766 và chết tại Paris 1824. Ông triết để khai thác phương pháp nội quan (*Tâm-lý-học* ngôi thứ nhất), trong cuốn *Journal intime*. Theo ông, *Tâm-lý-học* phải được xây-dựng trên những cõ-gắng nhìn vào trong. Cái nhìn đó sẽ làm ta thoát vòng duy-vật và nhận quyền ưu tiên của ý thức vì ý chí.

được thích nghi, mắt mới nhận ra được một cách lu mờ những vật ở trước mặt. Nhúng hai tay vào thùng nước âm ấm, tay đã nhúng nước nóng trước, sẽ cảm thấy lạnh, và tay nhúng nước lạnh trước sẽ cảm thấy nóng.

*Toàn diện tinh của tri-giác.* Tri-giác là một *tồng-hợp, tổng-hợp* về phía *đối tượng* (nhìn toàn khói trong một vị trí bao quanh...), và nhất là *tổng hợp* về phía chủ thể: đề tri giác. Con người *tổng động* viên tất cả khả năng nhận-thức và tinh cảm. Tưở g-tượng chen vào tri-giác, nếu thái quá, có thể làm sai lạc tri-giác. Tinh cảm cũng vậy: yêu nhau cau bảy bồ ba, ghét nhau cau bảy bồ ra làm muối. Những yếu tố ngoại lý đó ngăn trở ta nhìn đúng sự thực. Như thế, muốn phán đoán đúng, cần phải có sự giáo-dục chủ-thể.

### B.— TRI-GIÁC VÀ NHỮNG HIỆN-TƯỢNG NỘI-GIỚI THUỘC SINH-HOẠT TRI-THỨC.

I.— **Hình ảnh = tiền** Theo quan-niệm cổ-diễn, ý-thức phải trở về với *ảnh-tượng* hay *hình ảnh* đề tri-giác

ngại-vật. Nhìn vào hình ảnh phản chiếu sự vật để biết sự vật. Theo hiện tượng luận (nhất là theo J.P.Sartre) thời tri giác và hình ảnh mâu thuẫn nhau. Đã nhìn sự vật thời không nhìn hình ảnh, nhìn hình ảnh, thời phải bỏ thế giới sự vật. Một đàng là thực, một đàng là mộng. Một đàng cố định bám sát vào vật, một đàng uyên chuyên theo với trào ý thức, v. v...

Xét tới cùng, tri giác vẫn phải nhờ đến hình ảnh như là một tiền tri giác, dẫu khi tri giác, ta không nhận thức hình ảnh vật trước khi nhìn chính vật. Có hai lý do chính. Nhờ hình ảnh, vật mới nhập tịch nội giới được. Tri giác như ta đã nói, là một cuộc gặp gỡ giữa chủ thể và khách thể, cả hai bên mật thiết liên kết với nhau như một. Nói khác đi, khách thể phải đồng hóa với chủ thể. Nhưng đồng hóa thế nào được, nếu khách thể không được tinh luyện ra hình ảnh, sống trong nội giới dưới hình thức hình ảnh? Đang khác tri giác là một tổ chức của tri tuệ. Việc tổ chức phải được ngầm ngầm thực hiện tại nội giới. Tri tưởng tượng (thờ hình ảnh) giúp việc tổ chức đó với sự cộng tác của cả liên tưởng nữa.

— Chính vì hai lý do trên đây, mà đôi khi tri giác sai lầm, hoặc bị ảo tưởng, hoặc bị sai tưởng hay bị xuyên tạc. Hình ảnh giúp ta tri giác, nhưng nhiều lúc làm dập cho ta tri giác sai.

II.— **Tri - giác là dịp** Tri-giác và ký-ức là hai động tác tâm lý khác nhau. Một đàng, đòi phải có đối tượng *ngoại*-giới và đối tượng đó phải *hiện* có. Một đàng

không cần phải có đối tượng ở ngoài (có thể nhớ lại một hình ảnh, một ý tưởng); ký ức còn là một khả năng nhận ra quá khứ.

Nhưng hai động tác trên đây gắn bó vào nhau, đến nỗi Bergson đã nhận xét : trong nhiều trường hợp, tri giác rút cuộc chỉ là một dịp nhớ lại (*Dans certains cas, percevoir finit par n'être plus qu'une occasion de se souvenir*). Không cần phải hiểu câu này theo nghĩa của Platon, theo đó, tất cả những kiến thức của ta hiện giờ là di sản của một tiền kiếp trong giới linh tượng (ý tưởng giới), chỉ cần tiếp xúc với sự vật là ta nhớ lại chúng ngay. Tri giác nói người lớn, trở thành một tập quán, do sự lặp đi lặp lại hay nhìn đi nhìn lại cùng một đối tượng hay nhiều đối tượng giống nhau. Nhìn lầm thành quen, thành nhảm, nên mỗi lần nhìn là ta có cảm tưởng là đã nhìn rồi, là nhớ lại. Phải cố gắng chú ý, ta mới có cảm tưởng là nhìn sự vật lần đầu tiên. Do đó, để tri giác thực sự, ta còn phải biết quên đi một phần nào những chi tiết hay khía cạnh của vật được tri giác.

## E.— TRI-GIÁC VÀ CUỘC SINH-HOẠT TÌNH-CẢM

I.— **Tình-cảm : tiềm-** Nếu xét tình-cảm như là nền tảng của toàn lực của tri - giác thè đời sống tâm lý, thời tri-giác không thè thoát khỏi ảnh hưởng lớn lao của những trào tình cảm, vô ý thức.

Tình cảm, trước hết, có thể là động lực của tri giác. Nếu đúng là vô tri bất mộ, thời ngược lại cũng đúng : vô mộ bất tri. Tri giác như ta đã định nghĩa, là một nhận thức ngoại giới một cách rõ rệt, Tình cảm sẽ giúp ta tăng tiềm lực chú ý, giúp ta cố gắng phân tích tổng hợp, do đó, sẽ có những tri giác sáng sủa hơn. Tình cảm, theo nghĩa Bergson, chẳng những giúp ta tri giác ngoại vật mà còn giúp ta *thấu hiểu sự vật*, vào tận trung tâm của nó, và khiến cuộc gặp gỡ giữa chủ thể khách thể thêm mặn mà, thêm gắn bó hơn. Như thế, tình cảm giúp ta giải thích sự vật một cách sâu xa hơn và do đấy có những tri giác minh bạch hơn. Ở đây, tình cảm giúp tăng khát khao quan tinh của tri giác.

II.— **Tình-cảm xuyên** Nhưng, trong rất nhiều trường hợp, tình-tac tri-giác. tình-cảm lại có thể xuyên tạc tri giác (như đã nói lúc bàn về ào tường). Người lạc quan hay bi quan nhìn đời với nhãn giới tình cảm của mình.

« Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

« Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. »

Tình cảm lúc đó, như phủ một tấm màng trên sự vật, che phủ sự vật, chẳng những khiến ta không tri giác rõ chúng tự tại (en soi) như thế nào, mà còn khiến ta xây dựng nên đối tượng tri-giác: theo hướng tình cảm. Người bình dân cũng đã thấy sức xuyên tạc của tình cảm trong việc tri giác : *yêu nhau trái ấm cung tròn, ghét nhau quá bồ hòn cung méo*. Tri giác lúc đó hoàn toàn chủ quan và đưa tri giác về biên giới gần cảm giác.

\*

### **ĐỀ THI**

- Một triết gia hiện thời viết : Bất cứ một ảnh tượng nào một cảm giác nào, cũng là một bộ phận của toàn phần, chỉ có ở trong một tổ chức. Giải thích và phê bình câu ấy.
- Có thể phân biệt cảm giác và tri giác nơi người lớn không ?
- Liên-quan giữa cảm-giác ảnh-tượng và đối vật ?
- Hãy lấy những thí dụ cụ thể mà định nghĩa cảm giác, tri giác và ảnh-tượng, và nói rõ chúng liên quan với nhau thế nào ?
- Giác quan chúng ta có thể lừa dối chúng ta không ?
- André Gide viết : Thị giác là giác quan làm ta thất vọng nhất... Tất cả những gì ta không thể sờ mó được, làm ta thất vọng ; trí khôn tiếp nhận tư tưởng dễ dàng hơn tay ta bắt lấy cái mà mắt ta thèm muốn. Hãy giải thích và phê bình câu đó. (*La vue — le plus désolant de nos sens... tout ce que nous ne pouvons pas toucher, nous désole ; l'esprit saisit plus aisément la pensée que notre main ce que notre oeil convoite*).
- So-sánh cảm-giác với tri-giác.
- Montaigne viết : Giác-quan là thủy là chung của việc nhận thức nơi con người (*Les sens sont le commencement*

- et la fin de l'humaine connaissance). Hãy giải thích và phê bình câu đó.
9. Giải thích và phê-bình câu của Anaxagore : Con người ta khôn ngoan vì có bàn tay. (*L'homme est intelligent parce qu'il a une main*).
  10. Vai trò tâm-lý của mắt.
  11. Sự thực và mộng tưởng. (khóa II, 1951)
  12. So sánh cảm giác và hình ảnh (ảnh tượng).
  13. Một nhà tâm-lý-học nói : « Hết mọi tri giác đều là phán đoán ». Giải thích và phê bình câu ấy.
  14. Trong tri-giác ngoại-giới, cái gì là tự nhiên có, cái gì được xây dựng nên ?
  15. Giác quan cho chúng ta biết những gì về không-gian ?
  16. Bergson viết : « Tri-giác, rút cục, chỉ là một dịp nhớ lại ». Giải-thích và phê bình. (Khóa I, 1952)
  17. Ý-niệm về ngoại vật được cấu tạo cách nào ?
  18. Tri-tuệ hoạt-dộng cách nào, khi chúng ta tri-giác ngoại-vật ?
  19. Cảm-giác và tri-giác.
  20. Có thể phân-biệt cảm-giác với tri-giác nơi người lớn không ?
  21. Vai trò của những trạng thái tâm hồn trong việc tri-giác ?
  22. Ta phân-biệt bản ngã của ta với ngoại-giới thế nào ?
  23. Việc biều-thì ngoại-vật được thực hiện như thế nào ?
  24. Làm thế nào để biết được xác của ta ? Biết xác của ta và biết ngoại-vật, phân-biệt với nhau thế nào ?
  25. Ta tri-giác không-gian thế nào ?
  26. Ý-niệm về ngoại-vật thành hình thế nào ?
  27. Tri-giác và hiều.
  28. Việc biết mình đi trước, đi sau, hay cùng một lúc với việc biết ngoại giới ?

### CÂU HỎI GIÁO-KHOA

1. Cảm-giác là gì ?
  2. Cảm-giác cần phải có những điều-kiện nào ?
  3. Cảm-giác có tính-cách thụ-động hay chủ-động ?
  4. Kích-thích phải có những điều-kiện nào mới làm cho ta có một cảm-giác ?
  5. Óc có phải là nguyên-nhân phát-sinh ra tư-tưởng không ?
  6. Cảm giác có giá-trị gì không ?
  7. Cảm-giác giống với tri-giác ở chỗ nào ?
  8. Cảm-giác khác với tri-giác ở chỗ nào ?
  9. Trí-tuệ hoạt-động làm sao trong tri-giác ?
  10. Tình cảm ảnh-hưởng tới tri-giác làm sao ?
  11. Tri-giác có thè sai lầm không ?
  12. Tại sao có những sai lầm trong tri-giác ?
-

## NHẬN THỨC BẰNG TƯỞNG TƯỢNG

13. Hình ảnh và tưởng-tượng
14. Hoài-niệm và tưởng-tượng  
phục-hồi (ký-ức)
15. Tưởng-tượng sáng tạo
16. Liên tưởng hay là : những  
chuỗi hình ảnh.

¶

Tạm bỏ khé-giới bên ngoài, để nhìn vào nội-giới, nơi diễn biến những hiện-tượng tâm-lý vừa phức-tạp vừa uyển-chuyển. Đây mới thực là sự sinh hoạt tâm-lý tri-thức. Cuộc sinh-hoạt này, cùng với cuộc sinh-hoạt hoạt-dộng và tình-cảm sẽ bùn sau, làm nên dòng ý-thức dời-dạo phong-phú. Nhận thức sự vật rời, sự vật đó sẽ tiếp tục sống trong nội-giới dưới hình-thức hình ảnh, hoặc hình ảnh về quá khứ, tức là hoài-niệm trong ký-ức hay là tưởng-tượng tái-diễn, hoặc hình ảnh về tưởng-lai trong tưởng-tượng sáng-tạo. Hình ảnh này lại phải được xét như là một phần nhỏ của một chuỗi dài hình ảnh trong liên-trot. Như thế danh từ bảo lòn nói trên, phải được hiểu theo một nghĩa linh-dộng.

## CHƯƠNG 13

### HÌNH ẢNH VÀ TƯỞNG-TƯỢNG

- o Định-nghĩa theo quan dièm cò dièn.
- o Định nghĩa theo quan dièm hiện-đại.
- o Giá-trị nhận-thức của hình ảnh.
- o Giá trị siêu-việt của hình ảnh.

★

Có thể định-nghĩa hình ảnh nhiều cách, tùy quan niệm triết-học về bản tính của nó. Đây, trưng ra hai định-nghĩa theo hai quan niệm, quan niệm *cò dièn* và quan niệm *hiện đại*.

#### A.— ĐỊNH NGHĨA THEO QUAN NIỆM CÒ DIỀN.

I.— **Hình-ảnh = cản-** Theo quan niệm *cò-dièn*, hình-ảnh được bả của cảm giác. định-nghĩa là cản bả của cảm giác. Như thế cũng như cảm giác, hình ảnh qua hai giai-đoạn : giai đoạn sinh lý và giai đoạn tâm lý.

##### 1) Giai-đoạn sinh-lý.

Trong giai đoạn này, ảnh tượng còn có thể coi được là một cảm giác do một kích thích sinh-lý tại chính trụ sở trung ương chứ không ở ngoại biên vào. Thật ra ảnh tượng khởi ra từ não. Nếu não là trung ương gồm nhiều trụ sở khác nhau của cảm giác, thời não cũng là trung tâm phát sinh ra những ảnh tượng thuộc

loại khác nhau. Một điều nên chú ý là mỗi khi ảnh tượng có một cường độ mạnh, lúc đó, nó làm xáo động cả cơ quan cảm giác. Do đó những đường thần kinh của ảnh tượng cũng chính là những đường mà trước kia đã bị vật ở ngoài kích thích tới. Thực ra, ta không thể có hai ảnh tượng về cùng một vật trong một lúc. Nhưng có những ảnh tượng liên tiếp hay tiếp hau.

## 2) Giai-đoạn tâm-lý.

Thường thường người ta cho ảnh tượng là cái hình dung một vật do thị giác nhận thức. Do đó chữ ảnh chỉ áp dụng cho những hình vẽ. Còn tượng lại chỉ những hình đáp bằng đất hay tạc bằng gỗ. Danh từ *ảnh tượng* được dùng trong tâm lý-học, không đếm xỉa đến sự phân biệt thường nghiêm đó nên còn được gọi là *hình ảnh*. Trong giai đoạn tâm lý, hình ảnh được định nghĩa là một biểu thị khả giác của một vật. Nghĩa là : bắt cứ cái gì diễn lại, tả lại, vẽ lại một vật ngoại giới nào, đều gọi là hình ảnh cả. Do đó có bao nhiêu thứ giác quan là có bấy nhiêu thứ hình ảnh : có hình ảnh thuộc thị giác, thính giác (nhớ lại bản nhạc đã nghe), thuộc vị giác (có vẻ lu mờ hơn), thuộc xúc giác (giúp người mù nhận ra vật họ biết trước). Có cả hình ảnh xúc giác trong xác, khiến ta có thể nhận ra cơ sở của những cơ quan ở trong. Hình ảnh về cử động, tài chân tay, tài thể thao đều do những hình ảnh này cả, nhất là những cử động bên trong, quen gọi là *image motrice*.

Tóm lại những gì có thể cảm giác được đều có thể tiếp tục sống trong tâm linh dưới hình thức hình ảnh. Dĩ nhiên, tiếp tục sống lâu hay chóng, còn ở tùy cường độ cảm giác, và nhất là tùy ở cường độ của chính chúng. Do đó, có ba loại hình ảnh được giữ lâu hơn cả : loại thị giác, xúc giác và thính giác, vì chúng có ích cho ta nhiều hơn.

Tất cả những hình ảnh trên đây thuộc loài biểu thị (*images représentatives*). Nhưng có thể có được những ảnh tượng tình cảm (*images affectives*) không ? Ribot và ít nhiều nhà tâm lý học cũn đại cho rằng có thể, vì theo nguyên tắc, tất cả tâm trạng đều có thể sống lại và được bảo tồn. Hơn nữa, nhiều sự kiện xem ra cũng chứng minh điều đó. Nhiều khi nhớ lại một cuộc khủng bố đã qua mà còn rùng mình. Nhìn lại cõi hương mà mối cảm xúc tâm hồn xưa lại diễn ra, nhiều khi với những màu sắc như xưa. Nhưng W. James

và đồng học giả cho rằng không thể có những hình ảnh tinh-cảm được. Một đàng, nếu nhớ lại một tình-cảm nào, đó chỉ là một sự biểu thị thôi, và nhớ lại một sự đau khổ không phải chính là sự đau khổ. Nhiều khi nhớ lại hạnh phúc xưa kia, hiện giờ lại làm đau khổ. Trái lại hình ảnh của một màu sắc vẫn diễn tả màu sắc cũ và hình ảnh cái nhà là cái nhà đã xem. Đàng khác, nhớ lại cảm xúc xưa, nhiều khi làm ta cảm xúc theo, nhưng cảm xúc đó là cảm xúc mới, với tất cả những náo động nơi cơ quan như thường lệ. Phải hiểu thế nào? Có lẽ nên dung-hòa hai quan-niệm trên đây. Có những hình ảnh tinh cảm, thường là trừu tượng (*images affectives abstraites*), như nhớ lại những đau khổ xưa nhưng bây giờ hồn vẫn đứng dừng. Có những hình ảnh tinh cảm cụ thể (*images affectives concrètes*), thực là tình cảm mới, coi như là tinh-cảm xưa sống lại.

## II.— Hình ảnh và cảm giác.

Để làm nổi bật quan-niệm cõi điền trên đây, ta có thể so sánh hình ảnh với cảm giác, và coi nó thực là một cảm giác bị giảm bớt. Vì thế giữa chúng, có những điểm đồng điểm dĩ như sau.

Đồng ở chỗ hình ảnh còn giữ được phầm chất (qualités) của cảm-giác. Hình ảnh thị giác giữ lại màu sắc của cảm-giác có trước, hình ảnh thích giác bao giờ cũng là thanh âm. Hình ảnh về trương độ cũng vẫn tương đương với tính cách tương độ, như kích thích ở ngoài — tuy rằng về phương diện tâm linh chính sự kiện hình ảnh lại không có tương-độ. Thực ra tôi có thể tưởng tượng ra cái nhà tôi đã xem với chiều cao rộng rãi, với vườn ao chung quanh, về phía Nam hay phía Bắc v.v...

Nhưng hình ảnh khác cảm giác vì hình ảnh non nót hay chỉ là « cặn bã », cái thừa thãi của cảm giác. Vì thế, nhiều khi rất khó phân tích chúng. Nhiều khi không biết chúng có hay không. Dĩ nhiên, không thiếu những trường hợp có những hình ảnh sống động như cảm giác hay hơn cảm giác. Nhưng đó là những « ca » khác thường. Điểm khác thứ hai là nội dung hình ảnh nghèo nàn. Hình ảnh một vật thường bị tách biệt ra khỏi những khung cảnh vây quanh vật đó. Ta cảm giác mặt trời với tất cả chân trời, với sức nóng và ánh sáng của nó. Trái lại hình ảnh mặt trời chỉ còn là một chấm tiếng, không sưởi nóng không giải sáng. Vì thế hình ảnh không làm náo động được giác quan (hay cơ thể) cho bằng cảm giác; nhẽ



Hình 19.— Edmund Husserl (1857-1938), giáo sư Toán, sau khi đọc Kant, lại thích Triết-học. Vào đầu thế kỷ 20, ông khởi xướng phong trào Hiện-tượng-luận, lúc dạy học ở Đại học Fribourg và Heidelberg (Đức). Ông đang làm Viện trưởng này thì Hitler duỗi. Ông qua đời tại Thụy-sĩ. Hiện-tượng-luận nhấn nhẫn nhìn thẳng vào sự vật, tìm mô tả chúng như chúng hiện ra đây, nhìn chúng toàn diện. Các môn đệ của ông như Kohler, Koffka, Wertheimer, nổi gác ông lập ra Hình-tâm-học (Gestalt Psychologie, Psychologie de la Forme).

đến một mùi tanh thường không làm ta nôn, như ta người mùi tanh thật. Tuy nhiên đôi khi cũng phải rùng mình nôn mửa.

Mấy điều khác trên đây cất nghĩa tại sau hình ảnh khó lòng sống lâu, vì bị cảm-giác luôn luôn đầy đi. Cảm giác như những làn sóng hết lớp nọ đến lớp kia, dần dập chyun ngoại giới vào nội

giới và kéo nội giới ra tiếp xúc với ngoại giới, thành thử hình ảnh như những cát lưu động bị xê đi đây lại, làm ta khó lòng nhận thức kỹ được chúng.

### III.— Phải nghĩ thế nào?

1) *Nhận xét chung.* Quan-niệm cõ-diền trên đây có một ưu-diềm là nhấn mạnh về nguồn gốc sơ khởi của mọi hiện-tượng tâm-lý. Hình ảnh phải tùy thuộc vào cảm giác, và giác quan, hoặc nơi trung-tuong óc, hoặc nơi ngoại biên. Nhưng, quan niệm này có vẻ duy nghiệm quá. Khuyết điểm của nó là biến trí khôn thành thụ động trong việc tưởng tượng. Đó cũng là khuyết điểm của Taine và Condillac quá đẽ cao vai trò của cảm giác. Đi sâu vào, ta thấy sự dị-biệt giữa cảm-giác và hình ảnh không chỉ dừng lại nơi cường độ mạnh và yếu của mỗi hiện-tượng. Chúng còn khác nhau nơi nội dung, nơi tính chất nữa.

#### 2) *Dị biệt sâu xa.*

Cảm giác luôn luôn cần đến kích thích hiện tại, cần đến những dữ-khiệu khả giác, nên nó tùy thuộc vào thế giới sự vật, hay ít nhất lệ thuộc vào thè xác. Trái lại hình ảnh siêu việt thế giới hữu hình dẽ tham dự vào thế giới vô hình. Nó thuộc trào lưu tâm linh hơn là cảm-giác. Cũng vì thế, mà cảm giác cõ định hơn, tuy rằng chưa cõ định bằng tri-giác. Còn hình ảnh thời uyển chuyển hơn, mềm gièo hơn. Cảm giác lại có sức hiróng tâm, do ngoài vào, còn hình ảnh lại có sức ly-tâm, phát xuất do trí tuệ, tức là đi từ trong ra.

### B.— ĐỊNH-NGHĨA THEO QUAN-DIỀM HIỆN ĐẠI.

I.— **Hình ảnh là một thái độ của ý-** Cảm hứng theo Hiện-tượng-luận, J.P.Sartre đi ngược hẳn lại quan niệm cõ-diền, trong tác phẩm *l'Imaginaire* của ông. Theo Sartre, hình ảnh không phải là một đối-tượng nội-giới (*objet intérieur*), mà là một thái độ của chính ý-thức tự đặt ra một đối-tượng không tưởng, chủ-ý nhằm một đối tượng không được tri giác. Từ định nghĩa này, có thể rút ra một vài hệ luân quan trọng.

x) *Hình ảnh và cảm giác hay tri giác, khác nhau lẫn nhau.*

**Hai thái độ tưởng tượng và tri giác, đi ngược chiều, nhằm hai**

thể giới biệt lập : tưởng tượng nhằm thể giới đó, còn tri giác nhằm thế giới thực... Hình ảnh là ảo tưởng, nhưng không phải vì đó mà thành hoàn toàn bịa đặt, vì chính nó là ý thức rồi, là ý thức tự quy hay là tự suy (hồi cõi). Hình ảnh không làm ta biết gì mà ta đã không biết trước khi ý thức tự có thái độ nói trên. Hình ảnh càng phong phú, ý thức càng phải có thái độ siêu thoát thực tế của thế giới thuộc tri giác. Càng tri giác, thời càng cạn nguồn hình ảnh.

### 2) *Dữ-kiện khả giác chỉ là vật-liệu.*

Quan niệm hiện đại không phủ nhận vai trò của dữ kiện khả giác nhưng đặt đúng chỗ của nó. Dữ kiện khả giác chỉ là một *kích thích* tạm thời, đánh thức trí tuệ, từ trạng thái *tỉnh* tới trạng thái *động*. Một khi được đánh thức rồi, là trí tuệ hoạt động tự lập, biến hóa thiên hình vạn tượng. — Ngoài ra dữ kiện khả giác còn là *vật liệu* được trí tưởng tượng làm cho sống động trong giới ảo-tưởng. Càng xa thực tại thuộc tri giác, hình ảnh càng được tinh luyện, đẽ trở thành tinh vi hơn, trong suốt hơn, đẽ trở thành như một với chính ý thức.

**II.— Phải nghĩ thế Quan niệm hiện đại như vừa trình bày bao-nào ?** *Tất cả quan niệm cổ diền, bằng cách nói rộng phạm vi của vai trò trí tưởng tượng.* Nếu

trước kia người ta thiên về tưởng tượng phục hồi hay tái diễn, thời bây giờ người ta thiên về tưởng tượng sáng tạo. Theo quan niệm cổ diền người ta phải nhìn vật trước đã, rồi tưởng tượng ra, sau người ta tò hợp lại những mảnh của thực tại đã có trước. Trái lại đối với những nhà tâm lý học hiện đại, tưởng tượng không phải chỉ tái diễn, mà còn sáng tạo hướng dẫn những việc tìm tòi thực tại như tìm những giả thuyết khoa học. Đáng khán, tưởng tượng sáng tạo không phải tri giác sai (như Alain chủ trương : *imaginer c'est toujours percevoir, mais mal*). Trái lại, nó là một cuộc xây dựng tâm lý theo một số định luật khác với việc tri giác. Quan niệm hiện tại nhấn mạnh *động tĩnh* của tưởng tượng, đồng thời nâng cao tính cách *uyên chuyên* của đời sống tâm lý con người, với những sáng tạo luôn luôn đổi mới.

## C. GIÁ TRỊ NHẬN THỨC CỦA HÌNH-ÀNH.

Vấn đề về giá trị của hình ảnh lẻ thuộc một phần nào vào những kiều định nghĩa ở trên. Do đó, bậc thang giá trị của hình

inh phải được xếp đặt tùy theo khía cạnh phức tạp của nó. Không nói tới giá trị của nó trong phạm vi *hành động* hay *cử động* (*image motrice*), vì đó là giá trị chung của bất cứ hiện tượng tâm linh nào kè cả hiện tượng tinh cảm (*mobiles de l'action*). Ở đây, ta lưu ý tới hai loại giá trị sát với bản tính của hình ảnh hơn cả, là *giá trị nhận thức* và *giá trị siêu việt*.

**I.— Hình ảnh giúp ta nhận thức.** Trước hết, như ta đã có dịp nói tới, hình ảnh giúp ta nhận thức vật *hiện tại* trong *tri giác*. Tri giác là có ý thức về ngoại vật, hay

là sự gặp gỡ giữa chủ thể và khách thể. Nhưng sự gặp gỡ này chỉ có thể có qua sự trung gian của hình ảnh. Nhờ hình ảnh, khách thể biến ra chủ thể và một phần nào chủ thể trở nên khách thể, dưới hình thức tâm lý. Vì thế mà ta đã có thể gọi hình ảnh là tiền tri giác. Hình ảnh giúp ta nhận ra *quá khứ* trong *ký ức*. Một vật đã nhìn trước, có thể lại xuất hiện hay được tái diễn lại trên sân khấu ý thức, dưới hình thức hình ảnh. Ngồi ở Saigon, tôi có thể hình dung lại Hồ Gươm tại Hanoi, dẫu hai nơi xa cách ngàn dặm. Cũng nhờ hình ảnh mà ta nhận ra tri giác cũ, nghĩa là lòng tri giác hiện tại vào một tri giác đã qua : gặp người bạn ngoài đường nhờ hình ảnh tôi nhận ra rằng tôi đã gặp anh nhiều lần trước rồi. Hình ảnh giúp ta nhìn *tương lai* trong *tương sáng tạo*. Nhờ hình ảnh, một giả thuyết khoa học chẳng hạn có thể hiện diện trong trí nhà bác học, đẽ hướng dẫn sự tìm tòi. Hình ảnh về một tác phẩm chưa có, giúp ta nhìn tác phẩm đó như có rồi, hay như đang có. Tưởng tượng của một cô bán sửa dép lại cho cô những hình ảnh về tương lai như có thực, cô say mê trong đó mà quên hiện tại, nhảy múa đẽ rỗi làm đồ cả bình sữa.

**II— Hình ảnh giúp ta tư tưởng.** Tư tưởng là một cách nhận thức thường đẳng nơi con người.

### 2) *Nói theo trừu tượng.*

Nói theo trừu-tưởng, có thể tư tưởng mà không nhờ tới hình ảnh. Câu quyết đoán này dựa trên quan niệm của Platon về con người. Theo ông, con người chỉ là một tinh thần sống trong giới ý-tưởng (hay giới linh tượng, *le monde des idées*), kết hợp với xác

một cách cưỡng bách, lỏng lẻo, như một người bị giam trong tù. Do đó, cảm giác và hình ảnh không tích cực giúp gì vào việc tư tưởng mà già-lăm, chỉ làm dịp để ta nhớ lại những ý tưởng đã sẵn có trước rồi. Một số triết gia hiện đại dựa vào mối tương quan giữa ngôn ngữ và tư tưởng, chủ trương như Platон, vì nhiều khi ta có tư tưởng mà vẫn không tìm ra tiếng đê diễn tả.

## 2) *Nói theo cụ-thè.*

Ngay từ 1913, Ribot đã dám quả quyết : giả thuyết cho rằng có tư tưởng thuần túy, không hình ảnh không ngôn ngữ, là một giả-thuyết khó tin và đều chắc là, chưa chứng minh được. Dĩ nhiên, như ta sẽ có dịp nói tới, hình ảnh và ý tưởng (hay tư tưởng nếu hiểu rộng hơn) khác nhau. Nhưng, nói theo thân phận cụ-thè con người là một tinh thần nhập thể, tư tưởng phải nhờ tới hình ảnh. Hình ảnh là nguyên liệu đê tư tưởng thành hình. Tư tưởng là nhìn mối tương quan giữa hai sự vật, nhưng nếu thiếu hình ảnh của sự vật đó, thời còn đâu là tương quan ? Hình ảnh là chỗ nồng đê tư tưởng. Tư tưởng phải bám vào hình ảnh đê được bảo tồn. Tư tưởng tôi có về một trái cam chẳng hạn, nếu tôi không có hình ảnh về trái cam, thời làm sao tôi có ý tưởng về nó, làm sao tôi nhìn ra tương quan giữa các thành phần của nó, hay giữa nó và đời sống của tôi ? Hình ảnh diễn tả tư tưởng. Tư tưởng phong phú về công lý chẳng hạn, phải được diễn tả bằng nhiều hình ảnh khác nhau : hình ảnh quan tòa, hình ảnh pháp đình, hình ảnh khám Chí hòa, hình ảnh máy chém v.v...

## D.— GIÁ TRỊ SIEU VIỆT CỦA HÌNH ẢNH.

I.— **Hình ảnh giúp ta** Ngoài loại hình ảnh giúp ta nhận thức như siêu-thoát. trên, còn có một loại nữa, loại hình ảnh hoàn toàn hướng nội. Vai trò của chúng là lẩn quẩn ở nội-giới, đê làm phong phú những luồng hay dòng ý thức. Lúc đó nó sống và hành động hoàn toàn trong khuôn khổ tâm linh hoặc khêu gợi những hình ảnh tượng tự hay sát bên, bằng liên tưởng. Vì chỉ lẩn quẩn ở trong, nên thứ ảnh tượng này dần dà mất sắc, mất hình, phai nhạt nếu không khêu gợi chúng lại. Trái lại, nếu ta năng mang ra ánh sáng ý thức, chúng có thể

trò nên mặn-mà linh động, nhiều khi không kém, lại còn hơn những hình ảnh giúp ta nhận thức.

Một đảng, chúng giúp ta thoát khỏi thực tế nhiều khi phủ phàng để hướng một đời sống thần-tiên, mặc dầu trong nháy mắt. Nếu đời người là sống vì tương lai nhiều hơn là vì hiện tại, thời hình ảnh do tri-khôn sáng tạo ra giúp ta sống tương lai đó.

Đảng khác theo Sartre, hình-ảnh tưởng tượng còn chứng minh tự-do con người. Nhờ tưởng-tượng, nhờ hình-ảnh hay ảnh-tượng con người thoát khỏi định-mệnh tuyệt đối, nghĩa là tự sáng tạo ra những gì mình muốn sáng tạo (danh-từ sáng tạo ở đây, phải hiểu theo nghĩa loại suy, như sẽ nói sau), mà không bị đóng khung trong cái hiện-hữu.

**I.— Hình-ảnh giúp ta tiến tới Siêu Việt.**

Bằng những hình-ảnh, trí tưởng-tượng vừa cho ta sống trong thế-giới kỳ diệu vừa đem lại cho ta cái cảm-tưởng thế giới đó lại là thế-giới đẹp nhất và có thực. Phái siêu-thực

(A. Breton) chủ-trương như thế. Quan niệm này hơi quá đáng, vì đâu sao, ảo-tưởng vẫn là ảo-tưởng, kè cả những sáng-tạo vì đại nhất của con người. Cái chết sẽ chôn vùi tất cả ! Tuy nhiên, vận-mệnh con người đâu có phải mòng-manh như vậy. Con người còn phải tiến lên cao hơn mình và thuyết duy-linh cất nghĩa rằng, hướng tiến đó diễn tả một nhó-nhung, một luyến tiếc thiêng-dâng đã mất, một thiên-dàng đã có thực, nhưng hiện giờ vượt tầm giới của người phàm-trần. Hình-ảnh và trí tưởng tượng giúp ta vươn tới Thượng-de, vừa là Lý-tưởng vừa là Thực-tại. Ở đây, hình-ảnh có thêm một giá-trị nữa, giá-trị tôn-giáo.

## CHƯƠNG 14

### HOÀI-NIỆM VÀ TƯỞNG-TƯỢNG PHỤC-HỒI (KÝ-ỨC)

- o *Định-nghĩa.*
- o *Phân-loại.*
- o *Ghi-nhận và khêu-gợi hoài-niệm.*
- o *Nhận ra và định-chỗ hoài-niệm.*



#### A.— ĐỊNH-NGHĨA.

Hình ảnh giúp ta nhận ra quá khứ, gọi là hình ảnh hoài-niệm (image-souvenir) hay gọi tắt là hoài niệm. Tác động khêu gợi lại cái đã qua gọi là tưởng tượng phục hồi hay là ký ức. Đi sâu vào vấn đề, ta sẽ cắt nghĩa câu định nghĩa trên đây bằng ẩn-định một số danh từ liên can tới ký-ức, rồi trình bày những thuyết về bản tính của ký-ức. Sau hết, so sánh ký-ức với một số tác động tâm-lý tương tự.

I.— **Vấn-dề danh-từ.** Danh từ triết học Việt-Nam, về điểm này, đã có sẵn và được dùng trong các báo chí sách vở. Tuy nhiên giữa những danh từ đem ra dùng, cũng cần phải tìm những tiêu chí, để chúng trở thành những danh từ chuyên môn. Có 4 danh từ cần phải cắt nghĩa theo giá trị chúng có trong tiếng nói Việt-Nam: tưởng tượng tái-diễn, ký-ức, hoài-niệm và kỷ niệm.

*Tưởng-tượng tái-diễn hay phục hồi.* Chúng tôi muốn dùng danh từ này ở đây đồng nghĩa với chữ ký-ức mà các già khác vẫn dùng lúc nói về việc bảo tồn trí thức. Tuy nhiên giữa hai danh từ có thể tìm ra được một tiêu dị. Như sẽ thấy, danh từ ký-ức thường chỉ một tài-năng ghi lại những hiện tượng tâm linh, đồng thời, ra như chỉ nơi mà những hiện tượng đó được chứa đựng. Ta thường nói : *Anh A có một ký-ức tốt* (chỉ tài năng), hay *bao nhiêu ý tưởng chứa trong ký-ức của tôi* (chỉ nơi đựng). Theo cả hai nghĩa, ký-ức có tính cách tĩnh. Trái lại, vì muốn nhấn mạnh tính cách sống động của việc bảo tồn tri thức, chúng tôi đã dùng danh từ *tưởng-tượng tái diễn hay phục hồi* vừa gồm tất cả nghĩa mà danh từ ký-ức vẫn có, vừa diễn tả được tính cách sống động của cuộc sinh hoạt tâm lý con người. Thực ra ký-ức không phải chỉ ghi lại như một học sinh ghi ý tưởng vào giấy, cũng không phải chỉ là một chỗ ghi tư tưởng như bảng đen. Trái lại, phải tái diễn lại quá khứ để ghi và chỉ ghi lại được khi nào phải tích cực và linh động tái diễn lại. Rồi ký-ức phải là một bảng sống động, không phải chỉ thụ động mà còn chủ động trong việc làm sống lại những sự kiện tâm linh đã có lần xuất hiện trên ý thức thường.

Riêng danh từ ký-ức, chỉ có thể dùng với tư cách là một danh từ hoặc chỉ tài năng nhỏ, hoặc chỉ đối tượng được nhớ tới. Người ta không nói : *tôi ký-ức* (= động tự) điều này. Nhưng thường nói *tôi có một ký-ức tốt, một ký-ức dai dẳng*, nghĩa là một khả năng nhớ lâu ấn tượng đã có. Ít lâu nay, có người dùng danh từ ký-ức để chỉ sự được nhớ hay là đối tượng của ký-ức (tài năng). Dùng như thế là phóng theo Pháp văn (*mémoire*) với quán tự *le* hay *les* giống dực. Thực ra đã có cuốn sách nhan đề là *Mémoires et Pensées* của Lục Tiên Trường (nhà Ngoại giao Trung Hoa có tiếng) và phiên dịch ra tiếng Việt là : *Ký-ức và Tư-tưởng* (sách nói về cuộc gặp gỡ giữa hai nền văn hóa Đông Tây).

*Hoài niệm và kỷ niệm*, có thể dùng như một động tự hay danh tự. Có thể nói : tôi hoài niệm và kỷ niệm, tức là tôi nhớ tưởng (xem Đào-duy-Anh — Hán Việt Tự-Điển, chữ *Hoài*). Hay nói : tôi có những hoài niệm hay những kỷ niệm. Hai danh từ này có thể hiểu

theo nghĩa chủ quan và khách quan. Nghĩa chủ quan, như khi nói : ghi sâu những kỷ niệm vào ký ức. Lúc đó kỷ niệm hay hoài niệm là những sự kiện tâm linh. Đôi khi, có nghĩa khách quan như trong câu : ông già kè những kỷ niệm của ông cho ta nghe, nghĩa là ông kè những việc đã xảy ra mà chính ông đã mục kích, chính ông đã đóng vai mà ký ức ông đã nhớ được. Trong Pháp ngữ cũng như trong Việt ngữ, nghĩa chủ quan thông thường hơn. Tuy nhiên, trong tâm lý học hiện đại, đôi khi người ta thiên về nghĩa khách quan và cho kỷ niệm hay hoài niệm chủ quan được giữ trong tiềm thức, chỉ là một giả thuyết. Bảo rằng để cắt nghĩa sự kiện ký ức, cần phải nhận có những ấn tượng được bảo tồn trong trí khôn. Nhưng ai có ý thức về những ấn tượng đó trước khi chúng được đưa ra ánh sáng ý thức ?

**II.— Các quan-niệm** Tùy theo màu sắc triết-học, người ta đã triết-học về ký. hiều mỗi người mỗi khác về bản tính của ký ức. Hơn kém, có thể quy về ba quan-niệm chính này :

i) *Quan-niệm xã-hội-học về ký.ức.*

Hoài niệm luôn luôn là một quá khứ được phục hồi hay tái diễn. Theo quan niệm này hoài niệm được hiểu theo nghĩa khách quan (souvenir objectif) mà thôi. Do đó, mọi cuộc phục hồi đều phải lệ thuộc vào những điều kiện xã hội, như trước kia cũng những điều kiện ấy giúp ta ghi nhận hoài niệm. Những điều kiện này được gọi là khuôn khổ xã hội của ký ức (*les cadres sociaux de la mémoire*) như lịch, truyền thống, tập tục, lề kỷ niệm. Nhờ những khung cảnh này giao nhau mà xuất hiện hoài niệm. Quan niệm trên đây có phần đúng, vì không ai phủ nhận ảnh hưởng của xã hội vào đời sống tâm lý nói chung và ký ức nói riêng. Khung cảnh xã hội có thể là *dịp* cho ta nhớ lại nhờ những mốc của lịch sử, của những biến cố bên ngoài ; hoặc nó có thể *cùng cố ký ức* nhờ lặp đi lặp lại (= những lề kỷ niệm hàng năm), như thể hoài niệm *đã sẵn có* sẽ khó phai mờ. Tuy nhiên, không thể cắt nghĩa hoài niệm bằng khung cảnh xã hội bên ngoài mà thôi. Một đảng, hoài niệm có tính cách *bản thân và chủ quan*, chứng có là cũng một biến cố khách quan mà gày nên những xây dựng quá khứ nơi mỗi người mỗi khác. Cũng một hiệp định Gio-neo mà gày nên nơi lòng dân Việt tự do một mối căm hờn vì cảnh Nam Bắc phân ly, trong lúc nó gợi ra những

tinh cảm hiên ngang cho người Cộng-sản vô quê hương, vô tồ quốc. Rồi nữa, nếu khung cảnh và xã hội ảnh hưởng tới ký ức, thời ngược lại ký-ức cũng tác động nên mối tương quan xã hội và cùng có xã hội tinh giữa người với con người.

### 3) Quan-niệm chủ-sinh-lý về ký-ức.

Ribot : ký-ức là một chức phận tổng quát của thần kinh hệ (*la mémoire est une fonction générale du système nerveux*). Ông dựa vào những trường hợp bệnh lý của ký ức. Những trường hợp này lại do sự hư hỏng của thần kinh-hệ (như sẽ có dịp nói tới). Ông còn dựa vào kỹ thuật ghi nhận hoài niệm trong lúc ngủ một cách vô ý-thức (*hypnopédie*), bằng một thứ máy tự động như máy *automatophone* của M.Gennevay.— Quan niệm trên nhấn mạnh ảnh hưởng sinh lý vào ký ức. Tuy nhiên bảo ký-ức hoàn toàn lệ thuộc vào não hay vào thần kinh hệ, thời không đúng. Trong thần phận con người không thể phủ nhận quyền ưu tiên và tầm quan trọng của trí tuệ, của tinh thần. Nhớ lại, đòi phải có tư tưởng, nghĩa là chính trí-tuệ ý thức về mình và về quá khứ của mình. Đáng khóc, thần kinh hệ có thể góp vào việc tạo thành ký ức tập quán (*mémoire-habitude*) có tính cách máy móc thôi. Nhưng quá khứ đâu có sống lại y nguyên như cũ. Quá khứ được khêu gợi lại, bị trộn lẫn với dòng ý thức, luôn luôn do trí khôn xây dựng lại.

### 3) Quan niệm duy linh về ký-ức.

Bergson đồng hóa ký ức với ý thức, và chủ trương ký ức là chính tinh thần, ngược lại với vật chất (xem *Matière et mémoire*). Để tránh những hàm hồ do những kiều nói đã quen, ông phân biệt hai loại ký ức : ký ức tập quán (*mémoire-habitude*) và ký ức hoài niệm (*mémoire-souvenir*) hay là ký ức thuần túy (*mémoire pure*). Ký ức trước chỉ là một thứ tập quán do lặp đi lặp lại, khi cần tới là thích nghi với hoàn cảnh để khêu gợi lại quá khứ. Nó có mục đích bảo tồn quá khứ, khai thác q. á khứ trong cuộc diễn biến của hành động mà không lưu ý tới quá khứ như là qua khứ. Ký ức thứ hai mới là ký ức thực danh, khêu gợi những hoài niệm làm thành phần đời sống nội tâm.

Nó nhìn về quá khứ, nhưng không phải để thích nghi vào hành động mà trái lại để mơ màng tới quá khứ, nhào trộn

lại quá khứ cho hợp với trào lưu ý thức hiện tại. Ký-ức tập quán giống cách viết sử biên niên (chronique) còn ký ức hoài niệm hợp với cách viết sử hiện đại : làm sống lại quá khứ với những hoàn cảnh chính bản thân mình đã sống — Quan niệm trên đây thật quyền dù và hợp với trào lưu Tâm lý học hiện đại : nhấn mạnh *chủ động tinh* và *chủ quan tinh* của ký ức. Tuy nhiên không nên hoàn toàn đồng hóa ký ức với tinh thần, vì tinh thần còn là lý trí, là tự do, là sáng tạo, là yêu v.v...

**III.— So sánh ký ức** Có vài động tác tương tự với động tác ký với động-tác ức hay là tưởng tượng tái diễn, như tập quán và việc biết. Tương tự nhưng không đồng nhất. Tương tự ở chỗ tất cả thuộc động tác sinh hoạt tri thức, không đồng nhất vì có ít nhiều tiêu dị giữa những động tác nói trên.

### i) Ký-ức và tập quán.

Những nhà tâm lý học thiên về duy vật và sinh lý thường cho cả hai tác động là một. Ký ức cũng như tập quán, được họ cắt nghĩa bằng những cuộc biến đổi nơi cơ thể. Rồi những hoài niệm hay ký niệm dùng vào việc thí nghiệm, thường là do sự lặp đi lặp lại mà nhớ được, cũng như tập quán thành hình do sự lặp đi lặp lại. Nhưng xét kỹ ra, nếu nhiều khi ta khó lòng phân biệt được hai trạng thái tâm lý ở trên, thời trái lại, cũng dễ phân biệt chỗ nào là thuần túy hoài niệm và chỗ nào thuần túy tập quán. Nếu pha lẫn cả hai với nhau, lúc đó thành hoài niệm tập quán hỗn hợp (habitudes-souvenirs) theo kiểu nói của Bergson. Thực ra, tập quán thuần túy được thực hiện trong hiện tại mà không tham chiếu (référence) về quá khứ nào cả. Khi tôi viết vì quen, là do ở thân kinh hệ tự động, chứ đâu có phải do một ý thức về những lần tập viết trước tôi đã học vất vả. Trong ký ức tập quán hỗn hợp, trừ tập quán ra còn có trí nhớ can thiệp như nhớ mấy chữ cuối câu trước, để bắt đầu câu sau, hay là nhớ trong sách có câu đó. Nhiều khi những chỗ vấp thành ra như cái mốc giúp ta nhớ. Trái lại ký ức thuần túy, như nhớ lại người say rượu tôi mới chỉ gặp một lần, không có gì là tự động tự phát, và không có gì là tập quán cả. Còn có thể thêm nhận xét này, tập quán thiên về thực hành hơn là lý thuyết. Nó thường chỉ cái tài khéo chân tay

như người đánh máy, càng quen càng không có ý thức về cử động của mình. Trái lại hoài niệm là một hiện tượng thuận túy tri thức (*savoir*), tuy rằng giữa hai hiện tượng đó, vẫn còn có những *tiền dì*.

### 2) Nhớ và biết, hay là ký ức và nhận thức.

Hai việc này thường theo nhau: nhớ đem theo sự nhận thức, cũng như là sự nhận thức đem theo nhớ. Người mất trí nhớ không thể nào tiến bộ trên đường học thức được. Liên kết mệt thiết, nhưng không đồng nhất với nhau. Nhận thức là tác động *tổng quát hơn*, vì nó không tham chiếu với thời gian nhất định. Nó là biết bắt cứ một vật gì. Trái lại nhớ là sự biết một hiện tượng xảy ra rồi, tức là tham chiếu về thời gian quá khứ. Hơn nữa, hoài niệm là cái gì thuộc *bản thân hơn*. Nhận xét này là dịp cho Royer Collard nói câu nghịch thuyết: người ta chỉ nhớ về mình mà thôi (*on ne se souvient que soi-même*). Câu nói có vẻ quá đáng. Tuy nhiên một hoài niệm thực danh đòi hỏi một kinh nghiệm bản thân, nghĩa là ta hiện diện một phần nào lúc xảy ra việc mà ta muốn nhớ. Nói khác đi, đối tượng của ký ức vừa có tính cách khách quan vừa có tính cách chủ-quan. (Tôi nhớ lại một việc gì, việc được nhớ đó vừa chỉ cái đã xảy ra ngoài tôi, vừa chỉ ẩn tượng việc đó đã in trong tâm trí tôi theo giả-thuyết có thể chủ-trương được về tiềm thức). Trái lại, đối tượng của sự nhận thức (*savoir*) hay khoa học, ít có tính cách hữu ngã, vì là những sự vật và những hiện tượng khách quan. Chúng là của chung tất cả mọi người. Ai học được thì biết.

## B.— PHÂN LOẠI KÝ ỨC.

Có thể phân loại ký ức theo nhiều quan điểm: theo cơ năng, theo thời gian, theo đối-tượng và phương-pháp.

I.— Theo cơ năng. Dĩ nhiên việc nhớ là việc của chủ thể độc nhất túc là con người. Tuy vậy, có thể phân ký ức ra nhiều loại tùy ở chỗ cơ năng nào trực tiếp can thiệp vào việc nhớ nhiều. Ở đây, có ba loại ký ức: ký ức chuyên động, ký ức cảm giác và ký ức tinh thần.

### i) Ký-ức chuyên-động.

Là những cơ-quan chuyên động giúp ta nhớ. Hệ trọng nhất là việc phát âm, rất cần để diễn tả những sự kiện hay những ý

tưởng được nhớ tới. Một tiếng đọc phải ngậm, không thể được nhớ một cách dễ dàng bằng há miệng ra : chữ òm chẳng hạn.

### a) Ký-ức cảm-giác.

Ký-ức cảm-giác thiêng về giác quan hơn. Đáng chú ý nhất là ký-ức thị-giác và thính-giác. Những người có ký-ức thị giác mạnh chỉ nhớ kỹ sau khi đã xem thấy. Nhiều tay chơi cờ giỏi, không xem vào bàn cờ vẫn nhớ phải đi như thế nào. Có người dễ nhớ vì đã nghe thấy. Có thể thí nghiệm ký ức thị-giác hay thính-giác nổi bật hơn bằng cho đọc hay nghe một đoạn sách hay một dòng chữ. Thường tình mà nói, ký-ức thị-giác giữ phần ưu thế. Đánh vần ngược lại một câu đã nghe thường chậm hơn là đánh vần được một câu đã xem. Có nhiều người có ký-ức cảm-giác dai-dẳng, mỗi khi cảm giác đó thiêng về tính cách tình cảm hơn là tính cách biếu thị. Do đó nảy ra vấn đề ký-ức tình cảm (*mémoire affective*) rất giống với vấn đề ảnh tượng tình cảm (đã bàn ở trên, lúc nói về ảnh-tượng). Có người cho rằng, không thể có ký-ức tình cảm được, vì nếu có những tình-cảm kèm theo hoài niệm, đó là những tình cảm mới, gây nên do một hoài niệm có tính cách biếu thị (*souvenir représentatif*). Ribot và Marcel Proust lại chủ trương có ký-ức tình-cảm. (1).

Mới đây, Gusdorf tiên-sinh dung-hòa cả hai ý niệm trên, chủ trương rằng : phân tích như ở trên, chỉ áp dụng cho ký-ức trừu tượng (*mémoire abstraite*) thôi. Trong thực tế cụ-thể, ký-ức phải vừa là biếu thị vừa là tình cảm (2). Chúng tôi thiết tưởng luận-lý của Gusdorf tiên-sinh chưa được xác đáng. Dĩ nhiên, hai yếu-tố biếu thị và tình cảm (cũng như bất cứ yếu tố nào) trong đời sống tâm lý của con người, không thể tách biệt được (*inséparable*). Nhưng không phải vì đó mà không phân biệt được. Phân biệt lại là một tác động trừu tượng. Vấn đề ở đây là người ta muốn biết ký-ức thuần-túy có tính cách biếu thị hay tình cảm. Chúng tôi theo phần đông tác giả cho rằng : bản tính ký-ức có tính cách biếu thị, vì thế vẫn được bàn tới như là một thành phần của đời sống tri-thức chứ không phải đời sống tình-cảm.

(1) Xem trong Blondel — La Psychologie de Marcel Proust Paris 1932-1939

(2) Mémoire et personne — p. 76-79.

## 3) Ký-ức tinh-thần.

Ký-ức tinh-thần là khả-năng nhớ lại những ý-tưởng hoặc dung-một mình, hoặc được liên-đới nhau bằng một giây luận-lý (lien logique). Nó có tính cách trừu-tượng cũng như chính những ý-tưởng. Nó giúp ta tồ-chức đời sống ý-thức, thiết lập nên một trật tự hay một hệ thống tư tưởng. Đối tượng của ký ức này là những sự kiện tâm linh được tinh luyện trong giai đoạn tinh thần không bị thời gian chi phối. Có ý tưởng về quá khứ, nhưng thực ra từ nó không phải quá khứ, cho bằng hiện tại. Nó hiện giờ biểu thị một sự kiện quá khứ.

**II.— Phân loại ký-ức.** Thoạt đầu, xem ra ký-ức chỉ có nghĩa-vụ theo thời-gian, khêu gợi lại quá khứ. Lúc đó gọi là ký-ức hồi quá (mémoire retrospective).

Tâm lý học cõi diễn thiên hẳn về ký-ức này. Nhưng không phủ nhận sự liên lạc của ký ức với tương lai. Lúc đó, có ký ức hướng-lai (mémoire prospective). Thực ra, quá khứ được khêu gợi lại do một nhu cầu hiện tại, và nhu cầu hiện tại lại đòi phải có đối tượng tương lai để được thỏa mãn. Nhiều nhà tâm lý học như ông P. Janet và Pradines nhấn mạnh thứ ký ức này hơn ký ức hồi quá. Với hai cái vai trò hồi quá và hướng-lai đó, ký ức có thể coi như là một cơ năng thống nhất đời sống tâm linh : « ký ức diễn tả sự liên tục của tất cả những vật gì sống » (1). Do đó, những kiều nói « lùi lại quá khứ », « từ quá khứ đi lại »... chỉ là những kiều nói bông. Dẫu sao, việc nhớ lại như thế, gồm nhiều nghịch thuyết không thể cắt nghĩa ra bằng những kiều nói nhuộm màu thời gian và không gian được. Thực ra, hoài niệm là đi về quá khứ, nhưng quá khứ đó không còn nữa. Trong nội tâm chỉ có hiện tại, nhưng trong đó, có quá khứ (xem lại chỗ nói về thời gian tâm linh). Hoài niệm, có thể coi như là chính sự kiện tâm linh hiện tại kèm theo ý thức về quãng thời gian đã qua. Có người còn nói : ký ức vượt trên thời gian và chủ trương rằng chủ thể có ký ức sống ngoài thời gian, mặc dầu theo một phương diện khác có sống trong thời gian thật (2).

(1) G. Mort. *Élément de psychologie*. Foris 1946 P. 86 « La mémoire exprime la continuité de tout ce qui est vivant ».

(2) « Dans la temporalité de l'existence, la mémoire vient altérer notre intemporalité » — Gusdorf, oc.

**III.— Phân loại ký-ức** Theo đối tượng (cái gì được nhớ tới), có theo đối-tượng thè có hai cặp ký-ức : ký-ức nhất đẳng, nhì đẳng (mémoire primaire et secondaire) và ký-ức cụ thể, trừu tượng.

Ký-ức nhất đẳng là thứ ký-ức đặt quá khứ vào hiện tại. Nhờ ký-ức mà hiện giờ tôi nhận ra người đã gặp. Ký-ức này có cả nơi thú vật : nó biết ai đã đánh nó và đã cho nó ăn, vì thế, với hai người đó, nó có thái độ khác nhau. Ký-ức nhì đẳng cho ta nhớ điều quá khứ, như đã qua hẳn và trong khuôn khổ ký-ức, như nhớ lại cuộc vui năm ngoái. Khoa tâm lý học cõi diền thường chỉ nhận ký-ức này, vì thực ra, ký-ức nhất đẳng có thè coi là tập quán được hay là phản xạ có điều kiện. Ký-ức nhì đẳng mới thật là của con người. Vì tuy rằng, xét theo thực tế, quá khứ thường được đặt vào hiện tại. Tuy nhiên, nhờ trừu tượng, con người có thè nhìn quá khứ như chỉ là quá khứ, phân tích nó ra khỏi hiện tại. Trái lại nơi thú vật, hoài niệm luôn luôn bị hiện tại chi phối và bao bọc, không thè nào phân biệt và tách biệt ra được.

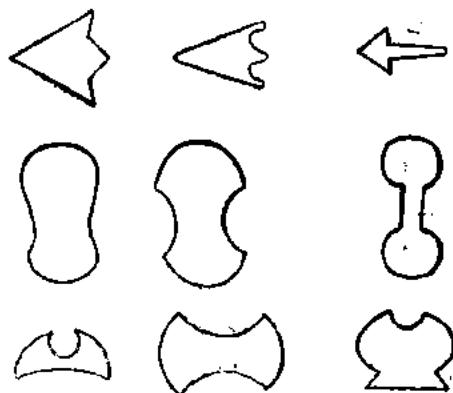
Ký-ức cụ thể làm cho ta nhớ lại tất cả hay rất nhiều chi tiết của việc đã qua, gây nỗi ta những ấn tượng và tình cảm mới mênh mông là việc đó có trước mắt thật. Ký-ức trừu tượng thường giúp nhớ lại một vài điểm của quá khứ thô. Nó chỉ là một cách biết lại, lạnh lùng và trung lập : về cuộc gặp gỡ người bạn hôm qua tôi không nhớ lại những câu chuyện lý thú, những cử chỉ thân mật, mà chỉ nhớ rằng anh ta bảo sẽ đến gặp tôi. Ký-ức trừu-tượng ra như bắt tôi chiếm ngưỡng quá khứ, làm tôi quên hiện tại, còn ký-ức cụ thể giữ lại tất cả hay rất nhiều chi tiết của quá khứ có ý đẽ xây hiện tại và có thè đồng hóa với hiện tại được.

Ký-ức cụ thể là ký-ức sống động (un passé vécu et vivant), còn ký-ức trừu tượng có thè coi như là chết, mất gần hết bản sắc. Gusdorf cất nghĩa thêm : ký-ức trừu tượng thường gọi cho ta những hoài niệm về sự vật, biến cố về người khác, về ngôi thứ ba. Còn ký-ức cụ thể chỉ gợi lại những kinh nghiệm bản thân đã sống trước, về chính tôi, về ngôi thứ nhất. Ký-ức này là một ký-ức tột bậc làm cho ta nhớ đến ta hơn là những biến cố đã qua (1).

(1) « Le jeu de la mémoire en sa fonction la plus haute nous renvoie à nous-même plutôt qu'à l'avancement passé » — o.c. I, 140.

**IV.— Phân loại ký ức theo phương pháp:** Ký ức tự nhiên (mémoire naturelle) và ký ức nhân tạo (mémoire artificielle).

Ký ức tự nhiên là tự nhiên mà tôi nhớ tới việc gì đó. Nó có lợi hay có hại cho tôi mới nhở. Ký ức này thường là tự phát, vì nó thâu nhập hẳn vào đời sống hằng ngày của tôi.



**HÌNH 20:** Rất dễ nhớ lẫn những vật thuộc cùng loại : trên, giữa, dưới. Hình ảnh thứ nhất hàng đầu bên tay trái chẳng hạn, rất dễ biến ra hình hai và hình ba cũng hàng đầu.

Ký ức nhân tạo — trái lại — là khi người ta tìm cách đẽ nhớ lại như cái máy. Thường nó không dính líu với đời sống. Như tôi học những bản logarit, bản cửu chương. Ngày nay tâm lý học thực nghiệm chú ý tới ký ức này nhiều hơn trong các trường học hay phòng thí nghiệm. Người ta thường bắt học thuộc lòng những câu chằng có nghĩa chi cả, hay những bài không có mạch lạc với nhau. Xét về giá trị, ký ức nhân tạo cần cho đời sống học đường ; còn ký ức tự nhiên, mới thực là can hệ trong đời sống thường nhật. Tuy nhiên, đời sống xã hội ngày nay thêm phức tạp, cần phải tò chừng mới trông thành công, nên vai trò ký ức nhân tạo do đó cũng thêm phần can hệ.

### C. PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG KÝ ỨC.

Các nhà tâm lý học thường phân ra bốn tác động khác nhau làm thành tác động ký ức là : ghi giữ, khêu gợi, nhận ra và định chỗ

hoài niệm. Phân biệt như thế là vì, theo thí nghiệm, tác động nọ có thể phân biệt ra khỏi tác động kia. Thị dụ : một hoài niệm càng khó nhọc ghi nhớ bao nhiêu, càng dễ gợi lại bấy nhiêu. Dĩ nhiên, những thành phần nói trên không được hiểu theo nghĩa tiếp cận nhau hay là kế tiếp nhau, vì nó thuộc phạm vi sinh hoạt tâm lý vượt khung gian. Việc định chỗ (localisation) hoài niệm, phải hiểu thế nào, ta sẽ nói sau.

**I.— Ghi nhận hoài.** — Không thể quan sát trực tiếp việc ghi giữ hoài niệm. Phải xét tới nó, tùy theo tác động khêu gợi. Hai điều phải được chú ý

tới : nguyên nhân và cách thế của việc ghi giữ. Nguyên nhân ghi giữ hoài niệm, có thể tóm tắt vào hai nguyên nhân chính này : lặp đi lặp lại và lợi ích. Chúng quan hệ nhiều ít tùy theo mỗi cá nhân.

### i) Lặp đi lặp lại.

Sự lặp đi lặp lại, thoạt đầu, có thể như là một tập quán cử động (habitude motrice). Nhưng một mình tập quán đó không thể, là nguyên nhân cho việc ghi giữ hoài niệm. Vậy muốn việc lặp đi lặp lại có ích, cần phải có môt điều kiện tâm lý sau này.

*Phải theo một phương pháp*, từ chỗ đơn giản tới chỗ phức tạp. Nên phân ra từng đoạn bài một đề ghi vào ký ức. Phòng thí nghiệm đã khám phá ra rằng, muôn nhớ 3 con số, cần hai giây, nhớ 11 số cần 4 giây, 13 số cần 38 giây, 14 số cần 75 giây. Nghĩa là càng tăng số, cần phải gấp nhiều lần giờ học đề nhớ. Nhiều khi số chỉ tăng gấp hai mà thời gian phải tăng gấp 40. Do đó, phải biết chia ra từng mảnh một mà học đề dễ nhớ, chứ không lặp đi lặp lại cả một chương, hay một cuốn sách. Như thế khó lòng nhớ được.

*Phải hữu ý lặp đi lặp lại.* — Lặp đi lặp lại như cái máy, hay chỉ lúc có cơ hội, sẽ không đi tới đâu, còn cần phải chú ý học, chú ý nhớ. Học trò thường có gắng đọc thuộc lòng một bài chưa học kỹ, còn hơn là đọc lại trong sách mà không chú ý mấy. Chúng kiến hiện tượng nào với mục đích đề diễn tả lại sẽ làm ta nhớ hiện tượng đó hơn. Tỉ lệ do Claparède 80% tới 90%, dễ khêu gợi lại. Nếu không chú ý, không quá 60% và nhiều khi xuống 30 hay 20%. Nếu

tinh cờ, rất dễ quên. Như khi ngẫu nhiên ta đọc trong báo một tin tức ta không có ý tìm. Nếu trí khôn hữu ý tìm tòi, lúc đó dễ nhớ hơn. Nếu được xếp đặt có hệ thống và được lặp đi lặp lại, lúc đó những sự kiện phải nhớ, sẽ ghi sâu hơn. Có thể dùng cách phức tạp hơn như lặp đi lặp lại ít nhiều bản mẫu. Rồi áp dụng bản mẫu đó vào những trường hợp đặc thù. Thí dụ : chia tiếng trong văn phạm La tinh, hay chia động từ trong Pháp ngữ.

*Phải gián cách lâu.* — Việc lặp đi lặp lại càng cách nhau xa, thời việc ghi nhớ càng kỹ. Không nên học hẳn một mạch. Phải để cho ý thức có thời giờ « tiêu hóa » kịp. Quãng thời gian nghỉ tốt hơn cả, là giấc ngủ. Đôi việc cũng có hiệu quả tương tự. Kết quả của phòng thí nghiệm về vấn đề này theo Piéron là : nếu chỉ cách nhau nửa phút, cần phải đọc một lần ; cách nhau 20 phút, chỉ cần 4, 5 lần. Hai đoạn bài như nhau học với những điều kiện như nhau, với số lần bằng nhau, đoạn nào học cách nhau lâu hơn sẽ dễ học lại hơn.

## 2) *Lợi ích.*

Việc gì càng hay, càng có ích, có lợi, càng dễ nhớ hơn. Yếu tố chủ quan ở đây cũng cần. Không phải bắt cứ cái gì vào ý thức là được ghi giữ lại. Chỉ có những gì có lợi cho ta, nhất là những gì ta mong đợi đã lâu. Lợi nói đây, có thể là cái lợi tri thức : cái kiến thức mới đến bồ túc cho kiến thức ta sẵn có. Lặp đi lặp lại ở đây không quan trọng cho bằng *đem nỗi liền kiến thức mới với kiến thức cũ để làm thành hệ thống*. Điều này rất quan trọng trong khoa sư phạm hoặc soạn sách giáo khoa, hoặc giảng bài. Bài học phải được trình bày có đầu đuôi manh mối, học trò mới dễ ghi giữ hơn. Những bài hát ái quốc, bài hát cách mạng dễ nhớ hơn những bài hát có vẻ trùu tượng hay tả cảnh. Những gì làm ta đau khổ hay khoái lạc, thường dễ ghi lại trong ký-ức hơn những việc đối với ta là trung lập. Người ta còn nhận xét rằng : đau khổ dễ nhớ hơn khoái lạc. Có lẽ vì khoái lạc là trạng thái thường tình quá, ta không chú ý tới mấy, cho bằng đau khổ mà ta hết sức tìm tránh cho được.— Sau hết, có *lợi ích đoàn thể*. Đời sống tập đoàn giúp ta ghi giữ nhiều hoài niệm vì nó bắt ta phải kè lại với người khác nhiều lần. Nghĩa vụ của ông thầy dậy học giúp ông ghi giữ hoài

niệm rất nhiều. Chỉ dạy vài ba năm có thể thuộc lòng môn mình dạy được.

**II.—Khêu gợi hoài niệm** Tác động này làm cho một hoài niệm phơi ra sân khấu ý thức. Hoài niệm sẵn rồi, chỉ cần đợi lệnh là ra diễn trên sân khấu tâm hồn.

*1) Nhiều cách khêu gợi.*

*Khêu gợi tự phát.* Hoài niệm tự đến với chúng ta. Khêu gợi cách này chắc hơn, vì đỡ phải dùng đèn tưởng tượng tái diễn thường đem chất đầy vào trí nhiều ý tưởng hay ảnh tượng để làm khuôn khổ giúp cho sự nhớ. Vì nhiều ảnh tượng hay ý tưởng đến như thế, nên rất dễ nhớ sai. Vấn đề làm chúng nơi tòa án, theo kiều bắt buộc thường có hại hơn có lợi. Kiều bắt buộc này là khêu gợi hồi cõi. Nhớ như tự nhiên, mới thực là nhớ. Nhớ mà phải moi móc mãi mới nhớ ra, không phải là tốt nhớ. Nhiều hoài niệm xuất hiện ngay, nhiều hoài niệm lại đợi mãi mới ra ánh sáng. Nhiều lần, chúng ra từng đoàn, đuổi đi không được. Chúng lộn xộn như múa rối quay cuồng trước mắt trí khôn. Có lần hoài niệm lại nghiêm trang sắp hàng ra trình diện trên sân khấu ý thức, hết hàng này ra rồi lại đứng xếp một bên, nhường chỗ cho hàng khác, đợi lệnh trí khôn để rồi lại xuất hiện.

*Khêu gợi phản ý (rappel malgré nous).* Nhiều lúc hoài niệm như tấn công ở ật, bắt ta phải nhớ tới, dầu muốn bỏ đi cũng không được. Ta bị chúng ám ảnh trái ý ta.

*2) Quên.*

Tương đương với động tác khêu gợi là quên. Quên là khi nào một hoài niệm không được hay không thể khêu gợi ra được. Xét kỹ ra, nó không phải là một tác động hữu ý. Ta không nói : có ý quên. Hay nếu có ý quên đi nữa, cái đó nghĩa là tránh những hoàn cảnh khêu gợi hoài niệm.

Lý do tại sao ta quên, là vì ý thức trường của ta có hạn, ghi giữ được cái này lại mất cái kia. Cái mới đầy cái cũ vào chỗ vô ý thức sâu xa đến nỗi nhiều khi không bao giờ được khêu gợi lại nữa. Việc quên như thế có lợi, vì nó làm nỗi bật ký ức thật, tức là ký ức tinh thần. Nó đào thải những gì không có ích cho ta để chỗ cho

những cái gì hữu ích. Nếu không biết quên đi, thời không có triết-tựng và do đó, không có khoa học được. Lúc vừa tìm tài liệu xong không nên viết bài ngay; sẽ lộn xộn. Nên đợi để trì-khôn quên những điểm nào không hơn đẽ tài... Quên, còn lợi ở chỗ này là giúp ta tưởng tượng, nghĩa là bù đắp vào những lỗ hổng của ý-thức vì quên mà có.

Các nhà tâm-lý-học đem ra hai định-luật này: những hoài-niệm nǎng được nhắc tới, càng nhắc hoài-niệm mới càng chóng quên (quên theo đường thoái-hóa: oubli régressif). Như cũ già nǎng kè-chuyện thiếu-thời, cũ-nhớ kĩ cho tới chết vì đã được lặp đi lặp lại rất nhiều lần. Nhưng cũ dẽ quên rằng cũ-mới kè-hồm qua. Đối với những hoài-niệm không được nhắc tới thời quên theo con đường tiến-hóa (progressif): hoài-niệm cũ quên trước, rồi đến hoài-niệm mới. Dẽ-nhớ thời khắc-biều-hồm nay. Thời khắc-biều-hồm qua, tôi-khó-nhớ. Sau vài tuần, không thè-nào nhở-ra được nữa.

Quên còn do những rối-loạn-thần-kinh-hệ, làm thành những biến-lệ-của-ký-ức (Anomalies de la mémoire). Có ba loại biến-lệ-của-ký-ức: hoặc là kiện-vong-chứng (amnésie) không-thè-nhở được nữa, nghĩa là ngũ-quan không-thè-nhận ra được cảm-giác (agnosies), hay là không-thè-nhở đẽ-bắt-chước-lại (apraxie). Hoặc là ký-ức-loạn (paramnésies: nhở-lẫn) như xem-vật-nào-lần-dầu-tiên, mà bảo đã-xem-trước-rồi. Hoặc là quá-ký-chứng (hyperamnésie) nhở-quá, không-dễ-quên (yên-trí). Do đó, khó-sống-trong-thực-tế-hiện-tại.

### III.— Nhận ra hoài-niệm. I) Nhận ra hoài-niệm đòi phái có hai động-tác-nhỏ.

Đồng-hóa-biều-thi-hiện-tại với-biều-thi-dã-quá (Identifier la représentation actuelle avec une représentation passée). Đồng-hóa-rồi, phái-phân-biệt cái-nào-là-hiện-tại và cái-nào-là-quá-khứ. Những động-tác-này-thực-hiện-trong-hai-trường-hợp-khác-nhau. Có lúc tôi đồng-hóa-một-trí-giác-hiện-tại với-một-hoài-niệm-tức-là-với-một-cái-gì-dư-thừa (résidu) của-trí-giác-trước-dẽ-lại. Tôi gặp-một-người-ngoài-phố (trí-giác-hiện-tại) tôi-nhận-ra-rằng-tôi-dã-xem-thấy/người đó-hồm-quá (trí-giác-quá-khứ). Trường-hợp đó-gọi-là-nhận-rá-trí-giác (reconnaissance de la perception).

Trường hợp thứ hai : tôi đồng hóa một hoài niệm cũ trong ký ức với một tri giác đã qua. Thi dụ : tôi hình dung bằng tưởng tượng cái nhà tôi nhỏ đã có lần xem thấy rồi. Trường hợp này mới thật là trường hợp nhận ra hoài niệm (*reconnaissance du souvenir*).

## 2) Những động tác trên đây thực hiện như thế nào ?

Thực hiện bằng trực giác hay bằng suy luận ? Thực hiện cách trực tiếp hay gián tiếp ? Câu trả lời tùy môn phái học giả. Người thì cho rằng, những tác động nói trên được thực hiện bằng suy luận, nghĩa là bằng cách gián tiếp. Trong việc nhận ra tri giác, việc đồng hóa được thực hiện đầu tiên, tuy nhiên, tôi cần phải so sánh tri giác hiện tại với hình ảnh còn sót lại của tri giác trước, tôi mới nhận ra tri giác trước đó là cái gì. So sánh tôi thấy chúng khác nhau. Tri giác hiện tại là một trạng thái mạnh. Tri giác quá khứ (ảnh tượng sót lại hay là hoài niệm) là một trạng thái yếu. Tri giác hiện tại là một thành phần của đời sống hiện tại, thiếu nó, là có sự thay đổi trong đời sống đó ; còn hoài niệm (do tri giác trước để lại) không quan hệ cho đời sống hiện tại của tôi. Tôi nhìn lớp học đồng thời tôi nghĩ tới gia đình tôi mới bỏ suốt buổi sáng nay. Việc nghĩ đó không ăn cản việc tri giác hiện tại. Sau hết tri giác hiện tại có thể bị kiểm soát do ngũ quan. Còn hoài niệm không thể kiểm soát được. Tôi nghe có thấy tiếng động ngoài hè nhà, tôi có thể ra xem như thế nào. Trái lại tôi không thể kiểm chứng được ấn tượng (impression) mà tôi đã có, lúc nghe một bản nhạc ngoài vườn bách thảo.

Còn về trường hợp nhận ra hoài niệm, những người chủ trương thuyết trên đây cũng cắt nghĩa như thế, bằng so sánh hoài niệm với ảnh tượng (hoàn toàn do tưởng tượng). Họ bảo hoài niệm thuộc quá khứ, còn ảnh tượng không qui về hiện tại cũng không qui về quá khứ. Hoài niệm rõ rệt, còn ảnh tượng có thể là sống-dộng hơn, nhưng lu mờ mông lung. Sau hết, hoài niệm không bị biến đổi xuyên tạc nhiều. Tôi không thể thêm điểm gì mới khác vào cái mà tôi đã xem và hiện giờ tôi nhớ. Trái lại, ảnh tượng (hoàn toàn do tưởng tượng chứ không do một tri giác đã có trước để lại) dễ bị thêm bớt tùy ý tôi muốn.

Nên nói ngay rằng, cách cắt nghĩa như trên không căn cứ vào sự quan sát. Nó chỉ là cách hệ thống hóa đời sống tri khôn một

cách tiên thiền (*à priori*) vậy. Dĩ nhiên, nhiều khi ta phải luận lý : căn cứ vào việc xem thấy mọi nhạc sĩ đều đã bò nhạc khi mới biết rằng buổi hòa nhạc đã chấm dứt. Nhưng kiều luận lý như thế, chỉ có mục đích *kiềm chứng* lại một sự đã rồi, nghĩa là một cuộc hòa nhạc đã xong và những cung nhạc cuối cùng cũng trở thành hoài niệm trong ký ức tôi.

Còn việc phân biệt hoài niệm và ảnh tượng suông, nhiều khi không dễ phân biệt được, vì cả hai xem ra cùng một bản tính và thường xuất hiện lẫn với nhau.

Những nhận xét trên đây khiến nhiều học giả phủ nhận thuyết luận lý (*théorie de l'inférence*), đề cắt nghĩa bằng trực giác. Chính trực giác làm cho tôi nhận ra và phân biệt cái nào là tri giác mới, cái nào là tri giác cũ. Tuy nhiên người ta có thể *kiềm chứng* lại bằng nhiều cách : hoặc là bằng cách *lầm* (*reconnaissance agie, mémoire-habitude*) : tài xế nhận ra còi xe bằng ẩn nó ; hoặc bằng cách *cảm thấy* (*reconnaissance sentie*) : ta có cảm tưởng là đã xem thấy rồi ; hoặc bằng cách *suy nghĩ* (*reconnaissance pensée*) : nghĩa là so sánh hai tri giác cũ mới với nhau (như nói trên). Cũng phải nhận rằng, việc nhận ra hoài niệm cũng được cắt nghĩa dễ dàng bằng so sánh hoài niệm và ảnh tượng : hoài niệm biếu thị một vật đã có, đã được xem thấy ; còn ảnh tượng suông thường biếu thị việc chưa có bao giờ.

#### IV.— Định chỗ hoài- 1) Phải hiểu thế nào?

**niệm.**

Muốn hiểu đúng việc định chỗ hoài niệm, phải nói ngay rằng : hoài niệm ở đây cần phải hiểu theo nghĩa khách quan hơn là nghĩa chủ quan. Vậy thì định chỗ hoài niệm là : đặt những biến cố mà tôi nhớ, vào không gian và thời gian đúng như đã xảy ra.

Theo thường nghiệm mà nói, việc định chỗ rất đơn giản : thí dụ, chỉ cần đặt ra mấy niên hiệu làm như *mục tiêu điểm* (*points de repère*). Rồi đặt những hoài niệm vào khuôn khổ những tiêu điểm đó.

Nhưng theo quan niệm tâm lý, vấn đề khá phức tạp, vì dầu sao đi nữa hoài niệm cũng còn có nghĩa chủ quan túc là chính sự kiện tâm linh không thè nào định chỗ được (như đã nói tới lúc bàn về đối tượng tâm lý học). Là sự kiện tâm linh, chúng ăn khớp vào nhau, tương tự vào nhau, chứ không tiếp cận nhau. Phải trừu tượng

dè lấy ra một hoài niệm có thè tái diễn được đối tượng mà ta đã tri giác trong không gian và thời gian. Đối tượng đó vẫn có nơi ngoại giới.

2) *Có hai cách định chỗ hoài niệm.*

Cách tự phát, là hoài niệm lúc xuất hiện đã sẵn ở trong khuôn khò không gian, thời gian rồi, đã sẵn có chỗ nhất định so bên cạnh các biến cố khác hay các vật khác. Cách hồi cố, là phải cố gắng đặt hoài niệm vào khuôn khò của nó. Hoặc là hiện tượng được nhớ trước khi nhớ tới khuôn khò : một người tôi nhớ tôi đã gặp, nhưng không biết gặp ở đâu, bao giờ. Hoặc khuôn khò không gian và thời gian đã sẵn rồi, nhưng chưa có sẵn hoài niệm : năm 1945 tại thủ đô Hà-nội... tôi nhớ làm, nhưng không nhớ tôi làm gì lúc đó. Phải dùng mục tiêu điểm đè cố gợi ra là tôi làm gì năm đó ở Hà-nội. Việc kiềm thảo hằng ngày nơi người tu đức thường theo cách hồi cố này : nhớ từng giờ mình đã làm gì, hay nhớ từng nơi mình đã làm gì.

---

## CHƯƠNG 15

### TƯỞNG-TƯỞNG SÁNG-TẠO

- o *Định-nghĩa.*
- o *Phân-loại.*
- o *Chiêm-bao.*
- o *Mơ-màng.*
- o *Bệnh-lý* của *tưởng-tượng.*



Tưởng tượng sáng tạo là một khả năng dựa vào những biều thị đã qua, để tìm ra những biều thị mới mẻ. Tác động này có những trạng thái thường đẳng, hạ đẳng và bệnh lý.

Nhưng tưởng tượng sáng tạo với sự xây dựng tích cực của trí tuệ, mới thực sáng tạo. Nó có tính cách hồi cõi (réfléchi) và đem tới những khám phá trong phạm vi khoa học hay văn nghệ. Ta sẽ tìm hiểu : sáng tạo ở đây có nghĩa là gì và những động tác nào cần cho việc sáng tạo ; những người có tưởng tượng sáng tạo phân ra mấy hạng. Thế nào là những hình thức hạ đẳng của sáng-tạo.

#### A.— ĐỊNH-NGHĨA.

I.— **Danh-từ và ý.** Theo nghĩa chuyên môn triết học mà nói, sáng tạo có nghĩa là sản xuất một vật gì từ hư vô, nghĩa là trước kia vật đó chưa có, và vật liệu dùng làm nên nó cũng chưa có. Nếu vậy, thì các việc sản xuất do con người, không thể gọi là sáng tạo.

Tưởng-tượng sáng tạo ở đây chỉ có nghĩa suy loại. Bảo nó là chế tạo thời đúng hơn. Thực ra, nếu đem những thành tích của

tưởng tượng ra phân tích, ta thấy luôn sẵn có những yếu tố do kinh nghiệm : một người mù từ lúc sinh không thấy màu sắc bao giờ, không thể tưởng tượng được màu sắc như ta tượng tượng được. Đáng khác, như ta đã nói, tưởng tượng sáng tạo phải dựa vào những biều thị đã có trước. Hoặc dùng những dữ kiện (les données) sẵn có nhưng rời rạc, để làm tông hợp ; hoặc dùng chính những tông hợp sẵn có trước để làm một tông hợp mới. Cái đó gọi là tò hợp (combinaison). Nhiều khi chỉ phải sửa chữa (correction) đôi chút những kiến trúc tâm linh đã có trước. Sau hết, có nhiều lúc tưởng tượng chỉ đem tái diễn lại và đặt vào một khuôn khổ mới nào đó, không thay đổi nội dung. Đó là trường hợp của người đem máy ô tô gắn vào thuyền để đi và của một số rất đông nghệ sĩ biết nói ra đúng chỗ một tiếng hay một câu ai ai cũng biết rồi. Nhưng trong trường hợp nào đi nữa, tưởng tượng vẫn là quan hệ trong đời sống con người.



Hình 21.— *Ngựa bay ? Tưởng-tượng sáng-tạo : lấy nhiều bộ phận của những vật đã tri-giác trước, tò hợp lại làm thành một vật mới, nhiều khi không có hay không thể có trong thực tại.*

Muốn hiểu tưởng tượng sáng tạo là gì, cần phải đặt câu hỏi : tưởng tượng sáng tạo hay trí khôn sáng tạo ? Nói đến cùng, chính là con người sáng tạo. Nhưng sáng tạo bằng tài năng nào ? Dĩ nhiên là bằng trí tưởng tượng, nhưng thường phải có lý trí. Điều khiển. Tưởng tượng vì cần đến hình ảnh nên nó cũng vẫn thuộc h



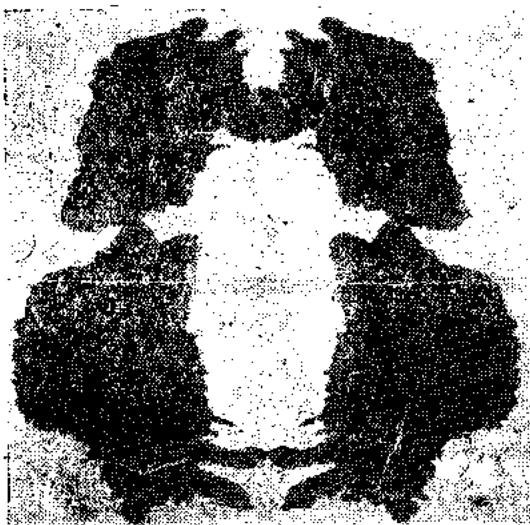
Hình 22.— *La Rochefoucauld* (1613—1680) sinh tại Paris, thắt bại chính-trị, viết cuốn *Maximes* (năm 1665) và *Mémoires*. Trong cuốn trước, ông chủ trương rằng mọi hành động, mọi tình cảm đều quy về ích-kỷ, tu-lợi. Lối văn cứng cỏi, minh bạch.

cấp. Tuy nhiên thường thường đẳng nào của người, rút cuộc lại, cũng đều bị lý-trí điều khiển cả. Điều khiển trong việc kiến trúc những ảnh tượng mới, điều khiển cả trong việc lựa chọn những cái gì có ích có lợi cho việc sáng tạo hay việc khám phá. Đầu sao trí thường tượng vẫn phải hành động đúng sở trường của mình, nhất là trong những sự nghiệp nghệ thuật văn-chương và trong bất cứ ngành khoa học thực tiễn nào. Lý trí kiềm soát và kiềm chế mỗi khi thường tượng lảng loạn. Nhưng có nhiều khi nó không kiềm soát nổi.

**II.—ĐỘNG-TÁC CỦA VIỆC ĐEM PHÂN TÍCH ỐC TƯỞNG SÁNG TẠO CỦA MỘT SÁNG TẠO.** Để phân tích ốc tưởng sáng tạo của một nhà kiến trúc hay văn nghệ sĩ nào, thấy có mấy động tác này.

Phải *tri-giác* hay *trực-giác* cho thật nhiều đã (processus intuitif). Một nghệ sĩ sáng tạo cần phải học trước nhiều, thực hiện triệt để câu : « *học nhì tri chi* ». Dĩ nhiên, có những mèo trừ như thần đồng ca nhạc Roberto Benzi trong phim *Prélude à la gloire*. Tuy nhiên, Alphonse Daudet đã phải thú : « *J'invente peu* » lúc đang viết cuốn *Jack*. Đức Không cũng phải nhận : « *ngã phi sinh nhì tri giả dã, hiểu cõi mẫn dĩ cầu chí giả dã* — Ta không phải là người sinh ra đã biết, chỉ là người thích đạo thánh hiền đời trước, cố sức mà cầu lấy được ». Ông thầy muốn trình bày một hệ thống mới, tổng quát và đặc sắc, cần phải đọc rất nhiều sách, gop nhặt nhiều ý-tưởng.

Tiếp đến, phải phân tích và lựa chọn (processus réfléchi). Lúc tri giác, đã phải phân tích và lựa chọn rồi. Vì thực ra, ta không thể tri giác tất cả khía cạnh của sự vật được. Tuy nhiên, còn phải tích-cực hơn ; đôi khi việc phân tích lựa chọn hữu hiệu nhất, lại làm



Hình 23. Vết mực của Korschach. Mỗi người nhìn ra một vật khác nhau. Vai-trò của chủ thể sáng-tạo trong tri-giác.

trong bóng tối ý-thức, một việc đào thải giống như việc tiêu hóa, chỉ giữ lại những yếu tố có thể dung nạp và dung hòa với kiều mới mình muôn sáng tạo.

Sau hết, là công việc *tổng hợp* với một toàn thể mới, gồm những yếu tố vừa phân tích và chọn lọc xong. Quản sát đức tính này của người này, đức tính khác của người khác, rồi đem dồn cả vào nhau vật chính của cuốn truyện muôn viết. Việc *tổng hợp* này, muôn cho linh động, không phải thực hiện theo một khuôn khổ luận lý khắt khe, phải đề chỗ cho những trạng thái uyên chuyền hỗn loạn pha lẫn vào. Thể mới gởi là tưởng tượng sáng tạo. Hơn nữa việc khám phá này thường được tiến hành chính trong lúc ta không tìm tòi nữa, hay là không nghĩ tới nữa. Nhiều khi, cứ theo những họa đồ thương nhặt để tìm kiếm, lại là đi tới thất bại. Lắm lúc hữu ý ra ngoài đường mòn, xông pha bụi rậm, lại là lúc khám phá được mỏ quí. Vậy việc *tổng hợp* vừa theo lý trí vừa theo tưởng tượng mà thực hiện.

## B — PHẦN-LOẠI.

Tưởng tượng sáng tạo đóng vai trò quan hệ trong bất cứ ngành hoạt động nào của con người, hoạt động trí thức cũng như hoạt động thực tiễn. Dĩ nhiên, vai trò đó được đề cao hơn kém tùy theo mỗi thứ hoạt động, càng gần thực tiễn, óc tưởng tượng càng phải can thiệp nhiều.

I. — **Tưởng - tượng** Tưởng tượng sáng tạo thông thường có sáng-tạo thường.

**đẳng thông thường** Tưởng-tượng có tính cách thực tiễn hơn cả là *tưởng-tượng khoa học(imagination scientifique)*.

Nhà bác học cũng là người thường có tưởng tượng mạnh. Dĩ nhiên, tư tưởng càng đi sâu vào chỗ trùu tượng, càng xa tưởng tượng. Tuy vậy, tưởng tượng vẫn là giai đoạn khẩn thiết, mặc dầu là tạm thời. Nó giúp nhà bác học có những già thuyết khả dĩ cắt nghĩa được hiện tượng, đồng thời cho phép họ tìm ra những phương cách kiểm soát những già thuyết nói trên.

*Tưởng tượng nghệ thuật (imagination artistique)* ở giữa phạm vi lý thuyết và phạm vi thực tiễn. Trong phạm vi nghệ thuật, tưởng

tượng quan hệ đến nỗi nói đến tưởng tượng, là người ta nói đến và nghĩ đến nghệ thuật.

Có *tưởng tượng nghệ thuật có giãn* (*imagination plastique*), rõ rệt sáng sủa trong bất cứ hình ảnh nào, nhưng có tài thích nghi.

Có *tưởng tượng nghệ thuật lu mù* (*imagination diffluente*) ít tinh cách biểu thị, nhiều yếu tố tình cảm. Những thơ tả tình thường do tưởng tượng này. Ribot đã khám phá ra tưởng tượng âm nhạc thiếu hẳn tính cách tạo hình rõ rệt.

Sau hết, có thứ *tưởng tượng thiên hẳn về thực tiễn* (*imagination pratique*), do những nhu cầu đời sống thực tế điều khiển: tưởng tượng của nhà kinh doanh (tưởng tượng thương mại), của tướng cầm quân (tưởng tượng chiến lược), của nhà kỹ sư (tưởng tượng cơ khí). Tóm lại, mỗi nghề có một thứ tưởng tượng (x).

**II.— TƯỜNG - TƯỢNG** Thiên tài khác với năng khiếu (*talent*). Năng sáng - tạo phi - khiếu mới chỉ là tiềm năng, muốn thi thoảng hay thiên cần phải học và huấn luyện nhiều, mới đi tới kết quả khả quan. Thiên tài là sinh nhí tri chi, nghĩa là có năng khiếu bẩm sinh khác thường. Nhưng không phải là luôn không có sự cộng tác của con người. Dẫu sao, giữa cố gắng và kết quả đạt được, có sự chênh lệch lớn. Làm ít, kết quả nhiều. Dù nhiên, việc làm nổi đây là việc làm hữu ý, chủ ý. Chứ nếu nói việc làm vô thức, thời bao giờ cũng phải có ngầm ngầm ở trong. Tiềm thức làm hộ, nhiều khi âm thầm như sinh khí lưu trong những thân cây khô chờ mùa đông.

*Thiên tài bời đâu?* Người thời bảo do *sinh lý*, do bộ thần kinh bị bệnh. Ta thường chẳng thấy nhiều thiên tài giờ người là gì? (César Lombroso, Max Nordan). Đây là một ca áp dụng của thuyết chủ sinh lý (hay là duy sinh lý thời đúng hơn). Nhiều người như bác sĩ Grasset, lại chủ trương bệnh thần kinh là hậu quả của thiên tài khác thường. Những người khác lại cho rằng bệnh tinh như thế, chỉ xuất hiện trong những lúc bị thần thiên tài ám ảnh. Trong

(1) Những thứ tưởng tượng trên đều có tính cách khám phá, nên đối lập hẳn với các thủ cựu (*routine*) và đối lập với sự bắt chước (*imitation*) nữa.

lúc đó, con người như bị xuất thần, đầy cảm hứng. Xong rồi, thường yếu mệt, cần phải kích thích bằng chất mạnh. Có thể như thế được. Tuy nhiên, không nên lạm lộn lộn điều kiện để thực hiện một hành vi tâm lý nào, với chính hành vi tâm lý đó.

*Thuyết xã hội chủ trương thiên tài do chủng tộc* (Taine), do khu vực địa thế, chính trị, xã hội. (Thuyết này đã bị phê bình trong phần nói về đối tượng tâm lý học rời miên dài dòng ở đây).

Vậy chỉ còn thuyết tâm lý: thiên tài do thiên phú. Trời cho ai người ấy được. Ở chỗ này, tài năng của họ được đặc biệt khuếch trương, hoặc về nhạc, hoặc về hội họa. Việc khuếch trương này nở nảy, có khi được thực hiện trong gia đình do di truyền (như nhạc sĩ Bach và nhà toán học Bernouilli). Di truyền không phải cha mẹ truyền trực tiếp những khả năng tâm lý, nhưng là thông chuyền những điều kiện sinh lý và xã hội có thể giúp nòi thiên tài.

**III.— TƯỜNG - TƯỢNG** Gọi là tường tượng hả hêng vì sản phẩm sáng - tạo họ - của nó không có giá trị gì mấy. Không có giá trị gì mấy, vì chúng do một trí tưởng-tượng tự phát, không có lý trí kiềm soát và điều khiển. Nó có thể hoạt động dưới nhiều hình thức: hình thức chiêm bao (*rêve*), hình thức mơ tưởng hay là mơ màng (*rêverie*) và hình thức bệnh lý.

#### C.— TƯỜNG-TƯỢNG TRONG CHIỀM BAO.

Chiêm bao là việc xây dựng của tưởng tượng trong lúc ngủ, lúc các cơ năng giác quan thôi không làm việc nữa. Quan sát chiêm bao không phải chuyện dễ. Thực ra, lúc ta chiêm bao, nội quan không thể thực hiện được, vì ý thức tạm nghỉ việc kiềm soát. Thường ta phán đoán về chiêm bao, tùy những hoài niệm ta còn nhớ được lúc thức dậy.

**I.— Phân - tích hiện:** Nhìn kỹ, ta thấy chiêm bao gồm nhiều hình tượng chiêm bao. Ảnh, thường không ăn khớp với nhau. Ta muốn xếp hình ảnh đó theo thứ tự luận lý, nhưng công việc đó phải làm trong lúc thức dậy rồi, chứ không thể làm trong lúc ngủ. Thường phải có người quan sát trong những

quãng thời gian ngắn của lúc nửa tỉnh nửa mơ, có thể quan sát được phần nào : tôi đang ngủ, một người đặt trước mặt tôi một bó đuốc, người đó có thể chuyên hướng được chiêm bao của tôi, như là khiến tôi chiêm bao một khung cảnh mà trong đó có một bó lửa, hay là một đám cháy nhà. Nhiều yếu tố làm nên chiêm bao : yếu tố vật lý, sinh lý và yếu tố tâm lý.

Thường có những ngoại vật, như chấn nặng làm tôi mơ bị ngạt ; đê tay lên ngực, tim ngừng lại, làm tôi mơ bị vật nào đuổi ngã. Đó là những ác mộng. Có cả nội cảm giác : nhiều lúc ta thấy chân tay bị tê liệt làm ta mơ không thể chạy thoát được lúc gặp cơ nguy. Đau một cơ quan nào ở trong làm ta mơ như ai đến đập thương ta. Lúc ngủ những cảm giác có tính cách tình cảm như đau khổ khoái lạc, có thể định hướng chiêm bao, mà nếu thức sẽ không đi hướng đó. Máu chạy ở trong mắt, có thể làm ta mơ ánh sáng..

Ngoài ra, thường có những hoài niệm. Từ tiềm thức chúng trở về ý thức tự phát trong lúc ngủ, làm ta có những chiêm bao tưởng tượng (*rêves imaginatifs*). Theo Freud, càng những ước vọng không được thỏa mãn (hiện tượng ăn ức : refoulement), càng được khêu gợi lại trong lúc chiêm bao. Nhiều khi, những hoài niệm đã bị quên lãng nhờ lúc ý thức trống rỗng, xuất hiện trên sân khấu tâm linh. Dĩ nhiên, thuyết của Freud về tính dục (*libido*) có vẻ giả tạo và độc đoán. Chiêm bao còn phong phú hơn nhiều. Đôi khi chiêm bao có tính cách cao thượng nữa.

## II.— Ý nghĩa của chiêm bao.

Về ý nghĩa chiêm bao, người ta đã có nhiều tin tưởng qua các thời đại. « Người làm sao chiêm bao làm vậy ». Có người tin chiêm bao làm sao sự thực xảy ra như thế. Chiêm bao bối chêt, lúc thức dậy bối chêt thật ! Dầu sao chiêm bao biếu lộ một phần nào nhân cách thầm sâu của ta. Nhất là trường hợp thỏa mãn trong lúc chiêm bao những ước vọng bị dập trong lúc thức. Lúc đó, ta thấy không bị ngoại vật chi phối. Nên tâm trạng ta có thể nào, dể phơi ra như vậy

Chiêm bao là phương tiện giải thích, giúp ta siêu thoát thực tế, dể tạm sống trong thế giới tưởng tượng. Nó còn bảo đảm liên tục tính của đồng ý thức. Nhiều khi chiêm bao, chỉ vì đời sống tâm linh cứ

phải làm việc mài. Nếu nó không được ngoại giới tiếp tế những hình ảnh sống động mới, thời tâm hồn chịu « nhai lại » những hình ảnh cũ, những lúc mà các cửa ngũ quan chính bị đóng cả rồi. Sau hết, chiêm bao có thể là dấu chỉ trạng thái thầm kín của tâm hồn. Nếu trong chiêm bao, ta chỉ tưởng tượng những gì sà sà dưới đất, có thể là dấu chỉ đời sống ta không bao giờ chú ý tới lý tưởng cao thượng. Chiêm bao như thế có thể đóng vai trò *thức-tinh* và đun đầy ta tới chỗ biết rõ nhân phẩm của ta hơn.

#### D.— TƯỞNG TƯỢNG TRONG MƠ MÀNG.

**I.— Mơ màng là gì ?** Mơ màng là một tình trạng tâm lý, trong đó ý thức cứ như đè mình bị lôi cuốn theo dòng nước ảnh tượng mà không chủ ý đòi hướng chúng theo đường khác. Dòng ảnh tượng đó, là một chuỗi dài ảnh tượng. Ảnh tượng nọ liên kết vào ảnh tượng kia, liên tưởng vào nhau một cách tự nhiên. Mơ màng khác với chiêm bao : sống bằng ảnh tượng, nhưng người mơ màng coi như là mình sống trong thực tế.

**II.— Điều - kiện để** Không phải ai và bất cứ lúc nào cũng mơ màng được. Phải tùy người, tùy giờ, tùy lúc, nghĩa là phải có đủ điều kiện. Tóm tắt mấy điều kiện sau đây.

**Điều-kiện vật lý.**— Rousseau viết : đừng có nghĩ hắn, cũng đừng nào động quá. Phải có một chuyền động trùng điệp điều hòa không chấn động, không gián đoạn. Nếu không có lối chuyền động đó, sống sẽ như chết ; nếu chuyền động không đều hay mạnh quá, nó sẽ thức tinh. Nếu nó còn cho ta nhìn những vật chung quanh, mơ màng mất hết thú vị. Gió hiu hiu thổi trên cành, tiếng sóng ào ào lúc thủy triều lên, tiếng xe lửa chạy đều đều ban đêm... là những cái rất dễ làm ta mơ màng.

**Điều-kiện sinh-lý.**— Trong mình cảm thấy trầm trệ (*dépression*) thiếu hoạt bát, ủy mị, thiếu sức đe cõ gắng nhưng vừa sức đe mơ màng. Thường là những người mắc bệnh nhiều ít hoặc tự nhiên, hoặc nhân tạo, như uống rượu, hút nha phiến.

**Điều-kiện tâm lý.**— Không thể mơ màng trong lúc đứng xem hay nghe một bản nhạc, bản tuồng hát vui. Vậy không được quá

chu ý đến hiện tại (hoặc vì bệnh hoặc vì không có gì đáng ta chú ý). Thêm vào, phải cảm thấy một nhu cầu : muốn khỏe, muốn thỏa mãn một ước vọng chưa được thỏa mãn, nhất là ước vọng sống một đời sống cao thượng, lý tưởng, khác với đời sống tầm thường.

### III.— Giá-trị của mơ Có những kiều mơ màng và ích và có hại màng. trong phạm vi luân lý. Mơ màng như thế, gọi là *mơ màng thụ động* (*rêverie passive*).

Người mơ màng bị lôi cuốn do những chuỗi ảnh tượng, không đem tới một kết quả nào nhất định. Kiều mơ màng này làm cho ủy mỵ, lười biếng, không muốn suy nghĩ, không muốn hành động. Cái gì cũng muốn, cái gì cũng có chương trình, nhiều khi lầm chi tiết. Nhưng không cái gì được đem ra thực hiện cả. Cực đoan đối lập là hoạt động quá. Hoạt động này gọi là thụ động có lẽ đúng hơn, vì ta bị nó lôi cuốn quyền dù, làm ta xa sự suy nghĩ, làm ta mất nhận cách, mất cái gì đặc sắc nhất của ta, tức là một đời sống tâm linh khá tự lập, không bị ngoại cảnh chi phối là mấy.

Giữa hai cực đoan đó, có kiều *mơ màng hữu ích* : mơ màng của nhà bác học hâm hở tìm tòi. Những gì đã khám phá ra, sẽ được áp ủ trong tiềm thức, thẩm nhuần sinh khí của tâm hồn, để rồi xuất hiện ra ngoài một cách phong phú hơn, đậm đà hơn. Mơ màng của những bậc tu hành, tìm đời sống cao thượng hơn, có ý nghĩa hơn, thẩm trầm hơn. Những người trần tục cũng phải có kiều mơ màng cao thượng này, để đời sống bớt vẻ máy móc, bớt cứng cỏi, bớt thô bỉ. Nói khác đi, một đời sống lý tưởng phải là đời sống, trong đó mơ màng sẽ chuẩn bị hành động, sẽ nâng cao hành động. Chỉ làm việc mà không để đời sống tâm linh sống đời sống riêng của nó, ta sẽ kém là người, sẽ trở thành bù nhìn, hay máy tự động (*phương pháp* của Cộng sản dùng để hạ phẩm giá con người). Tóm lại mơ màng để mơ màng, để trốn thoát, là xấu ; còn mơ màng để thẩm nhuần đời sống thực tế lại là mơ màng tốt. Nền giáo dục rất có thể lợi dụng kiều mơ màng này.

## B. TƯỞNG TƯỢNG SÁNG TẠO TẬT BỆNH.

Tại vừa nói, muốn mơ màng, cần phải có điều kiện sinh lý, tức là một cái xác trầm trồ. Nếu quá trầm trồ, lúc đó trở thành cái xác

bệnh. Dĩ nhiên xác bệnh có ảnh hưởng tai hại tới nhiều chức phận sinh lý (fonction physiologique), do đó, ảnh hưởng rất nhiều tới óc tưởng tượng. Hai hình thức chính là ảo tưởng (hallucination) và hoang chứng (mythomanie).

**I. – Chứng ảo-tưởng.** *Vấn đề danh-từ.* Ảo-tưởng là tri giác một đối tượng mà thực không có đối tượng. Danh từ này trong tiếng Việt dùng để dịch cả hai tiếng *illusion* và *hallucination* trong Pháp ngữ. Nhưng giữa hai danh từ Pháp ngữ, có những tiêu di can hệ. *Hallucination* là tri giác có đối tượng, còn *illusion* là tri giác có đối tượng nhưng làm sai lạc đối tượng. Muốn định danh từ chuyên môn, ta diễn ý trước là ảo tưởng và ý sau là sai tưởng, cho dầu trong thực tế ai cũng gọi *illusion* là ảo tưởng.

**Cắt nghĩa.** Một tri giác thường tình bao giờ cũng phải qua tri tưởng tượng và một cảm giác. Cảm giác rồi, vật trở thành ảnh tượng được bảo tồn trong óc tưởng tượng, tất cả cộng tác với nhau, tham chiếu về vật ngoại giới, mới có một tri giác (như đã nói trước). Do đó người ta còn gọi hình ảnh hay là tưởng tượng là tiền tri giác (*pré-perception*). Tưởng tượng phải theo cảm giác. Nhưng mỗi khi ảnh tượng đầu tiên gây nên nhiều ảnh tượng kế tiếp mà không có đối tượng tương đương, lúc đó xuất hiện chứng ảo tưởng, nghĩa là ảnh tượng không biểu thị một đối tượng nào ở ngoài cả. Chứng ảo tưởng nói trên rất hiếm và ngày nay xem ra như các học giả cho nó đồng nghĩa với sai tưởng : nghĩa là tưởng tượng bao giờ cũng có đối tượng, nhưng bị xuyên tạc. Một tiếng còi được coi như là dấu hiệu cuộc chữa cháy nhà. Trẻ con chơi, nó kêu có thè cho ta cảm tưởng một người bị tra tấn. Vậy nếu thè, thời có thè hiều ảo tưởng và sai tưởng chì khác nhau nơi đối tượng được tưởng tượng sai nhiều hay sai ít đối với sự thực. Nếu sai nhiều là ảo tưởng. Nếu sai ít là sai tưởng. Nguyên nhân của tật bệnh này rất phức tạp ; có thè do một tật sinh lý (Bác sĩ Regis), có thè do tật tâm lý hay là do cả hai (Bác sĩ Claude).

## II. – Hoang chứng

**Danh từ và ý nghĩa.** Hoang chứng có nghĩa là lời nói trong mộng, nói láo nói bậy (Đào duy Anh). Trong tâm bệnh lý học, hoang chứng là chứng thích xuyên

tạc sự thực hay tạo những chuyện không đâu. Nếu chỉ xuyên tạc hay là tạo ra để vui, để răn đời mà thôi thì gọi là biến ngôn (*fabulation*). Nếu chú ý xuyên tạc và cho là thực, lúc đó mới thực là hoang chung. Trẻ con hay có chứng này, ta thường dễ nhận ra điều đã nghe. Để tạo chuyện như thật, nhất là khi phải nói dối để chữa mình. Nhưng người lớn cũng có thể có.

**Hạng.** Có ba hạng thường được các học giả nói tới : hoang chung khoe khoang (*mythomanie vaniteuse*), rất thường có : tạo ra để khoe khoang, tạo ra để người thương. Hoang chung độc ác (*mythomanie maligne*) hay đùa vạ cáo gian. Hoang chung bất chính (*mythomanie perverse*), bị áp lực của những nguyên động lực không trong sạch gì.

Ảo tưởng và hoang chung, nói thực ra là trạng thái tưởng-tượng bên dưới hạ đẳng, gọi là tật bệnh có phần đúng. Tuy nhiên chúng là thứ bệnh tâm lý khá thông thường và có lẽ, về phương diện này ai cũng có bệnh tâm lý không nhiều thời ít. Chúng có thể giảm bớt đi do nền giáo dục chân thực, lấy sự thực làm chuẩn đich và không xuyên tạc.

---

## CHƯƠNG 16

### NHỮNG CHUỖI HÌNH ẢNH VÀ LIÊN-TƯỜNG

- o Định-nghĩa.
- o Phân-loại.
- o Định-luật của liên-tường.
- o Giá-trị của liên-tường.



Đời sống tâm-linh (như ta đã biết) là một dòng nước chảy không ngừng. Sự kiện này đã được nổi bật trong lúc bàn về tác động tưởng tượng, nhất là tưởng tượng sáng tạo. Với tác động tưởng tượng, tâm hồn ta cứ như bộ máy tiêu hóa, đồng hóa tất cả những gì mà trí khôn thâu nhận và tinh luyện được. Nhưng với động tác liên tưởng, đời sống tâm-linh càng thêm linh động hơn. Các hiện tượng tâm-lý giằng co nhau, liên-kết với nhau, khiến nhiều lúc đầu ta không muốn, sự kiện nọ lôi kéo sự kiện kia. Đó, nói chung, là tác-động liên-tường.

#### A.— ĐỊNH-NGHĨA LIÊN-TƯỜNG.

Ta tìm định nghĩa trực-tiếp. Rồi so-sánh hiện-tượng tâm-lý đó với những tác-động tương-tự.

##### I — Nhận - xét về danh-từ.

Danh từ liên tưởng dịch Pháp-văn *association des idées*. Danh từ này do trường Ecossais lập ra trong lúc chữ *idées* tức là ý tưởng đối với họ, chưa có nghĩa chuyên môn như bây giờ.

Theo họ, liên tưởng là một tài năng hay là chức phận của trí khôn con người, nhờ đó, có thể liên kết các ý tưởng lại với nhau. Ngày nay, danh từ ý tưởng đã có một nghĩa đặc biệt là biều thị thuộc tinh thần (*représentation intellectuelle*) của một vật. Vậy thì liên tưởng không còn phải là đặc tính duy chỉ thuộc ý tưởng. Nó là đặc điểm của bất cứ biều thị nào và của tất cả các sự kiện đời sống tâm linh. Tất cả đều có thể liên kết lại với nhau. Vậy có thể có : liên tưởng, liên tượng, hay liên ảnh (*associations des images*), liên cảm (*association des affections*, nếu có những ảnh tượng tình cảm). Do đó, mỗi lần ta nói đến liên tưởng là phải hiểu theo một nội dung tổng quát hơn.

**II.— Định nghĩa và  
các nghĩa.** Có người định nghĩa liên tưởng như là một đặc điểm thuộc đối tượng ở ngoài ý thức, có thể khêu gợi ra những đối tượng khác mà giữa chúng có những mối tương quan nào đấy. Theo câu định nghĩa trên đây, phải gọi là liên tưởng dựa vào đối tượng. Theo E. Baudin, liên tưởng lại là một tác động nhờ đó một trạng thái tâm lý này khêu gợi ra trạng thái tâm lý khác, hoặc để liên kết với nhau thành một khối, hoặc trạng thái nọ theo trạng thái kia. Định nghĩa thiên về sự kiện tâm linh, về phía chủ thể. Kiểu nói này là kiêu nói thông thường. Phải dung hòa cả hai định nghĩa trên đây, vì các đối tượng (xét theo hình thức vật lý của chúng ở ngoài) cho rằng có giống nhau đi nữa, mối tương quan cũng là do ý thức linh hôi được. Đáng khác đã là sự kiện tâm linh, phần nhiều là sự kiện tâm linh hữu hướng, nghĩa là chỉ một cái gì ở ngoài. Nói khác đi, thường có một đối tượng tương ứng với sự kiện tâm linh ta có trong ý thức. Dẫu sao, định nghĩa thứ hai thông dụng hơn.

### III.— Liên - tưởng với I) Liên tưởng và ký ức.

**tác động tương tự.** Giữa liên tưởng ký ức có nhiều mối tương quan chặt chẽ, nhiều khi ta tự hỏi : có lẽ liên tưởng là ký ức và ngược lại. Ký ức hoài niệm (*mémoire-souvenir*) và ký ức tập quán (*mémoire-habitude*) có liên can mật thiết, ở chỗ cả hai đều thành hình do những liên tưởng. Những bài học thuộc lòng là gì nếu không phải là một chuỗi những liên tưởng khêu gợi nhau ? Quên là gì, nếu không là đứt giây

Liên-tường ? Nhớ kỹ, tức là biết liên-tường các sự kiện tâm linh lại với nhau.

Dầu sao ký ức và liên-tường vẫn có thể phân biệt với nhau được, nhất là trong trường hợp liên-tường do sự giống nhau mà có. Nhìn Giáp tôi nghĩ tới anh Ất, nhiều khi không tại cả hai đều đã làm thành phần của một tri giác đặc nhất, dầu cả hai giống nhau. Trong trường hợp này một mình ký ức không đủ cát nghĩa cuộc khêu gợi đó. Hơn nữa, ký ức có liên quan tới quá khứ, còn liên-tường thực hiện trong hiện tại. Nghĩ đến trường học cũ là tôi liên-tường tới bạn học, nhưng có thể là bạn học hiện giờ, chứ không phải là bạn học cũ xưa kia đã cùng tôi lê trên ghế nhà trường ở lớp dự bị.

### 2) Liên-tường và tập quán.

Chúng giống nhau ở chỗ cả hai có thể thực hiện một cách máy móc, hơn kém. Nhưng chúng khác nhau ở chỗ liên-tường có tính cách lý thuyết hơn (trong phạm vi tư-tưởng) còn tập quán có tính cách thực tiễn hơn (trong phạm vi hoạt động). Do đó, một đảng có tính cách ý thức hơn, một đảng có tính cách máy móc hơn.

### 3) Liên-tường, phán đoán và suy luận.

Phán đoán là liên-lạc giữa nhiều ý-tưởng và suy luận là liên-lạc giữa nhiều phán đoán. Nhiều khi liên-tường là tác động chuẩn bị phán đoán và suy luận. Nhưng nói thực ra trong chính phán đoán và suy luận đã có liên-tường rồi.

Những tác động này chen lẫn vào nhau, khiến nhiều khi khó phân biệt chỗ nào là liên-tường và chỗ nào là phán đoán. Người ta có thể tìm ra một vài dị biệt, ở chỗ liên-tường cho rằng thường có tính cách ý thức nhưng vẫn còn kém phán đoán, là một tác động hoàn toàn ý thức. Dầu sao liên-tường có thể như là những phán đoán còn đang thời kỳ đeo phác. Liên-tường có tính cách ý thức hơn tập quán, nhưng còn kém phán đoán và suy luận. Tuy thế liên-tường, đang đi trên con đường tiến đến tư-tưởng bằng phán đoán và suy luận rồi.

## B.— PHẦN LOẠI LIÊN-TƯỞNG.

Có hai thứ liên-tường : liên-tường ghi nhận (*association fixative*)

cũng gọi là **liên-tưởng đồng thời** (*association simultanée*), và **liên-tưởng khêu gợi** (*association evocative*), cũng còn có tên là **liên-tưởng kế tiếp** (*association successive*).

### I.— **Liên-tưởng đồng thời**

**Liên-tưởng này** có công tác hợp nhiều trạng thái tâm-linh, tích hiệp (*intégrer*) chúng làm thành một khối, trong khối đó mỗi một trạng thái là một thành phần. Chúng được ghi nhận cùng một lúc, và giữa chúng có mối giây liên lạc mật thiết đến nỗi một sự kiện xuất hiện là sự kiện khác cũng xuất hiện ngay cùng một lúc. Thí dụ : nghe một tiếng, đồng thời tôi hiểu nghĩa ngay, tiếng và nghĩa tích hiệp nhau thành một khối. Tập đọc, nghĩa là tập liên kết những ảnh tượng thính giác với những ảnh tượng thị giác hay là liên kết cả hai loại ảnh tượng với ý tưởng mà ảnh tượng đó chỉ. Việc liên kết này thật bất khả ly dị, vì hễ đọc lên, là tất cả ảnh tượng ý tưởng xuất hiện tức khắc. Phải cố gắng trừu tượng, mới phân tích từng yếu tố một được. Mỗi một tri giác là một liên-tưởng đồng thời và tự động đó.

### II.— **Liên-tưởng khêu gợi**

**Liên-tưởng khêu gợi**, là một động tác do đó một sự kiện tâm linh khêu gợi ra một sự kiện tâm linh khác. Giữa hai sự kiện có quãng thời gian, sự kiện nọ khác sự kiện kia và đến sau sự kiện kia. Sự kiện thứ hai lại khêu gợi ra sự kiện thứ ba, và cứ thế mãi làm thành một chuỗi sự kiện. Hầu như sự kiện tâm linh nào cũng có một hệ số liên-tưởng, nghĩa là có khả năng khêu gợi một hiện tượng khác, hệ số đó thay đổi tùy lúc tùy người. Nhiều sự kiện làm ta liên-tưởng tới sự kiện khác dễ hơn. Các nhà thi sĩ thường thích dùng những tiếng chèo đựng nhiều khả năng khêu gợi. Nhưng nếu hệ số có khác nhau, việc liên-tưởng vẫn do những định luật tâm lý khá đích xác chỉ phai, như nói sau đây.

### C.— **ĐỊNH-LUẬT CỦA LIÊN-TƯỞNG.**

Liên-tưởng do đâu mà có ? Hỏi cách khác : nó phải lệ thuộc những định luật nào ?

### I.— **Định-luật về phía đối tượng.**

Động tác liên-tưởng được gây nên do nhiều yếu tố khác nhau, có thể tóm tắt vào ba yếu tố sau, được các người chủ trương liên

tường thuyết nhấn mạnh rất nhiều. Sê trình bày mấy định luật sau đây:

i) *Định luật cõ dién có vè máy móc.*

**Định luật tiếp giáp** (*contiguité*). Nhiều đối tượng tự liên kết vào nhau, khi ta thấy chúng tiếp giáp với nhau, hoặc trong không gian, hoặc trong thời gian, (trẻ con thời khóc khi nó thấy một động tác nào chuẩn bị động tác cuối cùng sẽ làm thỏa mãn nó). Baldwin kể chuyện đứa trẻ 14 tháng thời khóc lúc nó thấy người ta đánh diêm là việc mà nó thấy mỗi khi nó sắp có sưa nóng đè uống.

**Định luật tương-tự** (*ressemblance*). Liên kết với nhau vì giống nhau. Giống nhau trong phạm vi biếu thị (những kiểu nói bỗng), giống nhau trong phạm vi tình cảm.

**Định-luật tương-phản** (*contraste*). Hai hiện tượng tương phản nhau, thường liên kết với nhau. Thấy nghèo nghè tới giàu, thấy nóng nghè tới lạnh...

Có thể đặt câu hỏi: ba định luật trên có thể quy vào một được không? Phần động đã muốn quy hai luật tương tự và tương phản vào một luật: luật tiếp giáp. Phân tích kỹ, nhận xét này có phần đúng. Vì vật giống nhau, hay là tương phản nhau, thường chỉ có thể liên kết với nhau, khi nào chúng tiếp cận nhau.

**II. – Định - luật về** Các nhà tâm-lý-học cận đại thiên về thuyết **phi chủ-thể**. duy linh cho rằng định luật cõ dién có vè vật chất và định lượng quá. Sự kiện tâm-linh đâu có tiếp cận vào nhau, chúng làm thành một hiện trạng tâm lý độc nhất. Vì lẽ đó họ thích cắt nghĩa như thế này.

i) *Khả-năng tìm mồi tương-quan.*

Những đối tượng tâm lý tuy làm thành một khối duy nhất nhưng gồm nhiều dây liên lạc. Mỗi khi tôi nghĩ đến một thành phần, là tự nhiên tôi nghĩ đến thành phần khác. Đối tượng phức tạp nói trên, được tôi tri giác, cùng với những giây liên lạc. Liên tưởng là một tác động do một nhu cầu bẩm sinh của trí khôn con người: nhu cầu tìm hiểu, và tìm hiểu, tức là tìm mồi giây liên lạc. Thoát lúc bắt đầu, mới chỉ có liên tưởng. Nhưng sau, nó thành phán đoán và suy luận, là những cách tìm ra liên lạc giữa các vật với nhau.

Theo thiên ý chúng tôi, kiều cắt nghĩa này mới thực là kiều đầy đủ và hợp tâm lý.

### 2) Luật hoàn nguyên:

Hoàn nguyên nghĩa là trở lại nguyên như cũ, như trước. Đó là một hiện tượng chung cho bất cứ một vật sống nào. Ta bóc vỏ một cây nào, dần dần những tế bào cổ tìm cách vòi lại như trước. Một vết thương nhẹ sảy ra, các tế bào sẽ tìm cách gắn bó với nhau để làm thành lớp da non.

Đời sống tâm lý cũng giống như thế. Hiện tượng tâm linh là một toàn thể, có nhiều thành phần phức tạp. Một thành phần được khêu gợi, là các thành phần khác khó ở yên : dứt giây động rùng. Hiện tượng đó, nhiều khi tự phát. Được khêu gợi dễ dàng hơn kèm còn tùy ở kinh nghiệm quá khứ và tùy những hình ảnh rõ rệt hay lú mờ. Nhưng trong nhiều trường hợp có ý thức can thiệp vào, hoặc chỉ khêu gợi các hiện tượng có thể liên kết với nhau : hoặc khêu gợi những hiện tượng nào có lợi cho ta. Do đó có định luật thứ hai.

### 3) Luật lợi ích, và luật mục đích.

Một ý tưởng hay một ảnh tượng phù hợp với lợi ích hiện tại, được khêu gợi trước. Lợi ích đó cắt nghĩa tại sao, cùng một khởi điểm khêu gợi, mà đích điểm lại khác nhau, như vừa đặt vấn đề ở trên.

Lợi ích có thể thuộc phạm vi tình cảm tùy lúc đó người ta thích cái gì, thèm và hoài bão cái gì. Có người nghĩ tới Sài-Gòn khổ lòng mà không liên tưởng đến khách sạn hay tiệm ăn « Đồng-Khánh ». Có thể thuộc phạm vi tình thần hay trí thức : tiếng nọ khêu gợi tiếng kia vì chúng cùng loại như nhau hay cùng chung giọng như nhau ; nói ra thì nghĩ tới rơm, nói cỏm thì nghĩ tới cháo, nói cáo thì nghĩ tới gà... Cách khêu gợi này rất cần cho những người làm thơ để dễ tìm vận, cho người trước tác dễ tìm ý tưởng và dễ xếp đặt tư tưởng giống nhau vào một chỗ.

## B—VAI TRÒ CỦA LIÊN TƯỞNG

Nói đến vai trò của liên tưởng trong đời sống tâm linh, có nhiều người quá quan trọng hóa. Tâm lý học hiện đại đặt lại thế quan binh.

**I. – Liên tưởng thuyết.** Trường Ecosse cho liên tưởng đóng vai trò thái quá. Họ bảo có thể cắt nghĩa tất cả các sự kiện tâm linh (tất cả đời sống tâm lý) bằng liên tưởng. Họ cho rằng đời sống tâm lý cũng có cuộc hấp dẫn thiên hình vạn trạng như trong giới tự nhiên ở ngoài. Phán đoán là một liên tưởng củng cố hơn. Những nguyên lý tối thiểu của lý trí, là những liên tưởng bắt khả lý dí. Tình cảm vị tha là liên tưởng liên kết ích của người khác với ích riêng của mình.

*1) Đặc tính của liên tưởng thuyết.*

Trước hết, liên tưởng thuyết chủ trương liên tưởng là một hiện tượng hoàn toàn mảy móc. Hơn nữa, như vừa nói thuyết này có tham vọng cắt nghĩa đời sống tư tưởng bằng liên tưởng mà không đểm xia gì tới trí tuệ: *phù nhận vai trò chủ động của tinh thần*. Và chủ trương luật liên tưởng tâm lý giống luật trọng lực vật lý. Sau hết liên tưởng thuyết chủ trương *nguyên tử* *thuyết tâm linh*, nghĩa là đời sống tâm lý do nhiều nguyên tử như những đơn vị hợp lại, tiếp cận nhau khiền ý thức thiếu tinh cách đồng.

*2) Phê bình.*

Vào cuối thế kỷ 19, W. James và Bergson đã kịch liệt phê bình liên tưởng thuyết. Thuyết này đi ngược lại kinh nghiệm tâm lý. Ngược lại duy nhất tinh của tinh thần, một khôi bát khả tách, một dòng ý thức liên tục. Ngược lại tinh cách uyên chuyên và sáng tạo của tinh thần. Tinh thần luôn luôn sáng tạo. Sau hết, ngược lại mục đích tinh đời sống tâm lý: sự kiện tâm linh luôn luôn hữu hướng, tư chuyên minh về một hướng bằng một tổ chức trong liên tưởng. Phải có những tòng hợp do trí khôn sáng tạo trước đã, rồi sau mới có liên tưởng, nghĩa là phục hồi lại những tòng hợp sẵn có.

**II. – Tầm quan trọng** Trong nhiều trạng thái sinh hoạt tri thức của liên tưởng. có phần tham dự của liên tưởng như ta đã có dịp nói tới, lúc so sánh liên tưởng với ít nhiều động tác tương tự. Vai trò liên tưởng nổi bật nhất là trong việc ghi nhận hoài niệm, định chỗ hoài niệm, trong việc phán đoán.

Cả trong đời sống *tình cảm*, liên tưởng có vai trò của nó. Nhiều khi ta thích một vật gì không phải vì nó, mà vì những người định

dâng tới nó. Thích một kỷ niệm do người cha đề lại, chính là yêu mến người cha mà vật kỷ niệm kia khêu gợi lại hơn là thích chính vật đó.

Đời sống hoạt động bị ảnh hưởng của liên tưởng, nhất là nơi những tập quán và những tự động tính (automatisme). Tập nghề là tập liên kết nhiều cử động lại với nhau. Trong đời sống thực tế ở ngoài, người ta lợi dụng rất nhiều định luật liên tưởng: thuật quảng cáo thương mại và thuật tuyên truyền nơi những chính thè độc tài Quốc xã và Cộng sản chẳng hạn.



### **ĐỀ THI.**

1. Các học sinh thường tự hào cãi là không có trí nhớ, lời đó có giá trị gì không? Ký-ức có giúp cho trí khôn không? (khóa II, 1951)
2. Hoài-niệm được lưu trữ và khêu gợi ra thế nào? (khóa I, 1951).
3. Bergson viết: «trực giác là một ký ức tự quên mình». Giải thích và phê bình lời ấy.
4. Hoài niệm phải chăng chỉ là quá khứ trở lại với ký ức?
5. Cắt nghĩa câu: người ta chỉ nhớ về mình (on ne se souvient que de soi-même). (Khóa I, 1960)
6. Khi chúng ta nhớ lại một hoài niệm, thì hoài niệm ấy là quá khứ tự nó sống lại hay là do trí tuệ xây dựng lại?
7. Người ta thường nói: nhớ lại là biết quên đi. Thủ minh giải câu đó.
8. Quá khứ sống lại trong hiện tại dưới những hình thức nào?
9. Liên-quan giữa ký ức và trí tuệ.
10. Liên-quan giữa ký ức và tập-quán.
11. Quên là gì, tại sao ta quên?
12. Liên-quan giữa ký-ức và tưởng-tượng.

13. Mơ-mộng và tư-tưởng khác nhau thế nào ?
14. Sáng-tạo là do một sự cảm hứng tự động hay là do một cố-gắng của chú-ý ? (khóa 2, 1953)
15. Nhớ-lại và tưởng tượng giống nhau và khác nhau thế nào ?
16. So-sánh trực-giác và tưởng tượng.
17. Plutarque nói : « tri-tưởng-tượng có hai phần, ở phần trên nó liền với những cơ-năng trí-tuệ thấp kém nhất, còn ở phần dưới, nó lại đi với những cơ-năng cảm-giác cao nhất ». Hãy minh giải lời ấy.
18. Tri-tưởng-tượng có thể nói được là sáng-tạo đến mức nào ?
19. Tri-tưởng-tượng sáng-tạo trong khoa-học và mỹ-thuật.
20. Thiên-tài là gì ? Bởi đâu mà ra ?
21. Nhiều tri-tưởng-tượng có lợi hay có hại ?
22. Chúng ta có thể đồng ý với một số tác-giả mà bảo rằng : « tri-tưởng-tượng là một giáo-viễn dạy sự lầm-lạc » không ?
23. Liên-tưởng và công-dụng của nó trong sinh-hoạt tâm-lý.
24. Liên-tưởng có phải là một hiện-tượng hoàn-toàn thụ động không ?
25. Tình-cảm ảnh-hưởng tới liên-tưởng thế nào ?
26. Tư-tưởng chúng ta liên-kết với nhau theo những định-luật nào ?
27. Ký-ức và liên-tưởng.
28. Liên-tưởng và phán-đoán. (Khóa I, 1954).
29. Có thể quy-tất cả định-luật liên-tưởng về một luật duy-nhất không ?
30. Liên-tưởng có thể cắt-nghĩa được tất cả sinh-hoạt tâm-lý không ? (Khóa II, 1959).
31. Liên-tưởng ảnh-hưởng tới tình-cảm thế nào ?
32. Vai-trò của lợi-thú trong tác-dụng liên-tưởng.
33. Liên-tưởng và tưởng-tượng.

## CÂU HỎI GIÁO KHOA

1. Hình ảnh là gì ?
2. Hình ảnh có phải là cặn bã của cảm giác không ?
3. Hình ảnh và cảm giác giống nhau ở chỗ nào ?
4. Hình ảnh và cảm giác khác nhau chỗ nào ?
5. Tâm lý học hiện đại hiểu hình ảnh là gì ?
6. Hình ảnh có giá trị gì ?
7. Vì lý do gì nên dùng danh từ *tưởng tượng phục hồi* hơn là danh từ *ký ức* ?
8. Có mấy tác động ký ức ?
9. Có mấy cách khêu gợi hoài niệm ?
10. Sáng tạo là gì ?
11. Muốn sáng tạo cần phải làm gì ?
12. Ngủ và thức khác nhau ở chỗ nào ?
13. Mơ màng lợi ở chỗ nào và hại ở chỗ nào ?
14. Ưu điểm của tưởng tượng sáng tạo ?
15. Nhược điểm của tưởng tượng sáng tạo ?
16. Liên tưởng là gì ?
17. Kè ra mấy định luật của liên tưởng ?
18. Liên-tưởng và phán đoán giống nhau chỗ nào ?
19. Liên tưởng và phán đoán khác nhau chỗ nào ?
20. Liên tưởng giúp phán đoán làm sao ?
21. Những khuyết điểm của liên tưởng thuyết.

1